

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Linda Lê

#### Tiểu sử

Sinh năm 1963 ở Đà Lạt. Hiện đang ở Pháp.

#### Tác phẩm

Có hai tác phẩm đã in ở Việt Nam: Vu khống và Lại chơi với Lửa  
In Memoriam vào chung khảo giải Prix Femina và Prix Médicis năm 2007.



### Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2
Khúc điệu ca: Thư chết – 3
Giọng châm biếm của Linda Lê - Lise Hélène Smith – 8
Nói với tôi đi – 11
Người đọc của Linda Lê - Nhã Thuyên – 15
Sen hồng đang bộ - 18
Nam Dao giới thiệu: Lọ mực, Người khách - 22

**Phụ đính:**

**Điểm sách**

**Vu khống  
(Calomnies)**

*(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vài hàng về tác giả



### I

3 tháng Chín, 1963: Linda Lê sinh tại Đà Lạt (Việt Nam). Cha là kỹ sư. Ông chỉ nói tiếng Việt, ngược hẳn với bà mẹ của Linda Lê.

1968: Cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân của Cộng Sản tại Miền Nam Việt Nam. Trên đường di tản, lần đầu tiên trong đời, Linda Lê nhìn thấy những xác chết ở bên đường.

1969. Gia đình định cư tại Sài Gòn.

1975: Quân đội Bắc Việt tiến vào Sài Gòn

1977. Linda Lê, mẹ, và ba chị em của bà, rời Việt Nam định cư tại Havre. Ông bố không có ý định rời bỏ đất nước, đã ở lại.

1981: Học lớp dự bị (préparatoire) tại trung học Henri-IV.

Thập niên 80: Xuất bản hai cuốn đầu tay, "những tiểu luận về tiếng nói" (des "essais de voix"), mà sau đó bà chối bỏ (renier), một thứ "văn phong cứng nhắc như bị nịt, quá mang tính ứng dụng", chúng không còn có trong thư mục những cuốn sách của bà.

1992: Cuốn sách mặc khải của bà, tiểu thuyết "Những phúc âm của tội ác", do nhà Juliard ấn hành.

1995. Ông bố, mà từ lâu, cả hai vẫn thường xuyên liên lạc qua thư từ, tính làm một chuyến du lịch Pháp. Nhưng chết trước đó ít lâu. Linda trở về Việt Nam lo việc an táng.

1995-1997: Linda Lê viết "Les Trois Parques" (Ba vị nữ thần số mệnh), một thứ "huis clos" (hộp kín), gồm mấy chị em, (hai chị em ruột, một chị em họ), trong khi chờ đợi ông bố. Ông này chết, ở cuối cuốn tiểu thuyết. Liên sau đó, bà trải qua một cơn khủng hoảng tưởng biến bà trở thành điên và câm. "Tôi có cảm tưởng sống trong những cơn ác mộng, trong đó, con người kêu la mà chẳng có âm thanh nào thoát ra khỏi cổ họng. Tôi có cảm giác như bị ai bóp họng, nghẹt thở.

Lần đầu tiên, tôi có cảm tưởng rằng những con chữ cũng chẳng có thể giúp đỡ gì cho tôi."

1998: Viết trở lại. Xuất bản "Tiếng Nói", nhà xb Christian Bourgois (từ năm 1993).

[ L'Express số đề ngày 17 tháng Năm 2002]

\*\*\*

### II

Linda Lê là một trong các nhà văn nữ hàng đầu tại nước Pháp ngày nay. Sinh năm 1963 tại Đà Lạt, Linda Lê sang Pháp năm 1977, theo mẹ có quốc tịch Pháp, trong khi cha ở lại Việt Nam; sự chia lìa này là một đau khổ khôn nguôi cho cô.

Linda Lê thành danh năm 1992 với tập truyện Les Evangiles du Crime (Phúc âm Tội ác).

Từ đây, các tác phẩm của cô luôn luôn được đón nhận nồng nhiệt : Calomnies (Vu khống, 1993), Les Dits d'un Idiot (Lời Tên Khùng, 1995), và nhất là bộ ba Les Trois Parques (Ba Nữ thần Số mệnh, 1997), Voix (Tiếng nói, 1998), và Lettre morte (Thư chết, 1999).

Cũng năm 1999, Linda Lê thu thập các bài báo, các bài đề tựa đã viết, thành tập Tu écriras sur le bonheur (Người sẽ viết về hạnh phúc), gồm các bình luận về 38 nhà văn, từ Kôbô Abê đến Franz Werfel, qua Ingeborg Bachmann, Henry James, Marina Tsvétaéva... Các tác phẩm khác của cô mang tựa đề Les Aubes (Những buổi Rạng đông), truyện dài, năm 2000; Marina Tsvétaéva, phê bình văn học, Autres Jeux avec le feu (Lại chơi với lửa), tập truyện ngắn, năm 2002; Personne (Người), truyện dài, năm 2003; Kriss (kịch), năm 2004; Conte de l'amour bifrons (Truyện cuộc tình hai mặt), truyện dài, và Le Complexe de Caliban (Mặc cảm Caliban), gồm nhiều tiểu luận, năm 2005.

Calomnies đã được dịch sang tiếng Anh, tiếng Hoà Lan và tiếng Bồ Đào Nha.

Cho bí mật của phòng 406.

\*\*\*

## Khúc điệu ca: Thư chết

C.A. (Catherine Argand) : Morgue, người tình trong truyện của cô là một thứ rác bần. Cô yêu thích những gặp gỡ xấu xa ấy sao ?

L.L. (Linda Lê) : Tôi bị lôi cuốn bởi những thực thể bi thảm, như ham muốn trẻ con được gặp chó sói, được sợ. Khi còn bé, tôi thích đọc " Cô bé bán diêm" hơn là "Cô bé quàng khăn đỏ". Trong "Thư Chết", mối quan hệ giữa Morgue và người kể chuyện tựa như giữa người tra tấn và kẻ bị nhục hình. Nó gần với điều mà nhà văn nữ người Áo, Ingeborg Bachmann, gọi là vi-rút của trọng tội, và là điều người ta bắt gặp trong mọi cặp tình nhân.

C.A. : I. Bachmann là đàn chị của cô?

L.L. : Bà ta ám ảnh tôi. Vả lại, để viết truyện này, tôi đã tìm hứng từ "Malina". Tôi thích tính yêu sách trong suốt tác phẩm của bà, cách bà ta nói rằng "Ta có thể đòi hỏi được sự thật ở một người. Những con mắt phải mở sáng". Bà đã diễn tả nỗi đau là người dân của một xứ sở mình căm ghét. Bà đã biết nói về tình yêu của mình với những người đàn ông, lật tẩy họ toàn diện với vẻ mỉa mai hầu như tình tứ. Đây cũng là một ý thức: bà rất thông minh không viết ra những bài bó buộc nhưng đã có nghệ thuật để nói về những điều khủng khiếp của thế kỷ.

C.A. : Truyện này của cô (Thư Chết) xem như là cuốn cuối của một thiên truyện ba cuốn. Chấm dứt một vòng?

L.L. : Vâng, và tôi mở một vòng khác. Đây là một cuốn truyện móc nối, nó khép lại những điều mà tôi xem như một bộ ba dành riêng cho cái chết của người cha, và về bệnh điên nảy sinh từ cái chết đó cho người kể. Truyện "Les Trois Parques (\*\*)" tham sát từ xa đề tài này, dựa vào nhiều dẫn giải văn hóa và văn chương. Ngược lại "Voix, Tiếng nói" là một vật liệu thô, phân đoạn vỡ vụn, tức thời. Còn truyện này là một độc thoại.

C.A. : Cô muốn đi đến điều gì ?

L.L. : Với ba cái nhìn này tôi đã làm một thử nghiệm mà ban đầu ngỡ rằng bất khả : đạt được một tầm vóc gần như phổ biến; không nằm trong vòng một tự truyện; biến cái chết của người cha thành một cái chết biểu tượng. Vì thế, "Les Trois Parques" thuộc về thần thoại, "Voix" là của giấc mơ, và "Lettre Morte" là lạm dụng ảo tưởng, để cho cái tang không còn là một cái tang riêng tư.

C.A. : Cô bảo rằng tác phẩm này mở ra một vòng mới, vậy vòng ấy chứa đựng những gì ?

L.L. : Tất cả những truyện trước của tôi đều là những tác phẩm của nguyên rủa, của tức giận. Trong mỗi cuốn, tôi kêu ca, tôi dựng lên một bản buộc tội thế gian. Với "Voix" và cơn khủng hoảng mà tôi đã trải qua, sự nóng giận đã tắt ngấm, nhường chỗ cho sự bình thản, nó đã cho phép tôi đi tìm một văn phong khác. Có thể tôi sẽ viết những tác phẩm sáng láng hơn tuy vẫn nghiêng xuống những hố thẳm mà tôi luôn luôn thám hiểm nhưng, có thể, với nhiều sắc thái hơn, dịu dàng hơn trong nỗi buồn.

C.A. : Nỗi tuyệt vọng có mùi vị gì ?

L.L. : Nếu trong thời gian trước đây thì tôi đã trả lời : nó có vị máu. Bây giờ, tôi bảo rằng đó là mùi của sự tàn nhẫn, theo nghĩa mà Artaud đã dùng để nói đến kịch trường của sự độc ác. Trong nghĩa của một vẻ đẹp rúng động chứ không phải của tính bạo tàn.

C.A. : Sẽ là giờ của hòa giải sau giờ nguyên rủa ?

L.L. : Gần đúng với chữ then chốt của điều tôi đang viết. Ít nhất ở thời điểm này, tôi có cảm giác tự hòa giải với chính mình.

C.A. : Trong "Voix" và "Lettre Morte" cô đã nêu ra cơn khủng hoảng đẩy cô đến gần bờ điên loạn và ý muốn tự vẫn. Sự khủng hoảng đó xảy ra như thế nào ?

L.L. : Khi bố tôi mất ở Việt Nam năm 95, tôi đã thai nghén một nỗi đau vô bờ trong hai năm. Và bào thai chỉ ra đời cùng với sự kết thúc "Les Trois Parques". Những ảo giác, tư tưởng tự vẫn, những tính nét cuồng si kiêu hãnh đã hành tôi đau đớn. Khi mà bố tôi còn sống, tất cả tác phẩm của tôi đều dành cho ông. Ông là độc giả lý tưởng, người đọc tưởng tượng của tôi. Lúc ông đã qua đời, tôi cũng mất đi người đọc của mình, cả bầu trời trở thành hoang vu, thế gian không còn Thượng Đế. Tất cả không có tiếng nói, chẳng còn tiếng vọng cho những gì tôi có thể viết ra. Tôi đã viết "Les Trois Parques" trong tâm trạng cô đơn tuyệt đối và tự nguyện. Vì thế, trong truyện này đã có một sự phóng túng ngôn từ, bởi vì tôi tự giam cầm mình. Những ăn mày, say rượu là loại người duy nhất hiện hữu với tôi, tôi đánh giá thanh cao những lời loạn ngôn của họ. Những thứ còn lại đều đáng nghi ngờ, giả tạo. Nhiều tuần lễ nguyên tôi đã ngậm tằm, không nói một lời.

C.A. : Điều gì xảy ra khi nỗi đau bùng vỡ ?

L.L. : Tôi đã cảm nhận một sự khủng hoảng hầu như huyền bí, một cơn dữ dội làm tôi không còn tin vào quyền lực của văn chương, vào khả năng cứu rỗi những kẻ đến gần nó. Tôi tưởng mình sống những cơn ác mộng, trong đó ta gào kêu mà không tiếng nói nào bật ra nổi, như bị bóp cổ, chết ngạt. Lần đầu tiên tôi thấy rằng chữ nghĩa chẳng cứu vớt mình được nữa.

C.A. : Thế thì từ đâu văn chương đã cứu thoát cô cho tới lúc đó?

L.L.: Từ cảm giác tôi vẫn có, là cái chết rất gần kề, cảm giác về sự chết trước cái chết, cảm giác của thói nát, tan rã. Thế nhưng, khi tôi ở trong tình trạng khủng hoảng này, tôi đã sống đối diện với hình ảnh một xác ướp khô đét. Tôi có cảm tưởng nếu mình cứ khăng khăng bài xích, chắc chắn mình sẽ trở thành một xác người còn sống trong những gì tôi viết.

C.A.: Chữ nghĩa đã trở lại với cô như thế nào?

L.L.: Bằng những sự việc, sau một thời gian nằm bệnh viện mà tôi trở thành khán giả trước cơn điên của những người khác. Một cơn điên nói lên được bao điều, bởi vì những người đàn bà ở đó, với tôi, đã phát biểu rất nhiều. Thật lạ lùng, lời và tiếng nói đã trở về khi tôi nghe những câu nói loạn đảo của kẻ khác. Chính sự mất trí đó đã giúp tôi tìm lại trí óc của mình, tìm được một ngôn ngữ tiếp nối cho lúc mà tôi đã không còn nghe ra được nữa những ánh vang của tiếng nói. Cơn khủng hoảng tôi trải qua đã phá vỡ những rào chắn mà tôi tự dựng lên cho đến bây giờ. Tôi khám phá ra một khái niệm rất quan trọng, đó là bi ca, ta thán. Tôi bắt đầu thăm dò phần đất của sự hoài nhớ như một luyến tiếc quá khứ. Cảm nhận quá khứ trong những gì thiêng liêng nhất, chứ không phải là thứ màu mè hay đa cảm.

C.A.: Như thế, đó là cơn khủng hoảng bổ ích?

L.L.: Rất bổ ích. Mãi về sau, chú ý tới tất cả những điểm khác biệt, tôi đã nghĩ đến cơn khủng hoảng của Tolstoï. Sau biến cố này ông đã từ bỏ Anna Karénine và quay về với những sáng tác khác, những tác phẩm của cuối đời ông, chúng hay hơn tất cả. Cơn dao động như thế thật sự là địa chấn. Nếu văn chương cho phép ta thoát khỏi điều đó thì nó còn hơn là sinh tử.

C.A.: Cô nghĩ gì về sự điên loạn?

L.L.: Những nhà văn điên hay sống trong nỗi lo sợ sẽ trở thành điên như Hölderlin, Nerval, Artaud, Byron... ám ảnh tôi. Ngay từ thuở vị thành niên tôi đã có cùng nỗi sợ hãi trở thành loạn trí ấy. Giống như họ, tôi nghĩ rằng, chỉ khi nào thấu hiểu vực thẳm người ta mới đụng tới được sự thật. Và chỉ nhờ vào sự thăm dò những bờ lẽ và những đêm tối người ta mới bắt gặp được huyền thoại. Điều quyến rũ tôi trong sự điên loạn là những tia chớp bất ngờ của sự sáng suốt, của kinh hãi hay phấn khích mà con người phải cảm thấy trong lúc ấy.

C.A.: Khuôn mặt người điên ám ảnh sâu đậm tất cả các truyện của cô...

L.L.: Đó là gia truyền. Một trong những tác phẩm đầu tiên in dấu trong tôi là chuyện một người đàn ông nghiện ma túy và sợ trở thành điên như bà mẹ ông ta đã bị nhốt giam. Khi khám phá cuốn truyện này, tôi tưởng chừng như đọc chính câu chuyện của đời tôi và đây là hình ảnh dự báo điều sẽ xảy ra.

C.A.: Cô đã có ý tự tử, đã đốt hết các bản thảo mà cô viết sau "Les Trois Parques", nhưng cô muốn giết ai như thế?

L.L.: Tôi nghĩ rằng người ta chẳng thể viết khi không tự căm ghét mình, không chủ tâm đặt câu hỏi về phần kia trong mình, theo nghĩa dùng thời Trung cổ, phần mà mình muốn nó trở thành, và cũng là thứ mà ta mang theo như một xác người. Chính cảm giác này đã sống sót trong nỗi sợ hãi là đã sinh ra đời, đã lạc đường, đã giết chết người anh em sinh đôi và chưa thanh toán được nợ nần với hắn.

C.A.: Ai là người sinh đôi mà cô đã giết hay cô còn thương tiếc?

L.L.: Tôi thấy mình còn mang nặng một xác người. Chắc chắn đó là nước Việt Nam mà tôi đeo mang trên mình như một đứa bé đã chết.

C.A.: Làm sao cô có thể xem xứ sở, đất nước, tiếng nói của cô như một xác chết?

L.L.: Tất cả đã được giải quyết. Và nhà văn Conrad, người đã bội phản tiếng nói, gia đình, quê hương là một kiểu mẫu cho tôi. Đối với ông ta, trở về nhà giống như về thanh minh giải thích. Tôi thấy mình như một người ngoại quốc viết tiếng Pháp. Tôi dùng chữ "ngoại quốc" với niềm kiêu hãnh. Tôi là kẻ xa lạ với cuộc đời, với thực tại, với đời sống và xứ sở mà tôi đang ở, và với quê hương.

C.A.: Cô khước từ mọi tình cảm lệ thuộc?

L.L.: Vâng.

C.A.: Ngay cả lệ thuộc vào một thời đại?

L.L.: Càng hơn nữa, tôi rất ít khi đọc những người đồng thời.

C.A.: Như vậy, phụ thuộc có nghĩa là chết?

L.L.: Vâng, đại khái như thế.

C.A.: Chỉ có văn chương là thứ tổ quốc mà cô nhìn nhận?

L.L.: Vâng, như một chỗ ở mà tôi chưa thăm thú hết những căn phòng của nó.

C.A.: Cô giữ mối liên hệ ra sao với tiếng Pháp, ngôn ngữ cô thừa nhận?

L.L. : Trước hết, tôi đã làm những thử nghiệm ngôn ngữ. Trong hai tác phẩm đầu - mà tôi đã gạt ra khỏi thư mục, cũng vì lý do ấy - tôi đã dùng một bút pháp rất cứng cỏi và ứng dụng. Đây là một cách để đứng ngang hàng với người bản xứ. Từ đạo ấy, vì ngôn ngữ đó không phải là của tôi, vì tôi không gắn bó vào một lẽ lối nào, cho nên tôi có thể đối xử với nó như một tín đồ tà giáo trước tượng thần, phục sinh, sáng tạo nó, là người nâng cao nó.

C.A. : Chống đối đã trở thành bản chất thứ nhì nơi cô ?

L.L. : Tôi luôn sẵn sàng ứng phó, tôi muốn mãi mãi được sống lưu vong. Hiện thời tôi mơ ước được đi nơi khác, để thêm một lần vong mệnh, không sống trong xứ sở mà tôi nói tiếng nói của nó nữa.

C.A. : Cô thích đi đâu ?

L.L. : Có thể là Bồ Đào Nha. Đó là giấc mơ tôi chia sẻ với một người bạn thân quý. Tôi nghĩ rằng người ta cần biết bôi xóa những điểm mốc, dè chừng những nền tảng gắn bó.

C.A. : Nếu không rời quê hương ở tuổi mười bốn, liệu cô viết văn không ?

L.L. : Có chứ, nhưng viết những sách khác. Viết tức là tự lưu đày. Khi viết ta không còn mái nhà, chỉ có bầu trời là nơi ẩn trú, và ta yêu cái tro bụi trước sự vật ấy. Một nhà văn chỉ có thể viết khi cảm thấy mình là một đứa trẻ được lượm nhặt về, một đứa con hoang. Đối với tôi,

không là con của một ai, của một tổ quốc nào là thái độ duy nhất khả thể. Tôi nghĩ rằng, ta chỉ có thể sống ở đời nếu ta có một ý hướng chống đối lại tất cả, đã ăn sâu vào con người mình. Kháng cự với tất cả những gì mà ta thấy rằng chúng không xuất phát từ cái đẹp và từ sự thật. Tôi từ chối chuyện đi theo đường lối, như Thomas Bernhard.

C.A. : Cô ghét bỏ nước Việt Nam không ?

L.L. : Tôi không biết rõ về Việt Nam để mà ghét bỏ.

C.A. : Cô có muốn hiểu biết về đất nước này ?

L.L. : Tôi xem Việt Nam như một đất nước trinh nguyên mà tôi đã biết những nỗi đau và ước mong một ngày, tôi có thể dùng sự phản bội để ngợi ca nó, nghĩa là phải dùng đến một ngôn ngữ khác.

C.A. : Việt Nam đã gợi hứng gì cho cô ?

L.L. : Nguồn cảm hứng Việt Nam cho tôi là thứ mà người ta có thể nhận được khi đã quên mất đường về.

C.A. : Ngày nay, cô cảm thấy thế nào đối với cha cô ?

L.L. : Một sự sùng kính. Khi tôi còn nhỏ, mẹ tôi đau nặng, bố tôi đã săn sóc tôi nhiều lắm. Tôi còn nhớ những ngày chủ nhật ở Đà-Lạt, ở phía nam Sài Gòn, những buổi picnic, những cuộc dạo thuyền... Tất cả chao đảo hết khi chúng tôi dọn về Sài Gòn. Tôi rơi từ thiên đường tuổi thơ xuống địa ngục. Hồi ấy tôi lên sáu, thành phố là một cái lò lớn và mối quan hệ giữa bố mẹ tôi đã bị thoái hóa nặng nề. Bắt đầu từ đó là sự sụp đổ, là cảm tưởng bị đọa đày. Từ đấy, bùng lên trong tôi cái nhìn rất đen tối về cuộc đời. Tôi đã nhìn thấy sự điên loạn, cái chết. Lúc đó, tôi khám phá ra rằng, quan hệ vợ chồng là quan hệ chiến tranh. Trong bốn đứa con gái của cha tôi thì tôi là đứa sùng kính ông một cách quái đản nhất. Trong khi ông biểu hiện sự thất thế, một người đàn ông bị mất thể diện trong gia đình mình, thì đối với tôi, ông là một anh hùng.

C.A.: Cô không cảm thấy rằng cơn khủng hoảng của cô thể hiện ý muốn hóa thân thành người cha, muốn sống cuộc đời của ông ấy?

L.L.: Một bác sĩ tâm thần đã giải thích như vậy. Rằng sự lang thang ám ảnh tôi hay ý nghĩ nhốt mình trong một tu viện vào thời điểm ấy là một cách bắt tử hoá cha tôi đang bị giữ lại trong xứ sở ông như trong nhà tù và ông chẳng có chỗ nào để đi một khi được ra khỏi nơi ấy. Vì mẹ tôi không muốn đón nhận ông nữa. Ngày hôm nay, tôi đã chôn cất ông.

C.A.: Liệu ông sẽ còn xuất hiện trong tác phẩm của cô?

L.L.: Truyện "Calomnies, Lời vu khống" gợi chuyện đi tìm người cha, "Les Trois Parques" nói về ông bố mà ta muốn từ bỏ. "Voix" là sự tìm kiếm người cha thần thoại đã ám ảnh những đứa con gái của ông ta với một thứ gì rất loạn luân. Trong "Lettre Morte", ông ta đã hoá đôi thành người cha và ông chú điên, thành ông bố và người tình, một ông bố bị thất thế và một người tình chiến thắng. Trong truyện mà tôi đang viết, ông sẽ khác hẳn.

C.A.: Tại sao cô không về gặp lại ông ở Việt Nam?

L.L.: Người ta luôn luôn phản bội điều người ta yêu quý. Nếu không, ta sẽ giết chúng. Bố tôi là người công giáo, tôi rành thánh kinh nhiều hơn những giáo điều của đạo Khổng. Tôi luôn nghiêng về Thiên Chúa giáo. Vị thành niên, tôi thích đọc về các vị thánh, rồi Dostoïevski và Kierkegaard đã thấm nhập vũ trụ của tôi, nuôi nấng nó bằng sự phạm tội và hành xác. Tôi luôn bị thu hút bởi những nhân vật thần bí, bởi lời nói của họ vừa phát sinh từ sự qui phục Thượng Đế lẫn dấy loạn tuyệt đối, và sự chú tâm của họ trước điều hèn hạ. Đặc biệt tôi thích thánh Thérèse d'Avila với hành động và đời sống của bà và "Château Intérieur". Saint Jean de la Croix đã mê hoặc tôi qua kiểu cách của người. Ngày nay vẫn thế, tôi thường vào nhà thờ khi dạo chơi. Và nữa, tôi nghe rất nhiều nhạc đạo, nhất là Buxtehude.

C.A.: Sự thu hút bởi những thần thánh này đã nuôi dưỡng việc làm của cô tới chừng mực nào?

L.L.: Nó nuôi sống trí tưởng tượng lẫn văn phong của tôi. Những bài xích, nguyên rủa trong "Les Trois Parques" là một cách nhắm vào Thượng Đế. Với "Thư Chết", tôi muốn viết một bài ca tang chế, sáng tác nó như một khúc kinh cầu, cầu thần chú khắc nghiệt này. Trước đây cái nhìn thần bí thấm đẫm văn phong tôi, bây giờ, trong tác phẩm này, thì chính hình thức đã được mô phỏng theo.

C.A.: Cô tin vào Thượng Đế hay đó chỉ là cái có?

L.L.: Là một cái có. Tôi không tin Thượng Đế. Thuyết thần bí là một cách để phục hồi, lật ngược, vắn bẻ một điều gì với ý thức phạm tội.

C.A.: Vậy cô muốn gì?

L.L.: Chẳng muốn gì cả. Chắc chắn là viết mãi, tìm ta chữ cuối cùng, chữ đã thiếu sót, chữ của tình yêu chúng ta, của niềm kiêu hãnh, sự sợ hãi trong ta, của cái vô nghĩa của cuộc đời. Có thể khi tìm thấy nó thì đã quá muộn, lúc ta không còn viết nữa. Hölderlin đã tìm ra nó trong ngọn tháp, Nerval lúc ông treo cổ. Chính vì thế mà tôi bị quyến rũ bởi những lời nói sau cùng của người hấp hối. Một trong những nhân vật của Henry James đã kêu lên: "Cuối cùng, đây rồi, đóa hoa ưu nhã". Còn bố tôi, ông đã hỏi mấy giờ.

C.A.: Cô thích được chết như thế nào?

L.L.: Trong một rạp xi-nê, lúc đang xem cuộn phim "Les Contrebandiers de Moonfleet" của Fritz Lang. Phòng chiếu bóng là nơi tôi cảm nhận mạnh mẽ hơn cả về sự màu nhiệm của thiên đường đã mất.

(\*) : tựa đề của người chuyển ngữ

(\*\*) Les Trois Parques : biểu tượng những người đàn bà già.

## **Giọng châm biếm của Linda Lê Lise – Hélène Smith**

*Từ lâu bà Linda Lê không chấp nhận xem mình là một nhà văn Việt Nam hay Pháp – Việt. Khước từ sự phân loại văn học và quốc gia, bà đặt mình, về phương diện thẩm mỹ, trong nghệ thuật như một nơi giao kết văn hóa với bản thân và với người khác.*



Mặc dù hiếm khi nào bà lấy Việt Nam làm chủ đề cho văn bản, nhưng ý tưởng về Việt Nam vẫn là một phần quan trọng trong truyện, đặc biệt là trong *Les trois Parques* (Ba Số Phận), ra mắt năm 1997 (tác phẩm thứ bảy của bà). Kể về cuộc đời tù hãm của ba người phụ nữ Pháp gốc Việt, cuốn sách cổ vũ cho sự tự quyết của cá nhân và chiêm nghiệm trải nghiệm tị nạn.

Thay vì tập trung vào sự chuyển giao di sản văn hóa lấy gốc là Việt Nam, Linda Lê lại đưa sự kháng cự văn hóa và những bản sắc mập mờ vào trung tâm của cách kể chuyện phi truyền thống. Bà đặc biệt quan tâm việc phá vỡ quan hệ giữa Việt Nam và Pháp như mảnh đất tạm dung, để thách thức các phạm trù về bản sắc quốc gia và văn hóa. *Les trois Parques* có thể được đọc như một sự trình bày phê phán bất thường đối với cộng đồng người Việt nổi lên ở Pháp từ thập niên 1970.

### Ba chị em

*Les trois Parques* có thể tạo ra khó khăn văn hóa và ngôn ngữ ngay cả cho một độc giả Pháp. Được viết theo phong cách dòng ý thức, truyện kể về một buổi chiều diễn ra trong nhà bếp của người chị cả. Lời kể 250 trang chỉ được phân cách thành vài đoạn văn đặt ký ức ấu thơ bên cạnh suy tưởng về cuộc đời những nhân vật chính.

Việc xóa mờ dấu vết thời gian được làm nổi bật bằng cách xóa nhòa giọng nói nội tâm của ba nhân vật. Vì thế lời kể đòi hỏi độc giả tái tạo câu chuyện của ba phụ nữ Paris gốc Việt – không có tên. Người chị cả chỉ được gọi là *bụng tròn* ám chỉ đang mang bầu, còn *chân dài* là nhắc tới đứa em phù phiếm. Còn người em họ được gọi là *một tay*, vì cô ta mất một tay ở tuổi dậy thì, khi bị phát hiện mối quan hệ loạn luân của cô với người anh sinh đôi. Ta có thể đọc ba người phụ nữ này như ba hình mẫu đàn bà, đặt người phụ nữ mang thai (gìn giữ truyền thống) đối lập với cô gái lá lơi ích kỷ và cô thiếu nữ nổi loạn.

Họ cũng có thể đại diện cho “thế hệ 1.5”, sinh ra ở Việt Nam nhưng được nuôi lớn ở Pháp, với ba cố gắng khác nhau nhằm định nghĩa cuộc sống sau khi di cư sang phương Tây.

Tự sự của *Les trois Parques* được cấu trúc quay khả năng ba người gặp lại ông bố sau 23 năm chia cắt. Sự trùng phùng này chỉ là cái cớ để bộc lộ những căng thẳng tình cảm và văn hóa ở trung tâm văn bản. Quyết định đưa ông cụ sang Pháp chơi có vẻ xuất phát từ cảm giác muốn trả thù vì đã để người bà của các cô đưa họ đi trong lúc bà chạy sang Pháp trốn cộng sản.

Mặc dù người chị cả hy vọng làm ông bố ấn tượng bằng hình ảnh giàu sang, hạnh phúc như để biện hộ cho cuộc sống lưu vong, cô cũng để lộ sự xấu hổ khi phải đối diện một ông bố tồi và là người mà cô xem là gây ra cho cô sự bất hạnh. Tuy vậy, trong tư cách người tự cho mình gìn giữ truyền thống, bà chị cả xem hai đứa em là kẻ đào tẩu mất gốc vì khước từ quan hệ với quê cha. Trong mắt bà chị, hai đứa em sẽ chỉ biết đến hổ thẹn khi thiếu vắng giá trị truyền thống mà buồn cười thay, chính bà chị cả lại là người chống đối trong tiềm thức.

Đối diện với người chị biểu tượng cho một di sản mà họ bác bỏ, quan hệ của hai người em với chị cũng rất khó chịu. Cả hai nhận ra sự viên mãn của bà chị che giấu thực tế tuyệt vọng của một người mới cưới mang bầu – một người tiếp cận sự trùng phùng bằng im lặng và khoảng cách. Cả hai giải mã cuộc đời bà chị, khinh khi vạch ra sự vô nghĩa và vô lý như thể phản đối hình mẫu hòa nhập hoàn hảo mà có vẻ bà chị là biểu tượng. Hai người đại diện cho một tuổi trẻ Pháp không chịu nhớ nguồn gốc, tại một mảnh đất khuyến khích sự lãng quên văn hóa thông qua chính sách đồng hóa mạnh mẽ.

Như thế, chân dung mà *Les trois Parques* vẽ nên về các nhân vật chính không phải mang tính chất đoàn kết, mạch lạc, mà là gẻ lạnh. Cấu trúc tự sự nắm bắt sự chia rẽ bằng cách xóa mờ mọi tiếng nói kể chuyện, buộc chúng xen vào và đè lên nhau một cách nghịch tai. Không thể làm thân với nhau, các nhân vật chính phải tập trung vào chính mình. Sự bất hòa của các nhân vật bộc lộ thành khao khát có một Người khác lấp đầy khoảng trống nội tâm và làm cuộc sống của họ thành ra có giá trị.

Cuộc kiếm tìm cảm thông đã thất bại và sự khó chịu mà nó đem lại thể hiện không gian khó khăn mà mỗi nhân vật phải tìm đường đi qua để dàn xếp một bản ngã mới – có thể ở mảnh đất mới hay ở mảnh đất quê hương. Mặc dù những sự dàn xếp văn hóa này rõ ràng mở ra không gian đối thoại, nhưng Linda Lê thể hiện không gian đó như sự thất bại để Ba Số Phận có thể để bản ngã cũ thấp sáng vai trò hiện tại (*bụng tròn*) hoặc bỏ hẳn bản ngã ấy (*chân dài*). Những bóng ma Việt Nam mà vốn từ lâu tàn phá *một tay*, thì cũng ám ảnh hai người chị bất chấp mức độ hòa nhập văn hóa tương đối cao của họ.

## Phê phán

Có thể biện luận rằng mô hình thành công duy nhất mà thế hệ 1.5 này có được là mô hình lập lờ nước đôi của cộng đồng người Việt chống cộng đã hòa nhập văn hóa ở Pháp. Các thành viên này có lẽ đã rời quê hương như người tị nạn hoặc thuyền nhân ngay trước khi Sài Gòn sụp đổ năm 1975. Giọng kể châm biếm của *Les trois Parques* không hề thông cảm với làn sóng tị nạn này, những người – ngay trước khi cộng sản chiếm quyền – đã rời bỏ quê hương yêu dấu để giữ lại bất kỳ tài sản gì mà họ có thể giữ.

Văn bản đem lại một góc phê phán bất thường về động cơ của làn sóng thuyền nhân đầu tiên – những người vẫn thường được mô tả là bỏ chạy vì mạng sống gặp nguy hiểm. Nhưng sự mô tả ấy cũng trùng khớp với mô tả khó chịu không kém của ông bố thất bại khi nhắc tới những Việt kiều về nước. Ông ta lên án họ là khoe khoang tài sản trước những đồng bào, giống như ông, phải ở lại trong nước.

Trở về như những đứa con hoang đàng sau khi Việt Nam mở cửa, các Việt kiều bị xem là kẻ phản quốc, chỉ lo giành lại tên tuổi và địa vị bằng cách chứng tỏ mình có cuộc sống thành công và khảm khá vật chất. Trên thực tế, cuộc sống càng khó khăn ở nước ngoài, người ta lại càng cần che dấu nó bằng việc tiêu tiền như nước, dù có tổn hại cho công sức tiết kiệm cả đời của mình.

Bị ám ảnh vì tội lỗi, những cá nhân trong *Les trois Parques* luôn cần biện hộ cho sự ra đi của họ. Linda Lê mạnh dạn ngụ ý rằng, bị đưa vào cuộc sống lưu vong “tự nguyện”, người tị nạn Việt ở Pháp xem những tin tức xấu từ quê cũ như một thứ văn hóa lấp đầy khoảng trống tạo ra bởi sự phải ra đi. Điều rùng rợn trở thành lý do lưu vong và cũng là lý do sống của họ.

Sự quan tâm đến đau khổ của đồng bào được dùng để biện hộ cho cảm giác mới về tình đồng đội ở hải ngoại, một thứ tình cảm thường xuyên dễ tan biến một khi thời gian yên bình hơn trở lại trên quê hương. Linda Lê mô tả thế hệ tị nạn thứ nhất như những người không thể định nghĩa mình ở nước ngoài, ngoài một hình ảnh đảo ngược về một quê nhà ghe rợn.

Sự công kích văn hóa, chính trị và kinh tế thắm đẫm *Les trois Parques* ngụ ý rằng sự hòa giải giữa người Việt ở Pháp và người trong nước chỉ là điều hão huyền. Với thế hệ tị nạn đầu tiên bị mô tả như đám kèn kèn, sự di cư đánh dấu việc để mất hoàn toàn bản sắc và sự chấm dứt văn hóa. Với thế hệ 1.5 mà *Les trois Parques* đại diện, di cư đánh dấu việc hòa giải những rao giảng

của nền văn hóa mới (phương Tây hóa thông qua chủ nghĩa cá nhân) với rao giảng của thể hệ thứ nhất.

Sự hòa giải đó đòi hỏi phải tạo ra những kênh đối thoại mới, nhưng một cách trái ngược, cũng ngăn cấm việc liên lạc lại với điểm gốc. *Les trois Parques* mô tả chấn thương bị dồn nén, mất mát và đau khổ - những tình cảm vẫn thường được gắn với trải nghiệm tị nạn. Nhưng văn bản ngụ ý rằng các tình cảm tương tự cũng có thể gắn cho thế hệ 1.5 tương như sống thoải mái tại đất nước mới. Những đứa trẻ kiều dân trong truyện của Linda Lê tạo thành ý nghĩa thiếu hụt hoặc bị bóp méo giữa những khe hở của các nền văn hóa vì họ chưa đủ sức tự vấn và đối thoại.

Chốt lại, mặt nạ hạnh phúc và viên mãn của hai người chị, đối lập với bản giao hưởng bất hạnh của cô em họ, bắt nguồn từ sự bất lực không thể kiểm soát quá khứ. Linda Lê khơi gợi sự gần gũi của quá khứ, khi mà hồi ức luôn đe dọa trở về. Những ký ức này xuất phát từ một ngôi nhà bị đầu độc bởi đủ loại chiếm đóng, của cả chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản – một ngôi nhà bị đóng dấu bởi chiến tranh, cái đói và sự phản bội. Rất cuộc, *Les trois Parques* làm phức tạp, mà không đem lại sự hóa giải, những mô hình vốn hoặc chỉ ca ngợi sự chuyển giao của một nền văn hóa bị dễ dàng quên lãng, hoặc chỉ khẳng khẳng rằng cắt đứt nguồn gốc sẽ làm con người hoàn toàn mất phương hướng.

---

*Tiến sĩ Lise-Hélène Smith hiện là Trợ lý Giáo sư (Assistant Professor) ngành Văn học Thế giới ở trường California State Polytechnic University, Pomona, bang California, Hoa Kỳ. Bài viết trích từ tiểu luận The Disillusion of Linda Lê: Redefining the Vietnamese Diaspora in France, đã đăng ở tạp chí French Forum năm 2010.*

## Nói với tôi đi

Tôi vẫn chờ cô. Tôi biết rồi cô sẽ đến. Tôi nhắn gửi trên điện thoại cô không trả lời, nhưng một lá thư, ta đâu để nó không hồi âm. Cô đã băng qua cả Paris để đến xưởng vẽ của tôi, phải nói cái động của tôi mới đúng, chót vót thượng tầng cao ốc này. Nhìn ra cũng chẳng có gì đẹp. Qua cửa sổ cũng chỉ thấy toàn cao ốc như cao ốc này. Tôi sống ở đây từ khi chia tay với vợ tôi, Elena. Tôi đến để vẽ. Xưởng vẫn trống không. Chẳng có gì xuất hiện từ mấy ngọn bút lông của tôi. Tôi day dứt, bạc đầu so vai. Đêm, tôi không ngủ, tôi đứng hàng giờ bên cửa sổ nhìn những ngọn đèn sáng rồi tắt trong cao ốc trước mặt. Đôi khi, tôi tưởng tượng một người đàn bà cô đơn, trong một căn hộ lân cận, bấm bừa một số điện thoại và gọi trúng tôi. Tôi sẽ lắng nghe hơi thở nàng bên kia đầu dây. Tôi sẽ, trong tưởng tượng, ôm xiết tấm thân nàng, tấm thân động những khóc nức đêm khuya, những tỉnh thức giữa hai tấm khăn trải giường lạnh lẽo - chỗ bên nàng vắng không; nàng lê dép vào tận bếp, tự rót cho mình cà-phê chẳng ai sẽ uống cùng, ngày lại bắt đầu và tấm thân nặng trĩu cô đơn đành nhấc nhục luồn vào trong cái áo nàng mua hôm trước, khi ngó trong gương dáng mình chẳng một bóng nào kề bên, và sau khi tìm đến rạp chiếu bóng cho ngày thứ bảy bớt dài. Những người em gái cô đơn ấy, tôi nhận ra họ ngay, nơi dáng đi, khoé miệng, cái nhìn chút nào lãng đãng, e dè. Có khi tôi bước theo họ trên đường phố Paris. Họ ưa những đường phố đông đúc, hơi những người đàn ông lướt qua, chen lấn họ, và trong giây phút cho họ ảo tưởng thân xác họ lồi cuốn những thân xác khác, và chiếc giường nhân loại đón nhận họ sôi nổi thiết tha. Tôi còn nhớ một người đàn bà, cũng đã đứng tuổi, mặc áo xanh, tôi đã đi theo dọc phố Rivoli mùa xuân vừa rồi. Cô ta có dáng đi ngập ngừng của những người đàn bà bước ra khỏi cửa chỉ để hít thở đám đông, để quên đi những hơi hướm cô đơn bám chặt bốn bức tường. Cô đã mua một bó hoa nhà một người bán hàng chào mời ngoài

phổ. Rụt rè cô cầm bó hoa, thỉnh thoảng áp lên môi. Trước tủ kính nào cô cũng dừng bước, trước sạp hàng nào cô cũng lần khần. Tà áo cô phơ phất giữa đôi chân trần. Cô mua cây kem, đứng ăn trước mặt cao ốc Saint-Jacques, rồi đến ngồi ngoài hàng hiên một quán cà-phê và gọi một tách trà. Người đàn bà cô đơn trước tách trà buồn tênh, tôi nhớ đã đọc đâu đó câu này. Khuôn mặt cô hằn năm tháng và đau khổ. Cô không thôi đưa tay sửa lọn tóc trên trán. Lúc nhấp trà môi cô hơi run. Cô là hiện thân trọn vẹn của Người Nữ Vô Danh, người em gái ngày xưa, một ngày xưa ta đã hoàn toàn quên lãng, nửa trẻ thơ, nửa mẹ hiền, ta vẫn kiếm tìm nhưng chỉ ngó từ xa, như thể một lời ngỏ với cô sẽ phá vỡ hình tượng cô, xua tan hào quang cô, cái vàng sáng những mỗi mệch và tuyệt vọng khiến cô thành một Iphigénie tuy không còn trẻ nữa, bước từng bậc lên đàn hiên sinh<sup>1</sup>. Nàng Iphigénie của tôi mất ướn, chừng sắp ướn lẹ. Cô ngồi nơi bàn, tựa một hòn đảo nhỏ, những lời nói quanh cô bay lượn, chẳng chạm đến cô. Tôi nhìn cô, tôi nghĩ đến đồng tro bên dưới âm ỉ một ngọn lửa. Chỉ cần đưa tay lửa sẽ bùng lên. Nhưng tôi bỏ đó nàng Iphigénie của tôi, nàng Iphigénie vì cô đơn mà đẹp tuyệt vời, trong khi tôi vì cô đơn lại mang về một con chó già tìm gặm một khúc xương... Cô lạnh phải không, cô thu mình trong áo khoác, cô tự hỏi vì sao tôi mời cô đến vào giờ khắc muộn màng này để kể với cô chuyện những người lẻ loi. Cả cô nữa, cô cô đơn, khi ngó lời với cô bên bờ sông Seine tôi đã biết rồi. Nhưng đây là một niềm cô đơn kiêu kì dựng đầy hào lụy. Cô bước vội vã dọc cầu Les Arts, cô chẳng ngó người qua lại, gương mặt không một chút đợi chờ hay nuối tiếc. Thấy cô, tôi đã tự nhủ cô là người tôi tìm kiếm, người sẽ nghe chuyện tôi mà không lên án tôi. Tóc cô lồng lộng gió, khác nào ngọn cờ tự do của cô. Tôi ganh tị lòng tự tin của cô. Tôi tự nhủ, Cô ấy đến từ cùng một xứ như mình, từ Việt Nam mà cả hai đã lìa xa, cô khi còn là một đứa trẻ, và mình lúc đã thành nhân. Nhưng trong khi tôi quần quanh như con chó già bị đem bỏ nơi xa chờ chết, cô bước đi tựa một chiến binh mang trong lòng vương quốc của mình và chấp nhận thách đố lưu đày. Tôi gần như chạy theo cô, tôi không thể để cô vượt mất. Một người chơi đàn lục huyền gảy một khúc ai oán trên những bậc thang dẫn xuống bờ sông. Tôi vẫn thường gặp ông những khi đi dạo ban đêm. Bao giờ ông cũng gảy khúc fado<sup>2</sup> ấy, tiếng than một kẻ lưu đày buông từng nốt xuống làn nước sông Seine, nơi soi bóng hết mọi cô đơn, kiếp sống rã rời, cuộc tình đổ vỡ, khuôn mặt lạc loài, bóng hình trôi dạt. Người chơi đàn lục huyền nhìn cô đi qua. Tay cô cầm một cuốn sách, Tự do theo cam kết. Cô là kẻ vượt ngục; chạy theo cô mà tôi nghe lách cách xiềng xích của tôi, xiềng xích của khắc khoải, của ân hận, của tuổi già lặng lẽ đến và của nỗi cô đơn chó má rũ những con bọ trên mình. Hồn hể tôi ngỏ lời với cô, Nói với tôi đi. Cô bước chậm lại. Mắt cô chẳng chút lộ vẻ kinh ngạc hay bức bối. Cô đoái hoài đến tôi. Tôi cảm thấy mình thật thảm hại với hàm râu bốn ngày chưa cạo, tóc tai bù rối và hai con mắt ánh cơn say hiu hắt của những kẻ mất ngủ. Nói với tôi đi, tôi đã bảo cô như thế. Tôi tưởng như cả Paris rào rạt câu ấy. Hết thấy mọi cô đơn cam nín lên tiếng qua miệng tôi. Hết thấy những ai tự kể lể một mình trong hang ổ của mình, hết thấy những ai mà các tủ kính phản chiếu bộ xương cháy thành than vì dàn hoả cô đơn, hết thấy những người ấy cùng hoà những lời thăm thì, những lời Nói với tôi đi, Nói với tôi đi, dội lên như một trường giang nổi loạn. Cô bảo tôi, Ông nói đi, tôi nghe ông đây. Và bây giờ, co ro trong chiếc ghế bành này, cô nghe tôi nói. Hẳn cô có cảm tưởng bị nhốt ban đêm, trong một nghĩa trang, cùng với một bóng ma đội mồ dậy xin thú tội... Cô đừng nhìn tôi như thế. Mắt cô dò xét tôi. Đào đến tận đáy hồn tôi. Để tôi tắt đèn. Trong bóng tối tôi sẽ biết tỏ bày hơn. Tôi sẽ nói như là với chính tôi. Như tôi vẫn nói từ gần ba mươi năm nay. Ba mươi năm trước tôi sống tại cái thành phố cô cũng biết rõ đó, Sài gòn. Cả đời tôi, tôi chỉ yêu dấu hai thành phố, Sài gòn và Paris. Sài gòn, nơi phạm tội. Paris, nơi đền tội. Tôi đã lê bước trên các đường phố hai thành phố ấy. Ở đây tôi đã biết hết mọi bóng hình mặt vận, ở đây tôi đã cận kề tất cả những kẻ đêm về hiện nguyên hình cùng quần. Tôi lớn lên tại Sài gòn; tôi bước vào tuổi già ở Paris. Trước kia, tôi có bạn bè, tiền của. Bây giờ tôi chỉ cảm thấy mình gần gũi với những kẻ vô gia cư say mèm có những chiều tôi đi gặp ở góc phố Boucherie, dưới bóng một ngôi nhà nơi họ họp nhau nói thánh nói tướng. Trước kia tôi có tên họ, bây giờ tôi không muốn biết tên họ ấy nữa. Mỗi khi nó vang bên tai, tôi tưởng nghe thấy cái tiếng nói đã gọi tôi lúc thờ hơi cuối cùng và buộc tội tôi. Tiếng nói rền rĩ ấy, cô có nghe thấy không? Nó ám ảnh tôi ba

mười năm nay rồi. Khi tôi còn sống với vợ tôi, Elena, có những đêm tôi choàng tỉnh vì cái tiếng nói chẳng từ nơi nào mà vọng đến ấy. Tôi đứng lên, tôi ra đi bộ trên những đường phố tĩnh không bóng người quanh nghĩa trang Père-Lachaise, lang thang trong các nhà ga, nhưng tiếng nói ấy vẫn đuổi theo tôi, khiến tôi lạnh buốt xương da. Paris giống như một nhà tù mệnh mông kết bằng những gương soi. Đâu đâu tôi cũng ngó thấy khuôn mặt sát nhân của tôi, đâu đâu cũng phản chiếu hình bóng kẻ tội phạm chưa bị trừng phạt của tôi. Tiếng rì rào sông Seine bùng lên tựa tiếng xôn xao trong một phòng xử án. Những cành cây trụi lá vườn Luxembourg chĩa ngón tay buộc tội tôi. Khách bộ hành trên cầu Neuf nhỏ vào mặt tôi. Tôi đã tưởng đến Paris tôi sẽ quên hết. Nhưng thành phố này là một bà mẹ khảo tra. Bà đã kết án tôi phải sống lang thang, sống những đêm trắng. Tôi sống trong lòng bà như một đứa con bị gạt bỏ. Trán tôi hằn vết ô nhục. Paris là một bà mẹ khảo tra, còn Sài Gòn là kẻ đồng lõa với tôi, kẻ đồng lõa với những đêm truy hoan của tôi, những đêm truy hoan đã kết thúc trong tội lỗi. Tôi nhớ năm tôi hai mươi tuổi. Tôi vừa khám phá mình có hai đam mê : một người đàn bà và cờ bạc. Tôi hạnh phúc, tôi đã lập gia đình và đêm thì miệt mài trong các sòng bạc. Vợ tôi, tầm nhan sắc thanh cao và lặng lẽ ấy, giống như một thiên thần đứng bên phải tôi, còn bên trái tôi nhấn nhó con quỷ cờ bạc. Tôi chăm chăm đợi đến chiều để bước vào những gian phòng mù mịt khói. Nơi quay cuồng những con súc sắc, những quân bài, trái cầu ngà. Giờ thì tôi tàn tạ, nhưng hồi ấy tôi hăng say dường nào mỗi khi vân vê trong tay con súc sắc bóng láng hay mỗi khi trông thấy quân át chuẩn bay lướt trên thảm. Trắng tay rồi mà có lúc tôi vẫn cảm thấy mồ hôi ướt trán khi nghe một tiếng động tựa tiếng lách cách con súc sắc đổ trên bàn. Tôi được, tôi thua, nào có quan hệ gì. Tôi bỏ tiền mua cơn sốt hưng hực, trái tim bập bùng, tay chân run rẩy, nung nấu đợi chờ. Trong tôi là một trống rỗng tôi phải lấp cho đầy. Và hẳn tôi sẽ tiếp tục sống như thế nếu như sứ giả của định mệnh đã không xuất hiện chỉ cho tôi một cách tiêu khiển khác. Tôi gặp người ấy trong một ván bài một mình anh ta ăn hết. Anh ta tìm cách rời sòng bạc cùng lúc với tôi và đưa tôi về nhà. Vẻ mặt hốc hác, nghiêm trọng. Ánh đèn sòng bạc mờ tối khiến anh trông trẻ hơn thực. Anh nói về tổ quốc, về cuộc chiến trường kì và về bọn Mĩ dày xéo đất nước ta. Càng nói anh càng sôi nổi. Những từ để quốc Mĩ, tự do, nhiệt tình ái quốc từ miệng anh bắn ra như những trái cầu lửa. Đất nước tang thương, đất nước quằn quại dưới gót giày quân xâm lược, thế mà, anh nói, trong khi ấy có những đứa con cưng chiều cuống cuống chỉ vì đồ quân súc sắc. Anh từ biệt tôi lúc về đến nhà, bảo tôi suy nghĩ những gì anh đã nói. Tôi gặp lại anh hôm sau và những ngày kế tiếp. Anh không vào sòng bạc nữa mà chờ tôi ngoài cửa. Tôi hiểu anh là điệp viên của miền Bắc, một Charlie như bọn Mĩ vẫn gọi, một Việt cộng tuyển mộ người cho mật khu. Charlie đề nghị tôi từ bỏ cảm giác ăn thua cờ bạc đổi lấy cảm giác hoạt động bí mật. Gã trẻ là tôi khi ấy nào có mong gì hơn là, bằng cách này hay cách khác, chặn đứng nổi chán chường của kiếp sống mình. Tôi chẳng tin tưởng vào một điều gì. Đã chơi với súc sắc, tôi sẵn sàng chơi với bom. Tôi nhận lời gia nhập mạng lưới, cũng chẳng rõ vì nhiệt tình ái quốc đã thức dậy nơi tôi hay chỉ vì nhu cầu tiêu khiển. Charlie tặng tôi món quà chào mừng : một ống thuốc độc mỗi thành viên của mạng lưới mang trong người và phải uống cạn nếu bị bắt, để đề phòng mọi tổ giác. Thế là tôi cũng lại được đánh cuộc với ý tưởng cái chết. Tôi trái lệnh ngay : tôi không mang thuốc độc trong mình mà bỏ trong ngăn kéo tủ đầu giường, cấm ngặt vợ tôi không được đụng đến. Rồi tôi đợi chỉ thị của Charlie. Nhưng chẳng có tin tức gì hết. Tôi quay lại sòng bạc. Vợ tôi vẫn chờ mỗi sáng tôi trở về. Tôi nhìn thấy mắt nàng sưng mọng vì thức đêm và khóc nhiều. Tôi nhìn thấy gương mặt đau đớn của nàng, tôi nghe ra trong cảm nín của nàng những trách móc cay đắng. Tôi tự hứa sẽ thôi cờ bạc, nhưng cứ đêm đến là mấy con súc sắc nhẩy múa trước mắt tôi và tôi lại lao vào tay con quỷ. Từ khi Charlie xuất hiện, dường như tôi chỉ gặp họa. Đêm nào tôi cũng thua. Chẳng bao lâu, tôi không còn cách nào khác : tôi lấy trộm nữ trang của vợ tôi đem bán. Cái đêm đó, tôi vẫn nhớ như mới hôm qua, trời mưa như trút ở Sài Gòn. Tôi chờ đợi từ sòng bạc bước ra. Tôi đã chơi số tiền bán nữ trang và tôi đã thua hết. Charlie chờ tôi. Có vẻ anh chẳng bận tâm là tôi vẫn sống y như trước. Anh có một nhiệm vụ giao cho tôi. Nghe anh nói, tôi chột hốt hoảng. Đồ hèn, đồ hèn, tôi thầm tự mắng mình. Nhưng tôi chẳng thắc mắc gì hết. Tôi chỉ ám ảnh với ý nghĩ tôi đã thua hết cái đêm trời mưa như trút

trong thành phố. Vào lúc ấy, nào có nghĩa lí gì với tôi tổ quốc và người chiến sĩ du kích đứng bên tôi. Tôi lâm đường cùng : giọng Charlie trở nên đe dọa và tôi thì nghĩ đến vợ tôi, giờ này, tất đã khám phá sự hèn hạ của tôi. Tôi nói với Charlie ngày mai tôi sẽ đến nơi hẹn rồi lần bước về trên những đường phố ướt sũng. Một tiếng nói nhắc cho tôi là tôi chỉ còn một lối thoát : nuốt liều thuốc độc trong ngăn kéo tủ đầu giường. Tôi hèn nhát chẳng dám hiến mạng mình cho đất nước. Tôi sẽ chết mà chẳng biết gì khác ngoài mấy sòng bạc và cơn kích thích chiếm trọn hồn xác mỗi khi con súc sắc lật mặt sáu. Tôi rón rén đẩy cổng. Trong nhà im lìm. Tôi cố tránh gây tiếng động để không đánh thức vợ tôi. Nàng nằm ngả thu lu trên giường. Tôi đến bên tủ, mở ngăn kéo. Trống rỗng. Thế rồi tôi trông thấy ống thuốc giữa mấy ngón tay co quắp của vợ tôi... Cô biết hết chuyện tôi rồi đó. Chuyện chẳng vinh dự gì. Thỉnh thoảng tôi kể dăm câu cho mấy người vô gia cư kia nhưng họ chẳng buồn nghe. Lúc trông thấy cô, hôm nọ, trên cầu Les Arts, tôi bỗng mong được cô nghe chuyện tôi. Nói ra với cô tức tôi thú tội. Tôi đã tưởng đến Paris, thành hôn với Elena, rồi tôi sẽ quên được cái đêm mưa tầm tã ấy ở Sài gòn, cái đêm tôi đã phản bội tất cả, tình yêu cũng như tổ quốc. Từ đấy, tôi là một bóng ma lẩn quất ở Paris, đi tìm tha thứ trong mắt những kẻ bị gạt ngoài lề. Ban ngày, tôi lang thang trên phố Rennes, tìm cái bà già gầy gò mặc áo mưa rách, bước thấp bước cao, vừa đi vừa lảng mạt tất cả những người qua đường. Tôi đi ngang trước mặt bà, bà rửa xả tôi hết lời và tôi thoả mãn bỏ đi. Tôi đến phố Sèvres, nơi một người đàn ông mặc bộ đồ màu xám đã sòn, kính thông trên mũi, bước tới bước lui trên vỉa hè, miệng hỏi, Muốn nghe đọc thơ không? Phố Les Blancs-Manteaux, tôi lén đến bên một người mù gầy đàn măng-đô-lin. Trong vườn Luxembourg tôi đi theo hai chị em tóc đã hoa râm, áo choàng rách mướp, líu ríu bên nhau như hai con thú khiếp hãi. Người chị vừa đi vừa len lén nhặt những hòn sỏi, đồng xu, lá vàng nhét vào cái túi cầm trong tay. Phố Les Jeûneurs, dưới vòm cửa một ngôi nhà đổ nát, một người đàn ông phì nộn say mềm lăn lóc ngủ. Ông ta ngủ ngời, hai chân dang ra, áo dính đầy vết nôn mửa. Miệng làm bằm trong giấc ngủ. Tôi dừng bước, lắng nghe. Paris tràn đầy những lời nói tạt nguyên như thế, những thuyết ngôn không đầu không đuôi, những từ điền đại vì cô đơn, tiếng nấc buồn thảm, tiếng áp úng chán chường, những thú tội chẳng một ai nghe. Thành phố của ngôn từ đứt quãng, thành phố những mắt nhìn ướt đẫm, thành phố những bàn tay chia vào cõi không, thành phố những rên rỉ đêm khuya và những oán than rạng sáng, thành phố những đau đớn, những bại hoại, những lưu đày không tìm ra chốn nương thân, thành phố những thân xác co ro chẳng còn nhớ xưa kia mình từng có một hạnh phúc nào hay không, thành phố những cùng khổ, những vết thương rỉ nước, thành phố của cái chết lúc sáng dưới bóng một chiếc cầu uy nghi, thành phố những anh hùng ngậy đại trong sương sớm, đi tìm chìa khoá thiên đường đã mất, thành phố của rượu chè siêu hình, thành phố của suy vi kiêu kì, Paris cho thế giới thấy bộ mặt đầy mụn của mình. Cái đẹp loang lổ của Paris khiến tôi ban ngày xúc động, ban đêm choáng váng. Tôi chui vào như vào một mối tình loạn luân. Paris em gái tôi mở vòng tay đón vào lòng mình người tình lưu đày mà những giọt nước mắt, rượu đắng của hoàng hôn, vẫn chẳng thể làm quên lãng vương quốc của mình. Paris mẹ ghẻ xua đuổi vào những góc tăm tối đưa con đến chẳng từ nơi nào, đưa con quay quắt khi gió nổi, đau đớn khi sao mọc. Paris là đất đèn tội của tôi, nơi tôi cày hối tiếc, nơi tôi gạt cô đơn. Trong Paris, tôi đã gieo trên gạch lát đường những lời thầm thì với chính tôi, những lời thù oán và ân hận, những lời giành giật được của những ngày nặng nề, những lời nuôi dưỡng bằng những đêm không ngủ, những lời trộm được của cảm nín như đã vĩnh viễn ngự trị nơi tôi. Trong bình yên giả trá đó vang dội tiếng nói xưa kia, tiếng nói người đàn bà tôi đã giết chết và đã gọi tôi lúc trút hơi thở cuối cùng. Những khi ở đây, những khi nhìn qua cửa sổ sừng sững những cao ốc lạnh lùng, kiêu căng, tôi vẫn nghe thấy tiếng nói rên rỉ ấy của một người đàn bà hấp hối tay nắm chặt ống thuốc độc... Cô đã đến tận đây với tôi, cô hãy lắng nghe tiếng nói ấy đi, quanh quất trong xưởng vẽ này, cất cao như một lời ca. Cả Paris đầy ứ tiếng nói ấy. Mỗi bước đi tôi đều nghe thấy. Từng giờ từng khắc tôi sống trong lắng nghe âu lo tiếng nói ấy, xoáy tròn, bay bổng, trở lại trùm kín tôi. Tôi bỏ chạy, tìm kiếm một tấm lòng cho mình nương náu. Nhưng Paris lánh xa tôi, Paris nín thinh và mắt tôi hoài công năn nỉ, Nói với

tôi đi, Nói với tôi đi, để cho tiếng nói kia nín thinh. Tôi tiến bước trong đêm giữa những bóng ma và tôi trở lại, lần mò, thất thủ, vô phương trốn lánh, với đoàn lũ cô đơn.

Nguyên tác : 'Parlez-moi', một trong mười bốn truyện của tập *Autres Jeux avec le feu*, 2002

## Người đọc của Linda Lê Nhã Thuyên

Tôi vẫn nghĩ rằng, mỗi người đọc được quyền tìm đến những tác giả thích đáng nhất với họ. Bản thân sự lựa chọn này, dù tình yêu luôn hàm chứa nguy cơ bội phản, luôn ngầm xác lập quan hệ khăng khít giữa người đọc với tác phẩm và tác giả của nó.

Chính bạn-người đọc, khi chọn một cuốn sách, một tác giả phải tự đối diện với những câu hỏi này: Vì sao ta muốn biết hay bị hấp dẫn bởi nhà văn này mà không phải nhà văn khác? Vì sao ta tìm đến họ? Ta chờ đợi gì? Điều gì đáng kể nhất - ở tư cách nhà văn của họ - tác động đến ta? Liệu có kích thích nào, cơn bùng phát nào, sức nổ nào sẽ xảy đến trong tâm hồn ta, chứ không phải lời tán dương hoặc mạt sát của báo chí, truyền thông hay các nhà phê bình thời danh?

Khi tôi nhận lời chia sẻ vài ấn tượng mỏng mảnh của tôi về Linda Lê, tôi lập tức thấy mình đã tự đẩy mình trước một hố sâu. Thật liều lĩnh, vì bản thân tôi không đọc cô bằng tiếng Pháp, dù may mắn là, những bản dịch với tôi thật xác đáng đến nỗi tôi không có cảm giác đọc văn dịch. Hơn thế, tôi có thể nói gì về một nhà văn mà tôi đã tự cảnh giác: câu chữ thôi miên này là phép thuật kì diệu hay là trò nguy ngôn tà đạo? Trong nhiều trường hợp, phép thuật và trò tà ma có cùng vẻ bề ngoài. Với Linda Lê - vì mối cuồng nhiệt như bất ngờ xảy đến với bạn đọc Việt Nam thời gian vừa qua, mối cuồng nhiệt như thể đến từ một dấu hiệu kích động nào đó, mà trước đó, hình như không có nền tảng – tôi muốn tạm bỏ qua lí lịch đê trấu câu chữ cô, để tránh bị hấp dẫn làm một nhà văn đã xuất xứ từ đất Việt. Tôi muốn tạm quên những từ khóa mê muội chúng ta bằng vẻ xa lạ bí hiểm: lưu vong, cái chết, sự viết, đam mê, điên rồ, kẻ phản bội.v.v.

Tùy từng trạng huống, thậm chí phải tính đến cả những yếu tố tưởng rất bề ngoài như sức khỏe, tâm lý... người đọc sẽ dễ đón tiếp nhà văn này hơn nhà văn khác, kiểu phong cách này hơn là phong cách khác. Có khi tôi chỉ yêu được và chỉ tìm đến thứ văn chương thanh thoát hơn, nhẹ nhõm hơn, “cuộc đời” hơn, thôi thúc ta lên đường cùng các nhân vật trên chuyến xe bão táp, gặp kẻ ngáng trở gian hùng và phiêu lưu trong những chuyện tình bi kịch mà quyến rũ. Nhưng tôi cũng yêu sự điên dại, những hành trình đậm đặc bóng tối, những nhân vật quái dị, tự dốc vào miệng thuốc độc, nổi cay đắng, tự đẩy mình kẹp chặt giữa hai bức tường chật chội để dần vật về sự bội lãng, chối bỏ, cắt lia và dính thân xác mình lên bức tường đó. Như một người đọc, tôi bị chinh phục.

Dù mỗi cá nhân chúng ta ban đầu tồn tại như một dị biệt, nhưng thói quen nô lệ mài nhẵn những gò ghề khúc khuỷu trên thân thể và trong tâm hồn, trong suy nghĩ của chúng ta, cuối cùng, chúng ta lại nhìn sự dị biệt – vốn nằm ngay trong bản thân mình – thành một của hiếm, một sự xa lạ nguy hiểm. Trong thế giới văn chương, nơi ngôn từ là chủ soái, không phải ai – dù là kẻ tạo tác ra tác phẩm hay người được thừa hưởng sự tạo tác đó - cũng dám đối diện với sự dị biệt và biến được nó thành sức mạnh.

Không nỗ lực kể một câu chuyện bồi trơn dây thần kinh hay thỏa mãn chút hiếu kì thường nhật ăn mòn thời gian của người đọc, thế giới của Linda Lê toàn thử thách. Ở đây, vì không dễ dàng để nói thấu đáo về các tiểu thuyết của cô mà tôi đã đọc là *Vu khổng* (bản dịch của Nguyễn Khánh Long, nxb Văn học và Nhã Nam, 2009) và *Tiếng nói* (Bản dịch của Nguyễn Đăng Thường, nxb Văn, 2005), tôi chỉ muốn nảy ra vài truyện trong *Lại chơi với lửa* (NXB Văn học &

Nhã Nam, 2010). Trạng thái kịch tính trong văn Linda Lê không đến từ những sự kiện bên ngoài, cũng không đơn thuần là sự căng thẳng nội tâm nhân vật, mà là sự căng thẳng của câu chữ đối nghịch bất tận. *Người khách* là một ví dụ. Một nhà văn lưu vong, hiện diện như kẻ đã được giải phóng khỏi chế độ độc tài, làm người viết ở xứ sở tự do, bị dựng dậy bởi *người khách lạ* - là nhân vật thoát thai từ đám từ ngữ của chính y. "*Tôi tỉnh giấc. Bàn thảo vẫn đấy, nguyên vẹn. Nhưng mó vào tôi tưởng như nóng bỏng, tựa hồ bên trong là một thân xác đang cơn sốt. Tôi không dám mở ra, e mình bùng cháy do một ngọn lửa chẳng phải do mình đốt lên. Thiên hạ hẳn sẽ cho là tôi điên, nhưng không có gì khiến tôi gạt được ý nghĩ xấp giấy vô tội kia không hàm chứa một bóng người*" (Tr. 39). Người khách đẩy nhà văn đến giá sách, nơi cư ngụ (hiện diện bằng tập truyện ngắn) của một nhà văn ở cố quốc, "*một nhà văn kém may mắn hơn*" "*không những phải vật lộn với lũ quỷ của riêng mình mà còn phải tranh đấu để tiếp tục được cầm bút*". Từ đây, dưới câu chữ của tác phẩm là những đối thoại giằng xé về sự giải phóng và xiềng xích, là cuộc chạm trán giữa kẻ tự do và cái bóng ma của kẻ bị truy bức, mà y cảm thấy y phải nộp thuế cho sự tự do này bằng những dằn vặt không ngớt. Ở đây, cũng như trong *Trát đòi, Nói với tôi đi...* gốc tích xứ sở và lí lịch của Linda Lê là sợi dây xiết cổ, là móc sắt cắm vào thân thể của chữ nghĩa - chữ nghĩa mang thân thể nóng bỏng. Cái kết thúc có thể gây cảm giác hơi cường điệu "*Lửa thiêu rụi bản thảo. Tôi ôm siết trái tim rừng rục ấy*" là một cách cứu vãn, một sự giải thoát. Trong sự chối bỏ quyết liệt, trong mưu toan quên lãng luôn đồng thời phải nhớ lại, phải day dứt về những phản bội, phải khắc ghi món nợ đeo đẳng như xác chết mà Linda Lê thường nhắc tới. Cái cảm giác về "tự truyện", hay cảm giác khác, "sự ăn mình" khi đọc Linda Lê là có thể hiểu được. Tuy nhiên, giữa hư cấu và ứng xử thực tế có khoảng cách lớn: đừng dễ dàng tin những lời bề ngoài về việc Linda Lê không còn biết Tiếng Việt hay không lựa chọn Tiếng Việt để suy xét ứng xử của nhà văn. Thậm chí, sự chối bỏ quyết liệt có thể là một điều kiện của sáng tạo. Quá khứ, gốc tích, định kiến, sự trói buộc, tất cả - mọi xiềng xích theo nghĩa rộng nhất - cần được thiêu rụi.

Để đến được sự giải thoát, mỗi cá nhân phải sẵn sàng dìm mình trong điên cuồng, trong cuộc chiến đấu đau đớn chống lại mọi thói quen ù lì, dễ dãi, dù ngay khi nỗ lực phóng mình ra khỏi những xiềng xích, chúng ta vẫn không thể thoát khỏi bóng ma của nó, những vết trói còn hằn trên da thịt chúng ta. Nhân vật của Linda Lê, cũng như chính người đọc khi tham gia vào thế giới của cô, bị đẩy đến chỗ phải tự lập phiên tòa của mình, và phải nổi loạn. Như ngọn lửa, nổi loạn là một phẩm tính của văn chương. Vì nó giải phóng con người. Vì nó cứu vãn sự quên lãng. Vì nó sẵn sàng thiêu rụi hư danh phù phiếm nhẹ bẫng của tác phẩm để đốt cháy trái tim.

Vì thế, là quái đản hay gàn gỏi những bí mật bật ra từ các từ thi trong văn Linda Lê, xác chết của kẻ tử vì đạo, kẻ hiến mình, dù có thể chỉ hiển sinh cho chính cuộc thám hiểm rối loạn vào nội tâm. Một từ "sách" có thể "*thình lình, tách khỏi trang giấy, nhẩy vọt lên, cắn vào cổ người đọc*". Con Ruồi - kẻ sống bằng thói rữa - có thể đến hôn lên nỗi tổn thương, trở thành Nàng Thơ mới, và giống như nó, tôi - thi sĩ "*sẽ sống bằng thói rữa của đời này, sẽ gieo khắp nơi mầm ô nhục*". (tr.9). Người thi sĩ, như Rimbaud đi trong mùa địa ngục, như Baudelaire lặn ngập trong cái ác, cái chán chường, khi mất Nàng Thơ Đẹp, thì cái Thối Rữa, cái U Ám có thể trở thành một thứ bùa ngải, một bí mật, một vưu vật. Mặc dù sự nuông chiều cảm hứng lại tiếp tục đẩy thi sĩ vào nghịch cảnh mới: bày ruồi nổi loạn và cuối cùng, thi sĩ đã thành vật hiến tế cho một thứ Phản Đạo được lưu truyền qua cuốn Kinh Bát Kính đầy ngập ruồi.

Cũng như những cơn ác mộng, những câu chuyện từ thế giới Lida Lê hầu như rất khó để kể lại, chúng tuột khỏi trí nhớ tôi, và tôi, vừa nhẹ nhõm hơn, vừa nuối tiếc không dứt về cái bí mật quyến rũ khó cưỡng của đêm khuya. Linda Lê xóa khoảng cách của cơn mộng và thực tại, bằng cách đưa thẳng người đọc nhập vào thế giới ấy với ngôn từ nóng bỏng, liên tưởng siêu thực bất ngờ mà xác đáng. Những hư cấu, ngụ ngôn và ẩn dụ, cùng sự đa nghĩa trùng phức cũng sinh ra bất tận từ những va chạm của từ ngữ hút chặt nhau bởi sự trái dấu và nhịp điệu



cuộn xiết mà không có vẻ sắp xếp giả tạo hay cố ý làm dáng. Nhịp điệu ấy truyền cho ta sự phấn khích của hành trình viết và đọc, một hành trình bị đẩy tới hồ thẳm đồng thời kích thích sự tự thách thức vượt qua giới hạn. Giấc mơ là một cách vượt qua giới hạn của thường nhật, và càng nằm mơ, bạn càng có nguy cơ mê mải với những giấc mơ của chính mình.

Những hoảng loạn, sự quái đản, những bí mật gây choáng váng, sợ hãi (nhất là những bí mật làm choáng váng bị ghìm nén đến những chữ cuối cùng như trong truyện *Sợi tóc*)... có thể cũng chính là sức mạnh của ngôn từ Linda Lê. Thuộc vào những nhà văn dị biệt, đọc Linda Lê không dễ có niềm vui. Ngôn từ của cô, nếu bị cuốn theo, sẽ đẩy ta vào tình trạng giam hãm không lối thoát, phải đối diện với cái tôi kì dị nằm sâu trong mình. Những trang viết của Linda Lê thực chất có thể coi như cuộc độc thoại kéo dài. Tuy nhiên, chính ở việc tự hành xác trong chuỗi độc thoại đó, người ta có thể tìm được sự giải thoát: Hoặc là viết, hoặc là đọc, dù cả hai đều có nguy cơ phải đổi bằng cái chết thân xác.

Chính ở đây, tôi muốn lưu tâm hơn đến một *kiểu nhân vật* trong tác phẩm của cô: kiểu nhân vật – người đọc. Kiểu nhân vật này xuất hiện ẩn tượng trong *Vu không* như kẻ sùng bái sách vở, kẻ thấy phép màu hiện ra khi phát hiện “dấu hiệu” từ trang sách, kẻ đắm tàu “*thấy một bàn tay nơi chân trời, một bàn tay cử động trên mặt nước, một bàn tay sống*”, “*một bàn tay ra hiệu cho tôi và bảo tôi ít ra chúng tôi cũng là hai người đắm tàu trong biển cả cô đơn này*”. (*Vu không*, tr 158). Những trang viết chìm đắm thường đem lại nỗi tuyệt vọng, trong chính thể giới của sách, đồng thời cũng đem lại hi vọng giải thoát, hay ngược lại, cảm giác hi vọng về sự giải thoát từ thế giới sách đồng thời đem lại nỗi tuyệt vọng. Cho nên, nhân vật trong *Vết cắn* cuối cùng phải trả giá, hay được đón nhận cái chết, vì một từ “sách”. Lebol trong *Ngày Bonel gặp người viết điệu văn khóc mình*, một tác phẩm như soi lại cuộc đời và tác phẩm của L.Borges, cũng phải trả giá bằng cái chết thân xác cho sự đọc. Và, nhìn rộng hơn, thế giới của Linda Lê, như nhiều nhà văn quan trọng trên thế giới, đã không chỉ cho chúng ta thấy tư cách *một nhà văn đáng kể*, mà còn là, và luôn là *một người đọc đáng kể*.

Tôi có được gì từ Linda Lê? Tôi không thích dùng từ Ngưỡng Mộ hay Cảm Phục. Những từ đó với tôi có phần xa lạ lẫn phù du. Tôi không phải fan của một ngôi sao ca nhạc. Với một nhà văn mà toàn bộ sự quyến rũ cũng như số phận của họ dường như nằm trong chữ nghĩa, ta buộc phải đọc đi đọc lại nhiều lần và sẵn sàng cùng tác giả truy đuổi nội tâm riết róng của chính mình. Những nhà văn chọn con đường hẹp và khó để đi thường là những kẻ có khả năng dò dẫm ra những điều bí mật tận đáy sâu. Nhưng điều rõ ràng, bất cứ người viết nào cũng có thể tìm kiếm con đường của riêng mình, nỗ lực vượt qua những biên giới địa lý và sự xa lạ, tái tạo căn cước trong ngôn ngữ. Ngôn ngữ có thể giữ ta lại trên những miệng vực. Nó cứu sống và cũng có thể bất ngờ đẩy ta vào cõi chết đậm đặc bóng tối.

Tôi không tự xếp mình là “người đọc của Linda Lê”, tôi chỉ muốn nói về người đọc Linda Lê như tôi hình dung. Tôi cho rằng, một người đọc đích thực, một người đọc khẩn thiết với cá nhân mình, như nhiều nhân vật – người đọc trong tác phẩm của Linda Lê, cũng sẽ tìm kiếm con đường như kẻ viết, con đường để phá vỡ những giới hạn đầy mặc cảm, phá vỡ nỗi sợ hãi vì biết không bao giờ ta chạm được đến hiện thực và đến tận cùng câu chữ. Nếu nhà văn, như tôi hiểu, không phải kẻ có khả năng viết ra trơn tru những câu văn, mà là kẻ có thể dính cả da thịt mình vào chữ nghĩa, kẻ không ngừng đấu tranh với lũ quỷ của mình thì người đọc, không phải kẻ có khả năng đọc và nhận xét về một cuốn sách như thứ ở ngoài mình, mà ở nghĩa đậm đặc nhất, giàu có nhất của từ này, chính là kẻ sẵn sàng ngồi một mình trong phòng tối, trong cô độc với cuốn sách. Kẻ đó không đọc, mà sống với từng câu chữ, đón nhận cả những cú sát thương bất ngờ, khi câu chữ có thể nhảy ra cắn cổ.

26.10.2010

## Sen hồng đang bộ

Tôi vừa trang điểm xong. Phấn son làm mặt tôi bớt xanh xao, nhưng chiếc áo dài VN khá chật lại làm thân hình đầy đặn của tôi thêm ú na ú nần. Lẽ ra mặc kiểu Mỹ thì dễ coi hơn nhưng tôi vẫn cố mặc quốc phục khi phải tiếp khách ngoại quốc tại nhà, phần để giữ thể diện gốc Việt phần để thích hợp với lối trang trí trong phòng khách có nón lá đàn tranh, tấm sơn mài tả cảnh cây rơm mái rạ và chiếc kệ cần xà cừ thờ Phật và ảnh mẹ tôi.

Ngộ một điều là khách của tôi bữa nay chẳng phải người ớn nghĩa hay bè thế gì mà chỉ là một cô gái Mỹ bình thường, tuổi 19 và tên Vicki nhưng tôi phải trang trọng hơn thường lệ vì cháu chính là bạn của Johnny, đứa con duy nhất của tôi.

Johnny sanh trường tại Mỹ đã quen Vicki khá lâu ở trường, bây giờ thân mật hơn sao đó nên mới dẫn về nhà giới thiệu. Theo Johnny, Vicki là Mỹ 100% nghĩa là cha mẹ đều gốc Âu và tổ tiên đã nhiều đời ở Mỹ.

Một mình ngồi chờ Johnny đi đón Vicki đến, tôi mơ xa lại nghĩ gần. Nếu một mai hai cháu có duyên nợ, tôi phải làm sao đây với biết bao sự cách biệt giữa mẹ chồng nàng dâu. Cách biệt tuổi tác, ngôn ngữ, chủng tộc đã đành nhưng sao khỏi ái ngại về cách biệt phong tục và tín ngưỡng vì đã Mỹ 100% như Vicki thì hẳn là thờ phượng Thiên Chúa. Tôi không kỳ thị tôn giáo và nghĩ cũng đành chấp nhận thôi nhưng sẽ buồn biết mấy nếu không được thấy cảnh hai cháu khấn lạy Phật và ảnh mẹ tôi trong ngày cưới.

Khi Johnny đưa Vicki vào phòng khách, tuấn nang trên kệ thờ chưa tàn, tôi vội hỏi Vicki như để xin lỗi là cháu có dị ứng với mùi nhang không. Cháu lắc đầu rồi nói qua ánh mắt rất hồn nhiên là cháu cũng theo đạo Phật.

Tôi sửng sốt trước khi mừng rỡ. Có thể nào cô gái tóc vàng hoe mắt xanh thắm này là người đồng đạo. Biết bao nhiêu điều tôi náo nức muốn hỏi thêm như tự ý cháu theo đạo Phật hay qua cha mẹ, đi chùa, thầy nào, Mỹ hay Việt, nhưng sự nhớ đám trẻ không thích mấy người lớn hạch hỏi, tôi chỉ thành thật nói là mừng thấy cháu và Johnny có điểm giống nhau rồi lảng sang chuyện khác.

Khi Johnny đưa Vicki ra về, tôi đâm ra thắc mắc không biết bằng cách nào đạo Phật đã đến Mỹ. Từ đó, tôi dành một ít thì giờ rảnh rỗi đến thư viện đọc không thiếu gì sách báo viết về Phật giáo ở Mỹ, rồi cố tóm tắt lại để san sẻ với những người muốn biết thêm về vấn đề này.

\*

Sự hiện diện đầu tiên của Phật giáo ở Mỹ được ghi nhận vào năm 1844, khi tạp chí triết học "The Dial" ở New England đăng bản dịch Kinh Liên Hoa. Nhưng thuở đó người Mỹ chưa mấy ai để ý đến Phật Giáo.

Từ năm 1849 bắt đầu có các đợt di dân của người Trung Hoa đến California lập nghiệp, lúc đầu hàng trăm rồi đến hàng ngàn vào thời "Gold Rush" khi người bản xứ đổ xô về đây tìm vàng. Hầu hết những người Trung Hoa này là Phật tử nhưng việc thờ phượng và tu tập chỉ giới hạn trong cộng đồng của họ nên chưa có ảnh hưởng trực tiếp nào đến người Mỹ.

Về mặt gián tiếp, chính nhờ sự có mặt của họ, một số văn sĩ và các nhà tư tưởng Mỹ hiếu kỳ và phóng khoáng bắt đầu tìm hiểu và viết về văn hóa cũng như tín ngưỡng của Á Châu, trong đó

có Phật giáo. Tác phẩm của những người này đã gieo ý niệm Phật giáo và phản ảnh tư tưởng Phật Giáo đến giới trí thức Mỹ, xin nêu danh tánh số người Mỹ có cơ duyên và công quả với Phật Giáo này:

Trước hết là ông Henry David Thoreau viết cho tờ "The Dial" kể trên và thuộc khuynh hướng của nhóm Transcendentalists" (những người theo chủ nghĩa siêu việt luận, nghiên cứu liên hệ huyền bí giữa người với thiên nhiên và vũ trụ). Ông trích dẫn kinh điển, luận giải Phật Giáo với sự tinh tế và thiện cảm. Kế đến là ông Ralph Waldo Emerson mục sư, văn sĩ và triết gia ở Massachusetts, cũng trong nhóm "Transcendentalists" Ông không đồng ý với tất cả giáo lý của Đức Phật nhưng nêu ra những điểm phù hợp với quan niệm của ông như: Sự phân biệt bản thể với ngoại cảnh chỉ là ảo giác và ảo giác này sẽ tan biến khi được giác ngộ. Đặc biệt hơn cả có lẽ là ông Henry Steel Olcott và bà Helena Petrovna Blavatsky gốc Nga, bạn đồng chí hướng của ông. Hai người cùng sáng lập hội Theosophical Society (thông thần học) ở Nữu Ước năm 1875 nghiên cứu quan điểm Phật Giáo và Bà La Môn về thuyết luân hồi và sự tiến hóa của tâm linh, cũng như làm gạch nối giữa Ấn Độ và các nước phương Tây, không chỉ truyền bá Phật pháp họ còn quy y Tam bảo năm 1880 tại Tích Lan khi đang tham gia Phật sự ở đó và trở thành người Mỹ gốc Âu đầu tiên làm như vậy.

Trở về với người Trung Hoa, ngoài việc được coi là những phật tử đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ họ còn kiến lập ngôi chùa đầu tiên vào năm 1853 ở San Francisco, chính họ đã đặt nền tảng Phật giáo ở Mỹ. Bây giờ chuyển qua việc phát triển và xây dựng cấu trúc Phật giáo tại đây thì phải kể đến các học giả và thiền sư Nhật. Tiếng nói chính thức của Phật giáo được cất lên lần đầu tiên ở Mỹ là khi Thiền sư Soyen Shaku thuyết giảng về lý nhân duyên trong đạo Phật tại Diễn đàn thế giới của các tôn giáo (World's Parliament of Religions) ở Chicagon năm 1893. Cuộc thuyết giảng gây được tiếng vang trong quần chúng Mỹ. Một nhà xuất bản của Illinois, ông Paul Carus, tiếp xúc với thiền sư Shaku để viết cuốn "The Gospel of Buddha" (Giáo lý của Đức Phật). Người Nhật cũng bắt đầu dịch kinh sách Phật ra anh ngữ, trong đó có tiến sĩ Suzuki Sau bao năm tận tụy với công việc này ông trở thành dịch giả kinh sách Phật tài giỏi và khả kính nhất và được mời giảng dạy tại Đại học Columbia, với uy tín này ông đã phát động mạnh mẽ phong trào thiền học trong thập niên 1950.

Người Mỹ gốc Nhật lại sáng lập một số hội đoàn Phật giáo đầu tiên ở Mỹ như đoàn thanh niên Phật tử Young Men's Buddhist Association tương tự như YMCA của Thiên Chúa giáo, hội Phật giáo Bắc Mỹ Buddhist Mission to North America bắt đầu hoạt động năm 1899 cải danh thành Buddhist Churches of America (các giáo hội Phật giáo của Mỹ) năm 1945. Đặc biệt là họ lúc nào cũng tìm cách chấn chỉnh các tổ chức Phật giáo để mở tầm hoạt động đến toàn thể phật tử ở Mỹ thay vì chỉ giới hạn riêng từng cộng đồng thiểu số. Trong nỗ lực này, Phật giáo hội Hoa Kỳ mở trụ sở chính ở quận Bronx thuộc thành phố Nữu Ước năm 1964 để phát huy Thiền học toàn nước Mỹ.

Trên đây là sơ lược những bước đầu của Phật Giáo ở Mỹ, nổi bật những đóng góp lớn lao của người Trung Hoa, Mỹ và Nhật.

Giờ xin nói ngay đến thời gian gần đây và hiện tại, khi Phật giáo trở nên phổ thông hơn và bất ngờ sinh động hẳn lên trong dòng chính Mỹ.

Bất ngờ nữa là động lực chính của sự sinh động đó lại xuất phát từ hai cộng đồng sinh sau đẻ muộn: Tây Tạng và VN.

Số người Tây tạng ở Mỹ thì chẳng là bao so với các sắc dân thiểu số khác, nhưng họ được quần chúng Mỹ đặc biệt lưu tâm và có thiện cảm từ thập niên 1950 khi Trung Quốc bắt đầu

thống trị Tây tạng với chính sách hà khắc hơn khiến hàng trăm ngàn Phật tử xứ này trốn sang Ấn Độ sống lưu vong.

Thêm vào đó, sự huyền bí của Tây tạng với các truyền thống Phật giáo kỳ diệu, cũng như các cuộc viếng thăm Mỹ của Đức Đạt Lai Lạt Ma (được trao giải Nobel Hòa Bình năm 1989) với những buổi thuyết pháp cõi mở và xúc cảm, đã gây được ảnh hưởng trong một số sinh hoạt ở Mỹ, đặc biệt là lãnh vực điện ảnh.

Điều này rất quan trọng trong việc đưa Phật giáo đến gần quần chúng Mỹ hơn vì họ rất thích xem phim và tự hào về kỹ nghệ điện ảnh của họ (Họ đã bầu các tài tử Clint Eastwood vào chức thị trưởng, Arnold Schwarzenegger chức thống đốc và Ronald Reagan chức tổng thống. Có người nói sản xuất một cuốn phim hơn là xây một tu viện vì tu viện chỉ đứng một chỗ còn phim thì đi khắp nơi, mặt khác chi phí thực hiện một cuốn phim ở Mỹ thường là nhiều hơn chi phí xây một tu viện.) Thật ra trong thập niên 1930 đã có phim "Lost Horizon" chiếu cảnh Tây tạng với các tu sĩ Phật giáo sống trong một tu viện hẻo lánh trên dãy Hy Mã Lạp Sơn, nhưng không nói gì đến Phật giáo. Mãi đến thập niên 1990, Hollywood chung cuộc mới sản xuất một số phim có thực chất Phật giáo như "Little Buddha" gồm hai tiểu truyện: một em bé Mỹ được coi là có thể trở thành Lạt Ma và tiểu sử của Thái tử Tất Đạt Ma, phim "Seven Years in Tibet" về một người Áo đã quy y Tam Bảo trong khi sống ở Tây Tạng, đặc biệt là phim "Kundun" về cuộc đời của Đức Đạt Lai Lạt Ma từ nhỏ đến khi lưu vong ở Ấn Độ. Phim này được truyền thông Mỹ nói đến rất nhiều vì có sự tham gia thực hiện của hai người nổi tiếng đương thời là nhà soạn nhạc Philip Glass và đạo diễn Martin Scorsese. Mặt khác cũng có một số tài tử Mỹ ngưỡng mộ Phật giáo, điển hình là siêu sao Richard Gere của phim "Pretty Women" "An Officer and a Gentlemen" và mới đây là "Shall We Dance". Anh hiện là một Phật tử và tích cực giúp đỡ cộng đồng Phật giáo Tây tạng đang lưu vong ở Ấn Độ. Các tài tử Hollywood khác chịu ảnh hưởng Phật giáo là Sharon Stone, Patrick Swayze và Willen Dafoe. Nhưng không chỉ có Hollywood quay phim Phật giáo. Một số hãng phim độc lập cũng có lúc chọn đề tài Phật giáo như phim "The Jew in the Lotus" (người Do Thái trong đóa sen) thể hiện các mối liên hệ giữa tín đồ Do Thái Giáo và tu sĩ Phật Giáo.

Ngoài điện ảnh, Phật giáo cũng ảnh hưởng đến nhạc Mỹ. Đối với số đông thích rock and roll, bài ca đầu tiên họ nghe nói đến Phật giáo hẳn là "Bodhisattva" (Đức Bồ Tát) của Steely Dan năm 1973. Theo thời gian, có thêm các nhạc sĩ theo đạo Phật như anh Herbie Han\*censored\*, dương cầm thủ nhạc Jazz và danh ca Tona Turner, cả trong thể nhạc rap cũng có thanh hưởng Phật giáo qua ca nhạc sĩ Adam Yauch trong ban The Beastie Boys từng đoạt giải MTV Music Award 2001. Anh đặt tên nhạc phẩm của anh là "Bodhisattva Vow" (Lời Nguyện Bồ Tát) vì anh nguyện quy y Phật pháp. Một số nhạc sĩ khác lại soạn những ca khúc tán tụng giáo lý của Đức Phật như Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, tiêu biểu nhất là các bài trong hai băng nhạc "Dharma Moon" (Ánh Trăng Giáo Pháp) và "Bottom of the Sea" (Đáy Đại Dương) của ca đoàn Dharma Moon dưới sự hướng dẫn của nhạc sư Parimata Nathaniel.

Chính Đức Đạt Lai Lạt Ma và Phật Giáo Tây Tạng đã chuyển hóa sự quan tâm đến Phật giáo của một số người Mỹ thành sự say mê Phật giáo. Sự chuyển hóa này rất mực quan trọng vì nhờ yếu tố say mê, người Mỹ có thái độ tích cực hơn với Phật giáo.

Bây giờ đến lượt VN.

Hẳn nhiên cộng đồng Phật tử VN tại Mỹ thành hình và tăng trưởng qua các đợt di tản từ VN sau biến cố 30 tháng 4 năm 1975, nhưng sách báo Mỹ đều ghi nhận hai vị tiên phong của Phật Giáo VN ở Mỹ là quý thầy Thích Thiên Ân và Thích Nhất Hạnh.

Thầy Thích Thiên Ân đến Mỹ năm 1966 với tư cách giáo sư thỉnh giảng tại Đại Học UCLA ở Los Angeles. Sinh viên ở đây cảm phục thầy nên thỉnh cầu thầy mở rộng phạm vi giảng dạy, đặc biệt là Thiên.

Thầy sáng lập và làm viện chủ Thiện Viện Quốc Tế năm 1970 rời Viện Đại Học Đông Phương năm 1973. Năm 1975 thầy sáng lập Chùa VN ở Los Angeles và có cơ duyên giúp số đông Phật tử di tản định cư ở Nam California. Mấy năm kế tiếp thầy sáng lập và tham gia thành lập một số cơ sở và hội đoàn khác, quan trọng nhất là cùng thầy Thích Mãn Giác mời các hội Phật giáo VN thành lập Tổng Hội Phật Giáo VN tại Hoa Kỳ năm 1978.

Người Mỹ cũng xem thầy là một nhà văn khéo kết hợp Đông Tây và đã hướng dẫn một số trí thức Mỹ thành các nhân vật chính yếu của Trung Tâm Phật Giáo Hoa Kỳ. Thầy viên tịch năm 1980 và vị kế nhiệm là Thầy Thích Mãn Giác, Hiện hàng năm các hàng giáo phẩm và Phật tử đều cử hành lễ tưởng niệm để ghi nhớ công quả của thầy trong việc phát huy Phật giáo ở Mỹ. Thầy Thích Nhất Hạnh đến Mỹ năm 1961 để nghiên cứu tôn giáo tại Đại học Princeton và thuyết giảng Phật giáo tại đại học Columbia, thầy trở về VN năm 1964 rồi sau định cư ở Pháp và chỉ viếng thăm chừa bao giờ thường trú ở Mỹ. Người Mỹ bắt đầu quý mến thầy từ giữa thập niên 1960 qua cuốn "Lotus in the Sea of Fire" (Đóa sen trong biển lửa) phản ánh quan niệm của Phật giáo về chiến tranh và thể hiện ý nguyện của thầy về một giải pháp hòa bình cho chiến cuộc VN bấy giờ.

Những năm tiếp đó, người Mỹ lại đọc thêm hàng chục văn thi phẩm của thầy về Phật giáo, hầu hết bằng anh ngữ, chỉ một ít nguyên tác Việt ngữ được chuyển dịch như "Đường Xưa Mây Trắng" (Old path white clouds, dịch giả từ nữ văn sĩ và đông y sĩ Mobil Ho) và "Thương yêu theo phương pháp Bụt dạy" (Teachings on Love, dịch giả là Mobil Warren và Annabel Laity). Các sách nguyên tác anh ngữ tiêu biểu của thầy là Peace is Every Step về tinh thức trong cuộc sống thường nhật, Love in Action về cải thiện xã hội bằng tình thương và Zen Keys về thực tập Thiền. Qua các cuốn sách này thầy hướng dẫn hết sức tinh tế việc áp dụng giáo lý cao siêu của Đức Phật vào việc giải quyết các vấn đề tâm thường của từng cá nhân, gia đình và xã hội Mỹ đương thời. Sự hướng dẫn này không chỉ được truyền đạt qua sách báo, lập tu viện.

Dân chúng Âu Mỹ xưng tụng thầy là vị sư có ảnh hưởng và được trọng vọng nhất ở phương Tây chỉ sau Đức Đạt Lai Lạt Ma, cố mục sư Martin Luther King, Jr... nhà lãnh đạo tranh đấu nhân quyền của người Mỹ gốc Phi Châu đã đề cử thầy lãnh giải Hòa Bình Nobel. Công của thầy là vô lượng trong khi bài này là một tóm lược thô sơ nên chỉ xin kể thêm một công quả quan trọng khác của thầy là việc du nhập chủ thuyết Phật giáo phải dẫn thân giúp cải thiện nếp sống xã hội (Engaged Buddhism). Cuốn "Buddhist Faith in America" liệt kê việc du nhập này vào mục các mốc lịch sử trọng đại của Phật giáo ở Mỹ với lời chú "Thập niên 1960: Vị sư VN Thích Nhất Hạnh du nhập vào phương Tây chủ thuyết Phật giáo dẫn thân". Tiêu biểu cho ảnh hưởng của chủ thuyết này là việc thành lập liên minh Phật tử dẫn thân đa quốc gia "Buddhist Alliance for Social Engagement" để thực hiện các chương trình hỗ trợ công tác xã hội, trước tiên là ở Mỹ rồi sẽ đến Châu Mỹ La Tinh và Á Châu. Họ tuyển thiện nguyện viên, hướng dẫn, cung cấp phương tiện và gởi đến các nhà tù, bệnh viện, bệnh xá, lưu xá người vô gia cư, lưu xá người mắc bệnh nan y, dưỡng trí viện, dưỡng viện lão niên, trại cải huấn thiếu niên phạm pháp tụ tập Phật giáo để cải thiện bản thân hay hoàn cảnh.

Dẫu sao, chủ lực của cộng đồng Phật giáo VN ở Mỹ chính là các thầy và hàng trăm ngàn Phật tử di tản. Sự đóng góp của họ vào việc phát triển Phật giáo ở Mỹ thật không thể tưởng tượng được. Chỉ 30 năm qua và chỉ riêng tại California, họ đã kiến lập trên 100 ngôi chùa, tịnh xá, tịnh thất, tu viện, tự viện, thiền viện, niệm Phật đường, tổ đình và đạo tràng (theo thống kê của chùa Pháp Vân, CA). Con số tại các tiểu bang khác là trên 150, cộng chung toàn nước Mỹ là trên 250. Tại các nơi đông đúc người VN đã đành nhưng cả các nơi xa xôi hẻo lánh như Alabama

cũng có Chùa Giác Chánh, Indiana có Chùa An Lạc, Utah: Chùa Tam Bảo, New Hamshire: Chùa Phước Diệm. Giới thẩm quyền tôn giáo ước lượng tổng số phật tử ở Mỹ hiện nay từ 4 đến 6 triệu, đa số thuộc các cộng đồng Trung Hoa, Nhật, VN, Thái Lan, Đại Hàn, Ấn Độ, Cam Bốt, Miến Điện và Lào.

Phần cuối xin trở lại chút riêng tư: qua mấy tháng xem sách báo kể trên, một số hình ảnh đã làm tôi xúc động và sẽ không bao giờ quên như: Sự hiện diện của Phật Giáo Hòa Hảo và Cao Đài ở Mỹ, cảnh mấy người Âu cao lênh khênh bước cạnh thầy Thích Nhất Hạnh để thực tập Thiền hành: tuần báo Times đề ngày 13/10/1997 với hình bìa và một thiên phóng sự đặc biệt về Phật giáo ở Mỹ (Times là tuần báo đông độc giả nhất phát hành trên 4 triệu số mỗi kỳ) ảnh một toán đông học sinh trẻ măng và toàn gốc Âu đang tập ngồi Thiền, mắt nhắm lại nhưng nụ cười tươi tắn, thanh thản. Tiếc không thể đi xa hơn vì đây không phải là một bài biên thảo. Xin xem đây chỉ là lời què góp nhặt, mong được lượng thứ nếu có sai lầm, để viết thêm về nước Mỹ, nơi mà chính sách tự do tôn giáo sáng tỏ như ánh mặt trời để trăm loài hoa biểu tượng tôn giáo cùng đua nở, trong đó có những đóa sen hồng đang độ.

## Nam Dao giới thiệu: Lọ mực, Người khách

NXB Văn Học và Nhã Nam vừa phổ biến tập truyện ngắn *Lại chơi với lửa* của Linda Lê, do Nguyễn Khánh Long dịch từ nguyên bản tiếng Pháp *Autres jeux avec le feu* ( Christian Bourgeois Ed, 2002). AMVC đã có dịp thưởng thức *Vu Khổng* của tác giả và dịch giả này. Văn Linda Lê không dễ dãi nên hẳn kén chọn độc giả, nhưng nếu có duyên ấy giữa đọc và viết, thì tôi tin độc giả sẽ gắn bó và tác giả chẳng bao giờ phụ lòng. Xin giới thiệu 2 truyện, Lọ mực và Người khách.

### **Lọ mực**

Tôi không còn biết đích xác mọi chuyện bắt đầu lúc nào. Bữa đó tôi đang sốt, nhưng tôi vẫn làm việc không ngưng nghỉ, vì ngày Đại hội đã gần kề và Lãnh Tụ cần bài diễn văn của ông. Ai ai cũng đón chờ nó, bài diễn văn của kỉ nguyên đạo đức mới. Lãnh Tụ mỗi ngày điện thoại cho tôi cả chục lần khích lệ tôi, *Cứ nói toạc hết đi, nghe bé con. Tao phải cho chúng nó thất điên bát đảo lên mới được.* Trước nay tôi vẫn thán phục nơi ông con người hành động, chẳng thắc mắc mọi từ ngữ. Kho từ vựng của ông chỉ gồm vài công thức hùng hồn. Thế nhưng ông biết dân chúng thích những người tài hùng biện và cứ cho hùng biện là phẩm chất trên hết của César<sup>1</sup>. Tôi lại càng ý thức tầm quan trọng của sứ mạng của tôi vì Lãnh Tụ, khi không đích thân đến, phái người nhắc tôi rằng bài diễn văn ấy sẽ quyết định sự nghiệp ông, thời gian gần đây bị ngáng trở trầm trọng do địch thủ đã biết khai thác một số sai lầm chiến lược của chúng tôi. *Bọc đường ngọt cho chúng nuốt, nghe bé con, còn thì để đó tao.* Tôi dư biết Lãnh Tụ vô cùng giỏi lời cuốn thiên hạ theo mình. Trường hợp tôi hẳn là tỉ dụ hiển nhiên nhất của sự mê hoặc ông gây nên nơi tất cả những ai, ít nhiều lạc lõng trong cuộc đời, sẵn sàng hiến trọn hồn xác cho một khuôn mặt uy quyền. Có những kẻ mang số kiếp làm âm binh phục tùng một mảnh lược. Tôi thuộc số những kẻ ấy, những kẻ cần được một ý chí bên ngoài cuốn theo, một ý chí biểu dương vừa uy lực vừa an toàn. Người ta có thể đi tìm căn nguyên sự tùy thuộc ấy trong quá khứ gia đình tôi, đau khổ của tôi có một người cha yếu đuối lúc nào cũng sợ ẩu đá và đùng gì cũng bảo, *Có gì đâu, mình đừng gây chuyện.* Nhưng tôi tránh không để mình sa vào những xét nét nội tâm kiểu ấy. Chỉ là những trò nhõng nhẽo của bọn con gái bạc nhược, Lãnh Tụ bảo thế. Từ khi gặp ông, tôi đã biết thôi không tự tra vấn mình về mình nữa và hiểu rằng, muốn cảm thấy mình hữu dụng, tôi phải góp phần xây dựng một xứ sở mới, tẩy sạch những căn bã tinh thần và những ô trọc những lũ mọi rợ đã đem vào đất nước ta. Nơi nơi phong tục suy đồi, tác

hại cho văn minh của ta còn hơn cỏ dại làm hại hoa màu. Dường như tôi đã viết câu ấy trong diễn văn đầu tiên của Lãnh Tụ. Nó rất được tán thưởng nhưng, nghĩ lại, Lãnh Tụ đã yêu cầu tôi về sau nên bớt hoa mỹ, bớt hình ảnh, mà thêm những động từ sắc sảo. Tôi cho ông là phải. Với bài cho Đại hội sắp tới này, tôi đã cố gắng như thế. Tôi đã viết cả chục bản khác nhau. Chưa bản nào làm tôi ưng ý cả. Bản thì quá cầu kỳ thành ra quá khô khan không thể làm rung động lòng người. Bản thì sa đà vào những suy tưởng về tương lai và Lãnh Tụ bảo, *Mềm yếu quá, bé con ạ, chẳng tác dụng gì hết*. Bản thì chắc được đấy, nhưng lại thiếu những khẩu hiệu dễ nhớ. Tôi kiệt lực. Còn ba ngày nữa đến Đại hội rồi mà tôi vẫn chưa tìm ra ngón nào biến diễn văn này thành một cơ hội lịch sử, sẽ đưa Lãnh Tụ trở lại ngôi vị hàng đầu. Một mồi và những đêm lạnh thức trắng để viết khiến tôi phát sốt. Có lẽ tôi đã không nên cố cưỡng lại cảm thức kiệt quệ bằng cách uống hàng lít cà-phê và nuốt thuốc kích thích. Đây là lần đầu tôi lại dùng thuốc từ khi thi xong đại học. Sau khi gặp Lãnh Tụ tôi đã từ bỏ hết mọi ma túy, thuốc ngủ, thuốc kích thích, thuốc lá. Một tinh thần lành mạnh trong một cơ thể lành mạnh. Nhưng bài diễn văn bao người trông đợi này khiến tôi căng thẳng thần kinh đến độ tôi phải nhờ đến những cách xoay sở ngày trước. Điều thuốc thứ nhất đốt lên sau bao nhiêu năm mới đầu khiến tôi lợm giọng. Tôi lại có cái cảm giác thời niên thiếu, khi hút thuốc đầu tiên cùng với Lynx<sup>2</sup>. Hồi đó tôi coi hấn như anh. Hấn đọc Stirner<sup>3</sup> và hầu như đến đâu cũng gieo rắc mầm nổi loạn, nhưng lại không muốn đổi thay thế giới : trật tự cũ kĩ còn nguyên vẹn thì hấn mới có thể tiếp tục sống như một kẻ ngoại cuộc. Thỉnh thoảng hấn đi dán bích chương cho một băng đảng vô chính phủ nào đó chẳng mấy ai biết. Hấn dần thân có thể thôi. Còn tôi, tôi không quan tâm đến chính trị. Tiện dịp thì tôi hưởng ứng, để chứng tỏ cùng phe với hấn hơn là vì tin tưởng. Đây là người bạn duy nhất của tôi. Thế rồi, năm thi tú tài, một cô học trò mới xuất hiện trong lớp chúng tôi. Cô đến từ một xứ xa xôi. Cô mang tới nóng ấm và một dáng vẻ trang nghiêm nhưng lại bùng lên, vào lúc bắt ngờ nhất, một nụ cười rạng rỡ. Tôi si mê cô. Lynx cũng vậy. Cô không tỏ lộ gì, bao giờ cũng gặp chung chúng tôi và tặng chúng tôi cùng những món quà như nhau. Món quà đầu tiên tôi nhận được, đó là lọ mực vẫn còn trên bàn tôi. Tôi chấm bút lọ mực này mỗi lần viết diễn từ cho Lãnh Tụ. Lynx cũng có một lọ mực y hệt và, tôi dự biết, giữ khư khư bên mình. Hấn chấm bút lọ mực ấy mỗi khi thảo những bài dài dằng dặc cho lão chủ chốt phe địch thủ tuyên đọc. Chính vì lọ mực ấy mà hai chúng tôi vẫn trung thành với ngôi bút, khi từ lâu ai ai cũng đã chọn máy vi tính. Chính vì lọ mực ấy mà tôi đã bước vào chính trường bằng cửa hậu, và Lynx, đến lượt hấn, để đối nghịch với tôi, chống phá tôi, và vạch rõ sự khinh rẻ của hấn đối với tôi, Lynx, kẻ bất kham mọi ý niệm đảng phái, đã đầu quân cho phe tả ôn hoà. Hấn không chấp nhận quan niệm một chủ nghĩa xã hội thực tế và chừng mực, nhưng biết rằng, trong một nhóm nhỏ ngoài lề, tiếng nói của hấn sẽ chẳng có ảnh hưởng gì, và hấn sẽ không thể, như từ bao năm nay qua trung gian lão chủ chốt của hấn, đối đáp từng điểm một những bài diễn văn tôi đặt vào miệng Lãnh Tụ. Tôi sáng khoái không tả xiết mỗi lần chấm bút lọ mực này viết ra lòng thù hận của tôi đối với Lynx cùng tất cả những gì hấn là hiện thân. Hồi đầu, tôi viết do cảm thức tri ân đối với Lãnh Tụ, người đã đón nhận tôi vào lúc cuộc đời bỏ rơi tôi. Mẹ tôi chết. Cha tôi sống khép kín, lúc nào cũng run sợ. Tôi thành giáo sư, và người ta đã bổ nhiệm tôi đến ngoại ô một thành phố lớn, nơi học trò, cái lũ đáng đưa lên máy chém (thời đó còn máy chém), chẳng coi tôi ra gì hết. Lãnh Tụ đã cho tôi một lẽ sống. Cầm thù của ông thành cầm thù của tôi, lại càng tăng với cảm thức oán hận không thôi đối với hết mọi người, có tội vì biết tôi có người cha nhất như cây, vì biết người bạn duy nhất của tôi đã cướp mất cô gái nước ngoài với nụ cười rạng rỡ. Một hôm họ biến mất và sau đó tôi được biết họ đã rời thị trấn nhỏ của chúng tôi để đến chung sống ở Paris. Cô đi làm. Hấn tiếp tục đi học. Cô gái nước ngoài đã lừa tôi. Cô để tôi tưởng mình có hy vọng. Trong lúc tôi say sưa trông đợi sau cùng sẽ thành danh nhờ cô, qua cô, cô cùng Lynx mưu mô gạt bỏ tôi. Tôi bị cướp đoạt hai lần. Lynx đã tước lột của tôi người tôi yêu. Cô gái nước ngoài tước lột của tôi người bạn thiết. Tôi còn lại lọ mực. Họ chưa biết rằng tôi sẽ dùng lọ mực này để tận diệt họ, họ và những kẻ như họ. Lọ mực tôi được tặng như món quà an ủi, tôi rót đầy nọc độc ngày ngày đổ lên giấy mong giết dần hạnh phúc của họ. Thù hận càng đầy mỗi khi tôi được nghe nói về thành đạt của họ. Như thế tôi phải trả giá cho hạnh phúc của họ. Tôi một

mình, lại còn thảm hại hơn hồi niên thiếu vì, mẹ chết rồi, tôi phải nuôi cha. Nếu số phận tôi không gặp Lãnh Tụ, hẳn không ai đã bận tâm đến tôi. Giờ đây, ít nhất tôi đã thành một nhân vật người ta nể sợ, và bên phe tôi, với những lời thoát ra từ lọ mực của tôi, ai nấy đều trông đợi phép màu lật ngược dư luận. Ngay Lãnh Tụ cũng hiểu rằng những câu văn của tôi uốn nắn con người ông. Mỗi lần ông xuất hiện trước công chúng, mỗi lần ông lên truyền hình, đều là sau những buổi ôn tập với tôi : tôi đọc cho ông những lời ông sẽ nói, nhắc ông nhớ những từ ấn tượng phải dần từng tiếng và một câu viện dẫn bằng tiếng la-tinh để chêm vào lúc thích hợp. Với tôi, khởi đầu chỉ là múa may chữ nghĩa, nhưng rồi thành một cần thiết khi tôi được biết Lynx đã đầu quân cho phe địch thủ. Hẳn dần thân vừa do xác tín vừa để chống phá tôi bằng cùng võ khí như tôi. Dù chưa từng gặp lại nhau từ khi hấn ra đi với cô gái nước ngoài, chúng tôi vẫn không thôi rình rập nhau. Khi biết ảnh hưởng trong bóng tối của tôi trong đảng của Lãnh Tụ, hẳn lập tức tìm đủ cách để có được cùng một vai trò trong phe đối địch. Người ta cho tôi hay hẳn gọi tôi là Iago<sup>4</sup>. Tôi giận uất người. Hôm sau, tôi viết bài diễn văn dữ dội chưa từng có cho Lãnh Tụ tuyên đọc, phản đối sự chung sống dân tứ xứ cũng như hôn nhân dị chủng gây rối thêm cho các giá trị. Tôi nhắm vào cô gái nước ngoài. Tôi dùng những lập luận thấp hèn nhất. Tôi nói đến mưu đồ của bọn ngoại nhân phè phỡn, không những tạo áp lực với chính quyền mà còn gài gáy đẹp vào từng nhà để xói mòn lòng ái quốc. Cáo trạng của Lãnh Tụ gây xôn xao, ngay cả trong bộ tham mưu của ông. Người ta trách cứ tôi phạm một sai lầm chiến lược. Tôi đã gây sợ hãi và đánh thức dậy những kỷ niệm một thời đảng thực ra rất muốn dựng lại, nhưng một thời kẻ thù của chúng tôi vẫn dùng làm ngoáo ộp để hù dọa dân chúng và để tự nhận là người bảo vệ cho phương châm chế độ cộng hoà<sup>5</sup>. Thất bại đầu tiên đó khiến tôi bị gạt ra rìa. Mấy tuần thất sủng càng chông chát thêm thù oán của tôi đối với Lynx, với cô gái nước ngoài của hẳn và với số phận cứ ưu đãi họ trong khi với tôi thì không thôi thọc gậy bánh xe. Nếu như tôi chưa tin tưởng bao nhiêu những luận đề tôi bênh vực thì Lynx nhập cuộc khiến lòng tin ấy thành đinh đóng cột. Tôi trở nên cuồng tín hơn cả những tay cực đoan nhất trong đảng, cái bọn chuyên gào thét mà đầu óc thì rỗng tuếch, chỉ mong trở về rừng để luật của kẻ mạnh duy trì trật tự bằng những cuộc kéo nhau đi đấm đá. Tôi khinh rẻ bọn dã thú khát máu dân chà chệt ấy chẳng kém gì tôi khinh cái đám nghiện ngập thoái hóa nhảy múa với những kẻ không tưởng về nhân quyền. Nhưng bọn dã thú ấy, tôi nắm chúng trong tay, chúng chỉ đợi có người dạy để nhảy bổ vào con mồi được chỉ định. Bị tạm thời đẩy ra khỏi vòng thân cận với Lãnh Tụ khêu lại tất cả oán hận của tôi, một thời đã lắng dịu do tôi tham dự quyền hành. Tôi gán thất bại của mình cho việc Lynx nhập cuộc. Tôi đã mất bình tĩnh. Hấn đã thành công khiến tôi đi sai một bước trong cuộc hành trình đắc thắng của tôi. Một lần nữa, hẳn lại xuất hiện trên con đường của tôi để cướp giật đời tôi. Ý nghĩ ấy ám ảnh tôi suốt ngày đêm. Tôi ngỡ mình hoá điên. Vì hẳn tôi đã mất lòng tin của Lãnh Tụ và tôi trở lại một mình. Một sự cố khác làm tràn dâng nỗi điên giận tôi cố gắng kìm giữ. Lynx đã tháp tùng lão chủ chốt của hẳn trong một chuyến tuần du các tỉnh và đến thành phố tôi. Tôi được hay cha tôi, người rất sợ sệt, rất ít giao du, rất hồ hững với các hoạt động chính trị của tôi, lại đã tiếp đón Lynx tại nhà mình. Tôi không biết họ nói những gì với nhau, nhưng tôi nhớ ra rằng thuở tôi niên thiếu, cha tôi đã tỏ ra rất thương mến cái gã trai hết sức ngộ nghĩnh, hết sức lôi cuốn và chẳng chút coi trọng tài sản gia đình mình. Vậy là tôi còn có thể cũng bị hẳn cướp giật nốt. Tôi trước nay vẫn xấu hổ vì cha tôi, nhưng cứ nghĩ ông có thể ư Lynx hơn con mình thật quá sức chịu đựng của tôi. Tôi đã trở thành một kẻ mạnh, một kẻ giật dây quyền hành, nhưng ông chứng tỏ cho tôi rằng bao nhiêu nỗ lực của tôi để vượt qua ông đã khiến tôi thành một kẻ hoàn toàn xa lạ với ông. Về thành phố tôi – tôi không cho rằng đó cũng là thành phố của hẳn nữa vì hẳn đã bỏ đi theo một cô gái nước ngoài - , và len lỏi đến bên cha tôi, vậy là Lynx đã khai chiến với tôi. Tôi sẵn sàng đương đầu với hẳn. Hấn đã khơi lại các vết thương cũ của tôi, tôi sẽ đâm vào nhược điểm của hẳn. Hấn yêu quý nhất trên đời là cô gái nước ngoài. Tấn công hẳn ở đây, tôi tin chắc, nếu không đánh quy hẳn, ít ra cũng khiến hẳn hẫng hụt. Cô lập trong đảng lại thuận lợi cho các dự tính của tôi. Cái bọn hăng tiết chuyên đập lộn đang chống đối các lãnh đạo đòi hỏi chúng không được phá hoại hình ảnh mới của đảng bằng những chuyến lùng sục đấm máu ban đêm của chúng. Cái bọn điên rồ



đó không hiểu rằng người ta yêu cầu chúng hãy chờ ngày đăng quang trật tự mới, sẽ tận diệt mọi rác rưởi. Chúng muốn dùng khủng bố ngay tức khắc để khẳng định ưu thế của chúng, đầu chỉ một đêm đi nữa. Nhưng mỗi lần có dân chà chệt bị đập như tử, các lãnh tụ lại gán trách nhiệm cho vài con chiên ghê, thậm chí gán cho đôi kẻ khích động len vào hàng ngũ chúng tôi, không chút ngại ngùng chối bỏ những người nhiệt tình cuồng say nhất với chính nghĩa. Bọn cuồng tín ấy ngày càng cay đắng. Tôi quan sát chúng và hiểu ra tôi có cả một đoàn quân rất dễ thao túng. Tôi sử dụng gã tôi cho là kém thông minh nhất. Gã trở thành người liên lạc giữa tôi với bọn chúng. Tôi có thể tin cậy gã sẽ không bao giờ tiết lộ tôi tham dự vào vụ sẽ trả hận cho tôi tất cả mọi tội nhục đã phải chịu. Dần dần tôi lấy được lòng tin bọn dã thú. Chúng gọi tôi là Bộ Óc, nhưng hoàn toàn không biết tôi là ai. Số người ủng hộ ngày càng đông và tôi nhận ra bọn chuyên đập lộn nóng nảy ăn thua đủ chính là đa số thâm lặng trong đảng. Với mưu toan của tôi, tôi chẳng cần một quân đội thực thụ. Một nhóm nhỏ quyết tâm là đủ. Khi được biết kế hoạch của tôi, bất cóc một mục ngoại nhân phê phỡn để khủng bố chồng mụ, phó tướng của cái chúng gọi là đảng bọn thân hào, đứa nào cũng sẵn sàng, háng hái. Tôi tiếp tục âm thầm điều động. Tôi nhồi cho chúng ý nghĩ một sứ mạng, một khi thành công, sẽ khiến các thủ lãnh phải tin cậy ở chúng. Tôi chọn năm tên trong bọn háng tiết ấy và quyết định ngày bắt cóc. Mọi việc diễn ra đúng như dự tính. Cô gái nước ngoài với nụ cười rạng rỡ bị đưa đến một kho hàng ở ngoại ô do một đội mười ba người canh giữ. Tôi tận hưởng đặc thắng của mình khi báo chí đăng ảnh Lynx thất thần, tiêu tụy. Tuần lễ sau đó, lão chủ chốt của hãn đọc những diễn văn nặng nề, lũng củng. Lynx bị thay thế. Vì không ai nghi đảng chúng tôi có dính líu, chúng tôi có thể tung ra những đồn đại hoang đường nhất về việc cô gái nước ngoài bỏ trốn – cô là một phụ nữ hay thay lòng đổi dạ? một nữ gián điệp? cô có tình nhân này, tình nhân khác ở quê hương. Dư luận ban đầu ái ngại cho Lynx, rồi, sau bao nhiêu tin đồn, ai ai cũng bắt đầu xầm xì sau lưng hãn. Hãn không ra khỏi nhà nữa. Hãn rút lui đúng vào lúc tôi được trọng dụng trở lại. Lãnh Tụ lại cần tôi và điện thoại reo cả chục lần mỗi ngày, *Xông tới đi, bé con, cho chúng thấy bản lãnh mày chứ*. Tôi tìm lại được cảm thức uy quyền của mình. Lynx đã bị diệt. Lãnh Tụ hoàn toàn trông cậy ở tôi. Tôi quên hãn cô gái nước ngoài mà nụ cười rạng rỡ hãn đã tắt ngấm. Tôi tránh gặp gã liên lạc của tôi, gã báo tôi hay gã không còn kiểm soát được đội quân của hãn nữa. Đảng viên cơ sở hết sức kích động và muốn chứng tỏ với các thủ lãnh họ cũng có khả năng khởi xướng. Tôi chẳng chút lưu tâm đến những đe dọa ấy. Hôm sau, tôi bị đặt trước việc đã rồi. Mười ba tên của đội quân đã tra tấn và dùng dao giết chết người tù của chúng, xác tìm ra trong một bãi rác. Một cú nặng nề cho tôi. Mấy tên ngu muội ấy đã hành động giữa ban ngày ban mặt và đã bị trông thấy. Đảng bị liên lụy. Dĩ nhiên người ta lại nói đến chúng tôi, nhưng chúng tôi phải rút chân khỏi khó khăn này để khỏi bị buộc là ác quỷ. Cái chết của cô gái nước ngoài xoa dịu sự thèm khát trả hận của tôi. Nhưng vụ ám sát ấy biến Lynx thành thánh tử đạo, và đau khổ, thay vì đánh quy hãn, lại cho hãn thêm nghị lực. Hãn trở lại làm việc cho lão chủ chốt của hãn. Cuộc quyết đấu bằng ngôn từ giữa chúng tôi tái tục, qua trung gian hai bậc anh tài của chúng tôi. Mười ba tên ngu ngốc đã đâm cô gái nước ngoài mười ba nhát dao, bị bắt. Đảng không nhìn nhận những đứa con quái vật ấy. Chưa bao giờ gặp Bộ Óc, chúng chẳng khai được gì. Tôi mua sự yên lặng của gã liên lạc bằng cách hứa hẹn đem gã vào đội cận vệ của Lãnh Tụ. Vụ án bọn sát nhân gây tổn hại ít nhiều cho hình ảnh đảng, nhưng đảng cũng đã đủ khôn khéo ra tuyên bố vô cùng phần nộ trước tội ác ấy. Rồi mọi chuyện lắng xuống sau khi các tội nhân bị kết án. Tôi chỉ còn phải chiến đấu với Lynx mà thôi. Đôi khi, tôi cũng cảm thấy nhói nơi tim nghĩ tới nụ cười cô gái nước ngoài. Thực ra tôi đâu muốn hại cô. Chỉ muốn phá cái hạnh phúc riêng tôi chịu thiệt thòi. Nhưng rất nhanh hình ảnh Lynx lại hiện lên, nhạo báng tôi, và tôi lại mong hãn chịu cùng số phận như vợ hãn. Nhất là, từ sau bắt hạnh của mình, Lynx cũng như phe hãn gặt hái hết thành công này đến thành công khác. Còn đảng chúng tôi gánh những thất bại thành đổ vỡ tan tành. Tôi tưởng như bóng ma cô gái nước ngoài theo đuổi báo oán chúng tôi. Rồi thì không đêm nào tôi ngủ yên, không biết vì thao thức Lãnh Tụ sắp đến ngày thất thế hay vì hối hận muộn màng cho tội ác của mình. Tôi cấm đầu làm việc cho quên, nhưng nọc độc trong lọ mực của tôi đã hết độc. Lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy sợ. Chính vào thời gian ấy mọi

chuyện đã bắt đầu. Tôi đang viết bản thứ mười bài diễn văn sinh tử cho tương lai Lãnh Tụ. Có phải tại cơn sốt, tại thuốc kích thích hay tại uống quá nhiều cà-phê? Đầu nặng trĩu, tim đập liên hồi, nhưng tôi không muốn ngừng tay. Lúc ấy gần ba giờ sáng. Tôi đang giơ bút định chấm vào lọ mực thì thình lình nghe thấy, *Mười ba nhát dao!* Tôi quay lại. Không một bóng người. Tôi ngỡ mình quá mệt hoá sáng. Tôi lại cầm bút. Bấy giờ tôi nghe rõ từng tiếng, *Mười ba nhát dao!* Giọng nói từ lọ mực vọng lên. Tôi lùi lại, hãi hùng. Rồi định thần, tôi nắm lọ mực soi mắt nhìn. Tôi run bắn người. Trong lọ mực, hai con mắt đăm đăm ngó tôi. Hai con mắt kinh hoàng tôi từng thấy trên những bức ảnh người bị giết. Tôi buông rơi lọ mực. Một chất lỏng đỏ ra bàn, một chất lỏng đặc sệt, màu đỏ. Tôi chạy vào bếp lấy giẻ. Lau vũng ướt, nhặt lọ mực lên và lại rót đầy. Tức khắc, giọng nói, vẫn giọng nói oán than ấy, cất lên, *Mười ba nhát dao!* Tôi run khắp tay chân. Không dám nhìn vào lọ mực nữa. Đứng đó, trơ trơ, cái vật khốn kiếp trên tay. Dần dần tôi lấy lại bình tĩnh. Tôi đặt lọ mực lên bàn, ngồi xuống và quyết định tiếp tục làm việc, dù cho mực tôi chấm bút có hoá thành máu đi nữa. Tôi viết một mạch năm trang đầy ròi, quá mệt, ngủ thiếp đi, đầu gục trên bàn. Điện thoại reo đánh thức tôi dậy khoảng một giờ sau đó. Lãnh Tụ vừa trở về từ một buổi liên hoan mừng ông sáu mươi tuổi. Vì tôi đã không đến dự được, ông ghé lại chung vui với tôi một chai sâm-banh và một cái bánh sinh nhật. Còn có một lý do khác nữa để nâng ly thân hữu : một trong mười ba đồng chí đã được thả, do sai sót thủ tục tố tụng. *Đúng là một nhát dao ngang hông thằng Lynx!* Lãnh Tụ bảo, cười ngặt nghẽo. Tôi gác máy. Mắt tôi đùng phải lọ mực. Tôi bịt hai tai để khỏi nghe thấy giọng nói oán than nho nhỏ. Nhưng tiếng kêu vẫn dội trong đầu tôi, *Mười ba nhát dao!* Tôi chạy bỏ ra khỏi nhà. Xuống cầu thang, tôi đâm sầm vào Lãnh Tụ, quá say không để ý về nhón nhác của tôi. Ông hiện diện khiến tôi bình tâm. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn. Ông đặt sâm-banh và bánh lên bàn và ngồi vào ghế tôi. Tôi ngồi đối diện với ông, chăm chăm ngó lọ mực một cách hãi hùng. Nhưng giọng nói đã im bật. Chai sâm-banh được mở ra. Tôi vào bếp lấy ly và dao để cắt bánh. Chúng tôi ăn uống. Tôi cảm thấy thư thái hơn. Lãnh Tụ đến và thế là xua tan cái giọng nói khủng khiếp kia. Ông hỏi tôi bài diễn văn đến đâu rồi. Tôi hãnh diện nói với ông đêm nay, trước khi ông điện thoại, tôi đã viết năm trang. Tôi cầm đưa ông mấy trang giấy. Ông cạn ly, ngồi thẳng lại trên ghế và bắt đầu đọc. Tôi nhận ra ông nhíu mày rồi tái mặt giận dữ. Ông hét lên, *Cái gì thế này?* Tôi giật mấy tờ giấy trên tay ông. Cả năm trang chỉ là cùng một câu chép đi chép lại mỗi hàng, *Mười ba nhát dao! Mười ba nhát dao!* Và một lần nữa, từ lọ mực lại vọng đến tai tôi giọng nói oán than, trong khi Lãnh Tụ đứng phắt dậy trước mặt tôi, gào thét những lời nhục mạ. Nhưng những lời ấy tôi không nghe thấy. Giọng nói trong lọ mực ra lệnh cho tôi và mắt tôi không sao rời con dao nằm trên bàn bên cái bánh ăn dở dang. Tôi nhảy vọt tới nắm con dao. Lãnh Tụ toan bỏ chạy. Ông lãnh đủ mười ba nhát dao.

*Nguyễn Khánh Long dịch*

<sup>1</sup> Do tên nhà độc tài La Mã Jules César (100-44 trước công nguyên), trở thành tước hiệu những người kế vị ông, và sau đó có nghĩa hoàng đế.

<sup>2</sup> Từ *lynx* cũng là một danh từ chung, chỉ một loài mèo rừng, mắt rất tinh.

<sup>3</sup> Max Stirner, triết gia Đức (1806-1856).

<sup>4</sup> Nhân vật gian tà trong kịch *Othello* của văn hào Anh Shakespeare (1564-1616).

<sup>5</sup> Phương châm của Cộng hoà Pháp: *Liberté, Egalité, Fraternité* (Tự Do, Bình Đẳng, Huynh Đệ).

## Người khách

Người khách đến lần đầu một đêm tháng chạp. Tôi vừa kết thúc một cuốn tiểu thuyết tôi rất đặc ý - một cảm giác cho đến bấy giờ tôi chưa từng biết. Thường thì những tháng ngày soạn thảo một cuốn sách tôi mỗi mòn vì ngờ vực và khi xong thì kiệt quệ với cảm thức thất bại. Lần ấy, thay vì kêu lên như thông lệ *Vẫn chưa được!* tôi nghe thấy trào dâng trong mình cả một

khúc ca đắc thắng. Nhưng tôi đã tự phụ quá sớm. Bản thảo sửa chữa đầu đầy, bỏ vào bao thư sẵn sàng đem gửi, tôi ôm nó lên giường đi ngủ, kê dưới đầu làm gối.

Tôi thao thức không sao chợp mắt. Câu cuối cùng cuốn tiểu thuyết của tôi, lời vĩnh biệt quê hương xứ sở, khiến tôi hối hận. Khi viết câu ấy, tôi nôn nao với cảm thức được giải phóng, với nỗi hân hoan của kẻ đào ngũ. Thế mà giờ đây trọn nỗi vui thú man dã ném trải lúc đoạn tuyệt với cội rễ lại hoá thành khắc khoải miên man. Như thể tôi đã tự sát với hi vọng tái sinh và rồi không sao ra khỏi được nắm mồ của tôi. Sau hai tiếng đồng hồ vật lộn với lương tâm mà kết quả chỉ làm tôi thêm trần trở, tôi thiếp đi, đầu gối trên bản thảo.

Chính vào lúc ấy anh ta xuất hiện bên giường tôi. Tôi tin chắc anh từ cuốn tiểu thuyết của tôi bước ra, như ông thần thoát khỏi cái hũ<sup>1</sup>. Tia sáng trong mắt anh lúc đầu tôi ngỡ là giận dữ, sau mới thấu hiểu bao nhiêu khổ đau chất chứa trong cái nhìn ấy. Anh muốn gì nơi tôi, kẻ lạ kia, rất giống tôi và hiện ra từ những trang giấy tôi viết? Anh muốn nói gì với tôi, bóng ma kia thoát thai từ những từ ngữ của tôi? Anh đưa tay chỉ cho tôi kệ sách trước mặt giường tôi. Rồi bóng anh tan biến, cũng đột ngột như khi xuất hiện.

Tôi tỉnh giấc. Bản thảo vẫn đầy, nguyên vẹn. Nhưng mó vào tôi tưởng như nóng bỏng, tựa hồ bên trong là một thân xác đang cơn sốt. Tôi không dám mở ra, e mình bùng cháy do một ngọn lửa chẳng phải mình đốt lên. Thiên hạ hẳn sẽ cho là tôi điên, nhưng không gì khiến tôi gạt được ý nghĩ xấp giấy vô tội kia che giấu một bóng người. Tất nhiên bao giờ tôi cũng tin những nhân vật tôi đã tạo ra là thực hữu. Tôi biết các nhân vật của tôi tràn đầy sức sống. Nhưng *một cái gì đó, một ai đó* đã len vào trong cuốn sách của tôi, lấy nó làm chỗ trú thân, và khi kẻ tai bên bản thảo, tôi nghe có tiếng tim đập. Làm sao không ngỡ mình khùng, dẫu cho mình là một kẻ làm văn khá tự phụ cứ tưởng hễ gieo chữ nghĩa là gạt được chút ít sự sống. Hay đây là trí tưởng tượng của tôi lồng lên, sau thời gian dài đằng đẵng tôi tự cô lập để một mình mình với hoang tưởng tự đại của mình và tin rằng cả thế giới bao la nín thở đợi chờ tác phẩm của mình? Để bây giờ khi con quái ra khỏi tôi rồi, giả trá và uy lực, hung tàn và vô tội, đúng như tôi đã muốn, thì một bàn tay khác chiếm đoạt nó.

Người khách ban đêm chẳng chút vội vã dựng cuốn sách của tôi đối nghịch tôi. Chỉ mấy ngày sau tôi mới nhận ra điều ấy. Sau lần xuất hiện đầu tiên dưới chân giường tôi, kẻ không mời mà đến để tôi yên một thời gian. Anh đã gờ tay chỉ cho tôi kệ sách, như thể lời giải cho điều thần bí nằm trong đó. Tôi lấy xuống mấy cuốn sách bỏ quên đã lâu trên ấy xem xét. Trong số đó có một tuyển tập truyện ngắn của một nhà văn sinh trưởng cùng một đất nước với tôi và cũng trạc tuổi tôi. Anh đã ở lại Việt Nam; tôi đã di cư. Cuốn sách nằm trên kệ từ bao năm rồi. Tôi nhớ đã định vất nó đi. Cớ sao tôi đã không làm như thế để bây giờ bị ám đêm khuya thế này? Không bao giờ nên giữ quá nhiều sách bên mình. Những tâm trí rồ dại ấy, những cái miệng lép bép ấy, lòng kiêu hãnh rỉ nước ấy, hết thảy thế nào cũng sẽ đầu độc không khí. Vậy mà, cuốn sách do một người đồng hương viết kia, tôi vẫn còn giữ. Tôi nhớ đã thán phục tác giả khéo léo đánh lừa cơ quan kiểm duyệt chính trị luôn luôn cương quyết chặt cánh mọi toan tính văn chương không theo đường lối Đảng. Những truyện ngắn ấy kể những gì thì trí nhớ khiếm khuyết của tôi không tìm lại nổi. Duy còn lại một cảm thức khó chịu mờ nhạt. Tôi vẫn tự không cho phép mình phê phán một nhà văn, kém may mắn hơn tôi, không những phải vật lộn với lũ quỷ của riêng mình mà còn phải tranh đấu để có thể tiếp tục cầm bút. Thiên hạ sẽ bảo tôi rằng có bao giờ loài người hết điên rồ tự đúc xiềng xích cho mình đâu. Số phận nào khổ nạn hơn? Số phận một người sáng tạo bị Nhà nước đàn áp vì lên tiếng chống tư tưởng độc tôn, hay số phận một bạo chúa nghệ thuật tìm đủ phương cách mở rộng quyền lực của mình? Dẫu sao, cảm tưởng phạm tội đã len vào trong tôi. Tôi ý thức mình được ưu đãi và ái ngại cho nhà văn mà các bản thảo bất cứ lúc nào cũng có thể bị tịch thu. Thế rồi cuộc sống lại tiếp nối. Tôi nhận mình bất lực, trở lại làm việc, xếp cuốn sách vào góc kệ và lãng quên người anh em bị truy bức của mình.

Tim ra cuốn tuyển tập truyện ngắn, tôi không còn hồ nghi gì nữa về nhân thân người khách đêm khuya của tôi. Chính lời tôi vĩnh biệt tổ quốc đã đưa bóng ma ấy trở lại với tôi. Tôi đâu thể giúp gì cho anh. Tôi đã di cư, và dẫu đôi khi tôi nghe trong máu tôi rền rĩ những linh hồn

thương tổn của Việt Nam, tôi vẫn còn đủ nhân phẩm để không muốn mình thành kẻ khóc mướn và kiếm địa vị trong văn học bằng cách ra giá những bất bình của mình và khoác lên mình bộ áo đại biểu một dân tộc bị áp chế.

Dấu sao, kẻ không mời mà đến chẳng đòi hỏi tôi thủ một vai trò quá sức tôi. Anh đến duy để nhắc nhở tôi sự hiện hữu của anh và để dần dà tước đoạt cuốn sách của tôi. Tôi tin chắc như thế khi anh xuất hiện lần thứ hai. Tôi vẫn không đành lòng đem bản thảo gửi nhà xuất bản. Thiếp ngủ hay thức giấc, lúc nào tôi cũng có cảm giác ngộp thở kỳ lạ. Niềm hưng phấn khi kết thúc cuốn sách đã tắt lịm. Sáng ra, tôi nuốt rất khó khăn, như thể những từ tôi viết, những từ trên ấy tôi đã gói đầu trong giấc ngủ - mỗi ngày mỗi ngắn ngủi, chập chờn hơn -, nghẹn trong họng tôi. Tôi không dám mở bản thảo đọc lại nữa. Lạnh lẽo khi tôi dùng làm gối, nó hoá nóng bỏng khi thức dậy tôi mó tay vào. Người khách đêm khuya, sau một thời gian vắng bóng, đã trở lại, và bây giờ tôi chắc chắn anh tìm đủ cách không để cuốn sách được gửi cho nhà xuất bản. Sự kiện xuất bản một bản thảo đối với tôi thuần là chuyện hình thức như đem thư gửi bưu điện, sự kiện ấy không thể chịu đựng được đối với người phải giữ những mảnh khoẻ tinh khôn nhất hầu giấu diếm công an các văn bản của mình, lén lút đem in rồi phổ biến ngầm.

Tôi nhận bản án. Không phải vì thích thú hy sinh cũng chẳng phải vì tràn đầy hổ thẹn, mà chỉ vì tôi bỗng thấy mình thân ái với cái kẻ lạ mưu toan chống phá tôi kia. Đêm đêm anh xói mòn lòng thanh thần của tôi. Những từ tôi đã viết, trước kia tôi nghĩ rất chính xác, nay nghe sao lạc lõng. Lời vĩnh biệt đất nước, tôi tưởng đã dứt khoát, hoá ra chỉ là nhất thời. Ban đêm, những tiếng nói từ bản thảo thoát ra – nhưng, lắng nghe chúng, tôi không nhận ra những câu tôi đã đặt vào trong ấy. Quê hương xứ sở mà, trong một chung khúc lâm li, tôi đã tước quyền chôn nắm xương tôi, nay, do tay một kẻ phá đám hàng đêm, đang đoạt mạng tôi.

Cuốn sách thành đối nghịch với tôi đến mức, bằng những từ tôi từng lựa chọn hết sức kỹ càng và sử dụng vô cùng cẩn trọng, nó chế ra những câu phi lý, những lời tràng giang đại hải không đầu không đuôi do một giọng khàn đục rót vào tai tôi trong giấc ngủ.

Người khách không mời đến lần chót một đêm giá rét tháng hai. Tôi vừa chợp mắt, đầu tựa trên bản thảo - dấu bao nhiêu chuyện bất ưng, tôi vẫn cứ dùng nó làm gối -, thì những tiếng nói kia khởi xướng bản hợp ca hỗn loạn của chúng. Người anh em bị truy bức của tôi xuất hiện. Anh đi thẳng tới kệ sách, cầm cuốn tuyển tập truyện ngắn và lại bên tôi. Anh đặt cuốn sách của anh bên bản thảo của tôi và chìa tay cho tôi. Tôi nắm lấy. Bàn tay lạnh giá. Tôi hiểu anh vừa chết bên ấy, bên Việt Nam. Tôi nghĩ mình giải thoát. Anh chết rồi, sẽ không còn ai đến đòi nợ tôi nữa.

Khi tôi thức dậy, cuốn sách của người khách vẫn nằm trên kệ. Bản thảo của tôi không thành nóng bỏng khi mó tay vào. Tôi kẻ tai. Không nghe tiếng nói nào, tiếng tim đập nào. Tôi ngó đồng giấy vô tri. Bây giờ không còn gì ngăn cản nó êm xuôi tới nhà xuất bản rồi tới các hiệu sách trước khi cuối cùng vào tay một độc giả ở thờ sẽ chẳng bao giờ biết nó từng nổi loạn thế nào, sẽ chẳng bao giờ biết rằng một bóng ma báo phục đã đến đòi tác giả nó phải trả thuế tỵ do mình đã được hưởng.

Quyết định ngay hôm sau sẽ đem gửi bản thảo, tôi lên giường và chờ đón một giấc ngủ bình yên, đầu tựa trên cuốn tiểu thuyết đã nín bật những tiếng nói phản loạn.

Tôi châm một miếng thuốc trước khi đi vào giấc ngủ. Tôi không rõ làm sao bùng phát đám cháy tàn phá căn hộ. Lửa thiêu rụi bản thảo. Tôi ôm siết trái tim rừng rực ấy.

*Nguyễn Khánh Long dịch*

<sup>1</sup> Tình tiết trong truyện cổ A Rập *Ngàn lẻ một đêm*.

\*\*\*

## Phụ đính :



## Điểm sách : Vu không Lê Thiếu Nhơn

Giọng văn của Linda Lê tưởng chừng lạnh lùng và sắc sảo mà thật ấm áp và bao dung, đặc biệt chị tỏ rõ ưu điểm vượt trội khi phơi bày những chi tiết khám phá nội tâm nhân vật.

\*\*\*

Tên sách: *Vu Không*

Tác giả: Linda Lê

Dịch giả: Nguyễn Long Khánh

NXB Văn học và công ty Nhã Nam liên kết xuất bản, năm 2009

Trong các cuộc trò chuyện, những Việt kiều yêu văn chương thường nhắc đến bút danh Linda Lê, một nữ nhà văn Pháp gốc Việt. Linda Lê sinh quán tại Đà Lạt, năm 14 tuổi theo gia đình sang Paris và bắt đầu viết văn bằng tiếng Pháp. Tác phẩm đầu tay *Phúc âm tội ác* xuất bản năm 1992 đã khẳng định tên tuổi một cây bút nữ. Từ đó đến nay, Linda Lê liên tục có nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn chinh phục công chúng Pháp và được dịch sang tiếng Anh, tiếng Hà Lan và tiếng Bồ Đào Nha.

Hành trình quay lại với độc giả quê nhà của Linda Lê vừa được đánh dấu bằng cuốn *Vu không* do NXB Văn Học và Nhã Nam liên kết ấn hành. Viết về thế giới những người điên, trên giá sách từng có hai tác phẩm trứ danh *Buồn nôn* của Jean Paul Sartre và *Phòng số 6* của Anto Tchekhov. Đọc chậm chậm 32 chương với hơn 200 trang in, mới thấy rằng Linda Lê vẫn có cách của riêng mình để thể hiện một sự sẻ chia lặng lẽ và xót xa. Giọng văn của Linda Lê tưởng chừng lạnh lùng và sắc sảo mà thật ấm áp và bao dung, đặc biệt chị tỏ rõ ưu điểm vượt trội khi phơi bày những chi tiết khám phá nội tâm nhân vật.

"Vu không" có một sợi chỉ rất nhỏ nối hai mảnh đời, người cậu "bị coi là người điên" và cô cháu gái luôn sống trong bất an lại nuôi khát vọng viết văn. Người cậu 10 năm ở bệnh viện tâm thần và 5 năm tiếp tục cuộc đời với ám ảnh một người điên. Người cậu ấy chỉ biết lẩn quẩn trong thư viện, làm bạn với sách và trở thành một cuốn sách âm thầm giữa lãng quên. Thế nhưng, sự có mặt chờn vờn của ông trên cõi nhân gian giống như điểm tựa cho cô cháu gái. Và dường như chỉ có ông mới thấu hiểu những dẫn vật của cô cháu gái: "Chính tấm gương tôi thất bại cho nó đủ can đảm đi thám hiểm biên giới của sự lành mạnh tâm thần. Chính hồi ức tôi sụp đổ mười lăm năm trước khiến nó thả mình đắm chìm để dễ vọt lên trở lại. Tôi đã chuẩn bị con đường. Tôi là dược thảo trị độc của nó. Phương thuốc nhiệm màu ngừa điên dại của nó".

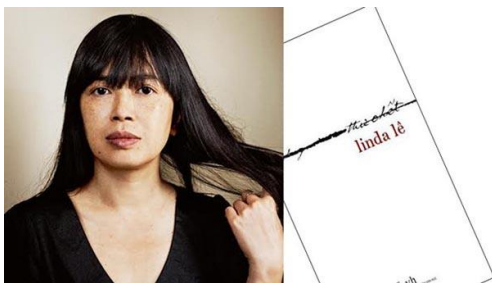
Người điên trong *Vu khống* bị gọi bằng nhiều hỗn danh khác nhau, từ Mặt Khỉ đến Chệt Khùng, theo thói quen ruồng rẫy của xã hội. Tuy nhiên, chính người điên ấy luôn thức tỉnh những phẩm giá đạo đức ở mỗi hoàn cảnh cụ thể bằng sự tự vấn: "Mày đã trả tiền để con bé được ngủ yên trong giường như mọi đứa con gái ngoan... Mày đã trả tiền để thỏa mãn cái tật làm thánh nhân của mày...". Người điên ấy luôn run rẩy trong sự sợ hãi, không phải chỉ để thương chính bản thân mình, mà còn thương những con người tội nghiệp xung quanh. Người điên ấy lý giải u uẩn của cô cháu gái: "Đời con bé cũng thế, chỉ là đồ nát. Hai người cha đã phá sập nền móng. Nó bới gạch vụn, dọn mảnh vỡ, nó chỉ tìm thấy những bóng ma người cha. Nó là con chuột chũi mãi miết đào, đào không thôi, trong thanh âm tiếng thương. Hiểm nguy rình đón nó, ấy là ngộ độc trừ tình, ấy là đa cảm xói mòn khả năng khinh đời".

"Vu khống" không phải là cuốn sách đọc để lấy cốt truyện, hay đọc để kể lại diễn tình huống gay cấn. *Vu khống* níu giữ rung động của chúng ta trong một không gian ngọt ngào và khơi dậy một niềm cảm thông sâu sắc cho số phận hiu hắt dự phần với cuộc sống nhiều khi hờ hững này: "Trước kia tôi kinh khiếp những người điên mở miệng là nói nhăng nói cuội, nói giống tiếng một, nói đi nói lại, chửi bới và kêu thét. Bây giờ tôi kinh khiếp những kẻ tâm trí lành mạnh, họ phun ra những từ trống rỗng và đọi được những lời vô nghĩa đáp lại".

Linda Lê thổ lộ "viết, là tự lưu đầy bản thân". 16 năm trước, *Vu khống* vừa ra mắt lần đầu tiên đã thu hút được sự quan tâm của độc giả Pháp, còn hôm nay với sự chuyển ngữ của Nguyễn Long Khánh có thể *Vu khống* cũng sẽ làm hài lòng người yêu văn học Việt Nam. Đọc *Vu khống* để thám thía vẻ đẹp của những cuộc đời thiết thời và làm lui xung quanh chúng ta!

\*\*\*

## Tính chất nước đôi của chủ thể hậu thuộc địa trong *Vu Khống* của Linda Lê Lê Thị Vân Anh



### I. Về khái niệm tính chất nước đôi của chủ nghĩa hậu thuộc địa

1. Khi suy nghĩ đơn giản, người ta cho rằng độc lập về chính trị đồng thời sẽ đem lại sự độc lập về văn hoá. Tuy nhiên, sự tự định nghĩa về văn hoá và sự tự quyết về chính trị, đúng hơn "như hai mặt của một tờ giấy", điều đó có nghĩa là không thể tách biệt hai phạm trù này một cách riêng rẽ nhưng cũng không thể đồng nhất chúng. Tạo dựng một nền văn hoá độc lập, bình đẳng với các nền văn hoá khác thậm chí còn khó khăn và phức tạp hơn rất nhiều việc đấu tranh đòi độc lập về chính trị, vì ngay cả khi bá quyền chính trị đã tan rã thì bá quyền văn hoá vẫn ngấm ngầm tồn tại.

Chính vì lí do đó, sau chiến tranh thế giới lần thứ II, cùng với những cuộc đấu tranh đòi độc lập của các nước thuộc địa, lệ thuộc, chúng ta cũng thấy xuất hiện quá trình tự định nghĩa về văn hoá của các nước này, tạo nên phong trào giải thực rộng khắp toàn thế giới. Nghiên cứu bản

sắc của những nước cựu thuộc địa trở thành một trong những vấn đề chính của nghiên cứu văn hoá nói chung và văn học nói riêng. Vậy sẽ nghiên cứu theo hướng nào đây? Trong suốt một khoảng thời gian khá dài, các lý thuyết mỹ học phương Tây đã được coi là chuẩn mực cho công tác nghiên cứu trên toàn thế giới (cũng là một dạng độc tôn văn hoá). Nhưng lúc này người ta đã nhận thấy rằng tính chất phức tạp của nền văn hoá (văn học) các nước cựu thuộc địa dường như vượt thoát ra khỏi khuôn khổ vốn mang tính “quy phạm” của lý thuyết phương Tây đó, đòi hỏi sự xuất hiện của một dạng thức nghiên cứu mới, phù hợp hơn.

Trước thực tiễn văn hoá thuộc địa, các lý thuyết gia, chủ yếu đến từ những cựu thuộc địa như E. Said (Palestine), H.K.Bhabha, G. C. Spivak (Ấn Độ), Trịnh Thị Minh-Hà (Việt Nam),... từ các thuộc địa định cư như Ian Adam (Canada), Helen Tiffin (Australia),... đã cùng nhau tạo dựng nên chủ nghĩa hậu thuộc địa<sup>[a]</sup> như một giải pháp cho những vấn đề khúc mắc trong nghiên cứu văn hoá thuộc địa. Nói một cách khái quát: “*chủ nghĩa hậu-thuộc địa (hay chủ nghĩa hậu thuộc địa) quan tâm tới những hiệu ứng của quá trình thuộc địa hoá đối với các nền văn hoá, xã hội*” [5: 186]. Điều đó cũng có nghĩa là nó được sử dụng để miêu tả thực tế sáng tác và tiếp nhận được khởi nguồn từ những kinh nghiệm thuộc địa vốn là hậu quả của sự bành trướng và bóc lột “kẻ khác” của thực dân châu Âu.

*Bên cạnh đó, chủ nghĩa hậu thuộc địa cũng có liên quan tới những phạm trù khác xuất hiện từ quá trình thực dân hoá nội địa*, như sự đàn áp những tộc người thiểu số Mỹ Latinh ở Hoa Kỳ, Gastarbeiter ở Đức, Beurs ở Pháp,... *vị thế những thuộc địa định cư* (những thuộc địa được hình thành chủ yếu từ những người di dân đến từ mẫu quốc như Hoa Kỳ, Australia, Canada, New Zealand,...), *những nhóm người định cư ở mẫu quốc hay cũng quan tâm đến vấn đề tiếng nói của người phụ nữ* đã bị che khuất bởi người đàn ông, đặc biệt là *vị thế thuộc địa “kép” của người phụ nữ da màu*.

Và từ cuối thế kỷ XX, nó đang có xu hướng phổ biến rộng rãi và bao gộp những thuật ngữ khác như văn học thế giới thứ ba, diễn ngôn thiểu số, văn học kháng cự, văn học phản ứng lại (viết trở lại hoặc viết lại những tác phẩm “kinh điển” của phương Tây), nghiên cứu người nhược tiểu (subaltern — thiểu số bên dưới, phụ/nhỏ), diễn ngôn khác hoá, diễn ngôn thuộc địa, v.v...

2. Tính chất nước đôi (ambivalence) vốn là một thuật ngữ trong chuyên ngành phân tích tâm lý để chỉ sự dao động liên tục giữa mong muốn một điều và mong muốn thứ trái ngược với nó. Thuật ngữ này cũng diễn tả một cảm giác diễn ra đồng thời vừa yêu thích vừa căm ghét một sự vật, một con người hay một hành động nào đó. “*Trong lý thuyết diễn ngôn thuộc địa của Homi Bhabha, nó diễn tả sự phức hợp của trạng thái yêu thích và căm ghét, trạng thái đặc trưng giữa thực dân và thuộc địa*” [5: 12]. Mỗi quan hệ này mang tính chất nước đôi bởi vì chủ thể thuộc địa không bao giờ hoàn toàn chống đối thực dân một cách đơn giản. “*Thay vì cho rằng có những chủ thể thuộc địa ‘tiếp tay’ (complicit) và có những chủ thể thuộc địa ‘chống đối’ lại thực dân, thuật ngữ tính chất nước đôi đã diễn tả sự thích ứng – chống đối tồn tại và chuyển hoá liên tục ngay trong chính một chủ thể thuộc địa*” [5: 12, 13]. Mặt khác, cách thức diễn ngôn thuộc địa kiến tạo nên chủ thể thuộc địa cũng mang tính nước đôi, vì nó vừa mang tính chất bóc lột (exploitative) lại vừa có tính chất nuôi dưỡng (nurturing). Thực dân bằng diễn ngôn thuộc địa luôn muốn tạo ra những chủ thể phục tùng, tái diễn lại những giả định, thói quen, giá trị — có nghĩa là “bắt chước” (mimic) nó. Tuy nhiên, theo Bhabha, diễn ngôn thuộc địa bắt buộc mang tính nước đôi bởi vì thực dân không bao giờ muốn thuộc địa trở thành bản sao chính xác của mình — một điều quá mạo hiểm với thực dân. Sản phẩm thực dân tạo ra lại là những chủ thể có tính chất nước đôi, mà sự bắt chước (mimicry) của chúng có xu hướng gần với sự nhạo báng (mockery). Vì thế, tính chất nước đôi này khiến cho diễn ngôn thuộc địa thoát khỏi tầm kiểm soát của thực dân.

Cũng như nhiều khái niệm khác của học thuyết Bhabha, tính chất nước đôi làm mất đi quyền thống trị rõ ràng của thực dân bởi nó làm xáo trộn mối quan hệ đơn giản giữa thực dân và thuộc địa. Và đến nay, khái niệm này vẫn còn gây nhiều tranh cãi.

## II. Tính chất nước đôi của chủ thể hậu thuộc địa trong VU KHỔNG của Linda Lê

Linda Lê là một trong những nhà văn nữ người Pháp gốc Việt nổi tiếng nhất hiện nay. Cô tiêu biểu cho thế hệ những nhà văn thiếu số sống tại Pháp, viết và thành danh bằng ngôn ngữ Pháp. Cũng như hầu hết các nước phát triển khác, đến thời hậu chiến, Pháp thu hút một số lượng lớn những người nhập cư đến từ những thuộc địa cũ, trong đó có Việt Nam. Con cái của những gia đình di cư này — những chủ thể hậu thuộc địa — sẽ lớn lên trong nền văn hoá của đất nước mà họ sống. Tất nhiên, họ thường ít khi từ bỏ hoàn toàn di sản văn hoá của mình. Cho nên những nhà văn Việt Nam lớn lên ở Pháp như Linda Lê sẽ sáng tác trên đường biên giao thoa giữa văn hoá của mình và văn hoá Pháp. Họ sẽ phải để tâm tới vị thế phụ/nhỏ của Việt Nam và vì sao văn hoá Việt Nam bị cưỡng chế sát nhập vào một môi trường văn hoá chính trị hoàn toàn khác. So với các chủ thể hậu thuộc địa vẫn còn sinh sống ở bản xứ thời hậu chiến, họ là những đối tượng vẫn tiếp xúc trực tiếp với những mối liên hệ thực dân. Thế hệ người Việt Nam – Pháp thứ hai không thuộc về nền văn hoá của người Pháp cũng không thuộc về nền văn hoá của tổ tiên họ. Họ là thiểu số, là kẻ khác đối với cả hai nền văn hoá. Họ là sản phẩm của sự tương tác và chuyển dịch văn hoá. Cho nên, tính chất nước đôi của chủ thể hậu thuộc địa trong những sáng tác viết bởi nhóm người định cư ở mẫu quốc được thể hiện qua cả hai mối liên hệ: với quê hương và mẫu quốc. Chúng ta sẽ thấy rõ hơn điều này qua *Vu khố* của Linda Lê.

### 1. Tính chất nước đôi đối với mẫu quốc

*Vu khố* được cho là có hơi hướng tự truyện. Cuộc đời và tâm thế của Linda Lê in dấu trong tác phẩm khá đậm nét. Linda Lê sang Pháp năm 14 tuổi (1977). Đối với độc giả Pháp, cô “là một trong những ‘boat people’,<sup>[b]</sup> như thể cô là đại diện cho làn sóng tị nạn Đông Nam Á và là phát ngôn viên cho người Việt ly tán tại Pháp; tóm tắt lại là ‘một nhà văn’, theo lời Lê tự châm biếm trong *Slander*,<sup>[c]</sup> ‘mang gốc bản xứ cựu thuộc địa’, một ‘con chim đói bé nhỏ’, một ‘phụ nữ trẻ yếu đuối’” [4].

Lê đã từng tuyên bố rằng cô không thích từ ngữ “boat people”, sặc mùi “thương hại và chiếu cố” (Martin), và cô nhìn nhận, trong cô có một cái gì “cần thoát ra ngoài mọi hình thức tuân thủ... thí dụ, tuân thủ trong cách viết bao gồm cả việc khai thác chân dung nhà văn lưu vong, khai thác giới khách hàng ưa thích, cái khái niệm về métèque — đưa ngoại quốc dơ dáy — kể những chuyện ly kỳ” [4]. Điều đó có nghĩa là Linda Lê từ chối viết như một dạng “câu khách” để thoả mãn nhãn quan mang định kiến của người phương Tây về những nhóm người thiểu số, những nhóm người tị nạn, đặc biệt là những người đến từ các quốc gia cựu thuộc địa — một dạng tiếp nối nhãn quan Đông phương học của phương Tây. Trong *Vu khố* điều này được thể hiện qua cái nhìn sắc sảo của Ricin: “*Phá tham vọng của viên Tham vấn dĩ ... Đừng đem bí mật gia đình viết thành truyện đấng từng kỳ. Viên Tham vấn muốn em thành kẻ y bảo hộ...*” [3: 47], đừng để những sáng tác chạy theo thị hiếu của dân Paris, không thì chính những nhà văn xứ thuộc địa sẽ trở thành nạn nhân.

Tuy nhiên việc rời khỏi đất nước vì những ám ảnh về chính quyền mới<sup>[d]</sup> để trở thành một công dân Pháp hẳn đã khiến Linda Lê khó thoát khỏi cảm giác về thân phận tị nạn. Điều đó được thể hiện qua hành trình đến Pháp của một trong hai nhân vật chính — người cậu.

Người cậu đến Pháp trước hết là vì căn bệnh điên. Điều cần chú ý là bệnh điên trong tác phẩm được miêu tả như một sản phẩm nhân tạo từ quy ước tùy tiện của cộng đồng: “*Mỗi thế hệ lại hi sinh một người để những người khác được sống yên bình. Mỗi thế hệ chỉ định kẻ sẽ bị coi là người điên. Những người khác gỡ thế diện bằng cách tỏ ra vô cùng thận trọng, bằng cách tuân thủ những gì họ cho là quy luật của đời sống bình thường. Kẻ vác dao là kẻ bị hi sinh. Kẻ ai nấy đều coi là điên. Kẻ nhận lãnh hết mọi bại hoại, tránh cho những người khác bị nghi là rồ dại*” [3: 31]. Người cậu bị cả dòng họ coi là điên khi nảy sinh mối tình sâu muộn, vô vọng nhưng dai dẳng với người em gái. Họ đặt cho cậu một căn bệnh rồi đẩy cậu sang Pháp vào một nhà thương điên ở Corrèze. Đó là một chuyến đi cưỡng chế như sự ngược đãi<sup>[e]</sup> tột đỉnh mà dòng họ (quê nhà) dành cho người cậu. Bệnh điên là cách thức mô tả sự xa lạ của người cậu đối với



cả quê hương bản quán và với nước Pháp khi ông phải trải qua mười năm tha hương trong nhà thương đó. Như thân phận của những kẻ tị nạn. Bắt đầu từ việc không được thừa nhận (do bị coi là điên), chính người cậu đã chối từ hoà nhập với cuộc sống ở nơi đây, vùi đầu vào trong sách vở, thu mình trong thư viện.

Cô cháu gái cũng rời quê hương tới Pháp, nhưng khác người cậu, quyết định lại tùy thuộc hoàn toàn vào cô: *“Họ đã cưỡng bách tôi lưu đày. Nó thì tự nguyện ra đi, hoan hỉ chuyện chuyển đi mà nó linh cảm, nó hi vọng sẽ giải thoát nó khỏi sự chuyển đi của gia đình. Tôi đã phải học tiếng Pháp giữa đám người điên...”* [3: 14]. Cô gái sang Pháp để chạy trốn truyền thống của gia đình. Đó không phải là ám ảnh từ tội lỗi tính dục như một taboo của ông cậu mà để thoát khỏi một gia đình tiềm ẩn sự phản trắc. *“Với câu hỏi, Tự do hay quyền thế?, gia đình tôi bao giờ cũng chọn quyền thế, bởi bao giờ họ cũng chọn làm đám nịnh thần, đứng sau bọn người hung tàn, vào phe những kẻ đập trên xác chết...”* [3: 77]. *“Phải công nhận là gia đình tôi khôn ngoan và chỉ trung thành với tôn chỉ cơ hội của mình. Khi quyền thế đổi chủ, gia đình tôi đã thích ứng thật đáng phục với hoàn cảnh mới”* [3: 75]. Cô từ chối thích ứng với hoàn cảnh mới đó, với chính quyền đang lên của Việt Nam mà cô ví là “những người áo đen”, những người mà mẹ cô không rút tỉa được lợi lộc gì, những người “thô lỗ” “quá nghèo nên chẳng thể thoả mãn bà như những kẻ quyền thế cũ” [3: 76]. Như vậy, trong căn nguyên ra đi của cô cháu gái có sự chối từ nguồn gốc, sự muốn li khai, muốn “bật rễ” (uproot).

Hơn thế, cô gái còn đến Pháp với một ảo tưởng: *“Đã kiêu hãnh là dân Chà Chệt viết văn bằng một ngôn ngữ không phải của mình, nó lại muốn thêm được hồ nghi con hoang, được bán tin bán nghi con lai”* [3: 171]. Người mẹ gieo vào cô ảo tưởng về Người cha thực, Người Nước Ngoài, Cuộc Tình Đồi Mẹ: *“Hỏi cậu mà xem. Cậu sẽ xác nhận cha thực của con là Người Nước Ngoài, người ghé qua, người tình vài tháng và Cuộc Tình Đồi Mẹ”* [3: 27]. Người cha đó, mẹ cô hết lời ngợi ca: *“Mẹ nó bảo, Cha thực của con là người hết sức có giáo dục... Mẹ nó bảo, Một người thật phong nhã... Mẹ nó bảo, Một người tình hạng nhất... Mẹ nó bảo, Một người thật đa cảm, tế nhị... Mẹ nó bảo, Một người sành điệu... Mẹ nó bảo, Một người thật kiêu hãnh, can trường”* [3: 59, 60, 61]. Người biết sự thực là mẹ và cậu. Nhưng cô phải tìm kiếm câu trả lời ở Pháp. Cho nên cô gái đến Pháp không phải với danh nghĩa tị nạn mà như một nhà văn nhập cư đi tìm ý nghĩa cho những nghi vấn của cuộc đời mình. Ngoài ra, với tâm thế viết văn bằng tiếng Pháp, phiêu lưu trên ngôn ngữ khác, đó là trạng thái lai ghép, dù ngẫu nhiên hay tất yếu, đây cũng là một biểu hiện của sự cố gắng hoà nhập đối với xứ sở này.

Qua hành trình đến Pháp của hai nhân vật chính — phân thân của chủ thể tự sự, chủ thể hậu thuộc địa — ta thấy thái độ với mẫu quốc của chủ thể hậu thuộc địa ở đây đi trên ranh giới chênh vênh giữa cảm giác tị nạn, ngoại lai, cảnh giác, chối từ hoà nhập và cảm giác tiếp nhận, thích ứng. Điều này, cũng dễ lí giải, bởi lẽ *Vu không* là một trong những tập tiểu thuyết đầu tiên của Linda Lê, khi cô bắt đầu gây dựng danh tiếng ở Pháp từ xuất phát điểm một người phụ nữ thiểu số viết văn ở mẫu quốc.

## 2. Tính chất nước đôi đối với quê nhà

Theo lẽ thường, gia đình là đơn vị cơ bản nhất để diễn tả ý niệm về Tổ quốc, quê hương bản quán, là nền tảng vững chắc cho văn hoá và bản sắc. Quê hương xứ sở trong *Vu không*, cũng được biểu hiện qua hình ảnh gia đình, dòng họ. Nhưng trong tác phẩm, ý niệm về gia đình đã vỡ vụn, đứt đoạn, nó là khởi nguồn cho cảm xúc về sự xa lìa và thương tổn.

Dòng họ bằng quyền năng của mình đã chia lìa mỗi tình sâu muộn của người cậu và cô em gái, buộc người cậu phải mang khoác một chấn thương tâm lý — điên, mãi mãi không thể trở về với cuộc sống bình thường. Thầy Tu có thể giúp người cậu *“vượt ghềnh, ra khỏi xứ người điên nhưng chẳng vào xứ người bình thường”* [3: 116]. Chấp nhận thân phận, tưởng rằng có thể lặng lẽ trong cuộc sống của người điên, lẫn mình trong đồng sách vở, nào ngờ lá thư hỏi về người cha thực của cô cháu gái đã làm cuộc sống của ông cậu trở nên xáo trộn: *“Chính lá thư với tuồng chữ kiêu kỳ đã làm tôi mất bình an. Lá thư đã trả tôi lại với gia đình, với bệnh hoạn... Từ*

*khi lá thư này đến, sách vở đều im hơi lặng tiếng*” [3: 199]. Chỉ còn ký ức buồn về một dòng họ ám ảnh. Những tổn thương sống dậy.

Đối với người cháu gái, gia đình gắn liền với ý thức về gốc gác. Cô luôn luôn tra vấn về lai lịch của mình: “Cha nó, chuyện lớn của đời nó” [3: 14]. Điều đó hẳn có lí do, Linda Lê sang Pháp sống cùng mẹ và ba em chị em gái, trong khi cha cô ở lại Việt Nam. Sự chia lìa này là một ám ảnh khôn nguôi với cô. Đó là sự truy nguyên dấu vết. Nhưng là sự truy nguyên dấu vết không tới đích. Có hai người cha cùng xuất hiện. Một người cha gắn gũi với tuổi thơ cô gái: cắt báo làm điều cho cô, đưa cô gái đi chơi, đi bộ hay đi xe đạp, dạy cô tập vẽ, nhưng là một người cha chỉ mang về những đồng lương ít ỏi. Đó là người cha mà với ông, mẹ cô luôn “thủ vai bà trưởng giả khuôn phép đay nghiến” [3: 37], và dành cho “cái cảnh tượng thô bỉ của mình” [3: 38]. Gắn bó với người cha này, nhưng cái tên mang tính lai ghép (tên quốc tế và họ Việt Nam) và mười ngày bị khai sinh muộn đã khiến cô tự nghi vấn: “mười ngày ấy, nó tự bảo, có khác gì mình chẳng có mặt trên đời, cha chẳng mong muốn có mình. Mình là kẻ lọt lòng không ai thấy. Kẻ vô hình, kẻ bị bỏ quên... Dần dà, ngò vực hiện đến: cha không phải là cha thực” [3: 91]. Còn người cha kia, Người Nước Ngoài, Cuộc tình đời mẹ, niềm kiêu hãnh và khao khát của người mẹ. Sự nhập nhằng trong câu chuyện về người cha đã khiến cô gái cuối cùng có cảm giác người cha giống như một ảo tưởng, một ý niệm: “Trong đời nó, người cha là một sai lầm lọt vào một văn bản và làm văn bản rối mù” [3: 235]. Sự nhập nhằng của hai người cha đưa đến cho cô một thân phận không được thừa nhận: “Đất nước chẳng còn gì cho nó, từ khi những người áo đen đã đuổi Người Nước Ngoài — họ là những người cha mới của đất nước” [3: 232]. Người duy nhất giải đáp cho cô là một người điên. Cũng chính vì vậy mà cô sẽ mãi không thoát khỏi tình trạng tổn thương của mình: “Nó đòi tôi, kẻ bị cấm cư trú, cho nó giấy phép hiện hữu” [3: 239].

Cũng cần phải chú ý đến hình ảnh những bậc phụ mẫu trong tác phẩm: Bà mẹ không đáng tin, hai người cha nửa chính thức của cô gái, bà mẹ “một nửa”, “khúc thân nữ hoàng” của anh thợ sửa giày.

Bà mẹ của cô gái biểu thị cho những dục vọng, đại diện cho một bộ phận người thuộc xứ sở này, có thể nhanh chóng thích nghi với hoàn cảnh, để ngai lên nấc thang quyền lực dù phải giả nhân giả nghĩa, đánh đổi tự do, trái ngược với ý muốn của mình. Bà mẹ của anh thợ sửa giày là biểu thị của gánh nặng như hai cái bóng của hai người cha cũng đè nặng lên cô gái. Tệ hơn, bà mẹ với tám thân cụt còn là biểu tượng cho sự héo úa, mất hết sinh khí.

Các bậc sinh thành ở đây đều không phải là hiện thân của sự nuôi dưỡng, văn hoá và truyền thống như chúng ta vẫn thường thấy. Gia đình chỉ là cội nguồn gây ra bi kịch, còn gốc gác là một mớ rối rắm, trói buộc, cản trở cuộc sống con người. Đó là những tác động tiêu cực của di sản thuộc địa đến các chủ thể hậu thuộc địa, tạo thành những chấn thương dai dẳng. Như phải mang một cái bào thai chết mà trong một tiểu luận của mình Linda Lê đã đề cập đến.<sup>[1]</sup> Một mối liên hệ không mang lại sinh khí nhưng lại gắn bó trong máu thịt, một mối liên hệ kì quái muốn dứt bỏ mà không thể dứt bỏ nổi.

Trong một cuộc phỏng vấn do dịch giả Cao Việt Dũng thực hiện, Linda Lê cũng đã phát biểu về tình trạng nước đôi này: “*Khi thì tôi coi Việt Nam giống như một loài cây độc toả xuống cái bóng chết chóc, bởi nỗi nhớ có thể trở thành một điều xấu xa nguy hiểm, lúc thì Việt Nam lại giống như một cái cây cổ thụ nơi tôi tìm được chỗ trú ngụ và giúp tôi phòng chống lại sự vỡ mộng.*” Nhưng “*ngay cả khi tôi được nuôi dạy trong nền văn hoá Pháp, thì Việt Nam vẫn cứ là mảnh đất nơi tôi lớn lên, nơi tôi học cách mở mắt, học cách chiêm ngưỡng*” vì thế, dù là cội nguồn của yêu thương hay đau đớn “*tất cả những gì đến từ Việt Nam đều gây cho tôi niềm xúc động.*” [1]

### 3. Và những lựa chọn

Trước tình trạng nước đôi của mình, những chủ thể hậu thuộc địa buộc phải tìm cách giải thoát, ít nhất là để tiếp tục tồn tại. “Tìm cách thoát thân”, đó là một ám ảnh tiếp theo của câu chuyện: “*Nó là kẻ thù của tôi bởi trong gia đình này không thể có hai kẻ thoát thân. Tôi đã thoát*

*theo cách của tôi. Tôi biết từ nay tôi bất khả xâm phạm. Họ không làm gì được tôi nữa, nhưng con bé, nó có thể mất mạng, nếu không phải mất trí, trong chuyện này”* [3: 140].

Cả hai cậu cháu đều lựa chọn viết văn như cách giải thoát đầu tiên. Điều này cũng rất dễ lí giải. Nghiên cứu về chấn thương và tự sự, có quan niệm cho rằng: *“Chấn thương và những câu chuyện được kể bởi những nạn nhân chịu thương tổn thường mang những quan hệ nhân quả, thậm chí đôi khi còn mang tính chất như một hình thức chữa bệnh: một kinh nghiệm chấn thương làm nảy sinh nhu cầu tức thời muốn kể lại một câu chuyện và tái tạo tự thuật/ chuyện đời của một người nào đó”* [2: 117]. Trong cả mối liên hệ: với mẫu quốc và với quê nhà, hai nhân vật chính đều bị tổn thương, đó là những chấn thương đặc thù của thời hậu thuộc địa — những chấn thương về văn hoá, ngôn ngữ, khó có thể phát lộ rõ ràng. Chúng đòi hỏi được thể hiện bằng những câu chuyện kể. Viết văn như một phương thức hai nhân vật chính — chủ thể hậu thuộc địa — trình diễn những thương tổn đó, làm cho chúng được nhận biết và vì thế di sản hậu thuộc địa không bị lãng quên mà vẫn hiện diện đầy ám ảnh, buộc những người liên quan phải suy nghĩ và có trách nhiệm với nó.

Cách thoát thân thứ hai đối với người cậu là căn bệnh điên. Điên là một hình thức chấn thương tâm lý cũng mang tính nước đôi: có thể là sự bất khả hoặc sự chối từ hành động theo những chuẩn tắc thông thường. Đối với người cậu, nó là một tai nạn nhưng cũng là vỏ bọc khi dựa vào đó, người cậu chọn cách đứng bên lề cuộc sống: cố gắng thoát khỏi nhà thương điên và không thuộc về nơi nào khác, sống hoà nhập vào với đồng sách - với tri thức - với văn hoá. Còn với cô gái, cách giải thoát thứ hai là việc phản bội văn hoá: *“Nó sống bằng những chối bỏ, nuôi mình bằng những phản bội”* [3: 171], *“nó thêm thuồng những phát hiện, nóng lòng xáo lộn tông chi gốc gác, viết lại lịch sử đời nó. Nó sôi nổi đòi có chân dung người cha mới”* [3: 87]. *“Nó đã muốn thành xa lạ với gia đình, rồi với đất nước, với tiếng mẹ đẻ, sau cùng với chính mình”* [3: 172]. Điên và phản bội, đó cũng là hai trạng thái tâm lý của người Việt tại “mẫu quốc” — Pháp: đi bên lề cuộc sống và phản bội văn hoá. Trạng thái cảm giác bị bỏ rơi và mặc cảm là đã phản bội cứ xuyên suốt tác phẩm: *“Khi trước, nó bị ám ảnh bởi người cha nó nghĩ nó đã phản bội, bỏ rơi. Bây giờ, nó đã có được một người cha mới, và hoá ra nó thành kẻ bị bỏ rơi”* [3: 43].

Lựa chọn thứ ba — như một sự gợi mở — có lẽ nằm ở nội dung bản báo cáo mà người cậu viết cho cô cháu gái để giải đáp khúc mắc của cô:

*“Con bé không còn biết tiếng mẹ đẻ của nó. Từ mười lăm năm nay, tôi không còn nói tiếng ấy. Đất Nước, trong thư không hề nhắc tới. Trong báo cáo của tôi chỉ có vài lời bóng gió. Chúng tôi Không Thuộc Nơi Nào, con bé với tôi. Tôi sẽ không trở về Đất Nước. Tôi sẽ là gã điên vô tổ quốc... Chúng tôi Không Thuộc Nơi Nào, con bé với tôi... Chúng tôi trôi giạt, hi vọng sóng nước sẽ cuốn chúng tôi về cội nguồn, nhưng chúng tôi bị bõm trong một nhánh sông tù, chúng tôi mãi mãi lay động cùng những ám ảnh như nhau, chúng tôi mãi mãi cuốn theo cùng những xác chết như nhau”* [3, 232].

Không thuộc về nơi nào không hẳn là thất bại và chối bỏ dù đầu tiên nó có thể mang ý nghĩa như thế. Không thuộc về nơi nào còn là đạt đến một sự giải thoát, tiệm cận đến tự do. Lựa chọn mà người cậu đưa ra có lẽ cũng trùng khít với ý muốn của cô gái. Một người điên, một người đi bên lề cuộc sống dẫn dắt một người mê mải kiếm tìm, mê mải truy nguyên. Và cuối cùng cô gái dừng lại, không tìm kiếm người cha nữa. Không cất vấn về gốc gác, không thuộc về nơi nào cả (vô xứ) là một công dân toàn cầu, đó là tự do. Tất nhiên, đây có đúng đã là giải thoát chưa? Điều đó vẫn còn là một nghi vấn, vì thế đến cuối tác phẩm cô gái lại tiếp tục một hành trình mới: *“Tôi đi đây”* [3: 244].

Đặt nhan đề là Vu không, toàn bộ tác phẩm giống như những lời kiến tạo không thật của các chủ thể áp đặt lên nhau, tuy nhiên ta nhận ra có một lời thú nhận thành thật ở đây: đó là trạng thái nước đôi của chủ thể hậu thuộc địa. Đối với mẫu quốc, vừa lảng tránh vừa mong muốn đến gần. Đối với quê nhà, vừa muốn dứt bỏ, vừa bị níu giữ lại. Và những chủ thể hậu thuộc địa vẫn đang trên hành trình tự giải thoát.

<sup>[a]</sup>Cách dịch thuật ngữ chủ nghĩa hậu thuộc địa hiện nay thực ra vẫn chưa thực sự thống nhất trong giới nghiên cứu văn học Việt Nam.

Tính từ *colonial* trong tiếng Anh có hai cách dịch là thuộc địa hoặc thực dân. Tương tự, thuật ngữ *Postcolonialism* có thể hiểu là chủ nghĩa hậu thuộc địa hoặc chủ nghĩa hậu thực dân (trong các bài viết tản mạn hiện nay tồn tại cả hai cách dịch này).

Nếu dịch là chủ nghĩa hậu thuộc địa, sẽ nhấn mạnh hơn đến những di sản còn lại, những ám ảnh thuộc địa, cái tồn tại trong bối cảnh văn hoá cựu thuộc địa. Còn dịch là chủ nghĩa hậu thực dân sẽ nhấn mạnh đến nguyên nhân, nguồn gốc, tác nhân xâm nhập tạo nên bối cảnh văn hoá đó.

Thực dân và thuộc địa là hai mặt của một tờ giấy, hai đối cực cùng tồn tại, không thể tách rời. Tuy nhiên, để đảm bảo sự nhất quán, cũng như nhấn mạnh vào không gian văn hoá hậu thuộc địa của Việt Nam, trong luận văn này chúng tôi lựa chọn cách dịch chủ nghĩa hậu thuộc địa (đây cũng là cách dịch được dùng phổ biến hơn trong các bài viết giới thiệu về lý thuyết này).

<sup>[b]</sup>*Thuyền nhân*, dịch từ chữ *boat people* trong tiếng Anh, có nghĩa là những người tị nạn bằng thuyền. Từ này đầu tiên được dùng để chỉ những người Việt Nam đã dùng thuyền vượt biên đến các nước lân cận để tị nạn sau khi miền Nam Việt Nam sụp đổ vào cuối tháng 4 năm 1975 và Việt Nam trở thành một quốc gia theo chế độ Cộng Sản. [theo Wikipedia]

<sup>[c]</sup>tức *Vu khống*

<sup>[d]</sup>Linda Lê trải qua những năm tháng đầu tiên của cuộc đời ở Đà Lạt. Đến năm 1968, gia đình cô bị cưỡng chế về Sài Gòn khi cộng sản miền Bắc tiến vào Nam. Cô miêu tả sự chuyển rời này như một nỗi đau: “họ nhanh chóng rời khỏi nhà, đổ ra đầy đường. Người trước, người sau. Có nhiều người nằm sõng soài trên mặt đường, áo loang lổ máu” [theoVietnamlit.org]

<sup>[e]</sup>Từ điển bách khoa toàn thư mở Wikipedia đã định nghĩa: “*Tỵ nạn* là một trường hợp phải chạy trốn ra một xứ khác để thoát cảnh hiểm nguy, ngược đãi, hoặc bắt bớ bởi một quyền lực ở chốn cư ngụ” [theo Wikipedia]

<sup>[f]</sup>Xem thêm: <http://www.gio-o.com/DaoTrungDaoLindaLe.html>

## THƯ MỤC THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Cao Việt Dũng, Phỏng vấn với Linda Lê: “Tất cả những gì đến từ Việt Nam đều gây cho tôi niềm xúc động”.
2. Amos Goldberg, “Chấn thương, tự sự và hai hình thức của cái chết”, Hải Ngọc dịch, *Tạp chí văn học nước ngoài*, số 4 (tháng 7 & 8 năm 2009), tr.117–142.
3. Linda Lê, *Vu khống*, NXB Văn học, Hà Nội, 2009, 244tr.
4. Leakthina C. Ollier, “Văn hoá tiêu thụ: tiểu thuyết tự truyện của Linda Lê”, Nguyễn Thị Ngọc Nhung dịch.

### Tiếng Anh

5. Bill Ashcroft, Gareth Griffiths and Helen Tiffin, *Key Concepts In Post-colonial Studies*, Routledge xuất bản, 2001, 275tr.

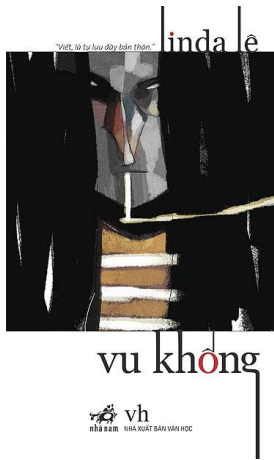
6. Lily V. Chiu, “‘An Open Wound on a Smooth Skin’: (Post)colonialism and the Melancholic Performance of Trauma in the Works of Linda Lê”.

\*\*\*

## Vu không (Calomnies)

Dịch giả:

Nguyễn Khánh Long



I

Họ vẫn chẳng để tôi yên.

Mười năm nhốt trong trại cho người ngớ ngẩn kia, mười năm sống bên những kẻ dở hơi, những người động kinh, những người lão suy, những kẻ lủng sọ, những thiên tài bất đắc chí. Mười năm với đám người bạch tạng, những khuôn mặt bệch như sáp chỉ tình thức để lãng mạ tôi, và, vào đôi lúc sáng suốt hiếm hoi, gọi tôi là Mặt-Khỉ.

Thoát, tôi tưởng tôi thoát chứ. Vậy mà lại bị mấy cái gien túm lại. Vậy mà một cái thư lại nhắc tôi phải nhớ tới cái gia đình đã cán dẹp bộ não tôi, hủy diệt tuổi trẻ tôi, phá hư đời tôi. Một cái thư. Cái thư của một con bé kiêu kì (chứ sao, coi tuồng chữ phóng túng, lối đặt câu, cách dùng tiếng Pháp của nó là thấy ngay : làm như tôi biết, tôi, kẻ học tiếng Pháp giữa đám người điên và học chỉ cốt để yêu cầu mấy người y tá đừng táng mạnh quá, cho tôi thêm một cái chặn, làm như tôi, tôi biết thường thức những tình tế trong cái tiếng Pháp đẹp đẽ kia, cái ngôn ngữ con bé sử dụng như một tay tập giết người sử dụng con dao làm bếp.)

Tất nhiên, cả tôi nữa, tôi cũng đã lao mình vào công cuộc khai phá văn hoá ấy. Năm năm trong thư viện thành phố đọc bất cứ cái gì vớ được. Văn hoá đấy, tôi tự bảo. Văn hoá bằng bất cứ giá nào, phải có cái đầu vững vàng chứ.

Ấy vậy mà trong thư viện tôi thư thái lắm. Tôi xếp sách theo thể loại và theo mẫu tự. Tôi tới lui giữa các kệ sách, tra xét, kiểm kê, trường hợp có quyền nào để không đúng chỗ. Đôi khi người ta nhờ tôi đảo lộn hết. Hai ngày liền, tôi khuôn, tôi vác. Tôi giả bộ thán phục hệ thống phân loại

mới. Tôi biết thừa não động lắm rồi cũng chẳng đi đến đâu, rồi cuối cùng cũng sẽ trở lại lối cũ. Xếp sách chán thì có thể đi tản thơ, chẳng làm gì cả, ra ngoài hành lang hút một điếu thuốc. Nhưng tôi, tôi chúi vào một xó thư viện đọc sách. Tôi chẳng đọc hết một quyển nào bao giờ. Tôi chọn sách đủ mọi thể loại. Tôi nhảy từ tiểu thuyết qua tài liệu, từ sử kí sang nhật kí. Cốt là để luôn luôn có hết chữ này tới chữ khác dưới mắt. Bà quản thủ thư viện đem tôi làm gương. Một gã điên, một tên Chà Chệt đâm chịu đọc sách. Văn hoá cứu vớt...

Tối về phòng mình, tôi vừa ăn vừa đọc, trước khi ngủ cũng vẫn đọc. Thế mà họ đã nhốt tôi dường như vì tôi dễ mất bình tĩnh. Tôi không ngờ lại có thứ thuốc an thần hạng nhất này - văn hoá.

Tôi yên thân. Một mình trên đời, hã hê một mình trên đời, và yên thân. Với những quyển sách giúp tôi sống, những quyển sách cơ thể tôi ngày chịu được ngày không, như những liều thuốc cứu ta nhưng khiến ta tháo tổng và đầu thì nhức như búa bổ. Tôi một mình và yên thân. Số mệnh lại khiến con bé đồng đảng kia quấy rầy tôi. Nhắc tôi rằng tôi có một gia đình. Rằng do cái gia đình ấy công nhà thương điên đã mở ra đón tôi. Rằng gia đình ấy đã nhét tôi vào đây, vào nhà thương điên vùng Corrèze này. Chuyện đùa hay quá thể ! Chắc họ đã cười lăn cười lộn khi nghĩ tới cái vỏ họ chơi tôi này.

Mười lăm năm nay chúng tôi đâu còn liên lạc gì. Tôi đã quên phứt có con bé trên đời này. Mấy đứa cháu gái thế nào rồi cũng tái xuất hiện. Còn nhỏ thì chúng giơ đũa giơ vế với mấy chiếc răng khểnh, đi qua là để lại phảng phất mùi thối hư dòn nén. Đến tuổi chanh cốm chúng không ngó tới ta nữa, nhưng có chuyện khủng hoảng là tức thì chúng đòi ta bào chữa cho kiếp sống của chúng. Chúng kêu đến ông cậu như một nữ danh ca kêu đến người hâm mộ già nhất của mình.

*Con bé* với tôi chỉ có một điểm chung : sách vở. Đó là thương nghiệp của nó, cách kiếm ăn của nó, *kích thích* của nó, khiến nó tiến tới được. Còn với tôi, sách vở là thuốc dụ đau. Nhờ sách, tôi giả chết.

Ngày gia đình đẩy tôi lên máy bay sang Pháp, sang cái nhà thương điên vùng Corrèze này, *con bé* đâu chừng mười, mười hai tuổi. Nó đến xứ này vài năm sau tôi. Nó thành nhà văn. Chưng cất thuốc dụ đau. Chế biến thuốc an thần. Làm bà chủ chữa chữ nghĩa không đủ sao mà nó lại quấy rầy tôi ? Biết đâu có ngày tôi sẽ đọc sách của nó. Vậy mà nó không để tôi yên. Nó kiếm cái gì ? Chắc cô ả cặn cảm hứng rồi.

Tôi không nói ngoa đâu : con bé quấy rầy tôi. Làm như tôi biết được chuyện gì, làm như trí nhớ tôi còn nguyên vẹn. Mười năm sống giữa đám người điên, rồi bất chợt bị chỉ đích danh là người nắm chân lí. Nó đặt vào tay tôi một cuộc đời, đời nó. Nếu tôi nảy ý kể điều này thay vì điều kia, cuộc đời ấy sẽ đổi khác. Con bé ngu quá, tôi tự nhắc mình. Có ngu mới đi nhờ người điên chỉ đường. Nó giở chứng gì đây ? Hay là nó thích liêu ? Nó có óc lảng mạn ? Nó bảo tôi, Cậu là người duy nhất trong gia đình cháu muốn có liên hệ. Có liên hệ ! Ai lại nói như thế bao giờ ! Tôi kích thích trí tò mò của nó, vì trong cái bộ lạc ấy tôi là thằng điên duy nhất bị nhốt. Những người khác, được tự do, tiếp tục gây tàn hại.

Cái thư tới đã năm ngày nay và từ năm ngày nay tôi nhức đầu. Tôi không đọc nữa. Tôi nguệch ngoạc viết. Hễ xếp sách xong tôi chuồn ngay vào cái xó trong cùng thư viện của tôi và tôi viết vào tập vở này, một tập vở lớn bìa xám, mềm. Tôi cũng chẳng biết tôi viết những gì nữa. Hẳn là một báo cáo. Một báo cáo để gửi cho con bé, để nó hiểu rằng tôi làm sao nhớ được chuyện gì. Tôi viết báo cáo. Về đời nó. Về đời tôi. Báo cáo về sự phản bội. Người thân của tôi đã phản bội tôi thế nào. Đến lượt nó, nó phản bội họ thế nào. Cứ như nó trả thù cho tôi. Họ đã cưỡng bách

tôi lưu đây. Nó thì tự ý ra đi, hoan hỉ chuyện chuyển di mà nó linh cảm, nó hi vọng, sẽ giải thoát nó khỏi di truyền gia đình. Tôi đã phải học tiếng Pháp giữa đám người điên. Còn nó, con bé, tiếng Pháp đã trở nên ngôn ngữ duy nhất của nó, khí cụ của nó, vũ khí của nó. Vũ khí nó sử dụng chống gia đình, chống Đất Nước. Có vũ khí ấy, bao giờ nó cũng sẽ một mình. Nó là dân Chà Chệt viết văn bằng tiếng Pháp. Tiếng Pháp với nó giờ đây chẳng khác nào bệnh điên với tôi trước nay : một cách để thoát khỏi gia đình, để bảo vệ sự cô đơn, sự toàn vẹn tâm thần. Tôi đâu có gì để nói với nó. Nó muốn tôi thành đồng lõa của nó. Tôi nhớ gì về nó nhỉ ? Gày gò, tóc thưa, có ánh đỏ. Lúc nào cũng lẳng nhẳng đi theo cha nó - vừa là người hướng dẫn vừa là bạn chơi, vừa là rào cản.

Cha nó, chuyện lớn của đời nó.

## II

Người dắt con chó đến gõ cửa phòng tôi. Hấn gõ ba tiếng, chờ một lúc, rồi trở xuống. Qua cánh cửa tôi nghe tiếng con chó hỏn hển. Cách đây mấy tuần, người dắt con chó gặp chuyện với tôi lúc tôi đang đọc sách, ngồi trên một ghế dài trong công viên. Tôi đã trả lời hấn một cách cộc cằn. Từ đó, hấn theo đuổi tôi. Tôi gặp hấn buổi sáng; chiều đến, khi đi chơi, tôi đụng đầu hấn trước cửa nhà, tay dắt con chó to lông đen. Tôi hoảng sợ. Tôi nghĩ có ngày con chó sẽ nhảy chồm đến cắn cổ tôi. Tuần vừa rồi, tôi đem quần áo đến hiệu giặt. Tôi không có đủ bạc lẻ. Tôi để quần áo trong hiệu, trở ra đi đổi tiền. Lúc quay lại, bỏ quần áo vào máy, tôi nhận ra thiếu mất một cái áo. Khi về, tôi gặp người dắt con chó. Tôi tin chắc hấn đã ăn cắp áo tôi để tập cho con chó quen mùi tôi và sẽ tấn công tôi. Tôi không còn biết tôi sợ con chó hay sợ chủ nó. Họ rình mò. Tôi có cảm tưởng họ muốn nói điều gì đó với tôi, nhưng sẽ không nói. Từ khi tôi hắt hủi họ, họ thù tôi dai dẳng. Dần dà, người dắt con chó phá vỡ khoảng cách giữa tôi với hấn. Những ngày đầu, hấn lảng vảng ngoài phố, thế rồi hấn chờ trước cửa chung cư tôi ở, không bao giờ phác một cử chỉ nào về phía tôi. Bây giờ, hấn đến gõ cửa phòng tôi. Hấn biết tôi sẽ không mở.

Người dắt con chó lảng vảng ngoài phố lúc sáng, rồi biến mất và chỉ tái xuất hiện khi chiều xuống. Vào những giờ hấn gác trước cửa nhà tôi, tôi không bước ra nữa, hoặc chỉ bước ra cùng với Ricin - tôi chưa ngỡ cho Ricin biết hấn săn đuổi tôi. Ricin cũng cảm thức hấn nhìn chúng tôi chằm chập khi đi qua, nhưng anh cho rằng một người đồng hương với tôi tò mò về tôi là chuyện cũng bình thường thôi.

Tôi khám phá người dắt con chó không ở cùng khu phố với tôi, hấn làm việc ở đây. Hồi đầu tuần, tôi xách đi một cái túi đựng hai đôi giày hồng gót. Tôi đã tìm ra một hiệu sửa giày, nhỏ, tối. Thế là tôi đi đến đó. Lúc sắp sửa qua đường, tôi để ý thấy một khối đen sì trên vỉa hè, bên cửa. Tôi nhận ra con chó to. Cửa hiệu mở ra, nhưng tôi quay gót, trở về.

Từ bữa đó, mỗi ngày tôi cứ đi qua trước cửa hiệu ấy mấy lần. Tôi không còn sợ người dắt con chó nữa. Đêm ngủ, tôi mơ thấy hấn tìm cách cạy cửa phòng tôi, ăn trộm giày của tôi cho con chó ăn, nhưng cuối cùng bao giờ tôi cũng thắng; hoặc tôi chặn được cửa, hoặc tôi giặt được chiếc giày khỏi mồm con chó ngao.

Muốn hết sợ người dắt con chó, tôi phải tìm hiểu hơn về người thợ sửa giày. Tôi chưa dám bước vào hiệu của hấn. Tôi biết rằng cửa hàng mở từ chín giờ sáng đến bảy giờ tối. Người thợ sửa giày chỉ nghỉ tay một tiếng đồng hồ, tùy hứng hoặc tùy công việc, giữa mười hai giờ và ba giờ. Trong giờ nghỉ ấy, hấn dắt chó dạo chơi trong công viên cạnh đấy. Hấn đi thì bà mẹ trông hàng. Tôi chỉ nhận biết bà ta mới gần đây thôi : một khuôn mặt nhăn nheo một hôm tôi tình cờ nhìn ra phía sau cái kệ bày những cốt giày và những hộp xi. Hôm đó màng mắt tôi ghi nhận duy một hình ảnh : đôi má hóp sâu của một bà già đang nhai trệu trạo. Trong lúc người thợ sửa

giày làm việc thì bà già ngồi trong một góc gần tủ kính; bà chẳng làm gì, bà ngó con bà mê mải. Bà già chỉ là khuôn mặt nhăn nheo với đôi má hóp sâu ấy. Tôi chưa thấy bà ra khỏi cửa hiệu bao giờ. Khi con bà vắng mặt thì bà canh chừng. Người thợ sửa giày, những khi dắt chó đi chơi, không bao giờ quên treo lên cửa tấm bảng cho biết giờ nào hắn sẽ trở lại. Duy có một lần tôi thấy người thợ sửa giày ngồi trước mặt bà mẹ. Họ dùng bữa trưa.

### III

Trở lại chuyện từ đầu. Sáng hôm ấy tôi thức dậy khá sớm. Tất cả vẫn như mọi khi, nhưng trong một góc phòng có một vật tôi biết sẽ khiến ngày này bực bội cho tôi, sẽ không để tôi bình yên. Từ trên giường tôi đảo mắt nhìn khắp phòng. Mười lăm năm rồi tôi đâu biết một khung cảnh nào khác ngoài khung cảnh cái ổ kiếp sống thừa : bốn bức tường, chiếc giường, cái bàn, cái ghế, cái tủ. Toàn bằng sắt. Kêu ken két trên nền lát. Hễ kéo ghế là tiếng động đinh tai nhức óc. Trước kia, toàn màu trắng. Bây giờ, toàn xám, màu của đời tàn. Trước kia, chung quanh tôi chỉ là những mặt nạ bằng phấn. Bây giờ, chỉ là những khuôn mặt ngăm ngăm. Trước kia người ta gọi tôi là Mặt-Khí. Bây giờ, là anh Chết-Khùng. Người điên có ưu điểm là vô sinh, cô độc, vô gia đình. Ở đây, bọn nhóc tru suốt đêm.

Vậy thì, sáng hôm ấy, tôi đứng lên, tới ngồi bên bàn, nhâm nhi tách cà-phê và hút điếu thuốc đầu tiên trong ngày. Trước mặt tôi, đặt dựa vào tường, là một bức thư chưa bóc. Hôm trước, khi trở về, tôi thấy nó trong hộc của tôi, hộc số 505 ngoài hành lang, trước phòng người gác. Một bức thư. Tôi sinh nghi ngay. Bao nhiêu năm tôi có nhận được thư bao giờ. Tôi nhìn kỹ phong bì, chữ viết mực xanh đen. Tôi đi về phòng tôi, lá thư trong tay, tôi không muốn mở nó ra chút nào. Tôi vào phòng. Đặt thư lên bàn, dựa vào tường, không mở, rồi đi ngủ. Sáng ra, bức thư vẫn còn đó. Tôi nhìn nó như ta nhìn kẻ đến lay vai đánh thức ta dậy. Thư này là loại thư ta nhón giữa hai ngón tay, tự nhủ hay hơn hết nên xé đi - rồi cuộc lại mở ra, đọc rồi choáng váng mặt mày, hối tiếc mình tò mò ngu ngốc nhưng đã quá muộn. Tôi cố quên bức thư, cố bám víu vào nếp sống thường nhật của tôi. Tôi lảng tai. Bên ngoài, không có gì thay đổi. Cũng như mọi buổi sáng, tôi nghe tiếng những người trọ ở đây lệt sệt đi qua trước phòng tôi. Họ đi tắm. Chút nữa đây, khi tôi cũng đi tắm, tôi sẽ gặp phải sàn nhà sũng nước. Tôi sẽ gặp phải nước xà-phòng đọng vũng trước các phòng tắm, những mùi nồng bốc lên từ các bồn vệ sinh, quần áo dơ ngấm trong các bồn rửa mặt, những cửa không gài được và những vòi sen gãy. Tắm xong là ai nấy ba chân bốn cẳng tranh nhau chỗ rửa chén. Chỉ có một bồn rửa chén chung cho ba gia đình và hai người độc thân. Ngày nào cũng ủng oảng trong bếp, cái lộn trong nhà tắm. Nào đồ trong phòng cộng đồng bị đem về phòng riêng. Nào con nít dẹp bàn ghế trong phòng ăn lấy chỗ nhảy dây. Bức thư với tuồng chữ cao sang đã xuất hiện giữa cảnh hỗn độn ấy, giữa những mùi nồng ấy. Khả nghi làm sao, cái phong bì hai lớp, giấy hàn sọc, với mấy hàng chữ viết tay kia, và sự hiện diện, trong mấy bức tường này, của đứa cháu gái đã lãng quên.

Tôi tự hỏi không biết *con bé* có chồng con chưa. Phải chăng nó là một bà nội trợ viết văn những lúc rảnh rỗi. Hay là nó có những người tình. Rồi bàn viết thì vào giường với họ. Và cứ như thế. Trừ phi nó sống như một thầy tu dâm dục, một kẻ khổ hạnh gặm nhấm những ý nghĩ tục tĩu. Tôi đã bỏ mười năm để điên, nó cũng sẽ bỏ mười năm để viết lách. *Con bé* với tôi là hai hoang thai của cái gia đình bại hoại này. Duy chúng tôi đã thoát, đã trốn được cái gia đình ấy, vậy mà chúng tôi vẫn không sống được một cuộc sống bình thường. Những người khác, hết thấy những người khác của cái gia đình bại hoại ấy, đều có lối xoay xở của họ. Họ lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái, có công ăn việc làm. Họ chẳng sống leo lắt.

Con bé này ra ý viết cho tôi là do thế này. Bữa đó cách đây cũng đã vài tuần, trong một công viên. Đây là một điểm chung của hai chúng tôi, con bé với tôi : yêu thích những nơi kín đáo dành cho những kẻ thân tàn ma dại. Con bé không đến công viên để ngắm nhìn trẻ con và



những cặp tình nhân, những cuộc đời vừa hé nở, nhưng để rình mò những kẻ đi bên lề, những kẻ suy vi, những kẻ đã buông trôi, những kẻ chỉ còn đối thoại với người anh em ác tâm của mình, cái tội tội nghiệp đã vấp ngã lúc nào họ cũng chẳng rõ - ngày lại ngày, họ cố nhớ lại cái lúc định mệnh ấy nhưng vẫn hoài công.

Con bé ngồi nơi một cái ghế dài, nó giả bộ đọc sách nhưng chẳng đọc gì, sau đôi kính đen nó quan sát nhan nhản những kiếp sống thừa kia. Nó quan sát những ông già ngồi trên những chiếc ghế han gỉ chăm chú đọc báo, những ông già thờ khó nhọc nhưng vẫn không thôi hút thuốc, những ông già cởi áo đưa tấm thân gầy sừng sững; họ cởi áo rất khó khăn, cứ như suốt mùa đông họ đã mặc nguyên quần áo như vậy trên người.

Bữa đó, ít lâu trước khi viết thư cho tôi, con bé ngồi trên một ghế dài, một cuốn sách trên tay. Nó rình mò. Một gã đàn ông lại gần. Nó không nghe biết. Gã tới đứng sau lưng nó. Lên tiếng hỏi nó. Nó giật mình. Lần đầu tiên nó thành kẻ bị rình mò. Thế thôi cũng đủ làm nó giận điên lên rồi. Điều khiến nó càng tức tối, đó là gã kia nói với nó bằng tiếng mẹ đẻ của nó. Không có gì nó ghét cho bằng những *người đồng hương* gọi chuyện với nó, lấy cớ tình cờ cùng ở nơi xứ lạ quê người này. Gã kia còn trẻ, mặc quần đen, mình trần, áo vắt trên vai. Gã dắt một con chó to lông đen. Nó trả lời gã một cách cộc cằn. Gã nhìn nó đăm đăm, làm bầm vài tiếng nó nghe không ra, rồi kéo con chó bỏ đi. Nó gặp lại gã nhiều lần, trong xe điện ngầm, trong công viên, trước cửa nhà. Gã không đến bên nó nữa mà chỉ lảng vảng quanh nó, miệng lẩm bầm bằng cái ngôn ngữ nó tưởng mình đã quên. Nó tránh tới ngồi trong công viên nó. Gã lại xuất hiện nơi khác. Nó tưởng gạt bỏ được gã bằng cách nghĩ rằng, Mình có thiên tư lời cuốn những kẻ loạn óc. Nó đâm ra tin cái định luật hễ ai có hơi hám điên kẻ ấy lời cuốn những người loạn óc. Bao giờ cũng là bệnh tật đưa ta về với gia đình. Ta đắp đổi đời mình, tẩy sạch trí mình, rồi một ngày chẳng ngờ, di truyền lại níu lấy chân ta, và thế là tiêu tan cái bộ mã ung dung.

Trước kia con bé đã quyết định gác lại vấn đề người cha, bây giờ nó đâm hoảng. Nó đòi tôi cho nó biết rõ tông chi ngọn ngành.

#### IV

Ricin bảo, Em viết cho ông cậu đi. Để xem ông kể chuyện ra sao. Có thể mẹ em đã nói thật, nhưng đó là sự thật của một người đàn bà si tình, em dư biết những hồi ức của một người đàn bà si tình đáng tin đến mức nào.

Ricin<sup>1</sup> là lương tâm của tôi, người cho tôi những bài học, người anh khó chịu luôn sẵn câu xỉ vả. Lần đầu chúng tôi gặp nhau, Ricin đã nhìn tôi một cách kẻ cả. Tôi tươi trẻ, mặt mũi láng mượt, không một vết nhăn, một vết sẹo. Tôi mang đến cho Ricin, nơi căn hộ hai buồng anh dùng làm văn phòng ở Gennevilliers, một bản thảo tôi mong được nhà xuất bản của anh ấn hành. Chỉ liếc qua tôi anh đánh giá tôi ngay : tôi nuôi tham vọng viết văn, trong khi tôi chưa hề trải qua trường học khổ đau. Tôi không có vết thương để gãi, không bị dằm phải rút, không mưng mủ phải rửa.

Ricin một mình một ngựa. Anh tự tách riêng. Anh quan sát thời đại một cách ngờ vực. Anh làm thơ, viết cách ngôn, nhưng không xuất bản, e đánh đĩ niềm đau khổ của mình. Ricin tự biết là nạn nhân của tính tế nhị của anh. Anh là Kẻ Bị Xúc Phạm. Anh giữ một mục hàng ngày trên một tờ báo, lập ra nhà xuất bản của mình, nhưng anh vẫn là Kẻ Bị Xúc Phạm.

Ricin kiếm đủ sống, những kẻ khác hốt bạc. Ricin viết bài, những kẻ khác làm báo. Ricin mê mài văn chương. Những kẻ khác cùng lắm là lủ dốt nát, tẻ ra thì là bày kên kên. Ricin chảy

máu. Anh không chịu săn sóc vết thương. Anh có phe của anh. Phe những người chảy máu. Anh làm vua phe ấy, những kẻ khác chỉ là bọn phù phiếm và tham lam.

Buổi chiều, Ricin tới gõ cửa phòng tôi và chúng tôi đi dạo trong thành phố Paris.

Tóm tắt lại nhé, Ricin bảo. Đừng cầm cổ lao đầu đi tìm người cha. Em sẽ chỉ gỡ bỏ cái bóng ma đang đeo trên lưng để lại công lấy một bóng ma khác. Đeo đuổi tìm một người cha khác có ích gì cho em ?

Mẹ em đã bảo, Lẽ ra mẹ phải bỏ cha con đi theo cha kia của con. Lẽ ra mẹ phải bỏ chồng đi theo Người Nước Ngoài, Cuộc Tình đời mẹ.

Mẹ em đã bảo, Người duy nhất biết chuyện tuyệt vời ấy là cậu con, Tên Khùng, Tên Bại Hoại. Người đã sống mười năm trong một nhà thương điên vùng Corrèze, xuất viện từ năm năm nay và hiện ở một cư xá cũ đã đổi thành nhà trọ trang bị sẵn đồ đạc. Người nắm được sự thực chuyện này là một người điên.

Mẹ em đã bảo, Hỏi cậu mà xem. Cậu sẽ xác nhận cha thực của con là Người Nước Ngoài, người ghé qua, người tình vài tháng và Cuộc Tình đời mẹ. Hỏi cậu mà xem. Cậu sẽ cho con hay cha thực của con theo đuổi hết chinh phục này đến chiến thắng khác. Con sẽ rõ rằng không phải người cha nào cũng là kẻ thua cuộc.

Bà Mẫu đã bảo, Con nhớ lại đi, cậu con dở người. Hồi ở trong Nước, cậu vẫn thường đến nhà mình. Cậu ngồi suốt ngày trên ghế gỗ chằm bằm bức tường. Mỗi lần lên cơn, cậu vác dao đuổi mẹ.

Bà Mẫu đã bảo, Số mẹ phải sống với những kẻ cùng đinh. Người vác dao là đưa con nổi dỗi mà hư, là nỗi hổ nhục của gia đình, người anh chỉ gây ác mộng, hệt như chồng mẹ là kẻ chẳng một xu dính túi, một cuộc hôn nhân tai họa. Người không một xu dính túi và kẻ vác dao, ấy là những người đâu có thể cùng ta thò mặt ra ngoài xã hội. Người thì mơ mơ màng màng mặc cho thiên hạ ăn hiếp, người thì rồ dại. Người thì quyền uy chẳng có, người thì học hành không đến đâu.

Bà Mẫu đã bảo, May thay, gia đình ta tìm được cách đưa cậu ra khỏi Nước và gửi cậu đến cái nhà thương điên vùng Corrèze ấy. Sau đó ít lâu gia đình cũng qua Pháp, nhưng chẳng ai còn bận tâm đến cậu nữa.

Trước kia, hồi ở trong Nước, người vác dao cứ hai hoặc ba tháng lại đến nhà một lần. Cậu ở nhà thương điên ra, tay xách chiếc va-li nhỏ. Bà Mẫu đến nhà thương điên đón cậu, chứa cậu vài ngày trước khi đưa cậu về với gia đình. Người vác dao ngồi lì trên ghế. Bà Mẫu bảo sợ cậu hung dữ. Thực ra, bà sợ cậu như người ta sợ quan toà. Bà tránh bước qua phòng có cậu ngồi, không dám nói to, có ra ngoài thì cũng lén lút, bằng lối cửa qua sân sau. Bây giờ, dù không còn gặp cậu nữa, dù cậu sống tí nơi xa, Bà Mẫu vẫn cho cậu là một tên nguy hiểm, một tên tội phạm, người chỉ muốn giết bà. Người vác dao, Bà Mẫu bảo, chỉ khiến bà nhớ lại những kỉ niệm không đẹp để gì. Bà không thích nghĩ đến cậu, nghĩ đến cậu khiến bà ưu uất, chỉ đưa lại những ý tưởng hắc ám.

Bà Mẫu sợ, không phải sợ cậu hung dữ, nhưng là sợ cậu giám sát. Cậu là chứng nhân mọi chuyện lằng nhằng của bà. Cậu ngồi lì đấy, cậu rỗng tai và cậu biết hết. Bà Mẫu thù ghét cái kẻ điên mà vẫn còn đủ trí khôn để rình mò bà, tính sổ những phản bội của bà. Bà Mẫu thù ghét

cậu vì cậu là bằng chứng rằng bệnh điên, trong gia đình, là một truyền thống phải tuân thủ. Vì cậu thay thế cụ cố, người rút cuộc đã phải xích trong chuồng, người làm hoen ố gia phả.

Cậu hiện diện khiến không ai quên được cụ cố gia đình đã phải nhốt trong một căn phòng cửa nẻo đóng kín. Cụ gào thét hết hơi. Chung quanh nhà là vườn rộng mênh mông nên hàng xóm không nghe tiếng cụ gào thét. Một đêm, cụ mở được cửa sổ, trốn ra. Cụ trèo lên cây trong vườn, hát vang. Bữa đó là một đêm nguyệt thực. Trời tối như mực. Tìm được cụ, gia đình cũng đành phải chờ cho cụ chán và chịu xuống. Một anh người làm leo lên cây, nhưng không sao thuyết phục được chủ nhân, chỉ mặc một chiếc quần, tụt khỏi cành cây nơi cụ ngồi ăn hết chiếc lá này đến chiếc lá khác, dính đầy kiến lửa. Sau lần trốn đêm đó, cụ cố đâm thích những trò ngô ng. Gia đình lại nhốt cụ trong phòng, nhưng đóng đinh mấy tấm ván chặn hết cửa sổ. Người điên không tìm cách trốn nữa. Cụ giở trò khác : gia nhân mang cơm tới là cụ vồ lấy họ, cắn đến chảy máu. Một người bà con, chủ một sở thú, đề nghị tặng một cái chuồng, cho đem tới và dựng trong phòng. Cụ cố bị nhốt vào đấy và, cẩn thận hơn nữa, người ta xích chân cụ; sợi dây xích đủ dài cho cụ đi lại được. Gia nhân như thế có thể mang cơm cho cụ mà không lo bị cụ cắn. Mỗi tuần một lần cụ bị trói vào chần song chuồng để một gia nhân lau rửa sàn. Thiên hạ bắt đầu đồn đại về tình trạng tâm thần vị gia chủ, gia đình bèn thông báo cụ hấp hối rồi đăng cáo phó. Tang lễ là biến cố lớn của thành phố tháng ấy. Hàng năm gia đình đem hoa ra ngôi mộ giả, do một người làm vườn chăm sóc. Phần cụ cố, cụ sống rất thọ, chân xích trong chuồng. Khi cụ mất, cụ được chôn vội vã ngoài vườn.

Từ đó, trong gia đình, ai cũng như mang trong mình một cái chuồng con xiềng nhốt một người mất trí. Thỉnh thoảng, người điên thoát ra, chà đạp thần kinh con cháu. Từ đó, trong gia đình, ai cũng có đôi lúc mê sảng. Mỗi thế hệ lại hi sinh một người để những người khác được sống yên lành. Mỗi thế hệ chỉ định kẻ sẽ bị coi là người điên. Những người khác gỡ thế diện bằng cách tỏ ra vô cùng thận trọng, bằng cách tuân thủ những gì họ cho là quy luật của đời sống bình thường. Người vác dao là kẻ bị hi sinh. Kẻ ai nấy đều coi là điên. Kẻ nhận lãnh hết mọi bại hoại, tránh cho những người khác bị nghi là rồ dại.

## V

Không biết có bao giờ tôi có thể ngoảnh mặt khỏi cái tôi bùn nhơ của tôi. Đời tôi chỉ là những vấp ngã, trượt dốc, bước hụt; cứ mỗi lần tôi lại phải loay hoay cố tự thuyết phục mình phải đứng lên. Tôi đã giả điên để khỏi hoá điên. Tôi thủ thế, tôi tự vệ, như con chim ấp trứng (dấu cho trứng thối). Chỉ một tiếng động nhỏ, chỉ một động tác cõn con của đồng loại cũng xúc phạm đến tâm thần tôi. Trước kia tôi kinh khiếp những người điên mở miệng là nói nhăng nói cuội, nói gióng tiếng một, nói đi nói lại, chửi bới và kêu thét. Bây giờ tôi kinh khiếp những kẻ tâm trí lành mạnh. Họ phun ra những từ trống rỗng và đợi được những lời vô nghĩa đáp lại. Có những buổi sáng tiếng động nào cũng làm tôi tức bực, cũng khiến tôi nhức đầu : một cánh cửa đóng sập, một đứa nhóc la khóc, một chú da đen lấy bàn nhà bếp làm cái trống. Tất cả mọi tiếng động va vào nhau, đập vang trong đầu tôi, biến nó thành một cái phòng cộng hưởng. Có yên đi không ! Có yên đi không ! Tôi đã thoát khỏi nơi người điên. Bây giờ sống giữa người tâm trí lành mạnh tôi sẽ phải rối loạn thần kinh. Tôi không ngoảnh mặt đi với cái tôi bùn nhơ của tôi. Họ, để quên đi đồng bùn nhơ họ ngồi bên trên, họ nhồi tiếng động vào tai, cho ảnh hình diều trước mắt. Có yên đi không ! Có yên đi không ! Chớ ai nói tiếng nào ! Im cả đi ! Nếu ai nhất định nói, hãy thì thầm mà thôi. Có những ngày những tiếng động của đồng loại, những tiếng động nói lên sự sống, làm tôi kinh khiếp. Những ngày ấy, tôi nằm lì cuộn tròn trên giường, bịt chặt hai tai để khỏi nghe những tiếng động ấy của sự sống, những dấu hiệu thô tục ấy, như thác đổ quanh tôi. Tôi co rúm lại, tôi chắc lưỡi, Suyt ! Suyt ! Tôi không muốn nghe tiếng những kẻ tâm trí lành mạnh lau rửa, chùi cọ, tẩy uế, chăm chút thân xác họ. Những lúc ấy, tôi không chịu nổi

dù ngôn ngữ nào. Dù bằng tiếng Pháp hay tiếng dân Chà Chệt, tiếng léo xéo cũng chỉ che giấu sự hão huyền của kiếp sống thừa.

Mấy ngày nay, tôi không đọc sách nữa. Tôi bắt đầu vẽ. Bằng bút chì. Ở thư viện, hễ xếp sách xong là tôi đem đồ nghề chúi vào chỗ của riêng tôi. Tôi vẽ những hình khỏa thân, gầy ốm tong teo. Bà quản thủ thư viện lo lắng cho tôi. Bà không ưa những hình vẽ của tôi. Bà bảo, Kì quá. Thực ra, bà kinh hãi. Bà nghĩ, Đúng là hình vẽ của người điên. Một bức tôi vừa vẽ xong làm bà sợ nhất. Bức vẽ một đứa con gái gầy gò, tóc dài và xỉn. Đang cởi quần áo. Tất cả nhục cảm ở nơi miệng mở rộng, ở nơi hai con mắt mù lòa. Vây quanh là một đám đàn ông, nhưng chỉ thấy mặt mà thôi. Họ tránh nhìn con bé trần truồng. Người điên biết tình ái và nhục dục đưa đến những gì. Họ né xa. Bà quản thủ thư viện nhìn bức tranh, mép nhếch lên chán ghét. Tôi bảo bà tôi sẽ đặt tựa tranh là *Vũ thoát y trong phòng số 6*. Bà bật kêu, À ! Tchekov<sup>2</sup>... Nhưng cái mọp văn hoá ấy không đủ làm bà hết lo âu.

Tôi không thể cho bà quản thủ hay chính tác giả lá thư với tuồng chữ cao sang kia đã gợi ý tôi vẽ bức tranh này. Hồi ức về *con bé*, tôi không có. Tôi bèn bịa ra. Nó hay mặc áo hồng không tay. Phần trên áo dán sát vào tấm thân gầy guộc. Phần dưới tóa ra, với những nếp xếp nhỏ. Áo có một đặc điểm : phía trước điểm tô ren trắng như hai cánh màn cửa mở trên ngực; đầu những hàng ren ấy dính những viên ngọc trắng nhỏ. Mỗi khi nó cử động, xoay mình, mấy viên ngọc nhảy tưng tưng trên ngực nó, làm tôi không rời mắt được. Những lần về ở nhà nó, hầu như lúc nào tôi cũng thấy nó mặc áo ấy. Nó thích sát đến bên tôi, hỏi tôi chuyện này chuyện kia, ngồi vào lòng tôi. Mẹ nó cấm nó nói chuyện với tôi - mỗi khi phải đi đâu, mẹ gọi con gái, ra lệnh không được đến gần người điên, vào một phòng khác đóng chặt cửa lại, tôi nghe tiếng mẹ thì thào, dặn dò cảnh cáo, nhưng con bé không trả lời gì cả. Mẹ nó đi rồi, trong nhà yên lặng như tờ. Một lúc thật lâu, con bé ở yên chỗ mẹ nó dặn. Thế rồi tôi nghe tiếng cửa mở, những bước chân nhỏ tiến lại bên tôi. Tôi ngồi yên trên ghế. Nó lặng lẽ đến ngồi dưới chân tôi, đợi tôi cúi xuống, nhắc nó lên đặt ngồi vào lòng tôi. Nó ép mình vào tôi rồi ngủ thiếp đi ngay. Những lần khác, nó kể tôi nghe chuyện một người mù sống với cháu gái trong toa một con tàu bỏ lãn lóc vì bị mù.

Liên hệ giữa nó với tôi, tôi đã cắt đứt từ mười lăm năm qua. Tôi còn nhớ cái ngày, cái lúc liên hệ ấy đứt. Tôi nhớ rất rõ. Không có ai ngoài chúng tôi, ngồi trên cái ghế bành bao giờ tôi cũng chiếm giữ mỗi khi về nhà cha mẹ nó, hai tay tôi tì trên tay ghế. Nó ngồi trong lòng tôi, đối mặt với tôi. Nó mặc cái áo dính ngọc. Nó kể tôi nghe tiếp chuyện người mù với đứa cháu gái. Ngực nó phồng lên, tôi có cảm tưởng mấy đường chỉ sắp đứt cả. Mắt tôi không rời được những viên ngọc đung đưa đầu mấy hàng ren trắng. Tôi thò tay, chộp một viên -- giật ra. Viên ngọc đứt khỏi hàng ren, rớt lẩn xuống đất. Tôi chộp một viên khác, cũng đứt ngay ra và rơi xuống không một tiếng động. Tôi giật nốt những viên khác, chúng rơi xuống, lăn lông lốc trên sàn nhà lát gạch ô vuông hai màu đỏ và vàng, như những hòn bi con. Nó nhìn bàn tay tôi, không động đậy. Tôi cảm thấy trên đùi tôi mấy bắp thịt chân nó rần rần; nó vẫn tiếp tục kể chuyện, giọng khô khan, có chút nào ngập ngừng. Nó nói như người khó thở. May thay mẹ nó về. Nghe tiếng mẹ, nó nhảy tót xuống, vội vã nhặt mấy viên ngọc, rồi chạy biến khỏi phòng. Khi đứng lên, tôi trông thấy một viên ngọc kẹt trong đường xoi chiếc ghế. Tôi nhặt lên và giữ lấy. Ít lâu sau chuyện ấy, vẫn là một bí mật giữa nó với tôi, gia đình đẩy tôi lên máy bay. Tôi rời Đất Nước để bị nhốt trong cái nhà thương điên vùng Corrèze này.

Tôi cố hình dung ra con bé, bây giờ, mười lăm năm sau. Tôi nhớ lại mẹ nó hồi hai mươi lăm tuổi : một người hiền không nổi, ngu ngốc và thất thường; bí mật của cô ấy là cái tài chỉ người mất nhìn là đủ quyến rũ bất cứ người đàn ông nào đi qua. Đây là một con búp-bê giết người, với làn da mịn, cặp chân dài, bộ ngực rắn chắc, môi tô son đỏ tía, hai bàn chân thật đẹp - hai bàn chân thật xinh xắn, mí miều, vì *cô ấy không bao giờ giẫm đất, mà chỉ đạp trên đầu thiên hạ*.

Với chồng cô thủ vai bà trưởng giả khuôn phép đay nghiến; ở khách sạn, bên các tình nhân, cô biến thành kĩ nữ say đắm thú gối chăn. Cô chỉ có tham vọng duy nhất : làm gái bao. Lấy phải ông chồng lương bổng chẳng ra gì, cô gỡ gạc bên mấy người tình. Cô là loại người hể thấy một món quà nữ trang đắt giá thì nhục dục lại càng tăng gấp bội. Vào tuổi hai mươi lăm, mẹ con bé là một con mụ buống bình, điều ngoa, vô cùng hợm hĩnh và dốt nát, vừa bộ tịch lại vừa mù chữ : cô biết nói nhiều thứ tiếng, nhưng chẳng đọc, chẳng viết bất cứ tiếng nào. Chút ít thanh lịch học được, cô để dành cho những khi ra ngoài. Bảy giờ cô tô son điểm phấn, thành người duyên dáng, con nhà nền nếp, ngồi bàn ăn đúng phép tắc, nói năng ngọt ngào, chớp chớp hai hàng mi, biết im lặng nghe và, thỉnh thoảng, buông tiếng thở dài khiến đôi vú rung lên dưới lớp áo lụa. Trở về nhà, cô lập tức lau mặt, bỏ quần áo, thôi lễ độ, hét nói năng ngọt ngào, khoác vào cái áo xa-tanh cũ màu vàng, cổ áo ghét và tanh mùi mồ hôi, nằm vật xuống giường, bên một đĩa bánh kẹo, dành cho ông chồng cái cảnh tượng thô bỉ của mình. Vào tuổi hai mươi lăm, mẹ con bé ngọt lịm, mỡ màng, khêu gợi. Vào tuổi hai mươi lăm, mẹ con bé là mật ngọt, là mật đắng, là ma túy, là độc dược. Vào tuổi hai mươi lăm, mẹ con bé là đàn bà.

## VI

Viên Tham vẫn nói, Đây là một đề nghị trung thực của tôi. Tiếng reo một hồi chuông. Viên Tham vẫn ngừng lời. Có người gọi ở một đường dây khác, ông nhắc ống nghe thứ hai, một phút trôi qua rồi lại có tiếng viên Tham vẫn ở đầu dây. Chỉ một kì thôi, ông bảo. Toàn bộ sẽ đặt tựa là *Cuộc Tình đời họ*. Đó cũng sẽ là, viên Tham vẫn còn nói, một cách rèn luyện bổ ích cho cô. Cô lạm dụng sự buồn khổ nhiều rồi. Dẹp những chuyện sâu kín của cô lại. Cô hãy tập viết về hoan lạc đi. Đừng tự vu khống mình nữa, đừng vu khống *chúng tôi* nữa. Cuối cùng viên Tham vẫn bảo tôi phải viết gì đó về cha tôi, lấy tiền rồi về Nước. Tôi đáp, Dạ. Viên Tham vẫn buột miệng, Cửa trời ơi đấy. Tôi đáp, Dạ. Viên Tham vẫn khuyên tôi viết phác thảo, hai tờ thôi, và đến gặp ông tại văn phòng ông, văn phòng hãng sản xuất của ông. Tôi đáp, Dạ. Viên Tham vẫn lặp lại ba lần, Phải nhân dịp này về thăm Nước. Tôi đáp, Dạ. Tôi nghĩ đến tựa một cuốn phim, *We can't go home again*. Câu nói của viên Tham vẫn tự nhiên đổi khác. Tôi nghe ra, *You can't go home again*<sup>3</sup>. Viên Tham vẫn đã gác máy rồi.

Buổi chiều, tôi ngồi vào bàn, viết hai tờ. Lúc Ricin gõ cửa phòng tôi, tôi nhét bản thảo vào túi áo khoác trước khi đi với anh. Chúng tôi đi về hướng điện Invalides<sup>4</sup>, trùm áo kín mít. Đoạn đầu một ca khúc lãng vãng trong trí tôi

*Tôi là kẻ lạ nơi này,*

*Tôi là kẻ lạ mọi nơi*

*Tất tôi sẽ trở về, thế nhưng*

*Tôi là kẻ lạ nơi ấy.*

Tôi đưa Ricin bản thảo viết hồi chiều. Có lẽ tôi nên giao cho viên Tham vấn đề hưởng của trời ơi và về Nước. Ricin không chịu đọc hai tờ giấy, Em đem cha em làm quảng cáo cho em, cứ như một bà sơ lúc nào cũng thủ sẵn trong áo ảnh một đứa bé mồ côi để phô ra mỗi khi bị người ta nghi ngờ giả dối. Em đáng bị bắt phải sống năm mươi ngày hai bàn tay trói lại, như các họa sĩ ngày xưa ở Nhật, cho bỏ cái tật cứ để tâm trí nơi này nơi kia. Em tìm cho mình một người cha, em tìm cho mình một tình thương, em tìm cho mình đủ thứ lí do để tránh né công việc của em. Em viết như một tên yếu hèn uống cho say. Tỉnh rồi, y thọc hai ngón tay vào họng, mửa hết ra những gì là tinh anh của y và trở lại với cuộc sống đời thường. Những gì em muốn làm chỉ đòi hỏi em có một điều : kiên trì mà thôi. Nắm chặt cứng, nhất thiết không buông.

Ricin lại bảo, Đừng trông chờ gì ở người khác. Họ chỉ muốn em đổ hết ruột gan, tống tháo mũi dãi, cứt đái. Chừng nào em chỉ còn trơ xương, một bộ xương đã lau rửa kỹ càng, bấy giờ họ sẽ dung nạp em. Họ sẽ tọng cho em thực phẩm của họ, sẽ biến em thành con ngỗng nhồi những xuẩn ngốc của họ, và bấy giờ họ sẽ ngó em bằng đôi mắt cha hiền và nghĩ rằng em đã đạt tới đỉnh cao của em. Bất cứ nơi nào em hãy cứ vào như chó đái chậu cảnh. Cứ một mình mình. Cứ là dân Chà Chệt. Chăm bón bờ ria. Cây sồi biên cương. Gin giữ mãi trong em cái bắt ung, cái lạ lẫm, cái không khoan nhượng.

Tôi nào có muốn gì hơn là thủ vai con chó ghê. *Than ôi, hai linh hồn chia sẻ lòng tôi<sup>5</sup>*. Tôi sống dưới sự canh chừng của một người anh già đời với cái nhìn sắc bén, không tha thứ mọi hèn yếu, mọi thỏa hiệp, làm hết những gì làm được nhưng chẳng chút thỏa mãn. Phiền nỗi, không phải chỉ có người anh già đời khổ hạnh ấy, nhưng còn có tôi. Có con rối thêm ước danh vọng, mảnh giẻ rách lại muốn thành con chim sặc sỡ rĩa lông trước đám công chúng đông đảo. Lúc này, người anh già đời xỏ mũi tôi, nhưng tôi sẽ phải coi chừng, con búp-bê hợm hĩnh vẫn muốn thoát ra, cao giọng và diễn trò khi không có mặt người anh già đời nhàm chán kia.

## VII

Tất cả đều khuyên lơn nó nên từ bỏ người cha, tất cả đều dỗ dành là nó chỉ tìm được giải thoát nếu tháo gỡ mối dây phụ tử, nhưng con bé cứ muốn để mình cho bóng ma người cha nuốt dần nuốt mòn. Khi trước, nó bị ám ảnh bởi người cha nó nghĩ nó đã phản bội, bỏ rơi. Bấy giờ, nó đã *có được* một người cha mới, và hóa ra nó thành kẻ bị bỏ rơi. Nhất định vai trò này hợp với nó hơn nhiều, xưa nay nó vẫn thích thủ vai những nàng danh ca bị xúc phạm, những nạn nhân cuồng tưởng, những thánh tử đạo trong gia đình hỗn loạn. Điều mẹ nó tiết lộ không có mục đích nào khác : nhồi vào nó những ngờ vực, găm đầy nó những nghi nan. Mẹ nó đã thành công trong khi bao nhiêu sách vở triết lí đều thất bại. Chỉ bằng một câu mẹ nó đã giã nát thân ma người cha, giết chết định kiến. Mẹ nó chỉ muốn một điều : làm nó phát điên bằng cách buộc nó lúc nào cũng phải thắc mắc về dòng dõi nó, về lai lịch cha thực của nó. Bao nhiêu năm mẹ nó tìm cách ảnh hưởng nó mà không thành công. Nó vẫn tránh né, nó vẫn biết cách thoát thân. Lần này thì mẹ nó nắm được nó rồi. Nó hiểu chứ. Cho nên nó mới tìm hỏi tôi. Nó hi vọng tôi sẽ là thuốc giải cho bà-mẹ-độc-dược của nó.

Con bé lảng vảng quanh tôi. Mùi máu tôi lôi cuốn nó - máu trở chua, máu hồng, máu nhiễm độc, máu bệnh hoạn vì cô đơn của tôi, máu làm bộ kiêu bạc mà nén tiếng nức nở.

Ai khóc trong máu tôi ? Ai ? Con bé đòi được biết. Chắc tôi phải kể cho nó mọi chuyện như nhớp ở nhà thương điên. Hồi ức của tôi đều nặng mùi. Tôi vẫn luôn luôn sống giữa các mùi, giữa đám nhân loại không thơm tho gì. Đám nhân loại nồng mùi nước đá và hôi nách, són ra quần và chẳng chùi háng. Hoàn toàn khác với con bé chỉ biết đám nhân loại các cô tiểu thư. Cô tiểu thư muốn trốn khỏi mấy bức tường sạch bóng và đến đánh hơi cái máng ăn của tôi. Đây, mùi hôi chồn này. Đây bột quấy những ruột nghiền, tim moi, những kiếp sống chật trên thớt.

Chắc tôi phải kể cho nó mọi chuyện như nhớp, những năm tháng tôi lọc lựa quần áo dơ của nhà thương điên. Để được chia một cái tủ trong khu các y tá, tôi phải chu toàn một nhiệm vụ, chứng minh tôi còn đủ trí khôn. Tôi làm vua trong phòng đầu xương giặt. Đồ dơ chở đến từng xe. Công việc của tôi là đảo cái đồng góm ghiếc ấy, tách riêng từng món và phân ra thành ba giỏ lớn. Trong giỏ thứ nhất, tôi liệng vào những đồ xú ối, dính đầy máu, mũi dãi, phân, tinh dịch. Giỏ thứ hai dành cho những đồ ít dơ hơn, sặc mùi nước tiểu, mồ hôi, mùi thịt da không mấy khi tắm rửa. Còn lại vài món gần như sạch sẽ cho vào giỏ thứ ba, nhiều khi chưa giặt cũng đem dùng lại (cũng chẳng khác tôi chia người điên làm ba loại : những người bị bệnh ăn thối ra,

những người chỉ có hơi hám điên, và những người, chỉ bị vấy thôi, có thể dùng lại được. Tôi lọc lựa đồ dơ hết như chính tôi đã được lựa lọc trước khi được phép trở về bên lề thế giới trí khôn - được nhìn nhận có thể dùng lại, tôi thuộc giỏ thứ ba.) Ngày ngày tôi đứng giữa mùi nồng đồ dơ và hơi nước nóng bốc ra từ xưởng giặt. Mùa đông tôi mở cửa lấy chút ít hơi nóng ấy. Mùa hè, tôi làm việc mình trần, mùi đồ dơ thấm vào da thịt, bám vào hốc mũi. Tôi mó đến gì, ăn gì, uống gì, cũng khảm mùi mũi dãi, mùi phân của những người điên. Hơi nóng khiến tôi ngủ gà ngủ gật, nhiều khi nhắm mắt, tựa đầu vào cái giỏ lớn. Từ đồng đồ dơ vọng lên những tiếng nói. Tôi nghe tiếng hỏn hển một người đàn bà bị niềng trói và vùng vẫy tuyệt vọng đến ngát thở. Mùi người điên, ngạt nồng, khiến tôi hoa mắt. Giữa hơi nóng xưởng giặt, tôi trông ra những cái miệng tìm kiếm những miệng khác, và, tìm không ra, cắn lấy áo gối thô nhám dẫm mùi thuốc tầy; tôi trông ra những bộ phận sinh dục chà sát vào khăn trải giường cứng ráp. Tôi trông ra hàng hàng những giường, những thân xác nghệt thở vì cô đơn. Tôi trông ra nháng điện gay gắt làm thịt da cuống cuồng và, vô hiệu, vụt từ giường này qua giường khác.

## VIII

Ricin không thôi lập lại, Phá tham vọng của viên Tham vấn đi. Đừng nghe lời y mà viết một kì cho bộ *Cuộc Tình đời họ*. Đừng đem bí mật gia đình viết thành truyện đăng từng kì. Viên Tham vấn muốn em thành kẻ y bảo hộ - nhà văn gốc gác những xứ thuộc địa cũ, con chim non đói khát, người nữ yếu ớt do y đỡ đầu. Em chớ quên bọn hãnh tiến rất sính đỡ đầu. khắp thế giới này, xứ nào cũng có những tên hãnh tiến ghi danh tính, địa chỉ, số tài khoản trên một mảnh giấy chúng xé ra theo đường chấm chấm, chúng tự phong là người giám hộ, người đỡ đầu, và, do mỗi tháng bỏ ra một món tiền không nghĩa lí gì, chỉ bằng tiền nuôi chó, chúng cho mình có quyền đòi hỏi một trẻ mồ côi những nước nghèo hay một bà góa dân một thành phố nhiệt đới mang cái tên đọc không ra, phải hàng tháng viết thư cho chúng, phải mang ơn chúng suốt đời. Cái bọn cha mẹ đỡ đầu do các tổ chức từ thiện tìm ra chỉ gồm những tên hãnh tiến tự cho phép mình, thay vì mua một chai rượu ngon, làm đảo lộn số phận một chú bé da đen từ nhà thổ thoát ra, hay một kẻ moi thùng rác bị máy cha cố lường gạt. Bọn cha mẹ đỡ đầu ấy, không bao giờ ta biết được động cơ nào khiến chúng hành động như thế. Vì nỗi khốn khổ của đồng loại gây ác mộng cho chúng ư ? Phải chăng để xua đuổi hình ảnh hàng triệu kẻ đói rách không nhà không cửa, nếu không được cứu trợ tại chỗ, sẽ tràn sang đất nước các cha mẹ đỡ đầu ? Hay chỉ vì đỡ đầu là dấu hiệu chúng đã đạt tới bậc thang phải lo nghĩ đến cuộc sống nội tâm, đến phát triển tâm linh, phải làm bộ chia tay cứu vớt kẻ thấp kém hơn ? Sẽ chẳng còn bao nhiêu cha mẹ đỡ đầu giả hiệu nếu không có bọn siêu sao của các khu ổ chuột xúi giục phát chặn bữa bãi. Cái bọn múa rối này phải đem xử bắn mới phải. Chúng tự nhận là đặc phái viên của khổ đau khắp địa cầu. Chúng khoác vào bộ áo chiến sĩ và đi ném mùi khốn cùng xứ lạ. Đến nơi, chúng yêu cầu người này kể lại kinh nghiệm bố thí, người kia tả tỉ mỉ một ngày ở bãi rác công cộng. Trở về, chúng xuất bản một cuốn sách, dày cộp, chúng lúc lắc mớ tóc trắng bù xù trước ống kính truyền hình mà bảo, là chứng tích vừa cho trí dũng của những người từ tâm vô danh, vừa cho nỗi khốn quẫn của triệu triệu người đói rách. Bọn siêu sao các khu ổ chuột còn mau mắn tuyên bố sẽ tặng một phần tiền bản quyền cho tổ chức từ thiện nào chiêu chuộng chúng và đưa tên chúng vào danh sách các sáng lập viên. Bao nhiêu năm qua, hàng chục năm qua, bọn siêu sao các khu ổ chuột nào có quan tâm nào khác là quản lí những lợi lộc của chuyến đi không bao giờ chúng quên gọi là *kinh dị*. Hễ có động đất, bão lụt, đảo chính tại cái xứ hàng triệu người đói rách đó, bọn siêu sao các khu ổ chuột tức thì lại xuất hiện, chúng được giao nhiệm vụ tính toán số người chết và nhắc nhở rằng, dù bao tai họa, dân chúng xứ ấy vẫn đồng lòng vô kể.

Ricin trút hết cơn cuồng nộ của anh, bởi anh sợ phải đụng đến cốt lõi, đến cái cục đồ độc được trong bụng anh và khiến mỗi lời anh nói đều nhuốm mùi chua chát. Tôi bảo Ricin, Anh phải lau vết thương của anh, rũ bỏ ám ảnh của anh. Anh sống bằng phỉnh gạt. Anh đóng vai người cảm cân nầy mực, anh lên án, anh buộc tội, anh cho mình bị xúc phạm, bị lăng nhục, vì có ngày

người ta đã nhỏ vào mặt bà anh (Ricin làm bầm, Người ta đã không nhỏ vào mặt bà nếu con mụ kí giả Paris kia không đem mỗi danh vọng dụ dỗ bà để rồi bỏ mặc bà một mình khi tai tiếng xảy ra.) Bà anh dư biết những gì có thể xảy ra. Lẽ ra bà phải trả lời bằng sự khinh bỉ những kẻ nhỏ vào mặt bà. Bà chết vì, đáng lẽ nhỏ lại vào mặt họ, đáng lẽ mua một khẩu súng bắn tước vào họ, bà lại rụt cổ, gằm đầu đi dưới những bãi nước miếng, để những lời lăng mạ vui chôn bà.

Với Ricin, chuyện đó không còn hồ nghi gì nữa : bà anh là nạn nhân sự khôn khéo của cô kí giả Paris. Bà anh đã tin lời cô kí giả Paris phải đưa sự thực ra ánh sáng. Từ đó, Ricin nuôi mối thù dai dẳng các kí giả Paris, đến đổi chính anh cũng trở thành một kí giả Paris, phần để tự trừng trị mình và vì tự chán ghét mình, phần vì nhu nhược và vì tự biết mình không làm gì khác được.

Cô kí giả Paris không thôi đến gặp bà anh hàng ngày, tuần này qua tuần khác, cô thuyết phục bà kể chuyện đời bà, cô khiến bà tin chứng từ của bà có giá trị lớn. Cô lừa bà, đánh bẫy bà. Tôi bảo Ricin, Anh tự dối mình. Anh thừa biết bà anh nhận lời khi cô kí giả Paris úp mở rằng bà sẽ kiếm được vô khối tiền. Anh thừa biết bà anh làm thế vì hợm hĩnh, tham lam. Anh muốn tin bà là nạn nhân. Em cho là bà không chết vì nhục nhã, nhưng vì tức tối, chính cơn uất giận bị cô kí giả Paris lừa dối đã giết chết bà. Mà những điều đó anh đã đoán được cả, bởi chính anh buộc bà ra khỏi nhà, chịu đựng cái nhìn của người khác, để cho người ta nhỏ vào mặt. Anh đã linh cảm hết, anh đã muốn trừng phạt cái tính hợm hĩnh của bà. Chính từ thời gian đó mà anh nhất quyết muốn làm người cầm cân nảy mực.

Cô kí giả Paris tinh ma lắm. Bà anh tưởng đấy là dịp được nổi tiếng một thời, bà dư biết nổi tiếng đi liền với tai tiếng. Bà tưởng danh vọng ấy sẽ cho bà rời khỏi cái chốn khỉ ho cò gáy kia, sẽ khiến bà thành nạn nhân cả Paris phải nói tới, nhưng bà đã tính lầm. Cô kí giả Paris lừa nạn nhân của mình, cô lãnh hết tiền, nổi danh biết mọi móc những chuyện tai tiếng lăng nhăng, và gửi hoa tặng bà anh, để cảm ơn người kịch sĩ đã đóng trò quá hay. Bà anh không phải là nạn nhân. Bà bại trận mà thôi.

Ricin bảo là tôi dùng búa chém vào cơ đồ tâm thần anh. Tôi phá thật, nhưng bằng giọng nói dịu dàng và tay đặt lên vai anh. *Em chỉ là đứa giết người mà vẫn kiêu cách*. Anh rảo bước bỏ đi mất hút, để mặc tôi một mình, lúc một giờ sáng, phố Jules Consuls<sup>6</sup>.

Ricin chạy trốn để cứu vãn chuyện của anh. Chuyện một bà góa già sống ở một thành phố tỉnh nhỏ. Cháu bà thỉnh thoảng về thăm bà, đưa bà đi dạo chơi. Một cô kí giả Paris đến thành phố nghỉ hè, gặp cô bà góa già không bỏ lỡ dịp than thân trách phận : bà chưa bao giờ ra khỏi thành phố này, tự bao giờ vẫn đau khổ phải sống ở nơi khỉ ho cò gáy này, chưa bao giờ hết chán ghét những người dân ở đây, đời này qua đời khác. Cô kí giả trở về Paris. Vài tháng sau cô trở lại, cô đề nghị bà già kể cho độc giả của cô mọi chi tiết đời bà bà chưa từng nói ra, cô yêu cầu bà nói hết những xấu xa bà nghĩ về thành phố của bà, thành phố bà chưa bao giờ lìa bỏ. Bà già cho là số mệnh bà sắp đổi thay, danh vọng sắp cho bà thay đổi không khí. Suốt hai tuần lễ, bà thổ lộ tâm tình với cô kí giả Paris. Bà nói về thời son trẻ của bà, từng ước vọng trở thành kịch sĩ, về cái thành phố tù túng ngột ngạt. Bà kể đã bị cha đẻ hăm hiếp khi mới mười ba tuổi, sau đó bị cha ép lấy chồng và vẫn phải cùng chồng con sống kề bên nhà ông. Cô kí giả trở về Paris, viết thành truyện những tâm tình của bà góa, thêm thắt những suy tư về thân phận người phụ nữ vào cuối thế kỉ trước và về lòng dạ hẹp hòi của dân tỉnh nhỏ. Cô kí giả nổi tiếng một thời gian, ai ai cũng nhắc đến; bà góa già cũng thế, nhưng chỉ với người dân thành phố của bà mà thôi. Bà thôi bước ra khỏi nhà, sợ bị báo thù, theo lời bà viết cho cháu bà. Ricin khi đó mười lăm tuổi. Anh tức thì đến nhà bà, thấy bà nằm bệt trên giường trong căn phòng mọi cửa sổ đóng kín mít. Anh mở hết cửa, bắt bà anh thay đồ, chải tóc, ra ngoài đương đầu với thành phố. Mỗi ngày, cứ năm giờ chiều, bà góa già tựa tay cháu đi qua thành phố giữa những



lời lảng nhục, giễu cợt của thiên hạ. Bao nhiêu năm sau khi bà đã qua đời, Ricin vẫn còn nằm mơ thấy bà, đầu trùm khăn, bước đi bên một gã thiếu niên. Những cuộc đi dạo sám hối ấy Ricin gọi là lễ những bãi đờm. Được hai tuần người cháu phải đi, bà góa lại giam mình trong nhà. Sáu tháng sau, bà gọi điện thoại cho cháu, nói bà sắp chết rồi gác máy.

Từ đó Ricin tin chắc như đinh đóng cột là chính Paris, chính các kí giả, chính những người đàn bà trẻ đẹp hám danh đã giết bà anh. Không những giết, mà còn bêu xấu bà trước mắt mọi người. Anh nghĩ, Họ đã thúc đẩy bà nói ra bà đã là gái điếm của ông bố, là nô lệ của ông chồng; mượn cớ phục vụ sự thực, họ đã xô bà vào bùn nhơ, họ đã thuyết phục bà tự lặn vào bùn nhơ. Hết là nạn nhân của cha, chồng, của lòng dạ hẹp hòi tình nhỏ, bà tôi, Ricin bảo, lại là nạn nhân của những kẻ phù phiếm, những kẻ chăm chăm đi tìm một nạn nhân để họ bênh vực, họ chưng ra giữa phiên chợ những bất công, họ lập tỉ mỉ danh mục những đối xử tàn tệ trước đám khán giả đao phủ bất mãn. Thị hiếu giờ vẫn là những nạn nhân đầy thương tích, bị săn đuổi, nhưng dù thế nào cũng vẫn sống còn. Chúng ta chỉ muốn kiểm chứng con người là một con vật có lớp da dày. Chúng ta muốn thấy một người đề kháng với hết mọi sự. Phải là một nạn nhân vật lộn, bám trụ, vượt lên nổi nhục nhã của mình. Nạn nhân mà chỉ là nạn nhân thì chẳng ai lưu tâm. Bởi thị hiếu đổi thay và cũng phải có thay đổi trong việc lựa chọn các nạn nhân. Có những nạn nhân không chết vì những đối xử tàn tệ của bọn đao phủ, nhưng chết vì bị chú ý, bị chưng ra giữa phiên chợ các bất công để rồi sau đó bị phế thải khi trò chơi không còn ai ưa và đám đông đòi tiết mục khác. Em phải hiểu điều đó hơn ai hết. Hãy nhớ lại khi dân em bắt đầu bỏ Nước trốn đi. Hàng trăm người chen chúc trên những con thuyền mong manh tưởng như những hộp diêm khổng lồ. Họ đã vượt biển trên những con thuyền như thế. Người ở đây xoa tay. Dưới mắt họ, đó là những nạn nhân lí tưởng, và họ đặt cho những người ấy cái danh hiệu chiến sĩ của tự do. Bọn người phù phiếm đó thiếu điều xô lẫn nhau xuống du thuyền của họ để đón vớt các nạn nhân. Họ cũng đã chen chúc trên những con tàu đầy áp máy quay phim với máy ảnh, tranh nhau chụp hình đám nạn nhân *với đôi mắt quá đói hiền, quá đói buồn*. Thế rồi thị hiếu đổi thay. Có những kẻ phù phiếm khác moi ra những nạn nhân mới. Mà họ, họ lại vướng với cái đám diễn viên quần chúng trong bộ phim vĩ đại quay giữa biển khơi. Cuộc phiêu lưu đã đem lại cho họ đủ hết rồi. Đến lúc phải chấm dứt mọi tổn phí. Nhưng giải quyết sao với đám diễn viên quần chúng kia ? Thôi thì cho vào một bộ phim vĩ đại khác, không phải quay ngoài biển khơi nữa, mà trong những trại quây dây kẽm gai nhìn ra biển. Chẳng ai xúc động vì những trại tập trung đó, cũng như chẳng ai xúc động vì bộ phim vĩ đại mang tựa *Những Kẻ Không Đâu Dung Nạp* và khai thác chủ đề sự cưỡng bách hồi hương đám diễn viên quần chúng bị bỏ rơi sau khi các vai chính đã khăn gói ra về cả. Lâu lâu một vài cảnh quay thử được gửi về, người ta thấy đám diễn viên quần chúng, trước kia được gọi là chiến sĩ của tự do, diễn hành với biểu ngữ *Freedom or Death*<sup>7</sup>, người ta hiểu ra có những danh sách các diễn viên quần chúng phải cưỡng bách hồi hương, người ta được biết vài diễn viên quần chúng tự vẫn khi có tên trong chuyến tàu sắp tới. Thị hiếu thay đổi rồi, bọn người phù phiếm đâu có làm gì khác được. Tình cảm của họ, họ bảo thế, tuân theo thời sự. Ngày ngày nháo nhác chạy theo thời sự, họ không thể nào trở lui và để mình dần vật với những xúc cảm đã lỗi thời.

## IX

Con bé bảo đi tìm sự thực, trong khi nó chỉ đòi có phần đối trá của nó. Nó muốn tôi kể chuyện này chuyện kia cho nó, bơm vào đầu nó thêm một dòng mới những ám ảnh, muốn tôi bịa đặt ra một ảo tưởng đem thế vào cái ảo tưởng nó đã tự tạo và nuôi dưỡng trong bao nhiêu năm. Nó nghĩ nó thương yêu cha nó, nó chỉ kể lể cho mình lòng yêu thương hướng đến một ảo tưởng gọi là người cha mà thôi. Với thời gian, nó đã nản rồi, nó bắt đầu cảm thấy cần một kích thích mới. Đúng lúc đó, cứ như tình cờ, mẹ nó lại đem cho nó một người cha khác để mà chăm chú. Người cha này có ưu thế là một người nước ngoài - không còn ai gặp nữa, mắt hút mắt tằm. Chẳng ai biết gì hơn ngoài vài dấu tích. Một người cha nó hoàn toàn không biết gì và nó dùng

làm một bánh xe mới cho chạy lại cái máy chế ra những giả tưởng của nó - cái máy chạy không từ ít lâu nay. Triều đại của Áo Tường Đệ Nhất chấm dứt rồi, giờ đây bắt đầu triều đại của Áo Tường Đệ Nhị. Con bé nghĩ sao chứ ? Nghĩ nó sắp có thể phô mình có hai cha, người dính cứng nơi quê nhà, kẻ là người nước ngoài ghé qua. Kẻ tuần đạo và tay bốc trời. Người bắt đắc chí và kẻ quyến rũ. Bên là người chồng níu chặt quê hương cùng vận rủi, bên là người khách chẳng bao giờ nhập cuộc và bước ra đầu vắn ngẩng cao. Mẹ nó cho phứa nó hai khuôn mặt ấy. Nó chỉ có việc lựa chọn. Giữa con số không chẳng phép màu nào đã gột cho mọi hăm hiu và vị cứu tinh nhảy dù vào trận chiến mà khoác cho nó, cho con bé, đưa con hoang đàng, một cái tên quốc tế.

Mẹ nó bảo, Cha thực của con là người hết sức có giáo dục. (Họ hẹn hò nhau trong một khách sạn sang trọng. Một phòng trưng dụng cho vị sĩ quan giải trí.)

Mẹ nó bảo, Một người thật phong nhã. (Nàng ngồi bên mép giường, chàng đối diện với nàng, quỳ một gối xuống, nghiêng mình. Nàng khẽ nhắc tà áo lên. Chàng dịu dàng nắm lấy cổ chân nàng, tháo giày và hôn lên bàn chân.)

Mẹ nó bảo, Một người tình hạng nhất. (Bàn tay trái chàng vuốt ve chân mỗi tình lớn thời chiến của chàng, nhưng bàn tay phải chàng không quên phải chiến thắng ở nơi khác - chàng búng ngón tay và bom trút như mưa xuống Đất Nước.)

Mẹ nó bảo, Một người đa cảm, tế nhị. (Những ngày nghỉ phép, chàng giam mình trong căn phòng khách sạn với nàng, để quạt quay không ngừng, nghe nhạc cho tới khuya, uống sâm-banh và đọc thơ. Hết thời gian nghỉ, chàng gấp sách, xếp lại các đĩa hát, ra khỏi phòng khách sạn và hạ lệnh quét sạch Đất Nước, hạ lệnh xử bắn hàng loạt *nhịp nhàng*. Để khỏi phải nghe tiếng rền viên đạn bắn ngay đầu người du kích quân, người tế nhị ngâm thơ Emily Dickinson, *A coffin - is a small Domain*<sup>8</sup>.)

Mẹ nó bảo, Một người sành điệu. (Chàng tặng nàng nữ trang với áo lụa, đĩa hát cùng bánh kẹo hiếm. Trong khi nàng ngây ngất say sưa với những cửa phù hoa thì chàng đọc Bernard Shaw<sup>9</sup>, *Sách hướng dẫn cho người phụ nữ thông minh*.)

Mẹ nó bảo, Một người sành điệu. (Sau khi vĩnh viễn đi khỏi Đất Nước, chàng phái lính tới nhà mỗi tình thời chiến của chàng trao lại những bao thư dày cộm. Người chồng, con số không, nhìn vợ tươi cười nhận những bao thư đựng hàng xấp giấy bạc. Người sành điệu trả tiền những hoan lạc đã được hưởng. Chàng mua sự yên lặng của nàng, nàng thì tưởng chàng biểu lộ tình quyến luyến.)

Mẹ nó bảo, Một người thật kiêu hãnh, can trường. (Người thật can trường trực diện với các cuộc mai phục, bất chấp những tay xạ thủ phục kích, ra tận tiền tuyến, nhưng tháo lui ngay khi cảm thấy mình bị đe dọa phải làm cha. Chàng bảo, Anh làm sao biết được đứa nhỏ là con anh hay là con của chồng em, của kẻ thù của anh. Người thật can trường bỏ cuộc. Trước khi rời Đất Nước, chàng để lại cho đứa nhỏ sắp sinh một cái tên quốc tế. Về sau, chàng còn dũng cảm đến mức gửi cho nó tã lót màu hồng.)

## X

Hôm nay chủ nhật. Hôm qua tôi đã lấy hai vé đi D. Tôi định kéo Ricin về đó với tôi. Tôi sẽ không bảo anh chúng tôi đi đâu. Anh sẽ biết lúc ra sân ga, hoặc có lẽ lên xe lửa rồi mới biết. Anh sẽ đứng lên, làm bộ muốn bỏ xuống; suốt chuyến đi, anh sẽ ngó ra ngoài cửa sổ mà làm bầm,

Không đời nào anh đặt chân tới cái thành phố mà ngay cả chó cũng bộ tịch và cát cũng vô tích sự.

Tiết trời cuối thu. Nhà ga Saint-Lazare vắng ngắt. Tôi chờ Ricin trước một quầy báo. Từ một hành lang, một con chó đen vụt xuất hiện, đi băng qua phòng đợi về phía sân ga. Tôi nghe tiếng ai đó huýt sáo không xa. Tôi đưa mắt tìm chủ con chó, tôi có cảm giác hấn nấp trong hành lang. Tôi lóng tai. Người lạ mặt huýt sáo một khúc ngắn, trúc trắc. Tôi rình hấn xuất hiện. Một người đàn ông từ hành lang bước ra, tiến về phía tôi. Ricin bận quần gin, một cái áo len sọc lớn bên trong áo vét lính thủy. Tôi hỏi anh, Anh có thấy ai trong hành lang không ? Anh không nhớ. Tôi chỉ cho anh con chó đen vẫn loanh quanh trong phòng đợi. Anh coi, có vẻ là con chó của người thợ sửa giày. Tôi không nghe thấy tiếng huýt sáo nữa. Tôi kéo Ricin đi. Anh bước theo tôi, chẳng ngược mắt nhìn tấm bảng ghi nơi đến của chuyến xe lửa.

Một chốn nghịch thù, Ricin vụt bảo tôi khi tới D. Chúng tôi ra bãi biển. Ricin buộc tội tôi có những ý ngông của kẻ-làm-vấn, anh hùng hổ nói không gì làm anh chán ghét hơn là cái thói trẻ ranh đi thăm biển, lấy xe lửa xe hơi, cứ như phải khẩn cấp chạy trốn thành phố, và rồi thì trơ ra ngoài bãi biển xám xịt, buồn hiu, vừa đi vừa run lập cập, môi tím ngắt và mắt dính đầy cát. Anh bảo, Em đâu còn ở tuổi phóng đi chơi bờ biển, lại cũng chưa đến tuổi đi hành hương hoài niệm các cuộc tình.

Tôi thoáng thấy gần những tấm ván một khối màu đen len lỏi giữa các phòng thay quần áo; tôi ngồi bên Ricin, quay lưng lại thành phố. Đây là lần thứ ba tôi đến D. Bên tôi, Ricin đã thế chỗ Bellemort và Weidman<sup>10</sup>.

Bellemort chưa từng đến D. vào mùa đông bao giờ. Anh đã kéo tôi đến đây một ngày thứ bảy tháng giêng do chuyến xe lửa tối. Lấy cốc uống trà chiều chủ nhật tại quán rượu khách sạn chính của thành phố. Bellemort đã dành sẵn phòng. Chúng tôi vào phòng mới có mười phút thì Bellemort gọi quầy tiếp khách để bảo cậu thanh niên mặc bộ đồ đen rằng giấy dán tường hoa vàng làm anh nhức đầu. Cậu thanh niên mặc bộ đồ đen đưa chúng tôi đi coi một phòng khác và Bellemort tỏ vẻ ửng ý. Mười lăm phút sau, người hầu mang lên hành lí đơn sơ của chúng tôi, nhưng chúng tôi đã lại lủi mất - tiếng hai cánh cửa cái tủ cũ kĩ kêu kẹt khiến Bellemort chịu không nổi. Cậu thanh niên mặc bộ đồ đen đưa chúng tôi lên tầng trên cùng, vào một phòng sát mái, tường phủ vải màu kem. Bellemort thở ra khi nhận thấy không có tủ gì hết, ngoài một tủ trong tường ở lối vào. Cậu thanh niên mặc đồ đen cảm ơn chúng tôi, bảo chúng tôi cần gì cứ gọi bất cứ lúc nào, rồi đi tìm anh người hầu đang lang thang hết tầng này qua tầng khác, tay vẫn xách hành lí của chúng tôi. Cậu ta vừa bước đi thì Bellemort đã gọi giật lại : anh va đầu phải xà nhà. Chúng tôi không thể ở phòng này vì tường nghiêng khiến anh đi phải khom lưng và phải thận trọng mỗi khi muốn ngoảnh đầu. Cậu thanh niên mặc đồ đen đưa chúng tôi xuống vài tầng, vào một phòng y hệt phòng đầu tiên, phòng chúng tôi đã ở vài phút, duy có khác là hoa giấy dán tường không phải màu vàng mà là màu hồng ngả màu hoa cà. Mắt Bellemort sáng lên vui mừng. Căn phòng vừa đúng ý anh. Anh người hầu bấy giờ mới buông được hành lí xuống. Lúc đó vừa đúng nửa đêm. Hôm sau, Bellemort thú với tôi anh đã đến D. trước đây vài năm để kết thúc một chuyện tình đã thành nhảm chán với thời gian qua. Anh đã qua đêm chia tay trong căn phòng tường dán giấy hồng ngả màu hoa cà. Nằm bên người con gái, anh vừa phải chống trả cơn thèm muốn bóp cổ cô ta, lại vừa sợ mình ngủ quên rồi ra tay sát nhân thực sự.

Lần thứ hai, tôi đến thành phố này tìm gặp Weidman. Tôi ở lại D. ba ngày. Ngày đầu chung sống, tôi nhớ đã đến xưởng vẽ một họa sĩ xem tranh những người đàn bà chân tay thật dài mặc đồ đen, những tấm thân không cân xứng, đầu lớn kinh khủng và đôi chân tong teo như chân bé gái bị bại liệt. Ngày thứ ba, rời D., chúng tôi đã xuống một ga nhỏ tôi không còn nhớ

tên, chúng tôi đã thả bộ hàng giờ trên bãi biển này, nơi đầu bãi sừng sững một con tàu buồm neo trong bến cảng thành phố kế bên. Nằm dài trên cát, chúng tôi ngủ thiếp đi. Rồi tiếng còi tàu làm tôi choàng tỉnh. Tôi trông thấy một người đàn ông tiến về phía chúng tôi, lưng quay ra biển. Tôi định chỉ cho Weidman người đi về phía chúng tôi, nhưng trên bãi biển chẳng có một ai. Tôi nhớ đến một bức ảnh cha tôi chụp trong Nước. Trong ảnh, cha tôi mặc quần ka-ki và áo ngắn trắng, ông đi chân không, lưng quay ra biển, mắt nhìn xuống cát không rời. Ông đeo kính đen. Trong ảnh, phần duy nhất thấy rõ được trên mặt ông là vàng trán gồ lên - phía bên phải có một cục u, chắc ông vừa bị ngã.

Ricin bảo, Không khí D. ô nhiễm. Anh muốn bỏ về, nhưng nán lại để dự buổi mặt trời lặn. Một lần hồi còn nhỏ, anh đã cùng với bà anh xem một cuốn phim tới nay anh vẫn không sao nhớ ra tựa đề cũng như tác giả. Anh nhớ một cảnh trong phim, cảnh một đám người vô gia cư, chiều đến, dự chương trình giải trí duy nhất vừa với túi tiền họ : họ ngồi bên nhau, ngắm mặt trời lặn trên màn ảnh lớn của bầu trời. Đôi khi, vào mùa hè, Ricin và bà anh lấy xe đạp đi về đồng quê. Họ ngắm mặt trời lặn. Ricin hi vọng rồi anh sẽ có, như bà anh, linh cảm cái chết của mình. Anh ao ước biết trước một hay hai giờ giây phút định mạng, để có thể đến rạp chiếu bóng mà chết. Anh ao ước chết một thân một mình, trong phòng tối, ngồi giữa hàng ghế trống không, đối mặt với màn ảnh. Anh ao ước chết trong khi xem lại phim *Bọn Buôn lậu ở Moonfleet*<sup>11</sup>, cảnh Jeremy Fox bất chợt mềm lòng, bỏ ý phản bội John Mohune, thằng bé cứ bám riết lấy anh, tự nhận là bạn anh, và chắc chắn phải là con anh. Ricin ao ước chết đúng lúc Jeremy Fox che vết thương nơi ngực, che máu thấm loang áo, già biệt John Mohune, hứa sẽ sớm trở lại và lên thuyền rời xa.

## XI

Duy có một sự thực về phần con bé mà thôi : lòng thương cha - không phải kẻ tiếm vị, với bộ dáng con nhà gia thế, bộ quân phục sĩ quan, nhưng người kia, người chẳng nên trò trống gì, người ở lại Đất Nước, người họ đã chia rẽ với con bé. Suốt thời tuổi nhỏ, nó đã phải nghe họ chê cười ông. Suốt thời tuổi nhỏ, nó đã chứng kiến cha nó bất lực trước những lời gièm pha, nhạo báng của họ. Suốt thời tuổi nhỏ, nó đã thấy ông cô đơn, không bạn bè, không thân thích, không gia đình chở che. Suốt thời tuổi nhỏ, nó bênh vực ông chống lại họ. Suốt thời tuổi nhỏ, nó đứng về phe cha nó nghịch với cả đám bên mẹ nó. Và bây giờ, bây giờ khi họ đã chia rẽ được nó với cha nó, mẹ nó bảo, Con bênh một người thực ra chẳng phải là cha con nữa kia. Ông cũng biết con không phải là con ông. Ông làm bộ yêu thương con vì con cứ bám lấy ông. Ông làm bộ đấy. Trong thâm tâm ông chỉ cho con là một đứa con hoang thôi. Con nghĩ coi, vì sao cả mười ngày sau ông mới đi làm khai sinh cho con ? Mười ngày ấy, ông có thể lấy gối đè cho con chết ngạt - con đã là gì đâu, chưa vào sổ sách, chưa đặt tên nữa. Nhưng ông làm gì có can đảm. Thế là ông đi làm khai sinh cho đứa con hoang. Lúc nhân viên hộ tịch hỏi, Tên đứa nhỏ ? ông đánh vần cái tên quốc tế cha thực của con đã lựa. Lúc được hỏi, Họ người cha ? ông khai họ ông, kể nghề nghiệp, báo địa chỉ ông. Ông đóng triện của ông vào con đó.

Lòng thương ấy, họ đã phá tan. Khởi đầu bằng cách không ngừng gièm pha người cha, cái kẻ con nhà quê, cái kẻ vô học tiếng Pháp chẳng biết, cái kẻ mộng mơ chỉ vẽ với họa, cái kẻ vô tích sự không biết giá trị đồng tiền, chỉ đem về đồng lương tòi tàn, chẳng bao giờ biết hùng hổ ra oai, cậy thần cậy thế. Sau đó, họ phán rằng phải chia rẽ hai cha con. Lão già phải ở lại trong Nước - đời lão tàn rồi. Cô con gái có cả tương lai trước mắt, phải có đất lành cho nó phát triển. Người cha đành thủ vai kẻ kiêu ngạo, nhất định mình yêu nước thương nòi, sẽ không bao giờ, không đời nào, bước chân ra ngoài biên giới. Cuối cùng là độc chiêu của mẹ nó. Nhờ mẹ nó, con bé được phát hiện mình là con hoang. Nhờ mẹ nó, nó có được một người cha thứ hai.

Họ đã tuân tụy phá tan lòng thương ấy như thế, đã triệt hạ con người kia, đến mức tước cả quyền làm cha của ông, đến mức đem thể ông bằng một thứ cha phĩnh gạt -- một kẻ cao sang, có giáo dục không chỗ chê, một kì quan. Bao nhiêu năm trời con bé đã suy nghĩ nghịch với họ, đã chống đối hết mọi mách khéo của họ. Thốt nhiên, nó nao núng. Nó thành, vô hình trung, đồng lõa củahọ.

Con bé đã cắt đứt hết mọi ràng buộc đầy chừ. Phiền nỗi nó đa cảm, đầy ảo tưởng, cho nên lại sẵn sàng nói lại nếu được một hình ảnh khác về gia đình ấy. Nó đã hiểu ra rất mau phải đoạn tuyệt với gia đình, nhưng nó vẫn hi vọng họ sẽ cải chính, vẫn hi vọng một ngày nào đó họ sẽ hoá thân, sẽ đến với nó, tâm trí lành mạnh, mê say sách vở, khinh rẻ bạc tiền, tôn thờ nghệ thuật. Ngày đó, nó sẽ mừng phát khóc mở vòng tay đón họ. Chính bởi những ảo tưởng như thế mà họ có thể đánh bẫy nó, lôi nó trở về. Khiến nó tin họ cũng biết cảm nhận thâm mĩ, cũng bênh vực tiếng sét ái tình. Đó chính là điều mẹ nó đã mưu toan. Đem nhử nó một khuôn mẫu ước mơ : một người cha ham chuộng âm nhạc, lâu thông thi ca, vì bôn phận mà phải giết người chứ ngoài đời thường lại là y sĩ. Mẹ nó hiến cho nó những gì tuyệt vời. Tức thì nó sẵn sàng buông rơi khuôn mẫu cũ, đã quá môi mòn, không còn bùng sáng, không còn chút ma lực. Đa cảm, nên nó đã thoát li được gia đình. Đa cảm, nên nó quay đầu về. Đa cảm, nên nó đi tìm tự do. Đa cảm, nên nó đang lộn ngược đường. Nó sắp vào phe quyền lực, vào phe những kẻ giết người.

Dẫu sao nó cũng không thể giả bộ tin rằng người cha ấy, người cha mới tinh mẹ nó kiếm cho nó ấy, đã chỉ là một du khách. Dẫu sao nó cũng không thể vờ hình dung ông ta như mẹ nó tả : tay mang đầy quà cáp, mắt bừng cháy yêu đương và môi khao khát những nụ hôn. Dẫu sao nó cũng không thể quên rằng từ miệng con người ấy đã bắn ra những lời sát nhân, rằng mỗi con người ấy, đổ thắm khi áp mỗi người tình, lại trắng bệch cương quyết khi gào thét mệnh lệnh. Dẫu sao nó cũng không thể cố nghĩ mắt con người ấy đã không thấy gì, bùng bùng vì yêu đương chứ không phải vì những đám cháy do ông ta hạ lệnh thả bom - từ tuốt cao trên trục thẳng ông ngó những bóng hình chạy tán loạn cuồng cuồng. Khi yên trí công tác mĩ mẫn rồi, ông ra lệnh cho viên phi công trực thăng đưa ông trở về bên người tình chờ đón ông trong căn phòng thơm ngát, dập dìu tiếng nhạc.

Tất nó không thể quên nhiệt tình của gia đình nó đối với những kẻ *quyền thế*, cái đám nhân vật hèn mọn ngự trên những ngai nhỏ mọn, cổ thì cứng ngắc nên chỉ nhìn lên những nhân vật nhỏ mọn ngự trên những ngai hèn mọn bên trên chứ chẳng thể trông xuống - những gì bên dưới đáng gì mà ngó đến. Tất nó không thể quên chằm ngòn trong gia đình nó là, Người cầm quyền bao giờ cũng có lí. Chính vì thế gia đình nó đã học tiếng nước ngoài : chẳng phải để mở rộng chân trời cho trí tuệ hẹp hòi của họ, mở rộng tầm mắt họ, nhưng để đắc lực hơn cho những kẻ quyền thế - những kẻ quyền thế đều là người nước ngoài. Họ học tiếng nước ngoài chỉ để bòn rút lợi lộc với những kẻ quyền thế, để bảo vệ đặc quyền của họ. Họ chỉ ưa, chỉ giao du với những kẻ quyền thế, tậ lắ, với những kẻ *như chúng ta*. Những kẻ *như chúng ta*, nghĩa là bọn vô lại cơ hội, nửa rắn nửa lươn, tìm đến những nơi nào mang mùi tiền, mùi máu. Tất nó không thể quên gia đình nó cho những người bị tàn sát là bọn mưu loạn, bọn người áo đen, gầy gò xấu xí, chẳng biết từ đâu chui ra. Tất nó không thể quên mẹ nó bảo những người dân quê chết lòi ruột gan, những cô thôn nữ bị hãm hiếp đáng kiếp vì cứ ở lì đồng quê - ở thành thị đâu có nguy hiểm gì, ở thành thị những kẻ quyền thế đâu có hung bạo như thế, ở thành thị những kẻ quyền thế lịch sự tuyệt vời, ở thành thị những kẻ quyền thế ngồi xe Mercedes đen loáng đi thăm dân tình, ở thành thị những kẻ quyền thế sai lính đem tặng những người đàn bà đẹp những giỏ táo, giỏ nho - những người lính bị thương giữa hai chân nên tạm thời không ra trận được và vĩnh viễn hết nếm mùi lạc thú -, ở thành thị thỉnh thoảng cũng có tiếng súng nổ ban đêm, nhưng hẳn đó là người ta giết chuột - chuột ở thành thị nhiều đến nỗi bao nhiêu bẫy cũng không diệt hết -, ở thành thị đôi khi, lúc nửa đêm, hàng đoàn quân xa vây kín một khu phố, lính

tráng đập cửa, xông vào nhà, xô đẩy trẻ con ngái ngủ lơ lảo nhìn họ, lục soát từng phòng, trong khi sĩ quan đòi xét giấy tờ, quát lác những câu hỏi - những câu hỏi không bao giờ thay đổi -, ở thành thị những kẻ quyền thế lo cho an ninh dân chúng, bầy chó săn chuột chỉ hành sự ban đêm.

Phải công nhận gia đình tôi khôn ngoan và chỉ trung thành với tôn chỉ cơ hội của mình. Khi quyền thế đổi chủ, gia đình tôi đã thích ứng thật đáng phục với hoàn cảnh mới.

Những người áo đen, những con chuột người ta tàn sát và vẫn sinh sôi nảy nở trong rừng ròi trong cống rãnh thành phố, lên cầm quyền.

*Con bé* tất không thể quên mẹ nó xằng xái phụng sự những kẻ quyền thế mới như thế nào. Những người áo đen vừa lên cầm quyền, mẹ nó tức thì lo thiêu hủy những tạp chí nước ngoài, cất giấu ngoại tệ dưới nệm giường; bà soạn ra những tấm ảnh chụp chung với những kẻ quyền thế cũ : không dám xé ảnh mình sợ xui xẻo, bà chỉ cất giữ hình mình, còn thì đốt bỏ.

Những người áo đen, dạn dày sau bao năm gian khổ, tỏ ra không dễ lợi dụng như những người của chế độ đòi truy cũ. Mẹ nó kiếm được vài lợi lộc, giữ được vài đặc quyền, nhưng chê những người áo đen thô lỗ. Mẹ nó luôn luôn bảo chỉ có lịch sự mới đáng kể. Bà ưa những kẻ tra tấn thành thạo phép hôn tay, những kẻ giết người nhưng lại biết trao tặng những đoá hồng, bà ưa những kẻ thực hiện việc như nhớp ngoài xa tầm mắt bà rồi trở về bên bà sực nức nước hoa và mặc đồ trắng.

Những người áo đen chẳng sa vào lễ nghi ấy. Mẹ nó rồi chán những tiếng hò hét xen lẫn diễn văn chính trị bà nhất thiết không muốn nghe. Bà chán những bộ đồng phục tẻ ngắt của họ. Bà chán những gói trà họ biếu bà, bà nuối tiếc những giỏ trái cây. Bà chán những viên sĩ quan chẳng ngồi xe đen có tài xế lái nhưng lên khênh trên chiếc xe đạp han gỉ. Mẹ nó chỉ thấy có thể thôi : những lợi lộc bà không rút tỉa được với chính quyền mới, quá nghèo nên chẳng thể thỏa mãn bà như những kẻ quyền thế cũ.

Với câu hỏi, *Tự do hay quyền thế ?*, gia đình tôi bao giờ cũng chọn quyền thế, bao giờ họ cũng chọn làm đám nịnh thần, đứng sau bọn người hung tàn, vào phe những kẻ đạp trên xác chết. Một tên tôi tớ thế nào cũng tìm ra một tên tôi tớ khác sẵn sàng phục vụ mình, há mỏ chờ đón ít quyền thế dư thừa. Gia đình tôi luôn luôn hỏi hủ phục tùng. Bởi ai phục tùng đầu tiên tất sẽ là người đầu tiên được dựa hơi quyền thế. Gia đình tôi tự bao giờ vẫn là phát ngôn viên cho kẻ áp bức, người quản gia cho bọn đao phủ.

Còn về tác giả bức thư mực xanh đen kia, tôi dám chắc câu trả lời của *con bé* cho câu hỏi, *Tự do hay quyền thế ?* Nhưng nó còn là kẻ tân tòng, còn thời gian cho nó lay những khát khao quyền thế, còn thời gian cho nó ung rữa. Hiện giờ, nó chẳng có điểm tựa nào. Bản năng khiến nó lựa chọn lánh xa. Nó lựa chọn như thế vì trung thành với cha nó, người gớm ghét quyền thế, người, bị gia đình tôi nghiền nát, chưa bao giờ có cơ hội lựa chọn tự do.

*Con bé* trông chờ tôi kể lại hết cho nó sao ? Trông chờ tôi cảnh giác nó vì cái thiên hướng lao đầu vào ảo tưởng của nó sao ? Trông chờ tôi đưa ra giả thuyết mọi chuyện đời đều tàn độc, quá chừng dung tục ? Có phải nó trông chờ tôi tiếp sức nó vì nó phải tranh đấu với chính mình để không nhượng bộ sự dễ dãi, để không nhận những gì người ta đề nghị với nó, để không nóng đầu ? Có phải nó trông chờ tôi soi tỏ con đường gia đình muốn che giấu nó ? *Con bé* nói nó tin tôi đúng mực vì tôi đã sống bên lề cuộc đời.

## XII

Ricin và tôi ngồi trong quán cà phê đối diện với nhà ga thành phố D. Bên chúng tôi, một người đàn ông áo màu hoa cà và một người đàn bà mặt đầy phấn sáp, mỗi khi nhếch môi cười để lộ những vết son trên răng, những vết phấn trên cổ cuộn chiếc áo len chèn màu đen. Người đàn ông tay cầm một cuốn sách, to giọng đọc một trang. Tôi nhận ra một văn bản của Bellemort. *Người con gái là một con vật khi ngoan ngoãn, lúc thất thường. Cô quyến rũ bọn đàn ông, họ làm bộ cứng quý sự hảo huyền của cô như một món đồ trưng đắt giá. Ấy là một trái mít ướt không bao giờ rũ bỏ bộ vỏ ăn thịt của mình và tưởng rằng hung hăng là bằng chứng có cá tính. Cô chẳng duyên cớ gì cũng khóc, chuyện không đâu cũng cười, bốc đồng và giận ghét chẳng xét suy. Đọc dăm cuốn sách, đậu vài kỳ thi, thế là cô khinh mạn đồng loại không để đâu cho hết, cho ai cũng là lỗi thời hoặc lỗi bịch. Người con gái nhái những điệu bộ tình ái, đọc những lời người ta chờ đợi nơi cô rồi thu xếp hành trang bước qua sân khấu một câu chuyện khác. Ai hỏi thì cô thú : Tôi đã sống một mối tình lớn. Cô nhắc đến mối tình ấy chẳng khác cô kể về người láng giềng cùng tầng lầu. Mối tình lớn là kẻ ở trọ đã dọn đi rồi, một người khác đã dọn đến - ngôi nhà đã già nua, các bậc thang vẫn kẽo kẹt dưới bước chân kẻ leo các tầng lầu, vang vọng nỗi niềm cô đơn.*

Về Bellemort, Ricin bảo, Hấn thành danh nhờ khổ đau của người khác. Ở hấn, hết thầy đều là vay mượn, đạo văn. Hấn hành hạ những người con gái hấn gặp chỉ cốt để bòn rút đau khổ của họ. Bellemort sống bằng khổ đau đàn bà kể lại cho hấn. Hấn đã khiến em thành phụ tá cho hấn, kẻ đệ tử ê a những lí thuyết về thảm họa của hấn, đồng thời em lại phải là con búp-bê, cô gái tâm thần phân liệt xinh đẹp, kết quả những lần hấn ăn nằm với một cuộc tình thời trẻ chưa bao giờ quên. Gặp em lúc em mười tám tuổi, với hấn như là hấn gặp đứa con của cuộc tình thời trẻ, đứa con hấn đã chẳng dạy dỗ.

Tất cả những người đàn bà của Bellemort đều mang tên Bis Repetita<sup>12</sup>, Ricin bảo. Bellemort là một tay Pygmalion sản xuất hàng loạt Galatée<sup>13</sup>, những cô gái nồn nường tâm thần phân liệt không biết nói, chẳng biết nghĩ, lại cũng chẳng biết cười, và hấn móc vào ve áo như những tấm huân chương của một cựu chiến binh. Những người đàn bà của Bellemort đều giống nhau y hệt - những người con gái tâm hồn cổ lỗ làm bộ kiêu căng, những cô nữ sinh tân thời phải chụp ngay lấy, trước khi cuối cùng họ chui vào chiếc tủ cuộc sống vợ chồng, tự nhồi sọ mình với mặt cửa mọi lễ thói. Bellemort không ưa đàn bà, hấn thù ghét họ, và chính để thù ghét họ hơn nữa nên hấn đã chọn cái mẫu đàn bà phũ phấm nhất : con gái.

Bellemort là kẻ bịp bợm những tâm hồn nhỏ yếu, người an ủi những cô gái suốt mướt, những cô gái đại khờ, Ricin lại bảo. Ricin không muốn nghe ý kiến tôi về người phải hạ thủ kia. Bellemort là một nhà giáo dục. Anh dạy cho các cô gái chống lại mọi tình cảm. Anh miêu tả những năm tháng tôi sống bên anh thế này : ấy là chuyện một ông thầy tác thành cho đệ tử, trước khi dạy những đức độ của phản bội. Một người đàn ông gặp một cô gái, một cô gái tựa một nàng nhân ngư rách nát, lội ngược dòng và cuống quýt cố níu giữ những mảnh thân mình. Anh muốn tạo nàng thành một biệt lệ, chuẩn bị cho nàng một số phận khác hơn là số phận một người đàn bà bụng chứa đầy đắng cay. Anh nhốt kín nàng, che chở nàng với thế giới bên ngoài. Nàng dầm mình trong cô đơn. Anh ngăn cấm nàng yếu lòng. Nàng kiềm chế bản chất mình, trói buộc nhiệt tình mình. Hành động như thế, anh khiến nàng đánh mất chính mình, anh cắt bỏ ái tình nơi nàng. Anh biết nàng sẽ phản bội anh ngày nào nàng gặp một người yêu nàng nhưng chẳng tham vọng dạy dỗ nàng. Anh tự nhắc mình, Bao giờ tới lúc ấy, ta phải đưa nàng đến với phản bội, phải dẫn nàng đến lối ra.

Lúc chia tay, Bellemort chỉ nói, Em bỏ anh để đi ăn mày tình yêu. Em ngây ngô ngó chung quanh, và em đòi hưởng phần em, phần hạnh phúc của em. Em kể về lửa với anh, trong khi anh đã dạy cho em sống với thời băng đá. Em nói tim em. Nhưng tình cảm, ai mà chẳng có.

Thiên hạ rối lên với thứ tình cảm rẻ tiền. Anh cứ tưởng em kiêu hãnh, tự do. Vậy mà em rụt cổ run giọng bảo anh rằng, *Chàng đòi có em*. Em giống một con vật què sượng khoái nghĩ mình sắp được người ta đem về nuôi. Em bỏ anh đi theo một người sáng ca với em *Cung ơi*, chiều thì *Em là cuộc tình đời anh*, người vuốt tóc em mà giới thiệu em với đồng nghiệp. Thiên hạ sẽ hoan nghênh em bỏ anh, vì bản chất con người cứ tưởng mình tàn lụi nếu không chịu theo sự dễ dãi, cứ tưởng mình chưa sống nếu chưa trải qua cuộc phiêu lưu tình cảm vĩ đại. Em hãy nhớ công thức chính em đã đặt ra mấy năm trước đây : *Si tình là đặc tính của đũa ngu*.

Lúc chia tay, Bellemort còn bảo, Anh sẽ cho em chứng cứ phi bác tình yêu nói chung và, đặc biệt, phi bác tình yêu tưởng tượng của em đối với Weidman. Mỗi ngày, anh sẽ gửi cho em những tang vật chứng minh tình yêu ấy là giả, sẽ khiến em phải nhận em đã nhầm mắt lao đầu vào cuộc phiêu lưu ấy chỉ vì nó là cái cớ để em gỡ bỏ anh. Đệ tử mà không phản thầy thì chỉ là kẻ vô ơn.

### XIII

Không phải là một người cha, mà là một định kiến. Những người đàn ông con bé nói thương yêu đều đã là nạn nhân của định kiến ấy. Nó đã nhìn xét, thúc bách, gọt rửa, diễn đạt những người ấy cho tới khi họ chỉ còn là sao cóp người cha. Hễ phát hiện một ai đó có năng khiếu thủ vai thế người cha, tức thì nó tung lưới tóm lấy, người ấy vùng vẫy đến mấy nó cũng van nài phải giống với định kiến của nó. Nhưng đạt ý nguyện rồi, nó lại nghi ngờ ngay người tình ấy chỉ giả bộ mà thôi, nghi ngờ người cha ấy chẳng phải cha thực. Và thế là nó sống với chờ đợi, rồi với xác tín bị lừa gạt, phản bội.

Con bé từng kể cho tôi chuyện ông già mù với đứa cháu gái sống trong toa một con tàu bỏ phé. Hồi đó, nó mang về một đứa nhỏ ngổ ngáo, với cặp đùi gầy gò, mái tóc chải rối, chẳng rời ông bố nửa bước. Trông hai cha con người ta tưởng ông điều khiển con gái, nhưng thực ra chính nó dẫn đường cho ông. Hai má ông hóp sâu, lưỡng quyền nhô cao, và ông mang kính đen. Con bé níu chặt tay ông. Hai người rẽ một lối đi giữa đám nhân loại, tựa hai con thú nhỏ cầm nín, càng hãi sợ lại càng hung hăng. Tôi vẫn nhớ người đàn ông mang kính đen và con bé ngổ ngáo. Nó thì không chịu nhớ nữa. Nó không còn cần níu tay cha mà đi. Bây giờ nó tiến bước một mình. Có ngã nó cũng đứng lên một mình. Người cha, ông ngã đã mấy năm nay rồi và không đứng lên được. Nhưng nó không quan tâm nữa. Không phải chuyện nó nữa. Nó không còn là con bé ngổ ngáo. Bây giờ nó có tư thế, có sức mạnh. Nó đã tiến lên, bỏ lại rất xa người đeo kính đen. Trước, với ông, nó thích làm con bé ngổ ngáo, nó mặc chiếc áo kẻ ô vuông đỏ, chiếc áo có hai túi đằng trước và một cái nơ to tướng sau lưng. Cái nơ hơi sồn, hai cái túi đã xộc xệch, nhưng cha nó thích nó mặc như thế. Với tôi, nó mặc chiếc áo hồng đính ren, hoặc mặc váy xếp nếp. Với tôi, nó làm con bé ngoan hiền, với cặp giò rám nắng và làn da mát dịu. Nó tai ác ngấm ngấm. Ai muốn nó thế nào nó sẽ như thế. Người đeo kính đen thích đứa con gái ngổ ngáo, phóng xe đạp qua các ngoại ô. Nó biết làm vừa lòng ông. Tôi thì tôi chỉ muốn nó là một vì sao nhỏ thỉnh thoảng rọi sáng khung trời ý thức của tôi. Và, hết sức chu đáo, nó đã là ánh sáng cho kẻ khật khùng.

Có gì tôi lại đi giúp cái khuynh hướng vô ơn của nó kia chứ ? Nó chán Áo Tường Đệ Nhất rồi, nó muốn những cái mới lạ. Nó thêm thường những phát hiện, nóng lòng xáo lộn tông chi gốc gác, viết lại lịch sử đời nó. Nó sôi nổi đòi có chân dung người cha mới. Và nó quên, nó đã quên rồi vị thế trong bao nhiêu năm của người kia, nó đã quên rồi giá trị bao nhiêu lâu của khuôn mẫu cũ. Nó không còn muốn biết ông đã giữ vai người cha, người hướng đạo. Bây giờ ông chỉ còn là một món đồ xác xơ sau bao nhiêu lần bị đem lên bàn mổ những ám ảnh. Một thời gian sau thì chẳng còn chút gì. Chỉ còn một bộ da già nua con bé treo trong tủ kỉ niệm của nó. Chỉ còn một vai trò chẳng đẹp để gì : kẻ thất bại, kẻ tội tớ của khốn cùng. Trước, nó thích tưởng



tượng, mô tả ông thế này : người bị sỉ nhục, bị nhạo báng. Nó đã chăm chút hình ảnh ấy như người ta nuôi thỏ trong chuồng. Bây giờ, nó bỗng thềm rửa chuồng, đem thỏ ăn thịt. Không, tôi tất sẽ không giúp nó. Con bé quên rồi.

Nó quên rồi những cánh điều cha nó cất báo làm cho nó; ông bóp từng hạt cơm làm hồ dán. Nó quên rồi những lần hai cha con đi chơi, đi bộ hay đi xe đạp. Hai cha con ít nói với nhau. Mặt ông lúc nào cũng ưu tư. Nó đi bên cạnh, lặng lẽ. Thỉnh thoảng, nó ngược lên nhìn ông, ông ngó lại, họ cười với nhau. Có lẽ con bé thâm thù ghét tôi, vì tôi đã chứng kiến những cảnh ấy, những cảnh chứng tỏ nó có một người cha mà bây giờ nó định tâm phản bội; nó nhảy dựng lên ngay khi người ta cho nó hay nó có thể tưởng đến một khuôn mặt người cha khác. Và người cha này, nó sẽ hoá trang ông ta thế nào đây ? Kẻ quyền rũ, kẻ khinh bạc, người nước ngoài. Người đã không muốn vương bận vì nó. Người đã gạt nó khỏi đường đời mình.

Tôi nhớ lại, cha nó với nó, nắm tay nhau, ngoài chợ. Họ từ hàng này sang hàng khác. Thấy gì nó cũng hỏi han cha. Tay nó xách giỏ. Nó nhất định đòi xách dù giỏ đầy và nặng chiu.

Tôi lại nhớ hai cha con đào một cái lỗ ngoài sân nhà, bỏ xuống một cái hạt. Tuần này qua tuần khác, họ mong mỗi một cái cây sẽ mọc lên từ lớp đất khô cằn này, trên mảnh đất tí hon này. Phép màu đã đến. Ngày ngày, đi làm về, cha nó gọi nó, hai người ngồi xỏm cùng ngắm cây mọc. Tôi nhớ, hai năm sau, họ vui sướng dường nào vì cây lớn nhanh, dưới bóng ngôi nhà, nơi góc sân ấy.

Tôi nhớ lại cha nó ngoài sân sau nhà. Ông mua gỗ đem về đóng một cái bàn viết cho nó, và sơn màu xanh da trời như nó đã đòi. Tôi nhớ lại nó trong túp hàng giấy cũ. Hồi đó con bé lên mười. Sau này, lớn lên, nó thành sợ sệt, nhút nhát, kín đáo; nhưng vào tuổi ấy, nó lại tỏ ra táo bạo. Nó chạy vạy kiếm tiền. Cha nó có đồng lương nào đều đưa cho vợ cả. Mỗi khi ông thềm một chút gì bất thường, thuốc lá, rượu hay sách, chính là *con bé* lo tiền cho ông. Nó đem nhật trình, tạp chí cũ bán hàng kí cho người chủ cái túp hàng tối tăm kia. Tôi nhớ lại nó, mặc chiếc áo kẻ ô vuông đỏ, cong mình trên chiếc xe đạp nhỏ với một chồng báo cũ buộc ở yên sau. Nó sục sạo khắp thành phố, tìm cách kiếm ra tiền.

Tôi nhớ lại họ ngồi bên bàn trong bếp. Cha nó vừa mua cho nó hộp bút chì màu. Ông dạy nó vẽ. Nó vụng về, nhưng không nản chí, đầu nghiêng một bên, mấy ngón tay nắm chặt cây bút. Trong lúc nó tập thì cha nó vẽ nó.

Tôi nhớ lại con bé, lúc xế chiều, trước cửa trường nơi nó học tiếng Pháp. Đường phố vắng dần, học trò lần lượt đã về hết. Nó đợi. Nó mặc chiếc váy xếp nếp kẻ ô vuông xanh, chiếc áo trắng cổ tròn, mang tất ngắn, rất chỉnh tề, trừ đôi giày da nâu đã hơi sòn. Bên kia đường, những hàng nước, hàng bánh kẹo đã dẹp cả. Nó đợi cha nó đến đón. Đường phố không còn ai. Nó đợi từ hai tiếng đồng hồ rồi. Mặt tiền ngôi trường quét màu gạch đỏ, bằng một thứ vôi bột, như phấn viết, như phấn thoa mặt. Đứng tựa vào tường, vôi sẽ dính vào quần áo, để lại những vết đỏ. Nó đợi, cặp sách kẹp giữa hai chân; nó đứng thật thẳng - dấu hiệu duy nhất cho thấy nó nóng ruột, hoang mang : nó cọ khuỷu tay chiếc áo trắng vào tường. Nó cố chùi sạch vết đỏ trên tay áo. Vô ý nó làm má dính đỏ. Nó liên tưởng đến một thành ngữ nó tìm ra mới đây trong tự điển, *Je fais le pied de grue*, Tôi đứng chờ lâu. Nó nho nhỏ nhắc lại, *Je fais la grue*, Tôi làm gái đứng đường, rồi tự cười mình. Lúc về nhà, quần áo, mặt nó dính những vết đỏ, và mắt nó toát ra một vẻ dị kỳ. Trí nó bắt đầu rối chính vào những lúc cha nó chậm đến đón nó tan trường về. Đầu tiên nó nghĩ, *Cha quên mình*. Bữa sau, *Mình bị bỏ quên*. Nó gậm nhấm những ý nghĩ ấy. Nó lục lọi trí nhớ tìm những dấu hiệu chứng tỏ chẳng ai coi nó ra gì. Nó nhớ ngày sinh của nó ghi không đúng trên giấy tờ : nó ra đời mười ngày rồi cha nó mới đi khai. Mười ngày ấy, nó tự bảo, *có khác gì mình chẳng hề có mặt trên đời, cha chẳng mong muốn có mình. Mình là kẻ lợt*

*lòng không ai thấy. Kẻ vô hình, kẻ bị bỏ quên.* Trong những lúc chờ đợi ấy nó đã tự gieo vào đầu những mầm mống thâm kịch. Dần dà, ngò vực hiện đến : cha không phải là cha thực. Sau đó, nó nuôi trong lòng ngò vực ấy, nó khiến cái vốn thiếu thốn ấy nảy nở. Nó tìm được nghị lực chính trong cảm thức là kẻ bị bỏ quên.

#### XIV

Biết hẳn là thợ sửa giày rồi, tôi không còn sợ người dốt con chó nữa. Ricin buộc tội tôi ngây thơ, cảnh cáo tôi, Em thử tưởng tượng hẳn mân mó mấy chiếc giày, khâu giày, trét hồ trong giày - anh chắc chắn hẳn là một kẻ đòi trụy, một tên giết người. Đừng thấy hẳn có mẹ, có nghề nghiệp, mà tưởng hẳn hiền lành.

Chiều hôm nọ, khi lên gõ cửa phòng tôi, Ricin gặp người thợ sửa giày đang đi xuống, tay dắt con chó. Anh bảo tôi, Phải làm hẳn quên em đi, đừng qua lại trước cửa hàng ấy nữa, tránh đường phố ấy đi. Mắt thằng cha sửa giày rõ là mắt kẻ bệnh hoạn.

Tôi cười nỗi sợ khi trước của tôi. Bây giờ tôi tin chắc : người dốt con chó không phải là người nguy hiểm, ấy là một người cô độc. Ricin đáp lại ngay, Tên mỗ bụng người Jack<sup>14</sup> cũng cô độc vậy, hẳn chỉ muốn có bạn mỗi chiều.

Chiều hôm qua, ra khỏi nhà, Ricin và tôi, như thường lệ, lại thấy người thợ sửa giày đứng trực trên vỉa hè đối diện. Chẳng ai trong khu phố để ý đến trò này của hẳn. Những người ở trong các chung cư quanh đấy chỉ cho là anh thợ sửa giày dắt chó đi chơi trước khi đóng cửa hàng về nhà. Hôm qua, nhìn thấy hẳn, Ricin bảo, Để anh nói chuyện với hẳn, bắt hẳn phải để em yên.

Tôi không kịp cản. Anh đã tức khắc băng qua đường, về phía người dốt con chó. Hẳn nhìn anh lại gần, rồi quay lưng, bỏ đi. Ricin toan bước theo nhưng lại thôi. Anh buộc tội tôi cứ kiểm những chuyện giạt gân, Em muốn đem người dốt con chó làm vật thí nghiệm. Em muốn ném mùi làm con búp-bê cho anh thợ sửa giày, muốn ném mùi làm con búp-bê cho một người đồng hương. Bộ em không thấy cái thằng rồ ấy, cứ cả ngày dốt chó với mân mê mấy đôi giày, là kẻ bệnh hoạn, là kẻ quá khích sao ? Đừng lấy cớ hẳn cứ theo tìm, quấy rầy, rình mò em mà lao vào tay hẳn. Coi chừng, chớ thành con búp-bê cho anh thợ sửa giày. Em mà rơi vào bẫy hẳn, hẳn sẽ khiến em thành con búp-bê phạm tội, hẳn sẽ bắt em về Nước, học lại tiếng mẹ đẻ, hẳn sẽ gieo vào đầu em cái ý nghĩ em đã phản lại Đất Nước và phải viết bằng tiếng mẹ đẻ. Em muốn hẳn che chở em ư ? Hẳn sẽ siết chặt lấy em, đừng mong bao giờ thoát ra. Anh thợ sửa giày chẳng có nghĩa lí gì với em cả. Hẳn ám ảnh em vì em cảm nghĩ hẳn có một chút gì của tất cả những người đã gây cho em bao ảo tưởng. Hẳn khiến em nhớ cha em, cậu em. Hẳn khiến em nhớ Bellemort, vì có giọng nói giống hệt - em từng cười Bellemort bộ dạng trẻ trung nhưng giọng nói lại như ông già. Hẳn khiến em nhớ Weidman vì có thân hình, dáng đi giống hệt. Nếu em chịu suy nghĩ một chút, em sẽ thấy hẳn chỉ là gom lại hết các ảo tưởng của em. Nếu em chịu suy nghĩ một chút, em sẽ tránh xa, thay vì đến với hẳn. Tự bao giờ cho đến giờ, em cứ phải làm con búp-bê cho ai đó. Em đã là con búp-bê tận tụy cho cha em, thế cho mẹ em. Với cậu em thì em làm ra tại quái và câm nín. Rồi em gặp Bellemort. Hẳn buộc em phải giống con búp-bê hẳn nuôi trong đầu. Mấy năm trời em đọc những gì hẳn vẫn đọc, ăn những gì hẳn vẫn ăn, mắc những bệnh hẳn vẫn mắc, em hiểu ra em chỉ là bản sao con búp-bê trong đầu hẳn. Thế là em lập tâm nổi loạn, em viết những cuốn sách hẳn chẳng thèm viết. Thiên hạ ngẩn ngơ mà ngó em - cái bản sao biết nói. Nhưng khi thấy rõ hơn, họ hết ngẩn ngơ mà chỉ cười khẩy. Cái bản sao biết nói đấy, nhưng chỉ là nhái lại tư tưởng của ông thầy. Mọi chuyện vẫn đầu vào đấy. Muốn thoát, em phải bỏ con tàu. Thay vì tìm con đường riêng cho mình, em lại lấy vé đổi tàu, lên một con tàu khác. Em tưởng đã thoát khỏi chính em vì cảnh vật đã đổi, vì con búp-bê

trong đầu Weidman hoàn toàn khác con búp-bê trong đầu Bellemort. Gặp Weidman, em như người giải phẫu rồi bệnh lại tái phát. Weidman muốn một búp-bê vợ, một búp-bê biết nghe nhạc. Bellemort đưa sách cho em và em ngoan ngoãn đọc. Weidman mở nhạc hẳn thích và em ngoan ngoãn nghe. Ngay cả những thềm muốn của em cũng ngoan ngoãn nữa kia. Bên Bellemort, em là con búp-bê tâm thần phân liệt, bận toàn đồ đen. Bên Weidman, em thủ vai con búp-bê lạc quan, mặc những chiếc váy sắc màu rực rỡ. Trong tình yêu, tự bao giờ em vẫn xử sự như một kẻ lưu vong mong hội đủ điều kiện cần thiết để xin làm di dân gương mẫu.

Bellemort sau cùng đã cho em *nhập tịch*. Còn Weidman vẫn là đất lạ với em. Em chẳng hề bước chân lên được. Đã thế em lại tích tụ các chứng ngại để chung cục sẽ là tan vỡ thơ mộng. Em đi si mê một tay *săn nhân tài*, một chiến lược gia ngày ngày phải dự phần đấu tranh tàn nhẫn trong xí nghiệp, người ban ngày lãnh đủ trách nhiệm, chiều về lãnh đủ chứng đau đầu, cuối tuần lãnh đủ chứng đau lưng, chỉ dịp nghỉ hè mới có thì giờ ngã bệnh. Cái loài kí sinh trùng đẹp nhất như em, những ngày đặng đặng ngồi trước bàn viết nhắc cho em sự vô nghĩa của đời em, em lại lao vào vòng tay người chỉ cần ngồi vào bàn giấy là cả một bầy lũ quấy lầy, cái đám người có đầy chỉ để hẳn vững tin cảm thức hữu dụng của mình.

Ricin thắc mắc tôi làm những trò gì mỗi ngày suốt mấy tháng sống trong nhà Weidman. Tôi chẳng làm gì hết. Tôi một mình, cho đến măn chiều. Tôi cứ mặc nguyên quần áo nằm dài trên giường chẳng mở gối chăn, trong căn phòng cửa nẻo đóng kín. Đây là một cách phản đối điều tôi coi là sự phản bội của Weidman. Anh chưa biết tôi đã khám phá một số chuyện. Anh vừa ra khỏi nhà là tôi sụp xuống. Tôi nằm lì trong bóng tối. Tôi nhớ, ngày còn thơ, tôi đã luôn luôn thấy Bà Mẫu nằm. Bà nằm từ bữa sau ngày người tình của bà, Người Nước Ngoài, ra đi. Từ đó, bà thường kêu óm và nằm lì trong giường mấy ngày liền. Tôi nằm trong bóng tối và nghĩ đến Bà Mẫu. Đến trưa, tôi trở dậy, tôi không muốn Weidman thấy tôi nhợt nhạt. Tôi ra vườn. Tôi ngồi sưởi nắng trên một cái ghế dài, ngồi ì đấy cho đến chiều. Hoặc là tôi lấy xe đạp đi sâu vào rừng, loanh quanh mọi nẻo đường mòn, hầu như chẳng bao giờ gặp một ai. Chiều, lúc Weidman trở về, tôi bảo anh tôi đã viết tiếp cuốn sách của tôi. Tôi nói dối. Tôi không trò chuyện nhiều với Weidman; đôi khi, buổi sáng, tôi buột miệng một câu nóng nảy, mĩa mai, anh bắt măn ra đi. Ngày ấy tôi có thể viết được. Nghe Bà Mẫu nói, *Cha con không phải cha thực của con, ông đành đóng vai ấy vì con nhất định con là con gái ông*, tôi nghĩ Weidman hẳn đã tin câu chuyện tôi kể cho anh, chuyện tôi là mối tình độc nhất của anh và anh là mối tình độc nhất của tôi.

Ngay từ đầu, mọi chuyện đã mang vẻ lạc điệu, như đàn chưa so, như cỗ máy chạy trong khi các bánh xe đã tháo lỏng. Tôi chỉ còn nhớ những chi tiết nhọc nhằn, những khám phá lẽ ra không nên có. Tôi đã thành nhân vật một truyện nhi đồng. Mấy hôm trước, tôi vừa đọc một cuốn tiểu thuyết trinh thám Mĩ, nhân vật nữ hát

*Chúng ta hãy vào rừng dạo chơi*

*Vì sói không có đó*

*Sói mà có đó*

*Nó sẽ ăn thịt chúng ta...*

Nàng sắp chết và nàng tự nhủ hết những gì nàng mơ ước trong cuộc đời là những cuộc dạo chơi dài lâu với cha nàng. Nhưng cha nàng đã chết, nàng dạo chơi một mình và nàng gặp chó sói.

Tôi đã tới nhà Weidman với rất ít hành trang, vài cuốn sách, và tôi đã nhất định rằng nhà này sẽ là vương quốc của tôi, rằng tôi sẽ là mối tình độc nhất của Weidman và Weidman... Rằng những ngày trong tuần tôi sẽ canh giữ vương quốc này, rằng chủ nhật chúng tôi sẽ vào rừng dạo chơi. Chủ nhật tôi đi dạo chơi một mình, trong tuần tôi không canh giữ mà tôi lục lọi vương

quốc từ đầu đến cuối. Trong vương quốc có một phòng dùng làm nơi chứa đồ. Weidman gọi phòng ấy là phòng Con Yêu Râu Xanh<sup>15</sup>. Tôi thám sát phòng ấy trước tiên. Tôi đã tưởng sẽ tìm thấy những bảo vật, những đồ chơi ngày xưa, những thần dược. Tôi khám phá ra một cuốn vở.

Điều trớ trêu là, những năm đi học, tôi đã bỏ rất nhiều thì giờ viết một khóa luận về nhật kí. Tôi còn đã phải, một cách nghiêm túc, viết một chương về *Đôi lúra và tương quan với nhật kí*, luận về người vợ khám phá nhật kí của chồng. Bây giờ thì mọi chuyện đã thành khôi hài với tôi, nhưng vào lúc ấy, mở cuốn vở của Weidman, tôi có cảm tưởng bị bắn giữa mặt một viên đạn đầy hạt chì. Mỗi lần nhớ lại cảnh ấy, tôi không nghĩ tôi đã khóc, nhưng mặt đầm đìa máu. Nội dung cuốn vở, tôi không làm sao kể lại mạch lạc được cho Ricin. Tôi lập đi lập lại với anh, *Trong nhật kí ấy, Weidman làm thít em*.

Về Weidman, tôi chỉ còn nhớ những tình tiết lạ lùng, đau đớn. Về chuyến đi Ý, tôi không còn nhớ gì. Lọc lợi trí nhớ hết sức, tôi cũng chỉ thấy một hình ảnh : một cặp béo phì. Chúng tôi gặp họ ở khách sạn, và gọi họ là đôi uyên ương thành Vérone<sup>16</sup>. Người đàn ông mù, có cây gậy trắng nhưng chẳng dùng bao giờ, để người đàn bà dắt đi, cả hai xấu xí, ăn mặc dị hờm. Người đàn bà mỗi chiều lại mang một áo mới, tưởng như một cái bị kéch xù, màu sắc loè loẹt, đính ren, nhưng bà mặc trông vẫn quá chặt. Họ nói to, hơi một chút là nổi giận, mắng nhiếc nhân viên khách sạn. Họ đi dạo trong vườn, trong phòng đợi. Ông dựa tay bà, miệng lằm bằm, đầu nghiêng về phía bà. Ông lằm bằm luôn miệng. Bà chỉ trả lời bằng cách vuốt tóc ông.

Hình ảnh thứ hai là gương mặt Weidman. Một tấm ảnh do tôi chụp, mùa hè năm ấy, ở Vérone. Vài tuần sau khi giã từ căn nhà của Weidman, tôi đã trở lại khi anh vắng mặt. Tôi bước vào. Tôi nhìn thấy trên một cái bàn nhiều bức phóng lớn tấm ảnh ấy. Tôi tự nhủ Weidman đã cho phóng lớn tấm ảnh vì nó tượng trưng mối liên hệ giữa anh với tôi, mối liên hệ chỉ hai chúng tôi biết. Trở về, tôi lấy đi một bức. Ngay chiều ấy, tôi điện thoại thú với Weidman đã lấy trộm bức ảnh. Lặng im sau lời thú. Tôi gặp lại Weidman, tại nhà anh. Sáng hôm sau, tôi tìm thấy trên bàn giấy anh bản nháp một lá thư. Thư trả lời cho một nhắn tin tìm bạn. Anh đã gửi kèm tấm ảnh với lá thư. Đúng hơn, thư trả lời được chép lại trên mặt sau bức ảnh. Anh đã rửa ảnh chỉ nhằm mục đích ấy : tặng cho người nữ vô danh tác giả lời nhắn tin hình ảnh anh trong mắt tôi hè năm ấy, ở Vérone. Cầm trên tay bản nháp lá thư, tôi thốt cười rũ rượi. Tôi bảo Ricin, Anh tưởng tượng một ông bố tính đem chiếu những tấm ảnh chụp dịp nghỉ hè. Ông lấy nhảm, và trên màn ảnh hiện lên toàn những hình khiêu dâm. Phát hiện ấy vừa kinh khiếp vừa khôi hài đến nỗi con bòn chòn đấy mà cũng phải lăn ra cười.

Từ khi khám phá cuốn nhật kí, tôi cho rằng Weidman là kẻ hai mặt và còn lâu nữa sẽ vẫn là kẻ hai mặt. Từ khi khám phá cuốn nhật kí, tôi vừa chờ đợi kẻ thù, vừa lo kẻ thù bỏ cuộc, không muốn đối mặt tôi nữa. Tôi đã từ giã căn nhà của Weidman, nhưng mỗi cuối tuần tôi trở lại gặp anh. Những giờ, những ngày ở trong nhà ấy, tôi rình mò, tôi vừa sợ lại vừa mong bắt được những kế hoạch thù nghịch bí mật Weidman chuẩn bị sử dụng với tôi. Hễ có một đổi thay con con nào - một cuốn sách cất sai chỗ, một bức ảnh biến mất, một bưu thiếp, vài tờ giấy đầy sít tuồng chữ nắn nót của anh xuất hiện trên chồng báo bên giường - tôi đều cho là biểu hiệu thù nghịch đối với tôi. Căn nhà của Weidman giống như bãi chiến trường sau ngày lệnh ngừng bắn. Trận địa chưa được tháo gỡ mìn. Rất lâu sau hiệp ước hòa bình vẫn còn những vụ nổ, vẫn còn những nạn nhân. Tôi tiến bước, theo sau máy dò mìn; đôi khi tôi đụng phải một cuốn sổ, vài mẫu giấy ghi vài hàng tàn tệ về tôi - đúng là đụng phải : mìn nổ đào thành một cái hố dưới chân tôi, tôi chóng mặt quay cuồng, tôi vỡ mặt, tôi tuột xuống hố, tôi nằm co quắp và không nhúc nhích nữa. Mỗi lần khám phá như vậy, tôi lại bị một ác mộng y hệt. Tôi đứng trong một hành lang dài và tối, Weidman với tôi chuẩn bị đấu súng, chúng tôi quay lưng lại nhau, bước ra xa. Một tiếng nói lạnh giá đếm từng bước chúng tôi. Thành linh tôi nhận ra khẩu súng người ta đã đưa tôi là một khẩu súng báo đợng. Tôi liệng súng xuống đất, quay lại, nhún vai, về

cam đành chịu thua. Weidman bỏ súng vào túi áo, tiến lại phía tôi, ôm chặt lấy tôi. Chúng tôi đi về phía cửa cuối hành lang. Qua cửa là một phòng ngủ. Weidman cởi áo ngoài, khoác vào lưng ghế; anh đến bên tôi, trút bỏ quần áo tôi, kéo tôi lại giường, đặt tôi nằm xuống. Rồi anh cũng lên giường, vẫn mặc nguyên quần áo, và ngủ thiếp đi. Tôi lặng lẽ ngồi dậy, lại bên ghế, lấy khẩu súng gò lên trong túi cái áo. Tôi trở lại ngồi trên giường. Căn phòng lạnh toát, tôi run rẩy. Tôi nhìn Weidman say ngủ. Tôi kề khẩu súng bên màng tang anh. Nhưng súng chưa nổ thì tôi tỉnh cơn mê.

Ricin bảo, Em quên tình ái hôi rình. Mấy năm trời, dưới ảnh hưởng Bellemort, em dồn nén nghị lực tình cảm của em, cho nên, khi em gặp Weidman, đập nước đã bung ra tức thì. Trí não em bèn dựng lên những ảo tưởng - người nam tìm kiếm cuộc tình lớn, người nữ tìm kiếm mối đấm say duy nhất, lại được cùng ở trên một đám mây con con mà tắm tuối hương hoa cho nhau. Em đánh mất anh không muốn nói là tính khinh đời, nhưng là lương tri. Em quên tình ái chỉ là xuất hạn, xuất tinh, sinh oán hận. Một chuyện đở mồ hôi khởi đầu trong một lúc bồn chồn kêu là *tiếng sét ái tình*, tiếp diễn giữa mấy tấm khăn trải giường thấm đẫm một mùi hăng nồng, dần dà chỉ còn là cận kề *ngày thi hai nỗi bực bội*, *đêm thi hai mùi tanh hôi*, cho đến thất bại chót hết, lần toát mồ hôi cuối cùng vì lo sợ không còn ai bên mình để đổ mồ hôi. Vấn đề không phải là, Tình ái hôi hay thơm ? mà là, Làm sao để tình ái, thực chất thì hôi, có thể thành thơm ? Làm sao xua đuổi được những mùi phản trắc, ti tiện và dối trá dính chặt để giày những kẻ si tình, trong khi họ cứ tưởng mình giẫm trên một tấm thảm kết bằng hoa hồng ?

## XV

Nghĩ cũng lạ : số kiếp tôi, cũng như số kiếp con bé, dính liền với sách vở. Trong gia đình này chỉ có hai ngã để lựa chọn mà thôi : hoặc hoá điên, hoặc kiếm ra tiền. Kẻ nào không biết cách thủ tiền đây túi thì chỉ còn một lối thoát, hoá điên. Trong gia đình này, đầu óc chỉ dùng để tính toán, lừa đảo người khác, bịp bợm bạn bè. Ai không thiết ăn xài bạc vàng ắt là người loạn óc. Trong gia đình này, người ta vẫn luôn luôn vượt thắng nỗi lo sợ di truyền bệnh hoạn bằng cách đắp vun gia sản. Mượn lời tiền bạc cho những tiếng nói khắc khoải phải câm nín. Họ bao giờ cũng sống chỉ với mục đích duy nhất ấy : thu lượm bạc tiền, luôn luôn thêm bạc tiền, đeo kim cương nơi các ngón tay, vàng trên cổ, trên tay, nơi hai mắt cá, dát vàng cái đồng bòn như của họ, ngồi lên trên và không nghĩ ngợi gì, đầu óc rỗng tuếch toang.

Trong gia đình này, không ai đọc sách cả, đọc sách gây nhức đầu, đọc sách độc hại, đọc sách là một căn bệnh, phải tránh cho xa. Trong gia đình này, cuộc sống tâm linh thế tất lụi tàn. Đầu óc không dùng để suy nghĩ, đọc sách, xem tranh, đầu óc chỉ dùng tính toán lời lãi, trộm cắp nơi này, bòn rút nơi kia. Con bé với tôi, chúng tôi đã chọn cùng một cách để đoạn tuyệt với truyền thống gia đình : con bé đã lựa chọn do ảnh hưởng cha nó, cái kẻ chỉ đem về được đồng lương nhỏ mọn, chẳng bao giờ biết cho tiền sinh lời, có vài đồng trong túi là đi mua những thứ vớ vẩn - cho mình hoặc cho con. Do ảnh hưởng cha nó, con bé biết mở mắt, biết kiếm tiền chỉ để thỏa một ý ngông; do ảnh hưởng cha nó, con bé không chịu để người ta đeo chuyền vàng lên cổ, tròng hột xoàn vào ngón tay. Nó biết *thờ*, nó biết đưa vào đầu óc những gì khác hơn là sổ sách chi thu. Nó buộc số kiếp nó với sách vở. Một cách kiên trì. Tôi cũng vậy, một cách vô thức. Sách vở đã cứu chúng tôi, con bé với tôi. Không có sách vở, tôi dám chắc nó chẳng sống được. Còn tôi, nếu tôi không trảm mình trong mớ văn hóa hỗn độn, đạt được chẳng theo lẽ lối, quy củ nào, hẳn tôi đã tiêu ma, hẳn tôi đã tiêu ma ngay từ những tháng đầu trong nhà thương điên vùng Corrèze này. Tôi thoát được là nhờ Thầy Tu. Hồi đó tôi chưa biết tiếng Pháp. Ai hỏi gì tôi cũng lặng thinh. Và cũng chẳng ai ngạc nhiên. Tôi là gã điên lầm lì. Tôi ở đó là do gia đình. Khi còn trong Nước, tôi chỉ bị nhốt mà thôi; nếu tôi có hơi quá nhộn nhạo thì người ta xiềng tôi lại. Nhưng chưa bao giờ tôi phải chịu một lối trị liệu triệt để nào. Đưa tôi đến nhà thương điên này, họ đã hi vọng tiêu diệt tôi. Dẫu cho tôi không bị hủy hoại đi nữa, họ cũng

không còn vương mắc với tôi. Vào cái nhà thương điên vùng Corrèze này, tức là đã chết, tức là đã đem chôn.

Tôi đã thành người điên giữa đám người điên nói một thứ tiếng tôi không hiểu. Trước kia, tôi vẫn nhất định không theo cái thói thời thượng trong gia đình là phải biết bi bô bằng tiếng Pháp. Không ai đòi người loạn óc phải tiếp khách, cho nên họ đã tha không bắt tôi học ngôn ngữ ấy. Họ đã đạt mục đích của họ : cô lập tôi, nhốt tôi giữa những người nói một thứ tiếng tôi không hiểu, cách li tôi, chỉ định tôi phải chết. Tôi ắt phải lụi tàn, thế tất thành loạn óc. Không có Thầy Tu hẳn mọi chuyện đã diễn ra đúng như ý họ. Khi lần đầu gặp Thầy Tu, tôi vừa sống sáu tháng trong phòng tập thể - phòng cho bốn người. Tôi vẫn tự nhủ : phải đề kháng, bằng bất cứ giá nào. Tôi nói chuyện với chính mình, tôi giữ đầu óc sáng suốt, cảnh giác không để trí tưởng tượng lằm lạp. Nhưng sự tự vệ của tôi bắt đầu suy yếu. Có những buổi sáng, tôi sao nhãng tập luyện tâm thần như tôi vẫn chăm chỉ làm, tức là hồi tưởng từng chi tiết biến cố đã đưa tôi đến cửa nhà thương điên này. Nhưng ngay cả khi tập luyện, tôi cảm thấy bóng tối lan dần trong đầu óc tôi, bất hạnh của tôi càng ngày tôi càng nghĩ là kết quả một âm mưu, và, ban đêm, tôi mơ thấy những kẻ chủ mưu mang gương mặt những người nằm ở ba giường kia. Có những chiều, tự dưng tôi cũng rên rĩ cùng với những người khác, trong khi, trước kia, tôi vẫn bịt chặt tai để khỏi nghe tiếng họ, nhét khăn trải giường vào miệng cắn chặt để khỏi hét lên. Tôi đã xuống dốc rồi.

Tôi không còn ý chí chống chọi. Tôi bỏ cuộc. Thế rồi một buổi chiều, cánh cửa mở ra, và Thầy Tu xuất hiện. Ông đảo mắt nhìn những người cùng phòng với tôi đều đã ngủ say vì thuốc. Tôi, tôi vẫn được quyền muốn ngủ muốn thức lúc nào tùy ý, tôi là một người điên lặng lẽ, làm lì, người ta để mặc tôi không ngủ, người ta cho phép tôi mặc tình oán thù. Thầy Tu nhìn tôi. Ông hỏi tôi một câu. Tôi không trả lời được. Tôi đang ngồi quay ra cửa, chân thõng ngoài giường. Tôi chỉ nhìn lại Thầy Tu. Ông ta hai má hóp, mắt hơi lác. Tôi chú ý nhất đến tóc ông. Tóc cạo ngắn. Như chúng tôi. Ở đây, nhìn tóc là phân biệt được bệnh nhân với y tá hay bác sĩ. Bệnh nhân thường xuyên phải xếp hàng đi cạo đầu. Cứ hai tuần lại được tông-đơ hớt đỉnh đầu. Họ bảo như thế cho vệ sinh. Nhưng mắt mấy người y tá sáng lên vui thích khi người ta cạo đầu đám chiêm ghê. Sau đó thì không ai làm lẫn được nữa : bằng mắt thường cũng phân biệt được người điên với người tâm trí lành mạnh. Làm sao không mang về tri độn cho được, với cái sọ trọc lóc, chút ít tóc lờm chờm ? Người điên không còn mặt nữa, đó là những quả trứng rỗng người ta đã vẽ lên nét nhăn nhó. Thầy Tu tóc cạo ngắn, như chúng tôi. Tôi đã tưởng tôi làm. Rằng đấy không phải là một bác sĩ, nhưng là một bệnh nhân đã lấy trộm áo choàng trắng trong phòng quần áo các y tá. Thầy Tu quay đi, kéo cửa đóng lại.

Nội việc Thầy Tu xuất hiện, chiều hôm ấy, đủ khiến tôi lấy lại hi vọng. Tôi sắp buông trôi, tôi chấp nhận từ từ chìm đắm, tôi sắp bó tay, tôi sắp chịu thua gia đình. Và rồi, thành linh, một cánh cửa mở ra, một con người ra dấu cho tôi. Tức thì, tôi vọt lên, bám chặt lấy cành cây tôi vừa buông rơi. Mỗi chiều, trong khi những người cùng phòng say ngủ, tôi vẫn ngồi, mặt hướng ra cửa, tôi chờ. Tôi chờ cho đến lúc quá mệt phải ngả đầu lên gối. Tôi ngủ thiếp đi như thế, nửa người ngoài giường, hai chân thõng trong khoảng không. Sau một tuần chờ đợi, tôi thấy cánh cửa mở ra. Thầy Tu cầm trong tay một cuốn sách dày cộp khổ nhỏ, trông như một cuốn sách cầu kinh. Ông mỉm cười. Chính hôm ấy tôi nảy ra ý nghĩ gọi ông là Thầy Tu. Ông lại bên tôi. Tôi vẫn ngồi, tay đặt trên đùi, hai bàn tay mở. Ông đặt cuốn sách vào tay tôi và bỏ đi không nói một lời. Tôi vừa rã rời vừa hưng phấn. Rã rời vì phải lại bắt đầu chống chọi. Hưng phấn vì biết mình đã thoát. Có một người cho rằng tôi đáng được cứu vớt.

Cuốn sách tôi cầm trong tay là một cuốn từ điển song ngữ. Tôi mở sách, tìm tiếng Pháp nào có nghĩa *Thầy Tu*. Tôi không tìm một từ nào khác. Đọc đi đọc lại cái từ tinh khôi vừa học được ấy, tôi ngủ thiếp đi, tay ôm chặt cuốn từ điển. Những tuần lễ tiếp theo, tôi bỏ hết thì giờ đọc cuốn

sách nhỏ ấy, hết trang này qua trang khác. Lúc nào tôi cũng ôm chặt nó bên mình, dù trong giấc ngủ. Tôi sợ những người cùng phòng chiếm mất nó. Tôi sợ họ xé nó, lấy cắp nó. Tôi chăm chú nghe mấy người y tá. Tôi cố gắng nắm được, nhận ra các từ, rồi sau đó tìm nghĩa trong từ điển. Cuốn sách nhỏ là bùa chú của tôi. Các y tá đổi thái độ ngay đối với tôi khi thấy tôi có cuốn sách. Vài người tỏ ra hiền dịu hơn, nói với tôi thật chậm để tôi kịp nhớ hết các từ rồi sau đó tìm nghĩa trong sách. Đôi khi tôi ngã lòng, hàng tuần không moi ra từ trong sách, vì tôi chỉ ghi nhận trong trí cách phát âm mà thôi. Tôi tìm ra cách giải quyết. Tôi chọn một trong những người y tá tỏ ra hiền dịu với tôi. Tôi lập lại với anh ta cái từ như tôi đã nghe được và chia ra cuốn từ điển. Anh ta mở sách và chỉ cho tôi từ ấy. Từ đó, tôi không chỉ tìm hiểu nghĩa các từ mà thôi, tôi học cả cách viết nữa. Có những người y tá khác, ngược lại, thấy tôi tìm đến thế giới văn minh của họ, bèn tỏ ra thô bỉ, hung bạo với tôi. Họ dọa tịch thu cuốn sách của tôi. Tôi không sợ, một khi tôi được Thầy Tu che chở. Những người y tá ấy nhìn tôi một cách thù hận, ngờ vực - tôi tham vọng xóa nhòa biên giới, tôi muốn qua phía những người bình thường --, họ nghi ngại theo dõi những toan tính của Thầy Tu, người họ không hiểu tại sao cạo trọc đầu.

Thầy Tu thường trở lại thăm tôi. Ông ngồi bên tôi, trên giường, móc trong túi áo choàng cái tẩu và chậm chạp nhai thuốc. Ông lên tiếng mà không nhìn tôi, miệng cắn chặt cái tẩu chưa đốt. Tôi tin chắc ông kể cho tôi chuyện ông, kể một biến cố đau khổ đã xảy ra trong đời ông, nhưng điều ấy, tôi đoán ở mắt ông, ở cách ông ngồi, chút nào thu mình lại, vai khòm xuống, tay trái đặt trên bụng, khuỷu tay phải tựa trên đầu gối. Ông nói giọng rần rỏi nhưng dịu dàng, cái tẩu cầm tay. Ông thấy ở nơi tôi một người vùng vẫy, lội ngược dòng, suýt ngạt thở và chết đuối, nhưng vẫn không thôi chống chọi, không để mình cho sóng dập vùi. Còn ông, Thầy Tu, con mắt của ông là con mắt người đã coi đời mình không còn nữa.

Tôi nhớ tới Thầy Tu vì một cuốn sách tôi đọc lướt qua ở thư viện về một họa sĩ thành Vienne. H.B. vẽ những hình khỏa thân phủ đầy những vết tối, như những hòn đất phủ lên một nắm mồi. Nhất là cặp mắt làm tôi sợ, cặp mắt giống như hai miếng bóng tối. Bức tự họa của H.B. cũng khiến tôi có cảm giác dị kì như khi nhớ lại Thầy Tu. Cả hai người đều cho ta cảm tưởng họ muốn lừa thiên hạ, đưa ra với người khác một gương mặt thanh thản. Cái nhìn của họ phản bội họ. Cái nhìn của họ - tiếng kêu câm nín của họ - nói lên, Ai cũng sống bằng sự ghê sợ mình đã chứng kiến. Cái nhìn của họ nói lên, Chứng kiến, tức là đau khổ. Chứng kiến, tức là học sống với một màng mắt tang tóc. Tôi tìm hiểu chi tiết cuộc đời H.B. Tôi được biết rằng, năm 1931, để thực hiện một tập phác họa, ông đã dựng giá vẽ trong phòng phẫu tích tử thi của bệnh viện Thánh Joseph thành Vienne. Sáu tháng trời, đều đặn như một công chức, ngày nào ông cũng tới xưởng vẽ tạm thời của mình. Sáu tháng trời, ông tái tạo những thân người đang rửa dần. Một buổi chiều, vào lúc ra về, họa sĩ mới thấy cửa phòng khóa chặt. Một người y tá, do sơ ý, đã nhốt ông. H.B. qua đêm bên những xác chết. Sáng sớm, khi được giải phóng, H.B. trông không có gì thay đổi (ba mươi bảy tuổi, có vợ, một con). Tuy nhiên, đôi mắt ông biểu lộ biến thái. Đôi mắt đã mất vẻ tinh anh. H.B. đã vào phòng ấy với đôi mắt khách viếng thăm. Ông rời phòng phẫu thuật với đôi mắt khác. H.B. sau cùng đã thấy, sau cùng đã biết. Từ nay ông biết rằng sống, tức là có khả năng chứng kiến sự ghê rợn. Những xác chết của H.B. không có gì là kinh khủng cả. Mà như những con sứa hiền hòa. Cuốn phim nội tâm của ghê tởm từng rọi trên màng mắt họ hết rồi. Người chết trở lại với sự thơ ngây như trẻ sơ sinh nhắm mắt không để ánh sáng thế gian lọt qua hai hàng mi. Thầy Tu là người, sống sót sau một trận hỏa hoạn, nghĩ ngợi có lẽ chết giữa đám lửa lại hay hơn là sống với những vết bỏng khoét đục xác thân. Tôi là kẻ nơi biên thủy, giữa điên rồ và sáng suốt. Thầy Tu nhìn tôi chơi trò người đi dây, ông còn do dự : nên tiếp tục theo dõi tôi và chờ lúc tôi ngã vào cõi điên, hay đưa tay cho tôi nắm, đưa tôi qua cõi Lí trí ? Cái nhìn của Thầy Tu là một cái nhìn tang tóc, chẳng khác H.B. Ông cũng từng phải chịu một biến thái. Chuyện Thầy Tu, hàng năm sau tôi mới biết. Mười năm, đúng từng ngày mười năm sau buổi chiều ông mở cánh cửa tôi ngồi bên trong, sắp để mình trôi vào tuyệt vọng, Thầy Tu qua đời, tôi rời nhà thương điên. Trước khi nhắm mắt, Thầy Tu đã yêu cầu viên

giám đốc nhà thương điên cho phép tôi xuất viện mà không báo tin cho gia đình, tìm cho tôi một chỗ ở với một việc làm, một việc làm, ông còn căn dặn, vẫn để tôi có thì giờ đọc sách. Thế là sau đó ít lâu, tôi đến ở căn phòng này của chung cư Vườn Táo và được người ta mở lòng nhân cho vào làm việc trong thư viện.

Ở nhà thương điên, chiều chiều Thầy Tu ghé thăm tôi một lúc ngắn. Ông đem cho tôi vài tờ xé ra từ một cuốn sách. Tôi đọc, tôi tìm các từ trong từ điển. Có khi chỉ một câu tôi mất trọn một ngày mới hiểu nghĩa. Bao nhiêu năm làm thầy tôi ấy, ông bao giờ cũng chỉ đem cho tôi từng đoạn sách. Hồi đầu, ông đặt vào tay tôi những trang tiểu thuyết hoặc tiểu sử. Tôi thích truyện đời, tôi đọc ngấu ngiến như kẻ bị cách li đọc tin thế giới. Khi tôi đã vững tiếng Pháp hơn, không còn mỗi từ mỗi tra từ điển, Thầy Tu đưa tôi đến với thi ca. Ông đem cho tôi một bài thơ duy nhất mỗi lần viếng thăm. Tôi đòi thêm, ông cười mà bảo chớ để thi ca khiến tôi thành hết chữ. Tôi trách ông cho tôi biết thích văn chương nhưng để tôi hoàn toàn chẳng biết đâu vào đâu. Tôi biết đoạn này đoạn kia của các kiệt tác, nhưng ngay tên tác giả tôi cũng chẳng hay. Thầy Tu khuyên tôi trau dồi cảm tính thay vì nhồi sọ cho đầy. Tôi chớ nên học thói, như những kẻ khôn ngoan, thích cái gì cũng đem *phân loại*. Tôi học được ở ông không dán nhãn các ý thích của tôi, không xử sự như một anh cảnh sát uyên bác, không lập phiếu những bài thơ đã giúp tôi vượt sông, ra khỏi xứ người điên nhưng chẳng vào xứ người bình thường.

Bạn tôi đã khiến tôi ham sống trở lại. Ông lấy được, trong khu các y tá, một phòng riêng cho tôi. Một căn phòng một chiều ba thước, một chiều bốn thước. Một phòng cất quần áo người ta sắp xếp sơ sài cho tôi.

## XVI

Khuôn mẫu, là cậu đày - người tự do, người đam mê, chẳng phải con ai mà do sự điên dại của mình đẻ ra. Là cậu, một cuộc đời đã được cứu vớt rồi lại bị nghiền nát, tạo bầy rồi hủy hoại, vì mối tình với người em gái. Tôi vẫn nhớ như in hình ảnh hai người, níu chặt lấy nhau. Họ kinh sợ thế gian và lời nguyện của thế gian, nhưng chẳng hề hãi sợ chính họ và cuộc tình của họ. Họ sinh ra cho cuộc tình ấy và, cho đến cùng, họ không hổ với cuộc tình ngoại lệ ấy. Với người em gái, cậu là mối tình duy nhất. Vì đã quyết nuôi dưỡng, để ngày một lớn tình ấy nên cô phải chết. Những năm vừa qua, nhốt trong phòng người điên, cậu đã sống cuộc sống vợ chồng với một người chết. Bao năm đó, cậu đã chống chọi để cứu vãn lí trí mình, vì lí trí cho cậu không quên người chết. Bao năm đó, cậu đã chống chọi với ý muốn tự hủy, cậu đã chống chọi với chính mình, với nỗi tuyệt vọng của mình, để không tự tử, vì tự tử có khác nào giết mối tình của mình. Cậu còn sống, tức là mối tình vẫn sống. Cậu và cô đã yêu thương nhau trong run sợ : những kẻ lên án họ giương cặp mắt cá vờn trần trần nhìn họ. Cậu đã phải chịu nhiều thương tổn, nhưng những kẻ lên án để dành cho cô vết thương chí mạng. Họ đã giết cô bằng cách trừng phạt cô, không cho cô được gần bên cậu, tước đoạt của cô sự hiện diện của cậu, thân xác cậu, hơi nóng thân xác cậu. Họ bảo cô, Quân khôn nạn. Cô cúi đầu. Họ bảo cô, Mày mang máu trụ lạc. Cô nhắm mắt. Họ bảo cô, Thằng khùng ngủ với heo mới đẻ ra mày. Cô khuyu ngã. Họ bảo cô, Mày thương như thế thì mày phải chết. Quỳ hai gối, cô chờ bản án. Họ bảo cô, Quân khôn nạn. Họ bảo cô, Đi cho khuất mắt chúng tao. Cô chỉ còn là cát bụi trong bàn tay họ.

Những kẻ lên án, nhất thiết lo thủ thân, tính toán lợi lộc mọi tình cảm đầu tư, cho vay những tình cảm giả mạo và mong được nhận lại những cam kết trung thành - bao nhiêu cam kết với họ cũng không vừa, nhưng còn tình yêu, họ không hiểu là gì -, những kẻ lên án cho mối tình của cậu với cô là nhục nhã, họ cho là nhục nhã một mối tình chẳng với một dự tính nào, một đối trá nào. Cậu và cô giam mình trong căn phòng nhỏ, đọc thơ cho nhau nghe và mỗi người sống bám vào hơi thở người kia. Trong căn phòng nhỏ, họ sáng tạo mối tình của họ, tự biết mình, cô sẽ phải chết, cậu sẽ phải điên. Giữa đối trá và cái chết, cô đã chọn cái chết. Giữa đối



trá và điên dại, cậu đã chọn điên dại. Những kẻ lên án quyết định là cậu điên, phải chữa cái mối tình kì dị của cậu. Gia đình đưa cậu đi chữa trị bằng thôi miên, hi vọng khi trở về cậu sẽ quên những tình cảm đồi bại của cậu, mối tình trái tự nhiên của cậu. Cậu ra đi với chiếc va-li nhỏ. Mỗi khi cậu không chịu đến nhà thương điên, người ta nhốt cô trong căn phòng nhỏ, tắt hết đèn và bỏ đói cô. Muốn cứu cô, cậu phải nhận mình điên, phải chịu cho người ta chữa trị. Cả gia đình lúc nào cũng rình mò. Không thể để cậu và cô phạm tội. Cậu và cô bị canh chừng, dò xét, cản trở, họ phải điều đình mỗi lúc riêng tư, mỗi lần tự do có điều kiện cho mình. Suốt ngày, cậu và cô giam mình trong căn phòng nhỏ. Gia đình nghe thấy họ cười, nói, thì thào, nghe thấy họ đọc thơ, thỉnh thoảng, không nghe thấy gì nữa hết - cho là họ đang ôm ghì nhau. Phải mau mau tháo gỡ vòng tay, phá tan mê lú. Gia đình nhào vào phòng, buộc cậu ra ngay. Tuân lời, cậu vừa bước chân ra thì cánh cửa đóng sập lại, khóa chặt, nhốt cô bên trong. Cậu về phòng mình, căn phòng gần như trống rỗng - mỗi lần bị chia rẽ với cô, cậu lại đập phá đồ đạc đòi thả cô, dần dần đồ đạc bị đem đi hết, chỉ còn lại vài cuốn sách với một chiếc tràng kỉ. Cậu nằm dài trên ghế và, cho đến tối, không trở dậy, không nhúc nhích, không ra dùng cơm với gia đình. Cậu có thể nằm như thế hàng giờ, hàng ngày, bụng trống không, tưởng nhớ những phút giây hạnh phúc đã giành được từ tay cái bầy những kẻ lên án kia. Cậu chờ ban đêm.

Khi cả nhà say ngủ rồi, cậu trỗi dậy, đến cào nhẹ cửa phòng cô. Đến lượt cô trỗi dậy. Suốt đêm họ nói với nhau qua cánh cửa. Sáng sớm gia đình tìm ra cậu ngủ giữa hành lang, nằm co quắp trước căn phòng nhỏ. Ngay hôm ấy cậu bị đưa đi nhà thương điên. Cậu ra đi với chiếc va-li nhỏ, không bao giờ quên bỏ vào vài cuốn sách. Ngày trở về bao nhiêu thơ cậu thuộc lòng cả. Cậu chỉ nóng lòng chờ lúc đọc thơ cho cô nghe.

Mối tình của cậu với cô tất phải đưa họ đến cõi chết. Rồi căn phòng nhỏ, họ nín sống. Rồi căn phòng nhỏ, cậu đi nhà thương điên, trở về với chiếc va-li nhỏ, và, suốt thời gian ấy, sống mà nín thở. Thế gian hà vào mặt cậu hơi thở tanh hôi, cậu chẳng hề biết. Thế gian thổi vào tim cậu luồng khí giá băng, nhưng tim cậu đã thành tảng đá nóng hổi, bùng bùng, bất khả xâm phạm. Thế gian mời gọi cậu ném mùi những cuộc tình tạm bợ, những cuộc tình chỉ giết thời giờ và chẳng kể tuyệt đối vào đâu. Thế gian bảo cậu cứ sống đi, nhưng cậu từ khước sống, tiếp tục đi nhà thương điên, chiếc va-li nhỏ cầm tay, rồi lại giam mình với cô trong căn phòng nhỏ. Thế gian muốn cứu cậu, nhưng không có chuyện cứu cô. Chưa bao giờ có chuyện cứu cô. Tất nhiên cô điên, vì chỉ có điên mới khiến cô quyến rũ cậu, chỉ có điên mới gieo vào đầu cô những hạt mầm mối tình rò dại ấy. Thế gian có bốn phận đưa cậu trở lại con đường ngay, còn cô, mặc cô với số kiếp cô, với mười bảy tuổi đời và mối tình trái tự nhiên của cô. Những khi cậu vắng mặt, cô không ra khỏi phòng mình. Cô không biết gì về thiên hạ, duy cậu, cô đoán được hết. Không một khuôn mặt nào thân thuộc với cô, nhưng khuôn mặt cậu, nhắm mắt cô cũng vẽ ra được. Thời gian cậu vắng mặt, những khi ra khỏi phòng một lúc, cô bám sát tường mà đi, đầu cúi, không nói không rằng, ai hỏi cũng không trả lời; không phải cô kiêu kì - cô run lẩy bẩy -, nhưng vì, bao nhiêu tiếng người, cô chỉ nhận ra tiếng cậu mà thôi. Thế gian, cô chỉ biết qua những gì mắt cậu đã thấy và miệng cậu kể lại. Cô không đụng tới sách nào ngoài những sách đã cùng đọc với cậu. Đúng ra, cô có đọc đâu, cô đọc lại những đoạn cậu đã đọc cho cô nghe. Cô đã bỏ học từ bao năm trước, cô đọc một cách khó khăn nhưng trí nhớ của cô như những người tu kín : cô chỉ cần nghe qua một bài văn là ngay sau đó có thể đọc lại không vấp một chữ. Cô có được máu huyết, cốt tủy khi ở bên cậu. Cậu có được máu huyết, cốt tủy khi ở bên cô. Họ như sống trong nhà kính, tựa những bông hoa man rợ coi khinh hết mọi lề luật.

Trong căn phòng nhỏ, họ mặc cho vượn lên mối tình kinh khủng của họ, một mối tình không đưa đến đâu, chẳng cho phép mơ màng đến hạnh phúc - họ sẽ có chẳng những đứa con xinh đẹp ? cơm canh có nóng sốt mỗi chiều khi trở về tổ ấm ? tổ ấm sẽ không có, sẽ chẳng bao giờ có. Ấy là một đầu tư vô vọng, một cuộc tình héo khô. Cuộc tình một gã điên với một cô gái mò côi. Bởi ngay khi tình ấy bùng nở, cậu đã cướp cô khỏi gia đình. Cô chỉ còn là một khúc ruột

thừa máu me, cắt ra khỏi cơ thể gia đình, một cục thịt hi sinh quần quai đau đớn và sống nhờ tình cậu. Những khi cậu vắng mặt, cô chẳng còn ai, cô nằm dài trên giường, sốt mê man. Cô trông chờ cậu - cậu vắng mặt càng lâu, cái chết càng đến gần cô, cơn sốt hạ, và cái lạnh tỏa khắp thân cô. Cô có mặt trên đời để sống mỗi tình ấy trong căn phòng nhỏ, sống mỗi tình ấy cho đến ngạt thở, sống mỗi tình ấy như một nỗi dịu dàng thắm lén giật được từ nanh vuốt bày chớ giữ nhà. Cho nên cô tất phải biến tan. Trong gia phá, cũng như trong trí nhớ bày chớ giữ nhà, không được còn dấu tích nào về cô, về mỗi tình của cô.

Tôi không nhớ gương mặt cậu, chỉ nhớ cái dáng gầy, nghiêng, không bao giờ rời chiếc va-li nhỏ. Mỗi khi cậu đi nhà thương điên, cô chờ đợi cậu, ngồi bên mép giường. Trí nhớ của tôi về cô lẫn lộn với một bức tranh vẽ một thiếu nữ trên một chiếc tràng kỉ đỏ. Nàng khỏa thân, ngồi thật thẳng, hai bàn tay đặt trên đầu gối. Mái tóc cứng, đôi vú nhọn, mắt nhìn đăm đăm. Nàng vừa gặp chuyện bạo ngược, máu nàng chứa chan nhuộm chiếc tràng kỉ một màu đỏ tía. Sau lưng nàng rực sáng ánh một đôi cánh phớt xanh. Mỗi khi cậu đi nhà thương điên, cô chờ đợi cậu. Thân thể cô run rẩy khiếp hãi, nhưng tâm trí cô tràn đầy những bài thơ tình cô đã đọc và ngâm ngợi. Mỗi khi cậu đi nhà thương điên, cô mất máu. Cô đã bị giật mất cậu. Vết thương đỏ máu giường cô, nhưng sau lưng cô rực sáng ánh đôi cánh xanh.

Cô treo cổ lên mấy chấn song cửa sổ. Cậu đi nhà thương điên đã lâu chưa trở về, gia đình quả quyết cậu đi luôn rồi, chuyện tình trái đạo thể là chấm dứt. Hàng tuần rờn rã, ngồi bên mép giường, cô chờ cậu; cậu để lại cho cô một cái áo ban đêm cô quấn vào mình và ban ngày cô ôm trong lòng. Thời gian trôi qua. Cô vẫn chờ. Cô giữ chặt cái áo, mùi cái áo bên mình, hai tay vò lớp vải, cô chậm chậm xé thành từng dải. Cô bày trên giường thành một hàng dài. Ngày đêm cô ngóng trông tiếng bước chân quen thuộc, nhưng cậu vẫn chưa trở về. Cô trở lại bên giường, cầm lên từng dải vải, buộc tết lại. Rồi, giữa đêm khuya, cô lên ra ngoài, hái hết hoa trong vườn đem về phòng, rải đầy mặt đất. Những dải vải đã thành một sợi dây dài, cô đem buộc lên chấn song cửa sổ. Mấy ngày sau gia đình mới tìm ra xác người treo cổ. Trong phòng đẫm mùi hoa rữa. Rải rác đó đây những mụn vải. Tối như bưng, ngoại trừ một ánh sáng phớt xanh không ai hiểu từ đâu đến.

Căn phòng nằm cuối hành lang. Những khi cậu vắng mặt, chẳng ai gõ cửa căn phòng quỷ ám. Những khi cậu vắng mặt, không bao giờ cô ra dùng cơm với gia đình. Đêm đến, cô lên vào bếp, trộm thức ăn đem về phòng mình, như con thú cách li phải trông chừng không để bệnh mình lan truyền. Gia đình nhất định cho là cô tiết ra độc dược, đụng chạm đến cô là mang họa. Phải quên cô đi, chôn sống cô trong căn phòng ấy : cô chưa bao giờ ra đời, chưa bao giờ là người trong gia đình, không thể dạy dỗ được - cô cúi đầu, làm bộ tuân phục, nhưng bên trong, cô chỉ là đời bại, bởi cô từ khước nếp sống lành mạnh, từ khước những tư tưởng lành mạnh, những tình cảm lành mạnh.

Suốt hai buổi chiều, không một tiếng động vắng đến từ căn phòng khuất nẻo, cửa sổ không thấp sáng, nhưng chẳng ai buồn rẽ vào hành lang, chẳng ai bận tâm phải chẳng con thú cách li đang hấp hối. Cứ như tự bao giờ cô vẫn đấy, cổ treo lên chấn song cửa sổ, cứ như tự bao giờ cô vẫn tỏa ra cái mùi xấu xa cuộc tình ai cũng chê trách, cái mùi hoa tàn, xác rữa.

Cậu với cô đã lên hòn đảo tình yêu của họ như những người đắm tàu lợt tay biển cả. Họ níu chặt lấy nhau. Họ nói với nhau miệng kề bên tai để khỏi nghe những tiếng nói gió lùa tới, thì thảo với họ, Tình yêu là cõi tạm, đừng cho nó cơ hội nào, đừng đòi hỏi gì hơn thú tiêu khiển một thời gian. Những tiếng nói gió lùa tới còn bảo, Phải giết tình yêu, Thả lữ sát nhân ra ! Chúng được lệnh lấy vũ khí, phá tan hòn đảo. Bịt hết miệng nào khát khao những lời thề nguyện. Quất roi vào gáy những người tình trong vòng tay nhau, bắt họ bước theo phép tắc.

Thieu hủy những chốn nương thân, tẩy sạch hòn đảo hết mọi tình cảm. Tái lập trật tự. Phá nát đất này sao cho tình yêu như tình cậu với cô không còn nơi ẩn trốn.

## XVII

Chúng ta xử sự với chính mình như bọn cướp trong các hài kịch. Chúng ta rất muốn chĩa súng cướp lấy tuyệt đối, nhưng chúng ta lại tay không tấn công đoàn xe những lợi lộc con con. Ai cũng tự nhắc mình không gì đáng sống nếu không có hoài tưởng một chốn khác, nhưng dầu thế, trong khi chờ đợi, vẫn ra tay vơ vét mọi mảnh vụn. Chúng ta chẳng khác nào bầy chim nhỏ đáng thương muốn bay xa nhưng không may đã đậu phải những cọc trét nhựa, rồi thành loài nuốt nhựa. Chúng ta nào có là gì khác : loài nuốt nhựa. Những động vật biết bay dính nhựa, kêu chiêm chiếp để quên đi mình dính nhựa.

Chúng ta càng nuốt nhựa, bao tử chúng ta càng trực trặc, không chịu thức ăn nào khác. Dần dà, nhựa tràn lấp cuộc sống chúng ta. Chúng ta tắm với nhựa, ngủ trong nhựa, đọc nhựa, mọi lời nói của chúng ta đều là những bọt nhựa, chúng ta nhào nắn mọi ý nghĩ trong nhựa, chúng ta trộn nhựa với kẹo - trong ngôn ngữ của chúng ta, cái đó gọi là tình cảm. Rồi sau hết, chúng ta đòi trên mộ chúng ta trồng những hoa nhựa vinh danh kẻ tội tở nhựa tận tụy là chúng ta.

Cả đời tôi, Thầy Tu nói ít lâu trước khi chết, tôi đã lạm dụng quyền dính nhựa. Tôi dư biết tôi chỉ là một cục nhựa con con chỉ việc gắn nơi này, gỡ ra nơi kia dán lại nơi khác. Biết như thế chẳng ích cho tôi chút nào - tôi thuộc loại nhai lại nhựa. Tôi nuốt nhựa hết sức tỉnh táo. Tôi nhìn tôi dính nhựa, nhưng không gì gỡ được tôi khỏi nồi nhựa. Và tôi sắp rời thế gian này với hai gót giày nhựa.

Đúng mười năm sau buổi chiều ông mở cánh cửa tôi ngồi bên trong, Thầy Tu qua đời, tôi già từ nhà thương điên. Thầy Tu chết cô đơn. Bao giờ tôi cũng thấy ông cô đơn, chẳng hề ra khỏi khuôn viên nhà thương điên, ngủ trên một chiếc giường xếp kê ngay trong văn phòng. Ấy là nỗi cô đơn của cục nhựa tự lẫn đi, không còn dính nữa, không gắn vào đâu và đợi lúc rã tan. Từ khi đến nhà thương điên vùng Corrèze này, Thầy Tu chẳng bao giờ gặp lại người vợ ông đã cưới hai mươi năm trước (Khi còn trẻ, do tham vọng, ta mơ tưởng hôn nhân như một chén thuốc cho ta quên tình yêu và nghĩ đến chuyện khác, Thầy Tu nói. Cốt yếu là tìm được kẻ tương hợp để cùng chia sẻ nồi nhựa. Sau đó thì chỉ việc níu lấy nhau, bám lấy nhau. Một khi thành nếp rồi, ta có đi đâu cũng với hai gót giày nhựa sẽ lại đưa ta trở về với làm lờ ban đầu). Thầy Tu đã đến nhà thương điên vùng Corrèze này, đã cho đặt chiếc giường xếp trong văn phòng ông và không bao giờ bước chân khỏi cửa nhà thương nữa. Ông mang theo những cuốn sách ông đọc mỗi đêm cho đến khuya. Thầy Tu có vẻ một người chạy trốn chính bóng ma của mình. Ông chạy trốn thành phố lớn, người đàn bà ông đã cưới hai mươi năm trước, bệnh viện do ông điều khiển, để giạt vào nhà thương điên vùng Corrèze này. Ông đã chuồn (Trong tất cả các khả năng con người có được, khả năng chuồn, Thầy Tu nói, là khả năng chúng ta sử dụng kiên trì nhất : cả đời chúng ta dính nhựa và hễ có cơ hội tháo gỡ nhựa là chúng ta chuồn, chúng ta lủi, khur khur với hai gót giày nhựa). Thầy Tu đã chuồn trước bóng ma một người con gái. Cô hai mươi tuổi. Cô vào khoa bệnh của Thầy Tu sau khi trải gần cả đời mình trong các bệnh viện, dưỡng đường. Cô không còn tên họ nữa. Cô là Hoa Miên. Cô ngủ và không nói năng gì, khi thức giấc cô vẫn nằm lì trên giường, đầu lác lư khi bắt buộc phải đứng lên. Giờ tan bộ, cô đi chúi về phía trước, vai khom, hai hàng mi khép hờ, cô níu tay người y tá, rồi trượt chân, cô vụt ngã sóng soài, như một khối vô tri. Thế là phải khiêng cô về giường, cô lại ngủ hàng giờ đồng hồ, thức giấc bao giờ cũng là choàng tỉnh. Cô ngồi dậy trên giường, há miệng như là gặng hết sức để nói, nhưng không một âm thanh nào thoát ra, gương mặt nhăn nhúm đau đớn mà không nói được một lời. Cô chỉ phát ra những tiếng nấc, rồi, nản chí, cô lại chìm vào giấc ngủ.

Không có gì góp tởm hơn, Thầy Tu nói, một kẻ đã lẩn tránh chính mình, sắp xếp đời mình như một nghiệp vụ mình được thừa kế, chỉ việc gọi thêm hàng và cuối năm lo kiểm kê. Tôi chẳng làm chút gì phá bỏ cái cuộc đời góp tởm ấy. Thật góp tởm kiếp sống của tôi, góp tởm niềm tin tôi hữu dụng, góp tởm những tình cảm đối với vợ tôi, góp tởm sự hiện diện bên tôi cái cây khô cần kia, cái cây, do chức vụ của tôi, ý thức một cách góp tởm địa vị mình có quyền đòi hỏi trong màn xiếc đó, góp tởm tôi ngoan cố giả điếc, không nghe cái tiếng nói bé nhỏ kia, cái tiếng nói, những lúc thanh vắng cô đơn, nhủ tôi rằng tôi đã bỏ rơi tôi, tôi bước tới mà quên chính mình. Tôi đã mất dấu tôi tự bao giờ ? Tôi thường nằm mơ thế này. Tôi bước đi trong đêm khuya giữa một phố tối tăm, vắng ngắt. Tôi tìm một địa chỉ. Phía xa sáng rực một đèn bảng hiệu. Tôi lại gần. Bên trên cánh cửa nặng nề có khoan một lỗ nhìn bọc lưới sắt, tôi đọc thấy số 00 - con số ghi trên mảnh giấy tôi cầm trong tay, và hàng chữ nê-ông *Cha vô danh*. Một khuôn mặt hiện ra sau lỗ nhìn. Tôi vụt chạy. Sau cánh cửa gỗ nặng nề yên nghỉ những thềm muốn sảy non, những cuộc tình vỡ nát, những khao khát lạc loài. Đây là cửa hàng những ân hận thiên thu.

Tôi đã phải lánh cho xa cánh cửa ấy, quấn quanh với kiếp sống góp tởm, ban ngày bưng mắt đến đêm mới mở ra trần trần nhìn hai con số không, hai con số tròn trịa, láng mượt, tuyệt không một cách tuyệt vời. Tôi là một con chim trụi lông ấp trứng thối, một lão già khảng khiu giữa hai chân chỉ còn là hai cái túi nôn mửa. Tiếng nói bé nhỏ nhắc tôi *Cha vô danh*, nhưng tôi nhất định không đẩy cánh cửa những ân hận thiên thu.

Một lần nữa, tôi trốn vào sách vở. Nhờ sách vở, tôi đã đạt được một thỏa hiệp với chính tôi, nuốt trôi được nỗi chán ghét. Sách vở từng cứu vớt tôi. Lại là một cuốn sách khiến tôi sụp đổ. Tôi đọc trong Nhật kí của một triết gia đoạn này : một người say lang thang các đường phố cùng đám bạn rượu của mình, họ gặp một người đàn bà, hẳn là gái giang hồ, người say qua một phần đêm với cô ta. Rồi đám bạn đưa về nhà. Hôm sau, anh không còn nhớ chút gì về đêm trước, nhưng khi thức giấc anh tin chắc rằng, trong mấy tiếng đồng hồ ấy, anh đã thành cha. Những ngày, những tuần sau đó, anh tìm dấu cô gái giang hồ. Nhưng hoài công. Bao năm qua đi, anh không lập gia đình, vẫn sống một mình, mỗi khi đi đâu bước chân anh luôn luôn tìm đến những xóm yên hoa. Anh chăm chăm nhìn những đứa trẻ gặp trên đường và nghĩ có đứa hao hao giống mình.

Tôi gấp cuốn Nhật kí của triết gia lại. Một khuôn mặt hiện ra rất rõ ràng trong trí tôi, khuôn mặt một thiếu phụ đôi mắt to và đen, sau cửa kính quán ăn một nhà ga -- tôi cố nhớ lại tên thành phố trên mạn Bắc ấy, nhưng tất cả đã mất tăm trong nỗi nhựa. Chỉ còn dấu vết một đêm, hai mươi năm trước, trong một khách sạn gần nhà ga ở thành phố trên mạn Bắc ấy và kỉ niệm một mái tóc ngát hương trà, hai con mắt to và đen cần trên một khuôn mặt tái xanh. Đôi mắt to và đen ráo hoảnh. Ngó sững tôi không đợi chờ, không ảo tưởng. Biết tôi là một kẻ nuốt nhựa. Tôi tự hứa sẽ không quên tên thành phố trên mạn Bắc ấy, sẽ tìm lại người thiếu phụ không khóc, tự nhận chưa bao giờ khóc ấy. Đôi mắt to và đen ngó tôi qua cửa kính quán ăn nhà ga. Tôi trở lại xe lửa. Tôi trở về bên người vợ mới cưới và không thể sinh con cho tôi. Tôi lại chìm trong nhựa. Hết những gì khác đều mất tăm.

Tôi lại mơ thấy hai con số không. Phía sau lỗ nhìn bọc lưới sắt, đôi mắt to và đen ngó sững tôi. Nhưng một kẻ nuốt nhựa bao giờ cũng tập không sợ các giấc mơ. Tôi tự cấm mình sấm những ân hận thiên thu trong cửa hàng hai con số không ấy. Tôi tự cấm mình nhớ tên thành phố trên mạn Bắc ấy, và gương mặt người đàn bà chưa bao giờ khóc ấy. Tôi tự cấm mình đi nhìn chòng chọc lũ trẻ trong các công viên để mong nhận ra con tôi. Tôi có nhiệm vụ phải chu toàn. Đã hai mươi năm, tôi săn sóc người diên, nạo da họ, cho họ thành sạch sẽ, ngoan ngoãn, và đã hai mươi năm chỉ cho họ con đường ngắn nhất đến với nỗi nhựa.

Người ta đã giao phó Hoa Miên cho tôi vì mục đích ấy. Tôi có bồn phen gắn đinh sắt vào giày cô, đưa cô đến với nồi nhựa. Cô ngủ li bì, phải tập cho cô dỉnh nhựa. Cô mới nhập khoa tôi được vài ngày. Từ cửa sổ văn phòng tôi, tôi nhìn thấy cô bước đi trong vườn, vai khom, người cúi về phía trước. Tôi chán ngán nghĩ cô không xứng đáng với cái tên người ta đặt cho, cô giống một con trùng hơn là một bông hoa.

Suốt tuần lễ ấy, tôi tìm đủ cách để khỏi gặp cô. Rồi, một buổi trưa, tôi nhẹ bước, một mình, vào phòng cô. Giường bên giường cô không có ai. Ánh nắng chiếu sáng khắp phòng. Hoa Miên ngủ say, chần tuột cả xuống chân. Tóc rối che lấp mặt. Nằm co, trong lớp áo trắng tinh để lộ đôi chân trắng như sữa, cô khiến tôi nghĩ đến một con gián rớt vào thạch cao mà chết. Tôi không đánh thức cô. Tôi đứng dưới chân giường. Tôi đợi. Cô ngủ thật êm. Hơi thở nhẹ như không.

Cô choàng thức giấc. Ngồi bật dậy trên giường, hai mắt mở lớn. Cô kinh hoàng ngó trân trân kẻ lạ đã vào phòng trong lúc cô ngủ. Tôi lùi một bước. Hai con mắt to đen nhìn sững tôi. Hoa Miên há miệng, mặt nhăn nhúm lại. Tôi chạy trốn khỏi căn phòng. Tôi giam mình trong văn phòng tôi và không bước ra cho đến tối. Trước đó tôi đã yêu cầu nhân viên đem cho tôi hồ sơ Hoa Miên. Trên trang đầu ghi chú *Sinh tại B., cha vô danh*. Tôi rời bỏ bệnh viện. Tôi biết tôi sẽ không trở lại. Cánh cửa những ân hận thiên thu đã mở ra, người đàn bà đôi mắt to và đen bước lại phía tôi. Tôi đã quay về khởi điểm : 00. Một tháng sau, tôi đến Corrèze.

Một đêm đông, một người đàn ông trong phòng mình đi đi lại lại trước ánh lửa lò sưởi. Cô đơn. Ấm áp nhưng cô đơn. Anh tự nhủ bên ngoài có lẽ có những người lang thang trong giá rét và cô đơn. Anh bỏ thêm một khúc củi vào lò sưởi, lấy áo khoác - anh phải cứu những người anh tưởng tượng đang run lập cập trong đêm khuya... Sáng sớm, anh trở về, mệt lả, một mình. Trước cửa nhà, anh vấp phải một khối bất động. Thi hài một người đàn bà chết rét. Anh bước qua xác chết, về phòng mình, giam mình trong phòng và tự tử. Chuyện tôi thể đấy, Thầy Tu bảo. Hoặc cứu cô ta, hoặc tự tử. Nhưng tôi đã nuốt quá nhiều nhựa. Tôi bỏ trốn.

## XVIII

Khi cậu từ nhà thương điên trở về, căn phòng cuối hành lang trống rỗng, cửa khóa chặt. Xác người treo cổ đã được chôn tại một nghĩa trang xa thành phố, sách và mấy bộ đồ của cô đem đốt ở cuối vườn. Cậu trở về, chiếc va-li nhỏ cầm tay. Cô thì không còn dấu tích nào. Gia đình đã thanh tẩy căn phòng, xua tan dư hương cuộc tình trái tự nhiên. Không ai được đến căn phòng cuối hành lang nữa. Cậu đặt va-li trước cửa, ngồi bệt xuống đất, cúi gằm đầu. Cậu ngồi như thế ba ngày ba đêm; sáng ngày thứ tư, cậu ngã lãn, bất tỉnh. Gia đình chờ cậu đến nhà thương điên. Chiếc va-li vẫn còn trước cửa. Cậu đi rồi, suốt đêm ấy hành lang dẫn tới căn phòng vang vọng một giọng nói đều đều, một giọng nói cô đơn, khi thì hát, khi thì đọc những bài văn không ai nghe rõ. Rồi giọng nói im bật. Một mùi hoa rữa lan khắp hành lang, thấm đẫm các bức tường. Quanh nhà, vườn thôi nở hoa. Gia đình bảo người chết vặt hết hoa, ăn hoa, rải hoa trong căn phòng trống làm giường.

Gia đình còn bảo cái chết của người tình nương là một bất hạnh nhỏ, chung cục của một bất hạnh lớn (mối tình của cậu với cô), một chuyện nhỏ cho phép dập tắt tai họa, xóa nhòa chứng tích cơn điên rồ của cậu. Phải chi người treo cổ bớt ngạo ngễ, phải chi cô không trở về hành hạ người sống với cái mùi hoa rữa ấy...

Chỉ còn lại của cậu và cô cái mùi tàn rữa ấy và chiếc va-li vẫn trơ trơ trước cửa căn phòng không ai đụng tới. Người tình nương với những bông hoa rữa đã bị xóa khỏi kí ức gia đình,

người với chiếc va-li nhỏ vài tuần sau được đưa lên máy bay, trực chỉ nhà thương điên vùng Corrèze.

Tôi đã nhớ lại người tình nương với những bông hoa rữa qua hình bóng một cô đào Mĩ thân hình trẻ thơ, vai khom, tóc dài và rối, miệng nhỏ, đôi mắt sợ sệt - ấy là một bông huệ gãy trốn lánh bên người với chiếc va-li. Họ đứng sát bên nhau, tựa những người di dân bị ném đá xua đuổi; họ không biết đi đâu, nên cứ đứng bên lề vỉa hè. Họ lấy cảm nín quyết liệt che những vết thương của mình. Họ nhìn khắc nghiệt cái thế giới đã ném đá họ, từng xéo họ. Họ nắm chặt tay, trông chờ đoàn xe tuyết đối sẽ đưa họ đi xa khỏi cái thế giới hung nhúc, cùn gì này.

## XIX

Tôi không biết vì sao, những ngày này, tự nhiên tôi nghĩ con bé rất gần gũi với tôi, như một người duy nhất tôi cho rằng đã gần gũi được với tôi, và đồng thời lại là kẻ thù của tôi. Nó muốn sử dụng tôi, nó muốn cướp hành trang đời tôi. Tôi mà không cảnh giác, nó sẽ lột sạch tôi, mối tình của tôi, Thầy Tu, những năm trong nhà thương điên, những ngày sống ở đây, ở chung cư Vườn Táo này. Nó là kẻ thù của tôi bởi trong gia đình này không thể có hai kẻ thoát thân. Tôi đã thoát theo cách của tôi. Tôi biết từ nay tôi bất khả xâm phạm. Họ không làm gì được tôi nữa, nhưng con bé, nó có thể mất mạng, nếu không phải mất trí, trong chuyện này. Họ vẫn còn khả năng phục sinh mấy cái gien, hành hạ tâm trí nó cho tới khi nó chỉ còn là một con búp-bê nát nhàu trong tay họ. Có lẽ nó đã linh cảm điều ấy. Cho nên, nó muốn tôi đồng minh với nó. Tôi đâu làm gì được cho nó. Nhất thiết tôi sẽ không chỉ đường cho nó. Tôi biết đường nào mà chỉ cho nó. Đến nay tôi chỉ là ngồi bên lề đường, tôi quan sát tất cả những kẻ mê đắm dỗi theo một mục đích - tôi nhìn cùng một hướng như họ, tôi chỉ thấy một lớp mây mù mỏng. Con bé cũng thế, nó chạy trên con đường ấy, nhưng nó đã nhận ra tôi, nó muốn biết vì sao tôi không chạy : tôi cứ ngồi ngó thiên hạ đi qua, vậy ắt phải có cái gì lí thú nơi đó, bên lề đường. Nó tự hỏi tôi là một nhà hiền triết hay một kẻ tặc nguyện, tôi bỏ cuộc hay tôi ngã rồi không đứng lên được nữa. Hết những câu hỏi nó tự đặt cho mình ấy, chỉ là vì nó thấy *lí thú* tự hỏi mình. Chúng kích thích tâm trí nó. Chúng sôi sục trong đầu nó. Con bé thích bắt chước xám của mình làm việc. Nó sẽ chết với họ vì thế. Nó còn trẻ, nó sẵn sàng thử nghiệm hết (chính vì nó tưởng đó chỉ là những thử nghiệm). Được cho hay mình là con hoang, nó cũng cho đây là một thử nghiệm lí thú, tựa một giấc mơ xưa thành sự thực. Tức thì, nó thềm được kể hết mọi chi tiết, nếu cần bịa ra cũng được. Mãi mãi nó sẽ đòi những thử nghiệm lí thú. Có người chết trên đường, nó cũng sẽ chẳng kể. Trí nó sẽ ngày một loạn, nhưng nó sẽ nghĩ nó đem cuộc đời vào óc nó.

Con bé nói với tôi nó đã cắt đứt mọi liên hệ với gia đình. Nó chỉ còn là một thân xác bị chặt hết chân tay, nó đã biết sống như thế, tiến lên một mình, gạt khỏi con đường của nó những gì mang mùi máu gia đình. Nó nói với tôi bao nhiêu năm ấy nó đã rèn luyện trí nhớ, để những khuyết tật gia đình thôi còn ám ảnh nó. Nó nói với tôi nó đã lành bệnh gia đình, đã tổng khôi thân xác mọi vi trùng, đã cọ sạch linh hồn, đã lọc tẩy những thể dịch đắng chát trong đầu. Với nó, gia đình là một căn bệnh hồi trẻ con không chữa chạy cần thận nên những di chứng phá hư tuổi trẻ của nó. Mẹ nó nhận biết nó li khai và, dù cho có phải rã mục, nó thà tan rữa vì chính lỗi lầm của mình, do chính mình lựa chọn, xa khuất gia đình. Mẹ nó nhận biết nó muốn tách riêng. Thế nhưng, trong gia đình này, chỉ được phép tách riêng kẻ vào nhà thương điên. Trong gia đình này, chỉ có thể chơi một mình dưới bóng cây táo độc. Nó tưởng đã tổng tháo nọc độc. Nó tưởng đã thoát hiểm an lành. Sao nó có thể nghĩ nó thoát dễ dàng thế được ? Mẹ nó tìm ra cách nắm lại nó : dành riêng cho nó một love affair<sup>17</sup>, một chuyện tình bất khả giữa một sĩ quan của đoàn quân chiếm đóng và một người vợ trẻ thất vọng.

Con bé nói với tôi rằng những năm xa lánh gia đình, những năm đem cách li mọi kỉ niệm thời thơ ấu, nó luôn luôn nghĩ đến tôi, luôn luôn cảm thấy rất thân thuộc với tôi, nó đã sống gần kề

sự điên dại của tôi. Nó nói chưa bao giờ tin là tôi bệnh. Nó cho rằng nó có trực giác điên dại là thế nào, đời tôi đã ra sao. Nó nghĩ nó sống bên lề thế giới bình thường, nó nghĩ nó đã ngã rồi. Con bé làm. Đường còn dài từ những choáng váng của kẻ dễ thành loạn óc cho đến lúc rớt xuống đáy hố. Kẻ bị nhốt sau hai cánh cửa nhà thương điên sống trong một cái hố, y có cố trườn ra cửa cũng chỉ là vô vọng. Y vật lộn mong giữ vững lí trí, mài sắc sáng suốt, nhưng y không mang ảo tưởng : y biết mình đã thành người thừa, y gỡ thể diện bằng cách chơi trò điều khiển những quân lính bằng chì...

Tôi phải làm sao nhét những điều tế nhị ấy vào đầu con bé kiêu kì mới được. Nó muốn thừa kế những đau khổ của tôi, thừa hưởng những choáng váng của tôi. Không thể so sánh những gì nó đã khám phá hay linh cảm với nỗi kinh rợn từng là số kiếp tôi. Nó mơ tưởng gần gũi tôi, nhưng nó làm. Với nó tôi chỉ là một *nhân vật lí thú*. Ai ai trong gia đình cũng bưng bít sự điên dại của mình bằng cuộc sống vô vị, họ muốn cai quản sự điên dại, hi vọng bối cảnh ước lệ, nếp sống hết sức đúng phép sẽ cho họ thoát tai họa. Nó với tôi, chỉ có nó với tôi là bạt mạng. Tôi đã ngã. Nó đã thấy tôi ngã lúc nào và ở đâu. Nó đã tránh cái hố. Nó nói nó muốn tạo nên một cái gì từ sự điên dại của nó. Thực ra, nó muốn tạo nên một cái gì từ sự điên dại của *tôi*. Tôi sẽ không để nó cướp giật của tôi.

Rút cục, cũng là điều hay tôi trở thành người phát ngôn chính thức cho gia đình. Miệng tôi sẽ nói lên những rò rỉ của lũ bại hoại ấy. Qua những ác mộng của tôi người ta sẽ nhận diện được cái bộ lạc thần kinh bệnh hoạn. Người mùi tôi người ta sẽ dò ra sự thối rữa của gia đình.

Duy sự điên dại đã cứu tôi thoát được sự vô luân di truyền. Duy sự điên dại đã tránh được cho tôi những tội lỗi ti tiện và sự dâm ô tiểu tư sản, phần số của gia đình. Họ sa ngã, run rẩy mà sa ngã. Lúc nào cũng sợ hậu quả. Còn tôi, cả đời tôi đã là một thời gian dài chịu đựng cô lập, và tình dục chỉ là mê sáng hoặc gớm tởm. Mê sáng đêm khuya, những tiếng rên không tiếng vọng, những vật vã chẳng phải do đụng chạm một thân xác nào. Gớm tởm những khăn trải giường nhơ nhớp, những thân xác rã rời, thắm đẫm cơn mơ man rợ. Và khi khăn lật lên, chỉ có dấu vết xô lệch cô đơn. Sáng ra, tôi nghe tiếng mấy người y tá giễu cợt, Người đẹp của anh Chệt tới đêm qua rồi lại đi chẳng ai thấy mặt !

## XX

Ricin nói, Trước khi là người, đàn bà là những đối trá sinh sôi nảy nở.

Đôi khi Ricin biến mất ba tuần, một tháng; anh để mặc điện thoại reo, không trả lời những lá thư nhét dưới cửa căn hộ hai phòng dùng làm văn phòng nhà xuất bản của anh. Rồi một chiều anh lại xuất hiện, trước cửa phòng tôi, mắt đỏ ngầu, bàn tay cầm điếu thuốc run run. Tôi lấy áo khoác, một cuốn sách. Đi với anh. Chúng tôi đi trên đường phố không nói gì với nhau. Nhiều lần anh dừng lại gọi điện thoại bằng máy công cộng. Chúng tôi tạt vào một quán cà-phê, và trong khi chờ người hầu bàn mang đến cho anh li rượu chát, anh lại ra đường gọi điện thoại một lần nữa. Mỗi lần anh gọi kéo dài nửa tiếng, cả tiếng đồng hồ; anh quay vào, đến bên quầy đổi bạc lẻ. Tưởng như anh đã quên hẳn có tôi ở đây. Tôi nhìn anh đi ra, đi vào. Tôi đọc sách, nhâm nhi li nước lạnh. Cuối cùng anh trở lại, ngồi phịch xuống ghế, ngả đầu ra sau và đọc nhỏ nhỏ bài thơ anh thích nhất,

*Dưới tàn rợp cây dẻ*

*Anh đã bán em và em đã bán anh...*

Hễ Ricin ngâm hai câu ấy, tôi hiểu anh đã thanh toán mọi chuyện, đã tính sổ ba tuần vừa qua, đóng cửa chặn thêm một đối trá. Cuộc đời lại tiếp tục. Hôm sau, Ricin đến gõ cửa phòng tôi, chúng tôi đi dạo, anh kể cho tôi vì sao đã vắng mặt ba tuần ấy, anh nôn ra sự cảm tức của anh.

Ricin thu xếp để sống, không phải những chuyện tình dài lâu, nhưng những chuyện phản bội ngắn ngủi. Anh không tìm người đàn bà trong mộng, anh truy hình bóng những gì anh thù ghét - *Mẹ anh chết rồi, Anh vui sướng lắm, Từ nay anh muốn thù ghét tất cả đàn bà*. Thái độ của Ricin đối với đàn bà là thái độ của những kẻ khủng bố đối với các đại cường : anh đến với họ, len vào đời họ chỉ với mục đích hạ nhục họ, làm họ tổn thương, ghi dấu nơi họ. Điều lòi cuồn anh nơi họ, chính là ý muốn tàn phá, triệt hạ họ, của anh. Giống như những kẻ khủng bố, anh cũng viện ra một lí tưởng thuần khiết : anh bảo muốn trả đàn bà về với sự trong trắng nguyên sơ của họ. Anh tưởng mình thương yêu họ, anh theo dấu họ để tàn hại họ. Anh khiến họ mắc nghiệm sự hiện diện của anh, những lời rửa sả của anh, dày xéo lòng kiêu hãnh của họ, chia ra cho họ cái gương, nhắc đi nhắc lại rằng họ chỉ là huênh hoang, thối rữa, rồi anh bỏ rơi họ mà cứ tin chắc họ đã phản bội anh.

Anh bảo, Phần lớn đàn ông đối xử với vợ chẳng khác bọn ma cô. Che chở đầy mà khinh miệt đầy. Đàn bà không là gì khác hơn đồ chơi, búp-bê của họ, khá lắm thì là nạn nhân, tệt ra thì là đồng lõa, làm bậc thang cho họ lọt được vào nhà bọn giàu sang, và khi vững chân rồi, cho vợ vào theo như con chó. Còn Ricin, anh đối xử với đàn bà như một tay cảnh sát hoặc một tu sĩ lơ mắt thiên hướng ma cô của mình. Anh định tâm cái hoá họ, thuyết phục họ, dẫn dụ họ nhìn nhận rằng họ chèo kéo đàn ông chỉ để thỏa mãn tính huênh hoang của mình. Anh đòi họ thú nhận sự phù phiếm, nay rày mai khác của họ. Khi họ tự buộc tội trước mặt anh rồi, anh cười khẩy, đóng sập cửa bỏ đi. Đàn bà nào cũng mơ ước, anh bảo, làm bị cáo để được kêu vang mình vô tội, để, tóm lại, được đối trá trước đông đảo công chúng.

Ricin truy hình bóng những gì anh thù ghét : người đàn bà trẻ sống một mình, tự nhận chỉ quan tâm đến sự nghiệp và độc lập của mình, cố tình bừa bãi tình cảm, mặc váy ngắn, hút thuốc lá thơm, tối khuya mới về nhà và đi ngủ không buồn lau chùi son phấn. Anh bảo, Anh thèm muốn thân xác họ, nhưng mặt họ làm anh gớm. Anh muốn làm họ phải kêu thét lên vì sướng khoái, nhưng miễn là sau đó họ im ngay. Miễn là sau đó họ để anh một mình, chớ có nằm vật ra giường, mặt mũi thỏa thuê, âm hộ ướt đầm, châm thuốc hút mà kể lể với anh cuộc sống nội tâm ấm ớ của họ. Tránh cho anh phút giây yếu đuối của họ. Anh biết họ thích gì nơi anh : trong số bao nhiêu tình nhân, họ chưa từng gặp một kẻ bất đắc chí không khoan nhượng, đoàn người nào đi qua cũng sửa<sup>18</sup>. Đàn bà nhìn tội nghiệp những ai không thành đạt, và họ cho như thế là họ tận tụy lắm. Đàn bà bao giờ cũng siêu lòng với những gánh nặng, những trọng lượng chẳng ích lợi gì. Nhiều khi, chiều đến, anh nghĩ phải tự trói mình vào ghế. Anh bịt tai. Anh tự giận mình yếu đuối. Anh tự nhắc, Giam mình lại. Trốn vào giường, trùm chăn cho kín. Chịu đựng cô đơn. Chờ lại đi ăn mỳ họ ôm ấp. Họ chấp chới trước mắt, hết người này đến người khác, họ là Tai Họa đấy, họ chẳng đem lại chút hạnh phúc nào đâu, họ muốn mỳ tại mỳ làm bộ chối bỏ họ trong khi thực ra không ai cần họ hơn mỳ. Mỳ cần đề ngón tay lên môi họ, cần cảm thấy da thịt họ xẻ rách, cần hung bạo với họ. Mỳ biết thừa làm gì có yêu thương, chỉ là một chuyện gối chăn, mề hôi và chán chường. Mỳ đến với họ cứ như người lính chộp lấy một quả lựu đạn đã tháo chốt. Cũng cuống cuống như thế, cũng kinh sợ như thế.

Ricin tưởng tượng. Thời gian qua, quả lựu đạn đã hết chất nổ. Ricin cần đàn bà như kẻ khác cần thuốc ngủ - uống lúc tối, thuốc không còn dấu tích gì khi ngủ dậy, những tác động phụ cũng y hệt : quen thuốc và mất trí nhớ.

## XXI

Mỗi khi so sánh cuộc sống trong chung cư Vườn Táo với cuộc sống những người bình thường, thế nào một hình ảnh cũng hiện về trong trí tôi : tôi thấy những kẻ bên ngoài như những người đi nghỉ hè trên một chiếc thuyền, trong khi chúng tôi là những người sống sót bám vào chung



cư này như bám vào một cái cành mục - tôi tự hỏi chúng tôi bám níu làm chi, vì, dẫu sao đi nữa, chúng tôi ắt phải chết đuối, và, sớm hay muộn, chúng tôi sẽ buông tay.

Cách đây mấy ngày, khi từ thư viện trở về, tôi trông thấy một chiếc xe tang trước cửa chung cư. Vài người mặc đồ xám khiêng xuống một chiếc quan tài. Họ vào trong nhà. Tôi bước qua cửa theo chân họ. Đứng trước thang máy là hai ông bà già, họ ở chung cư này. Ông người Thổ Nhĩ Kỳ, bà người Đức. Họ đứng sát bên nhau; lẫn vào nhau như thế, trông họ lại càng gầy gò, bé nhỏ hơn là thực. Y phục họ cách đây vài năm chắc là màu đen, bây giờ là màu củi mục. Bà đưa tay chùi nước mắt không thôi ứa ra, ràn rụa trên khuôn mặt giữa mái tóc bạc rất đẹp cắt ngắn. Ông đứng thật thẳng, không khóc. Ông đưa mắt nhìn thoáng qua tôi, rồi nhìn những người mặc đồ xám, cuối cùng ngó sững chiếc quan tài. Ông bật lên một tiếng cười ngắn. Bà nắm lấy tay ông, bóp chặt. Ông lại càng cười. Tiếng cười vang vọng trong phòng đợi, ông cười tựa một thực khách tiệc xong được nghe kể những chuyện dâm dăng. Tôi chạy vọt về phía cầu thang lúc đó đã đầy người trong chung cư tụ tập, tôi nhảy bốn bậc một và vào phòng mình khóa kín cửa lại. Từ sau chuyện ấy, tôi cứ tưởng nghe thấy những tràng cười, đêm khuya làm tôi choàng tỉnh.

Chung cư Vườn Táo gồm hai tòa nhà quét vôi đỏ đối diện nhau. Ở giữa là một bãi cỏ, thành ra từ cửa sổ trên lầu có thể theo dõi người đi lại từ nhà này sang nhà kia. Một đêm, tôi thức dậy đầu nhức như búa bổ. Tôi bật đèn, nhìn đồng hồ phía trên giường : ba giờ sáng. Tôi tỉnh hẳn. Tôi cầm quyển sách trên bàn đầu giường. Tôi đọc. Những hàng chữ nhảy múa. Tôi cảm thấy chóng mặt. Tôi tắt đèn, đứng lên. Tôi lại bên cửa sổ hút một điếu thuốc. Cửa kính đóng giá. Tôi đứng trong bóng tối. Tôi nhìn xuống bãi cỏ phía dưới, sáng dưới ánh mấy ngọn đèn đường. Tôi trông thấy cửa chính ngôi nhà đối diện mở ra. Một bóng người lách ra ngoài. Một bóng người rất bé nhỏ, bước đi thoăn thoắt. Trùm áo khoác trắng với mũ choàng che kín mặt. Hai tay khoanh trước ngực, áo khoác không cài khuy. Hai chân để trần, nước da màu đồng. Mang giày nhỏ không gót, như giày vũ nữ. Đi mau và run lập cập trong tấm áo khoác, bóng người băng qua bãi cỏ chẳng hề ngước mắt nhìn lên, đúng hơn muốn giấu mặt trong mũ choàng. Rồi biến mất khỏi tầm mắt tôi. Tôi nghe tiếng thang máy dừng lại ở một tầng dưới - có lẽ ở lầu hai. Đêm sau, tôi thức dậy cũng đúng giờ đó. Tôi đứng trong bóng tối, nhìn bên cửa sổ. Cửa chính ngôi nhà đối diện mở ra. Một bóng người lách ra ngoài. Một nàng tiên bé băng qua bãi cỏ, trùm trong tấm áo khoác mỏng màu trắng.

Ban ngày, tôi bắt đầu quan sát quanh tôi, tìm chiếc áo khoác trắng. Những người đàn bà tôi gặp đều núm ních mỡ, có vài người mảnh dẻ, dong dong, nhưng lại thật cao, đi giày cao gót và mang áo khoác thắt chèn. Đêm đêm, cánh bướm trắng phấp phới bay qua bãi cỏ, trước mắt tôi. Rồi biến mất cho đến đêm sau. Tôi thèm muốn vụt ra, chạy bổ xuống hết mấy cầu thang, tới gặp cô ta. Tôi đứng chôn chân bên cửa sổ, ngó đôi giày vải lợt trên cỏ ướt. Sáng ra, tôi làm cuộc điều tra. Chẳng đâu vào đâu. Tôi không dám mở lời với người lớn. Tôi sà vào những đám trẻ con, hỏi chúng có bạn chơi nào là một cô bé mặc áo choàng trắng không. Chúng cười, trốn mắt, hoặc lắc đầu. Không ai biết nàng tiên bé mặc áo choàng trắng. Tôi bắt đầu cho là cô đơn và những dự vọng không thỏa đã khiến tôi tưởng tượng ra những bóng ma.

Một chiều, tôi trở về Vườn Táo giữa cơn mưa, tôi ướt sũng, nước nhỏ giọt trên mặt. Đứng trước tôi, một hình dáng màu trắng bước thật mau về phía hai ngôi nhà quét vôi đỏ... một hình dáng nhỏ bé bước những bước ngắn và có vẻ mang một vật rất nặng, một cái đẩy. Tôi rảo bước chạy theo bóng người mặc áo choàng trắng. Đuổi kịp, lấy lại hơi thở, tôi đưa tay lật cái mũ choàng. Tôi nhận ra thằng bé người Madagascar ở lầu hai. Một thằng bé làm lì. Chừng mười, mười một tuổi. Một lần tôi hỏi nó có biết trong nhà có cô bé mặc áo khoác trắng không, nó quay gót về phòng không nói một lời.

Chúng tôi đứng đó, đối diện nhau, dưới cơn mưa, sững sờ. Nó xách một cái đẩy rất nặng, đầy những chai rượu mùi, rượu chát. Tôi nắm vai nó, Áo này không phải của mày. Nó tránh nhìn tôi, quay đầu về phía Vườn Táo, cứ như mong có người đến cứu. Mưa rơi trên mái tóc xoăn của nó. Thịnh linh, nó vùng ra, kéo mũ choàng lên đầu. Nó nói, Áo chị tôi, rồi bỏ đi. Câu nói khiến tôi ngẩn người một lúc. Tôi định thần, chạy theo kịp nó. Tôi la, Tao muốn nói chuyện với chị mày. Nó không trả lời, nó đi, đầu cúi, cố bước mau dù cái đẩy nặng trĩu - tôi nghe tiếng mấy cái chai va vào nhau lách cách. Nó nói, Chị tôi không có phép đi chơi, ban đêm chị phải làm việc. Chúng tôi đã đến gần bãi cỏ ngăn cách hai ngôi nhà, bãi cỏ cánh bướm trắng lướt qua mỗi đêm. Thằng bé ngẩng mặt nhìn lên dãy cửa sổ chung cư. Nó giật mình, tôi cảm thấy mối sợ hãi làm tím thân gầy guộc của nó run lên dưới cái áo choàng. Tôi chăm chú nhìn các cửa sổ. Phía sau một trong những cửa sổ ấy, trên lầu hai, là một người đàn ông vạm vỡ, chỉ mặc áo lót. Tôi đã từng gặp ông ta trong chung cư. Ông thất nghiệp, thường đi đâu về cũng say rượu. Có lần tôi đụng mặt ông trong thang máy. Toàn thân ông bốc ra mùi rượu, mùi mồ hôi, mùi nôn mửa. Từ trên cửa sổ, ông nhìn chúng tôi. Thằng bé rảo bước, tôi còn muốn hỏi nó thêm một câu. Nó quay lại, hất đầu chỉ người đàn ông trên cửa sổ, bảo, Nếu ông muốn chị ấy đến thăm ông đêm nay, ông phải hỏi *cha tôi*.

Một người ngụ tại Vườn Táo lấy vợ. Ông tổ chức tiệc cưới trong phòng ăn lớn ở tầng dưới. Ngày thường thì mùi cá rán với mùi khoai tây tỏa khắp các tầng lầu. Ta biết ngay là ngày lễ khi người thấy mùi bánh rán với mùi xúc-xích nướng. Tất cả mọi người trong chung cư đều được mời, theo lời tờ giấy lớn dán trên cửa thang máy, nhưng có những người biết rằng nên tránh tủi hổ phải cáo thoái khi thấy mình là kẻ không ai muốn gần. Nghĩa vụ của tôi đối với những người bình thường, những người sung sướng, là không làm nhục họ bằng sự hiện diện của tôi. Còn vui thú của tôi lại là vi phạm bổn phận người bình thường gán cho tôi, vui thú của tôi là phá tham vọng hạnh phúc của họ, vui thú của tôi là thò đầu ra như con cú kêu vang giữa cuộc liên hoan. Tôi nhanh nhẹn bước vào. Trong phòng chỉ toàn đàn bà. Những người đàn bà vẽ mắt, tô môi, chân dận giày da bóng láng gót đã mòn. Mấy bà già ngồi trên ghế. Những người khác phân tán khắp phòng. Trừ hai người da đen, một người béo phì, mặt mũi hoan hỉ, choàng khăn đỏ rực, một người gầy gò, mặc toàn đen, níu lấy mẹ như một con ruồi sợ sệt, còn thì toàn là người Bắc Phi. Kê sát tường trong cùng, hai cái bàn trống không để bày tiệc. Một đám bé gái mặc áo đỏ từ trong bếp đi ra; tay cầm nhón mấy cái bánh rán còn bốc khói, chúng xé bánh làm hai, moi ra miếng chuối bỏ miếng ăn ngấu nghiến, rồi, đầu ngả ra sau, chúng vừa cười khúc khích vừa nhâm nhi bột bánh đầm dầu. Bọn đàn bà nhìn tôi, mắt họ cho thấy tôi phá cuộc vui của họ, buổi tối này chắc sẽ thành đại họa, vì người đàn ông xuất hiện đầu tiên lại là cái anh loạn óc ở lầu năm. Tôi đảo mắt nhìn hết mọi người, hi vọng nhìn ra một cái áo khoác có mũ choàng, nhưng cánh bướm trắng không có trong phòng. Tôi cười với bà da đen quấn khăn đỏ và quay gót.

Tôi đã đem ở thư viện về một cuốn sách chọn trên kệ triết học. Khi lật qua cuốn sách, tôi bắt gặp câu, *Hay ho gì mà chơi trong một thế giới ai ai cũng gian lận, mà người gian lận đầu tiên chính là tôi*. Có lẽ tôi sẽ chẳng đọc hết cuốn sách này, có lẽ tôi sẽ chẳng đọc một giòng nào, tôi chỉ cần biết là tôi có trong túi, sát bên mình, trong túi phải áo vét, cuốn sách có hàng chữ ấy, *Hay ho gì mà chơi trong một thế giới ai ai cũng gian lận*. Tôi đọc sách đâu phải vì muốn thành uyên bác. Tôi tìm trong sách một dấu hiệu nhận biết. Tôi liếc qua nhiều sách lắm. Thường tôi không thấy gì khác hơn là một cuốn sách, những đoạn văn, những từ ngữ. Giờ sách mãi cũng chán. Tôi đã toan thôi. Bấy giờ, phép màu hiện ra. Tôi lấy một cuốn sách, mở ra, và đó, một cái gì đó ra hiệu cho tôi. Những lúc như thế, tôi cảm thấy mình như kẻ đắm tàu trông thấy một bàn tay nơi chân trời, một bàn tay cử động trên mặt nước, một bàn tay sống. Một bàn tay chẳng làm gì được cho tôi. Nhưng vẫn là một bàn tay ra hiệu cho tôi và bảo tôi ít ra chúng tôi cũng là hai người đắm tàu trong biển cả cô đơn này. Hễ một cuốn sách ra hiệu với tôi, tôi đem nó về phòng, đặt trên bàn bên giường ngủ. Thế là đột nhiên căn phòng có người, có một

bạc thầy nhủ với tôi, *Hay ho gì mà chơi trong một thế giới ai ai cũng gian lận, mà người gian lận đầu tiên chính là tôi*. Tôi nhai đi nhai lại câu ấy, đủ cho tôi sống hàng ngày trời, hàng tuần lễ. Lại có khi tôi đem sách bên mình, giữ trong túi. Nó sờ ỉm tôi. Nó như một người bạn mỗi sáng tôi lại gặp lần đầu. Tôi tự giới thiệu, *Tôi không phải người ở đây*. Nó đáp, *I'm a stranger here myself*<sup>19</sup>. Chúng tôi quay lưng lại thế giới, chúng tôi cùng đi về một hướng, chúng tôi đi chinh phục Cõi Không Nơi Nào.

Tôi vừa dán lên tủ tấm ảnh tôi tìm ra trong một cuốn sách ở thư viện - tôi đã xé trang sách có tấm ảnh ấy, giấu vào trong áo đem về nhà. Người đàn bà trong ảnh tên là Käthe K., người Đức, bà vẽ và nặn tượng. Trong thư viện có hai cuốn sách viết về bà. Từ mấy bữa nay, tôi lật giở những tác phẩm về nghệ thuật hoạ hình. Phần lớn những bức vẽ của Käthe K. thể hiện một người mẹ che chở các con trước Tử Thần và rồi chính mình bị Cõi Âm nuốt mất. Không phải những bức vẽ ấy, mà gương mặt Käthe K. khiến tôi chú ý. Trong ảnh, bà chừng sáu mươi tuổi. Mái tóc bạc, trông mượt và mềm, búi ra sau. Mặt nhọn, chỉ thoáng đôi nét nhăn, khiến ta nghĩ đến mặt một con chuột bạch con. Khi đứng trước tủ, đối diện với bà, tôi có cảm tưởng mắt phải bà chăm chú nhìn tôi, còn mắt trái cố đoán xem đằng sau tôi có ai khác không. Käthe K. nhìn tôi; bà nửa là người điên, nửa là thầy tu. Bà là thần bản mệnh cho chung cư Vườn Táo. Bà che chở tôi chống cái chết, chống sự điên rồ. Bà trông chừng cho tôi yên giấc. Tôi tưởng như trong phòng này bớt lạnh, và ngay cái tủ sắt cũng tỏa ra hơi nóng.

## XXII

Văn phòng viên Tham vẫn như có phục kích. Tôi vào căn phòng ấy, bốn bức tường trần trụi, đồ đạc lủng củng, như một phái viên vào dự một hội nghị hòa bình thế nào cũng sẽ thất bại. Viên Tham vẫn tiếp khách ngồi trên một cái ghế bành, sau một cái bàn lớn ngổn ngang hồ sơ. Thực ra, viên Tham vẫn không tiếp khách, ông đương đầu với người chứng kiến sự xấu xí của ông, ông chuẩn bị nhổ vào cái gương phản chiếu hình ảnh ông. Sự xấu xí của viên Tham vẫn không có gì là kinh khủng, chẳng có gì do dự tởm. Nó tẻ nhạt, chẳng gọi lên gì, nhìn thấy khó chịu thể thôi. Cứ như bà mẹ đã đùa mà chọn trong kho những gì là vô duyên nhất, khó thương nhất làm quà cho bộ mặt viên Tham vẫn : một lớp da xám, dày, một cục thịt gọt sơ sài thành cái mũi đặt vào giữa mặt, hai lát thịt hình mỏ chim, hai con mắt ti hí sau hàng mi, hai má nặng, xệ xuống, khiến viên Tham vẫn có vẻ cùng họ với loài chó bun, có vẻ là mẫu đẹp nhất của giống chó cấm cầu này. Viên Tham vẫn tưởng che giấu được sự xấu xí của mình bằng thái độ hung hăng ngạo mạn. Lúc nào cũng nói, Ưng hay không, có thể thôi. Không hiểu tới hậu thư ấy là về diện mạo khó coi của viên Tham vẫn hay về công việc đang thương thảo. Viên Tham vẫn nói dấm dẩn, thờ gấp rút, quyết định trong chớp nhoáng. Tâm trí thường trực cảnh giác của ông luôn luôn rình chộp những gì phải nghĩ, phải đọc, nói, viết, làm, *quảng cáo*. Ông không có ý kiến riêng. Tùy người đối thoại là ai, ông tự bào chữa một cách khinh bạc (có ý kiến riêng chỉ tỏ gây bực mình, mất ngủ; tôi rất ghét định kiến, tôi chỉ thích nhanh trí - tôi *nhanh như thiện thành ác*) hoặc bằng cách giả bộ nhún nhường (bấy giờ ông tự so sánh mình với một phòng cộng hưởng, với cái phễu Nüremberg<sup>20</sup> xưa kia dùng để rót kiến thức vào họng trẻ con : viên Tham vẫn tham vọng trở thành cái phễu đón nhận hết mọi ý kiến phát phơ đem nhồi nhét cho công chúng). Ông nói cá nhân ông không quan trọng, những gì ông nghĩ chẳng ăn thua gì. Ông đuổi theo ý nghĩ, ham muốn của người khác. Người khác là ai ? Ông Tham vẫn không biết, nhưng chức năng của ông là nghĩ như *người khác*. Với bất cứ đề tài nào, ông cũng có thể có hai luận điệu. Tôi từng nghe ông nói, Làm gì có tình yêu, chỉ là lòng thương hại cái con vật, như mình, lang thang ngoài phố với ám ảnh *Miền sao mình không một mình chiều nay*. Nhưng hãy nhớ ra chức năng của mình là viên Tham vẫn bỏ hết khinh bạc, tuôn ra những sáo ngữ bằng một giọng chính xác và kiêu cách. Cho người đối thoại nghe chán chê rồi bài diễn văn dài (kết thúc bằng câu thật kêu, Tôi không đòi cô bán linh hồn cho tôi, tôi yêu cầu cô cho tôi một sản phẩm), ông lại thu mình vào vỏ. Ông nâng đôi mắt kính tròn nhỏ trên mũi, nhìn mặt rùn vai. Ông cho

mình đã thắng trận. Ông đứng lên, tin chắc chiến thắng của mình. Ông không biết ngay lúc ông tưởng đắc thắng, thân xác ông phản bội ông - cứ như ông đã khoác chiến lược của ông trên mặt và bỏ mặc phần còn lại. Mặt ông là mặt chiến lược gia, nhưng thân xác là thân xác kẻ chiến bại. Khi ông rời khỏi ghế, tức thì hiện ra một thân xác mềm nhão, với cái bụng tròn quay, và những động tác uể oải đối lập với vẻ mặt cứng rắn. Viên Tham vẫn đã luyện về mặt ấy để hàm như hàm chim ưng, để mắt như hai con dao sắc, nhưng thắng cuộc rồi, khi không ai chứng kiến, ông trốn về với thân xác mềm, nóng của mình. Ricin bảo tôi, Lúc đối diện với viên Tham vẫn, em đừng nhìn thân xác hắn, bởi rút cục hắn sẽ khiến em thương cảm. Cứ nhìn mặt hắn thôi. Em sẽ đọc thấy trên mặt hắn mong muốn duy nhất của hắn : chiến tranh. Chiến tranh cho hắn quên sự xấu xí của mình. Trong chiến tranh, không có đàn ông, đàn bà, những cơ hội không đồng đều; trong chiến tranh chỉ có hai kẻ thù với một tấn thuốc nổ. Viên Tham vẫn đem thông minh và khinh miệt bắn em lia lịa. Thông minh thiếu tự tin, khinh miệt để ngừa trước chính mình bị khinh miệt. Em phải, Ricin bảo, hít a-xít vào mặt hắn, xỉ vả hắn như tát nước. Hắn không muốn em thương hại đâu. Hắn muốn là đối thủ của em.

Trong văn phòng viên Tham vẫn, bên phải cửa vào, có gắn một cái kệ chiếm hết chiều dài bức tường. Ông bày ở đó bộ sưu tập những bàn tay của ông. Viên Tham vẫn sưu tập bàn tay từ nhiều năm nay. Đam mê ấy hẳn bắt đầu ngày ông nhận ra một điều kì dị ở thể chất ông : viên Tham vẫn có hai bàn tay trắng trẻo rất đẹp, với những ngón thon dài. Bà mẹ đã chơi khăm cho ông hai bàn tay một chủng sinh. Tôi, tôi có cảm tưởng hai bàn tay viên Tham vẫn không sống. Nhìn chúng, tôi tưởng tượng ông đã tự chặt hai bàn tay rồi cho ghép vào những bàn tay đúc trong bộ sưu tập. Tôi tưởng tượng viên Tham vẫn đổi tay như người ta thay găng; mỗi sáng, tùy phải tiếp ai, ông ghép vào cổ tay những bàn tay đúc bằng thạch cao hoặc bằng đồng. Ông mang hai bàn tay trắng để tiếp tôi. Khi ông chấp tay trước miệng, tôi nghĩ đến những con bướm vừa bị chó ngao ngoạm mất cánh. Viên Tham vẫn thích khoe với tôi bộ sưu tập của ông, những bàn tay đủ mọi kích thước, bằng đủ mọi chất liệu, những bàn tay đàn bà tuyệt vời xinh xắn đúc bằng đồng, những bàn tay bé nhỏ bằng cẩm thạch hồng, những bàn tay gân guốc, những bàn tay kẻ siết cổ người bằng thép, rồi còn những bàn tay bằng gỗ với những lông, nổi bằng chỉ, có thể tách rời nhau. Phía trên bộ sưu tập, viên Tham vẫn treo tờ quảng cáo một nhãn hiệu nước hoa, in hình một cô người mẫu tóc vàng, mặc áo màu lục đậm - trong ảnh không thấy tay cô, chỉ thấy hai con mắt xanh tươi cười và miệng với đôi môi đỏ thắm. Trông bức ảnh như lời kêu gọi ứng tuyển cho phụ nữ bước vào văn phòng này. Viên Tham vẫn có nhược điểm phô bày những ý thích của mình, nhưng không dám lộ bịch tìm cách chinh phục những mơ mộng của mình. Ông sợ bị nhục nhã. Ông ghê phải thất bại. Ông bằng lòng với gì có trong tay. Gì có trong tay ấy tên là cô Monnier. Viên Tham vẫn đã nảy ra sáng kiến ngày cô Monnier đến xin chức phụ tá ông đang cần. Sáng hôm ấy, khi bước vào văn phòng công ti sản xuất của ông, viên Tham vẫn trông thấy một bóng người, nhìn sau lưng, khiến ông nhớ đến cô người mẫu trong tờ quảng cáo. Ông chưa bao giờ gặp cô người mẫu ngoại trừ trong bức ảnh dung nhan ấy, nhưng ông nghĩ quyết rằng, nhìn sau lưng, hai người giống nhau như lột. Người đàn bà trẻ vừa mất hút sau góc hành lang không cao lắm; cô không mang áo màu lục, nhưng mặc một cái váy rộng màu đen và một áo vét cắt vụng. Duy mái tóc màu hạt dẻ gợi nhớ mái tóc vàng của cô người mẫu. Và thế là cô Monnier vào làm việc cho viên Tham vẫn. Ông thích nhìn cô sau lưng; nhìn trước mặt, ông tự bảo đòi mắt xanh của cô Monnier giống hai hòn bi dính cát nhiều quá, mũi cô hơi thô, son hồng cô tô môi quá nhạt. Viên Tham vẫn tự hứa sẽ điều chỉnh, hoá trang, ngụy trang thực tế. Cô Monnier đóng vai người đẹp say ngủ, người mơn mõi mong chờ một cứu tinh, một người đàn ông có hai bàn tay trắng đẹp sẽ tái tạo mình<sup>21</sup>. Viên Tham vẫn, yên trí cô là kẻ ngốc nghếch, cảm thấy mình nhận lãnh cả một sứ mệnh : điếm tô cái món đồ chơi ngoan ngoãn chực trước cửa văn phòng ông, ghi dấu ấn của ông vào cô, in vào da cô nhãn hiệu chế tạo.

Một buổi sáng, tôi đang ngồi trong văn phòng viên Tham vấn thì cô Monnier bước vào. Cô mặc bộ áo màu lục đậm. Tóc cô, nhuộm vàng, đã cắt ngắn. Cô lại gần, đặt một hồ sơ trước mặt viên Tham vấn, miệng nở một nụ cười tô son đỏ thắm. Mắt tôi nhìn thấy cô Monnier đằng trước, ảnh cô người mẫu đằng sau. Viên Tham vấn tỏ ra là tay đạo văn đáng nể. Mắt ông nhìn cô Monnier lộ rõ sự thỏa mãn của Đấng Tạo Hoá, vào ngày thứ bảy, ngắm nghía tác phẩm của mình và cho là được lắm<sup>22</sup>. Thái độ ông lẫn lộn một nỗi vui sướng lại càng rạt rào vì đã vượt thắng hết mọi trở ngại, và niềm ân hận nhận ra rằng cái gì cũng mua rẻ được, kể cả những giấc mơ. Ông cảm thấy hàm ân người đàn bà trẻ đóng vai các Cô Thế Phẩm một cách hết sức chân chất, khinh miệt cô đã để mình cho người ta nhồi nắn như thế, kiêu hãnh vô bờ đã thành công hoá trang thực tế, chút nào đáng cay đã chỉ có được một thể phẩm cho các giấc mơ, và bắt đầu hối hận đã tiến hành một cuộc đổi chác tội nghiệp làm trò cười cho trí thông minh của ông. Cả tôi, hôm ấy, tôi cũng cho cô Monnier là kẻ ngốc nghếch, một người đàn bà người ta yêu cầu đóng vai làm cảnh, chỉ việc nói mỗi một câu, Ông muốn nhồi nắn tôi thế nào tùy ý.

Vài tháng sau lần hoá thân ấy của cô Monnier, tôi gặp cô trên phố Franois-Ier<sup>23</sup>, cặp tay một thanh niên vạm vỡ. Một lọn tóc vàng chắn ngang trán cô, chiếc áo cổ rộng để lộ một sợi dây chuyền vàng. Cô Monnier mặc áo màu lục. Cô cười với tôi không thôi.

Sau lần gặp gỡ ấy, mỗi lần tôi từ văn phòng viên Tham vấn bước ra, cô Monnier lại giữ tôi lại bên bàn giấy cô, mời tôi cà-phê, trình bày với tôi quan niệm về tình ái của cô, mách tôi những cách làm sao được lợi nhất. Cô là một chiến lược gia nấp sau nụ cười kẻ ngốc nghếch. Cô để kệ viên Tham vấn thỏa thích chơi trò búp-bê với cô. Cô biết đổi lại cô được hưởng những gì; cô học ăn mặc, trang điểm, đi đứng, nói năng. Viên Tham vấn đòi cô đổi son tô môi, thử nước hoa này nước hoa kia, mua giày này giày kia. Chơi trò búp-bê là đủ cho ông rồi, chưa bao giờ ông cời quần áo cô, chưa bao giờ làm bù đầu cô, chưa bao giờ mó máy cô. Viên Tham vấn không hề đem cô về nhà ông; thỉnh thoảng, buổi chiều, ông đưa cô về nhưng không vào nhà cô. Cô Monnier không hiểu sự tế nhị của viên Tham vấn có che đậy sự đòi bại nào không, nhưng cô không phải là người tính hay trăn trở, cô chẳng buồn thắc mắc vì sao ông xử sự như vậy.

Màu lục đem may mắn cho cô Monnier. Từ khi cô vận y phục màu hộ mệnh ấy, đàn ông khao khát theo đuổi cô. Cô Monnier không muốn phá hư công trình của viên Tham vấn. Cho nên, cô ra giá<sup>24</sup> những buổi hẹn hò. Càng ngày cô càng nổi tiếng với một nhóm người sành sỏi, nhưng, theo lời cô, cô chọn lựa rất kĩ lưỡng.

### XXIII

Tôi không hiểu nổi con bé có mục đích gì. Điều gì thúc đẩy nó cứ tích lũy những hành động lập dị, bề cong số mạng, chỉ ham các tì tật ? Nó sống bằng những chối bỏ, nuôi mình bằng những phản bội. Đã kiêu hãnh là dân Chà Chệt viết văn bằng một ngôn ngữ không phải của mình, nó lại muốn thêm được hồ nghi con hoang, được bán tín bán nghi con lai. Nó muốn thử thách thần kinh nó. Chính tám gương tôi thất bại cho nó đủ can đảm đi thám hiểm biên giới của sự lạnh mạnh tâm thần. Chính hồi ức tôi sụp đổ mười lăm năm trước khiến nó thả mình đắm chìm để dễ vọt lên trở lại. Tôi đã chuẩn bị con đường. Tôi là dược thảo trị độc của nó. Phương thuốc nhiệm màu ngừa diên đại của nó.

Con bé tự thờ nào vẫn chơi cái trò chỉ nhìn hình bóng chứ không bao giờ nhìn chính sự vật. Nếu nó tiếp tục trò ấy quá lâu, thần kinh nó sẽ lâm nguy, và buổi tối lên giường nó sẽ xoa nắn thái dương, tưởng như đầu mình chỉ còn là một cục thịt lờm chờm những đinh.

Họ đã thắng được tôi, có lẽ họ sẽ không thắng được nó. Nó lí luận y hệt tôi : nếu đó là kiếp con hoang, vậy sẽ không phải là diên; có tôi giúp, nó sẽ thoát phải diên. Nó đã tự vệ trước nguy

hiếm điên bằng cách phân thân. Nó đã muốn thành xa lạ với gia đình, rồi với đất nước, với tiếng mẹ đẻ, sau cùng với chính mình.

Nó nói với tôi nó mất lòng tin từ rất sớm, bản năng nó ngờ vực cuộc đời, một thời gian dài những tiếp xúc với thế giới bên ngoài khiến nó ngột ngạt tê liệt, trong nhiều năm nó đã sống như cụ tổ, xích chân trong chuồng. Đương nhiên nó phải tự xiềng xích mới mong giữ mình vẹn toàn. Nó sợ cuộc đời, bởi mẹ nó là hiện thân của cuộc đời, cuộc đời dưới dạng ghê tởm nhất. Cuộc đời ích kỷ, cay độc, cuộc đời với hết mọi thô bỉ, cuộc đời tà dâm, cuộc đời chỉ vị đồng tiền, cuộc đời thú vật, cuộc đời từng phục trước kẻ mạnh, cuộc đời bạo tàn với kẻ yếu. Con bé tự bao giờ vẫn ghê tởm cuộc đời - nó tưởng tượng hễ sống là sống như mẹ nó. Nó đã tự xiềng xích mình, tự quản thúc mình. Nó tin nó lâm nguy. Một bên là cuộc đời, cuộc đời nó chỉ hình dung được như hai hàm thép, như cặp đui mở rộng ham hố thịt da rắn cứng. Bên kia là điên dại. Hoặc là cuộc đời ghê tởm, nhớp nháp, hoặc là một cuộc đời khác, một cuộc đời tự do, một cuộc đời như nó khát khao chứ không phải như thói thường - và như thế, đến điên dại chỉ còn một bước.

Nó có thể lựa chọn theo gương mẹ nó hoặc theo gương tôi. Hoặc sống như loài vật, như con bọ chúa tiến bước, giương cặp râu độc ra trước, hủy diệt muôn loài để mình sống còn. Hoặc vượt lên, và chìm vào điên dại. Nó đã tự vệ, tự xiềng xích mình để không phải theo gương mẹ nó hay theo gương tôi.

Trong gia đình này, bắt trí não làm việc, tập luyện sáng suốt, ấy là dấu hiệu điên khùng. Trong gia đình này, chớ nên dọ thám những uẩn khúc của ý thức, chớ nên quá rọi sáng đầu mình. Trong gia đình này, người ta chỉ ưa những vùng mờ tối. Trong gia đình này chỉ có ánh sáng bạc vàng, mọi ánh sáng khác đều nguy hiểm, mọi ánh sáng khác đều bị cấm đoán. Lỗi lầm của tôi là đã không tôn trọng cái ánh mờ không gì không bao dung - hận thù, tà dâm, lừa lọc đồng loại.

Sớm mất lòng tin, lời *con bé*, là một bệnh nguy hiểm, có thể khiến bỏ mệnh. Kẻ mắc bệnh ấy nhờ đó mà giữ được thanh xuân, nhưng các chức năng sống đều hỏng cả. Bên ngoài, người ấy trông trẻ trung, lành mạnh, nhưng máu nhiễm độc, đầu bệnh hoạn, thần kinh nát tan.

Sớm mất lòng tin đã là vũ khí tự vệ của con bé, chứng bệnh nó cậy đến để chống chọi với chứng bệnh ham sống của mẹ nó. Nó đã như người đói tự nguyện nhịn ăn.

Từ khi mẹ nó tiết lộ bí mật, nó đoán thấy cơ hội nói lỏng gọng kìm. Cứ như bao nhiêu năm qua nó đã sống với một con chim trên tay, một con chim ưng móng vuốt cắm sâu vào da thịt nó - máu từ vết thương ứa không thôi, mỗi ngày qua móng vuốt càng cắm sâu hơn để rồi nhập một với mạch máu nó. Mẹ nó tiết lộ bí mật, và tức thì như là nó không còn bó buộc phải chịu sức nặng con chim ưng trên tay, như là sau cùng nó có thể xua đuổi con chim, rửa sạch vết thương.

Nó biết mọi mầm sống bao giờ cũng bị trấn áp không chút xót thương. Đến nay nó vẫn tránh né, sợ bị nghiền nát. Cha nó đã bị đè bẹp. Tôi đã bị đè bẹp. Bằng cách này hay cách khác, gia đình đã loại trừ hai chúng tôi. Gia đình đã loại trừ cha nó bằng cách bóp nghẹt không gian sống của ông, không để ông thở, chỉ cho ông làm những việc tôi tớ, bắt ông chỉ có thể là một con só không mà thôi. Còn tôi, gia đình đã loại trừ tôi bằng cách cô lập tôi. Treo lên cổ tôi tấm bảng *Điên hết mức*, và thế là tôi như chết rồi. Một cách nào đó, quả tôi chết rồi, bởi họ đã hủy diệt mối ràng buộc duy nhất cho tôi thành công dân trong cõi đời này.

Trong gia đình này, họ không nói tôi điên, họ chỉ nói *Cậu ấy bệnh*. *Điên* là một từ rất hiếm khi gia đình dùng đến, sợ xui xẻo. Họ tự biết mình đều loạn óc cả, nhưng một khi không ai hay biết

thì chớ nên nói ra. Điên dại rình chực họ. Ở tôi, bệnh đã phát rồi. Ở họ, bệnh âm ỉ, tác hại. Bệnh vô nhàu hồn họ, bệnh vấy máu những cơn mơ của họ, bệnh buộc họ trốn chạy chính mình. Điều họ gọi là *điên dại* ở tôi chỉ là tôi không chịu noi theo con đường hẹp của họ, không chịu yên phận cho mấy cái gien dưng nổi lên. Điều họ gọi là *bệnh* của tôi chỉ là đột ngột thay đổi tính khí : một hôm, tôi đã quyết định tuân theo tình cảm của tôi, gạt bỏ những phép tắc đối xử họ áp đặt với tôi. Tôi đã hành động nhục nhã. Lại càng nhục nhã vì, theo họ, tôi tiết lộ bệnh điên dại vẫn giấu giếm của gia đình này. Tôi phá vỡ cái trật tự ti tiện đã tạo dựng. Với họ, tôi bệnh rồi. Và thế là tôi bị thất sủng. Với họ, tôi là người đã không biết sắp xếp sự điên dại của mình, kiểm soát những bản năng man rợ của mình. Họ buộc tội tôi tà dâm, vô luân. Tôi không còn là người thừa kế, người con trai độc nhất trong gia đình. Họ nói muốn chữa cho tôi khỏi. Thực ra, họ muốn nhốt kín tôi, để tôi không phá hỏng quan niệm của họ, quan niệm nhỏ nhoi về cuộc sống hẹp hòi của họ. Họ tưởng đã thắng được điên dại, họ chỉ là quất lại, quất lại cho đến khi không còn sợ bị điên dại nữa.

Họ không thể chấp nhận tôi không coi vào đâu quy củ đẹp đẽ của họ, những phép tắc sống của họ. Họ không thể chấp nhận tôi một mình một cõi. Tự bao giờ họ vẫn nghĩ rằng phải sát cánh bên nhau, để che giấu cái bóng nhăn nhó sau lưng họ, tự bao giờ họ vẫn nghĩ rằng, về phe với nhau, họ sẽ bán lại được cho quý<sup>25</sup> cái bóng họ, sự điên dại của họ. Họ không tha thứ tôi đã bỏ rơi họ, đã xa rời sự che chở độc hại của họ. Họ chỉ có một ý nghĩ : ở bên nhau, điên trong nhà, và khiến người ngoài tưởng họ lành mạnh, phú quý.

## XXIV

Viên Tham vẫn nói, Tôi sẽ làm đám cưới bên bờ biển. Vào mùa thu. Chúng tôi sẽ lấy phòng ở một trong mấy cái khách sạn đã hết khách ấy. Chúng tôi sẽ nhờ anh gác cửa và cô hầu phòng làm người chứng.

(*Thấp giọng*, Tôi cố khóc thật nhiều cho là người đi. Rã rời mới mong ngủ được. Những trận khóc thay cho thuốc ngủ đấy.) Sáng chủ nhật, viên Tham vẫn mắt đỏ ngầu, mi sưng húp, mặt phi ra. Sáng chủ nhật, viên Tham vẫn ra hàng ăn trong nhà ga Bắc, ngồi vào bàn, uống bia, và ngồi lì ở đấy cho đến chiều.

Viên Tham vẫn nói, Tôi sẽ làm đám cưới một ngày gió lớn. Cô ấy sẽ mặc một bộ áo màu lục.

(*Thâm thì*, Có chủ nhật chỉ làm tui nhục chúng ta. Lẽ ra không bao giờ tôi dừng lại mới phải. Chú hề múa may bởi người ta đã lên dây. Khi dừng lại, chú muốn tự cười vào mặt mình.) Viên Tham vẫn kéo lê khuỷu tay trên mặt bàn nhớp nhúa, nhìn thẳng phía trước, thỉnh thoảng hinh mũi hít mùi cá rán.

Viên Tham vẫn nói, Lễ cưới xong, tôi sẽ cùng cô ấy ra ngồi hàng hiên quán ăn ngoài bãi biển. Chúng tôi sẽ cùng nhau ngắm biển.

(*Nhỏ nhẹ buông từng chữ*, Chủ nhật, tôi tôn trọng nghi thức của chán chê. Tôi như con chim đã rút xương. Phải chỉ người ta nhốt tôi vào lồng, đầu kẹp giữa hai đầu gối, rồi đem tôi đi nơi khác, ném tôi xuống biển như ngày xưa người ta ném bỏ những đứa con hoang, và cứ để tôi bồng bênh trên mặt nước.)

Viên Tham vẫn nói, Cô ấy sẽ mặc một bộ áo màu lục. Tôi sẽ đặt tay lên gáy cô, chỗ giữa chân tóc với cổ áo. Chúng tôi sẽ cùng nhìn về một hướng<sup>26</sup>.

(*Chùi bọt bìa trên mép*, Khi chú hề ra biển trở về với Cuộc Tình đời chú, chú sẽ thắng các ngày chủ nhật, nhưng chú sẽ tiếp tục múa may mà chẳng biết để làm gì, chú sẽ không dám khạc nhổ nữa, sợ những bãi đờm bắn trở lại mặt mình.)

Viên Tham vẫn nói, Trên toa xe lửa đưa chúng tôi từ ngoài biển về, chúng tôi sẽ ngồi bên nhau, cầm tay nhau, không nói với nhau một lời.

(*Cười kháy*, Con người thật đúng là một con vật sống bằng những hư cấu mình bịa ra để giữ lấy thân. Ôm trong tay một ả ngốc nghếch mà gọi Linh hồn của anh, cưới làm vợ một ả ngây ngô mà gọi Cuộc Tình đời anh. Ngủ trong một căn phòng hôn hám - những lời tự hứa mà không giữ sặc mùi cống rãnh dầy. Sáng thức dậy lòng đầy oán hận. Cái được gọi là gặp gỡ với hòa nhập chỉ là một thỏa thuận bất chính : trao lại những ế ẩm của đời mình đổi lấy những nợ nần. Mơ tưởng hạnh phúc như một đám mây đầy vệt hồng, thực ra là ôm cứng một cái túi nôn.) Sáng chủ nhật này, trước khi đến ga Bắc, viên Tham vẫn đã dùng điện thoại trong xe gọi tôi, giọng khô khan, quyết liệt, yêu cầu tôi ra gặp ông tại cái bàn nhộp nhúa trong hàng ăn nhà ga.

Viên Tham vẫn nói, Cô sẽ viết một kì cho *Cuộc Tình đời họ*. Nếu cần, tôi sẽ đọc cho cô viết. Tôi sẽ nhớ hết những tư tưởng hắc ám trong đầu cô. Tôi sẽ tẩy sạch óc cô. Tôi sẽ nhồi nhét hoan lạc cho cô. Tôi sẽ dạy cô toán pháp của đa cảm, phương pháp hoa mộng. Tôi sẽ lôi cô khỏi ảnh hưởng Ricin.

(*Môi vẫn mím*, Phải kéo dài sự bịp bợm, tạo ra một thế giới cho bọn con gái mơ mộng khờ khạo, tụng kinh cầu siêu cho đám đàn ông cô độc, tiếp tay cho người ta tin rằng ái tình cứu rỗi.)

Viên Tham vẫn nói, Cô bị Ricin chi phối. Hễ hấn gõ cửa là cô mở ngay. Hấn đi dạo ban đêm là cô leo đèo đi cùng. Hấn miệt thị đàn bà, cô cũng tán thưởng. Hấn bôi nhọ những mối tình của cô, cô cũng không cãi. Hấn phá những dự tính của cô, cô lại hàm ơn. Hấn biểu diễn tài vu khống, cô lại kính phục. Nhưng nhìn kĩ hấn coi, hấn chỉ là con chó què cứ ra đái bên cột đèn đường. Hấn cô lập cô để chế ngự cô. Hấn tự nhận là anh cô. Hấn như tên ma cô cho lương tâm cô. Hấn điếm tô tâm trí cô. Hấn nhào nắn tư tưởng cô. Hấn bắt giữ cô, dìm đầu cô dưới nước. Hấn không cho cô thở gì khác ngoài mùi nhà xác đến đâu hấn cũng kéo theo. Hai túi Ricin chỉ những tro và tro. Hấn ép cô nuốt, hấn tọng đầy miệng cô, để cô sẽ thành giống hấn, một trái đắng. Đời Ricin là một thế múa xoay vòng hực hăng.

(*Lắm bảm*, Tôi cũng vậy, tôi đang hực xoay vòng và ngã nát đít ra.)

Viên Tham vẫn nói, Khi tôi ra biển về rồi, chủ nhật tôi sẽ không còn đến ngồi ở cái bàn nhộp nhúa này nữa. Chủ nhật, tôi sẽ đi dạo với cô ấy, cô ấy sẽ mặc một bộ áo màu lục, chúng tôi sẽ phác dự tính cho tương lai.

(*Nén tiếng ợ*, Sự thực thì tôi chỉ mong một kiếp sống nhỏ nhoi trong chân không.) Viên Tham vẫn luôn tay vào trong áo gãi bụng, mặt nhăn lại chán ghét (Dấu sao cũng đâu có dở, thủ dâm mà trong đầu vẽ ra những hình ảnh khuôn sáo về một thứ hạnh phúc tầm thường), ông nói lỏng cà-vạt, thò một ngón tay vào trong cổ áo gài kín, gãi da cổ. Mấy ngọn đèn nê-ông trong phòng vụt sáng. Viên Tham vẫn lấy tay che mắt, ngoảnh đầu, kéo ghế lại góc tường tối (Hồn tôi quá đỗi thương đau... tôi chịu không nổi ánh sáng ban ngày), bàn tay trắng đẹp di chuyển rất nhanh, trên bụng, tay, đùi, cứ như đuổi theo một con bọ chạy khắp người (Người tôi bưng bưng, người tôi đổ rục hổ thẹn). Ngồi bên cái bàn nhộp nhúa, trong góc phòng tối, viên Tham vẫn cuống quýt đưa tay sục sạo thân mình đầy vết tích (Có khi tôi ngứa cả ở hai bàn chân nữa, tôi buộc phải đứng lên, vào phòng vệ sinh tháo giày mà gãi). Viên Tham vẫn cả cười sàu thẳm



(Tôi là cái nhọt có hai bàn tay trắng, một ung độc, một ngọn *Vésuve đau khổ*<sup>27</sup>. Tôi cảm thấy khắp châu thân như có lưỡi dao nung chín áp lên da).

Viên Tham vẫn nói, Ricin muốn cô tật nguyền, muốn cô chết. Hấn ước thấy cô treo cổ lên chấn song cửa sổ phòng hấn, mặt mũi biến dạng, thân hình nát rữa. Chừng nào tôi ra biển về, tôi sẽ dạy cho cô nguyên lí hoan lạc cô chưa từng biết. Và Ricin sẽ hết còn nhắm được vào cô như nhắm vào một con ngựa non mang màu cờ tang chế của hấn.

(*Thở dài*, Tôi có đọc, cách đây lâu lắm rồi, một văn phẩm bắt đầu như sau, *Và tôi sẽ hiến ngài những người đàn bà cao sang*. Tôi tin chắc không phải tình cờ tôi gặp câu ấy, và phải xét đến giả thuyết này : cuộc đời sẽ hiến tôi những người đàn bà cao sang, những người đàn bà tất yếu phù phiếm sẽ len vào đây, trong không gian giữa hai bàn tay tôi rộng mở, tôi sẽ chỉ việc làm bộ níu giữ họ, nhào nặn họ. *Ơ một tiếng*, Tôi đã được hứa hẹn những người đàn bà cao sang. Tôi vẫn há hốc miệng rình họ tới. Tôi đã chờ đợi. Chờ đợi mãi, tôi hoá thành một anh già bị lũ nhện con của thực tại xâu xé, chúng hút máu, bầu vào dưới nách, bơm cạn sinh khí. Anh già mỗi chủ nhật ngồi vào bàn trong viện dưỡng lão. Anh liếm láp bát xúp lỏng bóng; thỉnh thoảng, chiếc thìa gĩa cao, anh ngó đáy bát, cái đầu nhỏ nhoi mốc thếch mơ tưởng bánh mì mới ra lò, thịt mềm và đùi đàn bà cao sang, nhưng nhện cắn khiến anh sực tỉnh, thế là anh lại nhúng thìa vào bát, vừa nuốt món xúp lỏng bóng vừa gãi háng.)

Viên Tham vẫn nói, Tôi sẽ làm đám cưới bên bờ biển. Nhưng tôi đã sửa lại lần chót bức hoạt cảnh. Mặc bộ áo màu lục, cô ấy sẽ có dáng đàn bà cao sang. Tôi sẽ trùm một cái áo khoác rộng màu đen. Tôi sẽ có dáng thầy tu. Lễ cưới xong, chúng tôi sẽ đến ngồi hàng hiên quán ăn ngoài bãi biển, rồi lên xe lửa trở về...

(*Giọng nghệt, như từ trong bụng phát ra*, ...lúc xuống xe lửa, tôi sẽ bỏ cô ấy đấy, trên thềm ga, tôi sẽ bảo, **ĐỪNG TÌM GẶP LẠI TÔI**, và tôi sẽ ra ngay cửa đầu tiên.)

## XXV

Đêm nay tôi chờ cánh bướm trắng đến thăm. Tôi đã thu dọn ngăn nắp trong phòng. Trên bàn chỉ còn một cây bút chì và cuốn tập màu xám của tôi, lá thư để lại trong phong bì và cái kéo. Tôi đã cất vào tủ mấy cuốn sách mượn ở thư viện. Trên cửa tủ, Käthe K. nhìn tôi bao dung. Bà tính đóng vai mẹ hiền, nhất thiết không muốn biết chuyện ô nhục sắp diễn ra dưới mắt bà. Tôi ghét khuôn mặt nhọn của bà. Tôi ghét các thần bản mệnh. Tôi sẽ không để bà thỏa mãn thấy tôi sụp đổ và xin bà tha thứ. Tôi giật bức ảnh, xé vụn vạt vào giỏ rác. Ngồi vào bàn, tôi mở cuốn tập nhưng lại đóng lại ngay. Tôi ngộp thở. Tôi đứng lên. Mở cửa sổ. Bên ngoài trời lạnh. Tôi nghiêng mình xuống màn đêm. Tôi quay lưng lại con quái vật lảng vảng trong phòng, đuôi ngoe nguẩy. Nó chờ mời, lòng dục khiến nó thờ hờn hển. Nó hi vọng sẽ được đáng đồng tiền. Chút nữa đây, trong tiếng gầm rú của nó, tôi sẽ nghe tiếng cánh con bướm trắng rách tan.

Cái kéo trên bàn hôm qua nằm trong túi tôi. Từ cửa sổ tôi đã trông thấy người đàn ông ở lầu hai đi ra, tay xách cái đấy. Từ mấy ngày nay, ông tự đi mua rượu lấy. Ông trùm ngoài áo lót một cáo áo khoác dày và ngắn. Tôi mặc áo vét và xuống phòng đợi khách sạn. Tôi rình đợi ông về bên thang máy. Tay phải tôi nắm chặt cái kéo giấu trong túi. Không lâu, ông trở về. Tiếng chai chạm nhau lách cách trong cái đấy. Ông bấm nút gọi thang máy. Tôi vào theo. Tôi nhìn gáy ông béo núc ních. Tay tôi nắm chặt cái kéo trong túi. Có mỗi một động tác phải làm mà thôi. Ông quay lại, mặt say như tròn vành vạnh. Thở khó nhọc, khắp người mùi mồ hôi với mùi nôn mửa. Tôi chăm chú nhìn chỗ dưới lỗ tai bên phải, chỗ thịt da mềm, mọng, chỉ chờ được thọc huyết. Một động tác thôi, và máu sẽ bắn đầy vách thang máy. Thang máy dừng lại ở lầu hai. Có mỗi một động tác phải làm mà thôi. Tôi buông cái kéo. Tay tôi thò vào túi quần, lấy ra một tờ giấy

bạc, tôi chìa cho người đàn ông lúc ông bước qua cửa thang máy. Ông cầm lấy. Nói, Tối mai. Cửa thang máy đóng lại với mùi mồ hôi và mùi nôn mửa.

Cái kéo nằm trên bàn và con quái vật cười khẩy sau lưng tôi. Mày hay quá rồi. Sạch quá rồi. Tay không dính máu, con cu đã rửa kĩ, háng đã xát xà-phòng. Mày đợi phần thưởng cho sự hèn nhát của mày. Con cu căng lên nóng nảy. Bao năm trời bị bỏ xó, nó biết ơn nhiệt tình anh hùng của cái đầu mày lắm đấy. Không chơi trò cứu nhân độ thế là phải lắm. Phòng này làm gì có chỗ cho trong sạch. Lấy mê sáng của mày bôi vấy mấy bức tường đi. Tắt đèn đi. Kéo màn cửa lại. Đêm tối thì tội lỗi cũng câm nín. Mày sẽ chỉ việc mở cửa thôi. Mày đâu phải đao phủ đầu tiên cho nó. Đôi cánh nó rách nát rồi. Nó sống với vết thương của nó. Nó trông đợi mày tiếp nối chuỗi ô nhục.

Tôi tắt đèn và, ngồi bên bàn, tôi đợi. Đã nửa đêm. Tiếng thang máy rù rù vọng lại. Thang máy dừng ở lầu năm. Tôi lóng tai. Tiếng chân bước xa dần, ngược với hướng phòng tôi. Tôi không nhìn cánh cửa nữa, cánh cửa kính khiếp màu táo xanh với lỗ nhìn để lọt vào phòng ánh sáng ngọn đèn ngoài hành lang. Cái kéo nằm trên bàn. Con quái vật cười gần sau lưng tôi. Nó ứa nước bọt, khoan khoái thờ dài. Tôi là kẻ thực hiện những chuyện bỉ ổi của nó. Chút nữa đây, tôi sẽ mở cửa, đón con bướm trắng vào, và cái bẫy sẽ sập xuống đôi cánh bướm.

Tiếng chân bước lại gần phòng tôi. Ba tiếng gõ cửa rụt rè. Tôi vẫn ngồi trên ghế, căng thẳng. Phía sau, con quái vật bồn chồn, nó thờ mạnh, hối hả. Mùi da thịt ngọt thơm làm mũi nó hấp him. Tôi muốn đứng lên, mở then cửa, bỏ trốn và để cánh bướm trắng đối mặt với con quái vật, nhưng tôi không nhúc nhích. Cái kéo nằm trên bàn. Lại một tiếng gõ cửa, rất nhẹ, như một con thú lướt qua chạm vào. Phía sau tôi, con quái vật thờ càng lúc càng mạnh, như một con chó săn chạy hết hơi đuổi theo con mồi mất hút sau lùm cây. Thay vì đứng lên, tôi chộp lấy cái kéo trên bàn. Lưỡi kéo sáng loáng trong nắm tay tôi. Tôi ngồi yên. Bên ngoài, một bàn tay xoay nhẹ nắm cửa. Con quái vật rú lên. Nó hạ lệnh tôi đứng lên ngay. Tôi vung kéo. Đâm một nhát. Lưỡi kéo cắm phập vào đùi. Tôi nén không kêu. Máu chảy ướt quần tôi. Ngoài hành lang, tiếng bước chân xa dần rồi tiếng thang máy chạy. Rồi yên lặng hoàn toàn. Cái kéo đã rơi dưới sàn. Tôi tựa đầu vào bàn, đưa mắt nhìn cửa sổ mở. Tôi cảm thấy không khí mát lạnh trên gáy. Con quái vật đã tan biến trong đêm đen.

## XXVI

Cô Monnier chết trong bộ áo màu lục. Một ngày gió lớn. Viên đạn bắn vào gáy, chỗ giữa chân tóc nhuộm vàng và cổ áo. Cô Monnier chết một ngày thứ bảy mùa thu, giờ uống cà-phê, ngồi ở hàng hiên trống vắng một quán ăn ngoài bãi biển. Anh hầu bàn vừa đặt hai tách cà-phê lên bàn; hai người khách ở khách sạn, mới đến sáng hôm ấy, đã yêu cầu anh kê cái bàn tuốt đầu hàng hiên trống vắng, bất kể gió lớn và trời chuyển mưa. Người đàn ông trùm trong một cái áo khoác rộng màu đen, nửa mặt khuất sau cổ áo bẻ cao, người đàn bà mặc một bộ áo màu lục. Họ đã gọi hai tách cà-phê. Anh hầu bàn đã đặt hai tách cà-phê lên bàn, rồi trở vào đọc báo trong quán ăn vắng ngắt. Một tiếng súng nổ. Anh hầu bàn lóng tai. Nhạc điệu đặt trong phòng, chim hải âu rúc ngoài hàng hiên. Nhìn qua cửa kính, anh thấy người đàn ông mang áo khoác đen đã đứng lên - đứng sau lưng người đàn bà mặc bộ áo màu lục. Anh hầu bàn lại cúi xuống đọc báo. Vài phút sau, một tiếng súng nổ thứ hai. Anh hầu bàn vặn máy thu thanh to hơn. Khi xếp báo lại, ngẩng đầu lên, anh trông thấy qua cửa kính người đàn bà mặc bộ áo màu lục vẫn ngồi tại chỗ, và phía sau, người đàn ông mang áo khoác đen nằm dài trên sàn. Cô Monnier chết mặt hướng ra biển, một nụ cười ngây ngô vẫn còn trên môi.

Hôm trước ngày khởi hành, viên Tham vấn đã mua một cái áo khoác lớn màu đen, dù quá nóng với mùa này. Hẹn gặp tôi tại văn phòng, ông đã tới trùm trong bộ áo đen ấy. Cô Monnier

xuất hiện một lúc ngắn trong khi chúng tôi nói chuyện. Cái áo khoác bỏ trên ghế trong góc phòng. Cô lấy áo định treo lên mắc, áo tuột khỏi tay cô, rơi bịch xuống thảm. Viên Tham vẫn nhìn theo những cử chỉ của cô Monnier một cách nóng nảy. Cô bảo áo nặng quá, cứ như ông nhét đầy sỏi trong túi. Viên Tham vẫn khô khan nói, Bỏ đó đi ! Cô Monnier tức thì đứng thẳng lên ra khỏi phòng, bỏ cái áo dưới đất, dưới chân ghế. Viên Tham vẫn cho tôi hay công ti sản xuất của ông đã phá sản. Ông sẽ không kí bản giao kèo đã trù liệu. Chuyện này tất nhiên chẳng chút quan trọng cho tôi vì, ông bảo, tôi chưa hề có ý định viết một kì cho bộ *Cuộc Tình đời họ*. Viên Tham vẫn nói mà không nhìn tôi, mắt dán vào hai bàn tay đặt ngay ngắn trên bàn, hai bàn tay trắng đẹp hơi run run, Cô đến đây làm kẻ thị dâm. Tôi hi vọng màn biểu diễn sẽ làm cô vừa lòng.

Viên Tham vẫn yêu cầu tôi trở lại gặp ông một lần nữa ngày hôm sau, ông muốn để lại cho tôi một món kỉ niệm, một món quà ông đã định tặng cô Monnier nhưng tôi có thể giữ làm di vật. Hôm sau, tới công ti sản xuất, tôi thấy cửa mở, các văn phòng lặng như tờ. Trong văn phòng viên Tham vẫn mọi vật vẫn nguyên vẹn. Chỉ có một dấu vết bữa bộn : cái kệ bên phải lối vào trống trơn. Dưới đất có những mảnh vụn thạch cao, cặm thạch, những mẩu gỗ gầy. Viên Tham vẫn đã tỉ mỉ phá từng món trong bộ sưu tập của ông, dùng búa đập vỡ những bàn tay đúc đồng. Trên tường, cô người mẫu mặc bộ áo màu lục vẫn tươi cười. Trên cái bàn gần như trống tôi nhìn thấy một cái hộp. Trong hộp là một bàn tay xinh xắn bằng gỗ mun, đeo một cái nhẫn cần một viên hồng ngọc.

Viên Tham vẫn ra biển ngay sáng hôm ấy cùng với cô Monnier. Họ bỏ trốn không mang gì, ông mặc áo khoác màu đen, cô trong bộ áo màu lục. Họ lấy xe lửa, một phòng ở khách sạn bên bờ biển. Họ tới ngồi hàng hiên quán ăn, gọi hai tách cà-phê. Viên Tham vẫn thủ hai tay trong túi áo khoác. Anh hầu bàn đặt hai tách lên bàn và trở vào bên trong. Viên Tham vẫn đứng lên, tới sau lưng cô Monnier. Lần đầu tiên, họ cùng nhìn về một hướng. Cô Monnier tươi cười. Viên Tham vẫn thọc bàn tay trắng đẹp vào túi trong chiếc áo khoác. Phát súng vào giờ uống cà-phê, ông tự nhủ. Tiếng nổ làm ông giật nảy mình. Rồi bàn tay trắng đẹp chìa súng vào bụng. Nòng súng tì sâu vào khối thịt mềm nhũn. Viên Tham vẫn nghĩ đến một cái gối lông tơ. Ông nhắm mắt. Êm dịu biết chừng nào.

## XXVII

Đêm xuống. Thư viện năm phút nữa thì đóng cửa. Tôi nép mình ở cuối phòng. Gần tôi, trên một cái xe đẩy, chồng sách lẽ ra tôi đã phải xếp lại hồi chiều. Từ phòng đầu vọng đến tiếng bà quản thủ. Bà đang đuổi những người đọc sách cuối cùng. Tôi nghe tiếng bà xếp các phiếu, đóng các ngăn kéo. Rồi cửa thư viện mở ra và đóng lại trong tiếng khoá vang dội. Khoảng mười lăm phút trước giờ đóng cửa, tôi đã đứng lên, kéo lê chân phải rời cái bàn chỗ tôi xếp lại các phiếu, tôi chào bà quản thủ, bà nhìn tôi thương xót, hạ mắt ngó lớp băng gò lên dưới quần tôi, khuyên tôi, bằng cái giọng the thé có học, hãy nghỉ ngơi, ngủ kĩ - bà thấy vẻ mặt tôi đáng ngại. Tôi choàng áo khoác, đi ra nhưng để cửa hé, tôi đứng lại ngoài hành lang, hút thuốc lá chờ. Qua khe cửa, tôi trông thấy bà quản thủ đứng lên, rời khỏi bàn giấy. Tôi lại lén vào, ẩn trong phòng vệ sinh, rồi, ngay lúc bà trở về chỗ, tôi đi tuốt đến cuối phòng. Thế là tôi bị nhốt cả đêm. Bà quản thủ không bao giờ chịu giao chìa khóa cho tôi. Sáng mai, khi bà làm phòng đến quét dọn, tôi sẽ phải dùng một mẹo khác, lén ra không cho bà thấy và một giờ sau mới trở lại, sau khi bà quản thủ đã đến. Trời lạnh. Lò sưởi không chạy ban đêm. Tôi sẽ quấn mình trong áo khoác mà ngủ.

Từ các cửa sổ thư viện tôi có thể trông thấy, phía xa, chung cư Vườn Táo, hai tòa nhà quét vôi đỏ đối diện nhau và bồn cỏ rộng ở giữa. Đêm nay nữa, thang máy sẽ dừng ở lầu năm, một bóng trắng nhỏ bé sẽ lướt theo hành lang, đến cào nhẹ cửa phòng số 505, chờ đợi hoài công một tiếng trả lời, và lại lặng lẽ ra đi. Sáng mai, tôi sẽ trở về Vườn Táo, tôi sẽ rình trong phòng

đợi, trước cửa thang máy, một tờ giấy bạc vo viên trong nắm tay. Tôi sẽ gặp người đàn ông ở lầu hai trở về, tay mang cái đẩy. Ông sẽ vào thang máy, tôi sẽ vào theo, và tờ giấy bạc sẽ đổi chủ.

Ra mà là kẻ cứu nhân độ thế đấy. Được bao lâu nào ? Hai ngày, ba ngày, tới khi đói quá mà phải giữ tiền mà ăn cơm ? Hai đêm, ba đêm, tới khi tường vách thư viện cũng rỉ ra cám dỗ, và quần trong áo khoác, thân thể mà run lên vì thèm khát và hối tiếc ? Đêm nay, mà sẽ không ngủ, mà sẽ đi lục lọi sách vở tìm một công thức thanh tịnh cho tâm hồn, nhưng mắt mà sẽ chẳng đọc ra chữ nào - màng mắt mà thao thức với cái hình bóng trắng lướt theo hành lang quanh quẩn.

Tôi đi từ hàng kệ sách này sang hàng kệ sách khác. Bểng quần ở đùi khiến tôi bước hơi khó khăn. Đôi giày tôi cót két trên thảm vải nhựa. Tôi tưởng như có ai phía sau, đi theo tôi, bám chặt tôi. *Mày đã trả tiền để con bé được ngủ yên trong giường như mọi đứa con gái ngoan.* Thình thoảng, tôi dừng lại trước một dãy sách, một cuốn sách tôi nghĩ tôi chưa hề lật qua và tôi cố đoán ra nhan đề trên lớp bìa cũ kĩ. Tôi đã không bật đèn. *Mày đã trả tiền để thỏa mãn cái tật làm thánh nhân của mày.* Trong phòng chỉ có ánh sáng đèn đường chiếu vào. Ở góc trong cùng, gần cái xe đẩy, giấu trong một cái túi đeo lưng, cuốn vở màu xám, tập vẽ nháp, vài cây bút chì, một cái đèn bấm và vài cục pin. *Nó là nạn nhân bé nhỏ của mày, nó là của mày, mày không đụng đến, mày ra bộ cứu nó.*

Tôi cần một cuốn sách. Tôi biết cái câu tôi cần đúng vào lúc này (Chúng ta là những con vật da dày cộm, chúng ta chia tay cho nhau, nhưng hoài công, chúng ta chỉ cọ lớp da thô nhám của chúng ta vào nhau - chúng ta cô đơn vô cùng). *Mày tự dối mày. Lật vài trang nữa đi* (Tôi sẽ giạt áo khoác khỏi vai nó và liệng xác nó, trần truồng, ngoài nắng). *Đó, trong đầu mày nghĩ như thế đó. Da nó râm nâu, dịu mát, trong tấm áo choàng trắng. Mày muốn lột áo nó, lấy lưỡi liếm bụng nó, cắn nó đến chảy máu, để lại vết răng mày trên đôi vú nhỏ bé, nắm tóc nó, làm nó đau, hớp những giọt nước mắt sẽ chảy trên má nó, rồi liệng nó ra ngoài, trả lại nó cho cuộc đời vẫn là đời nó cho đến nay.*

Xác nó, trần truồng, ngoài nắng. Và tôi, quần trong áo khoác, nép bên những chồng sách trong góc cuối phòng. Tôi đâu muốn cứu nó. Tôi thử thách sự chống chọi của tôi đấy thôi. Tôi trả tiền để tự tra tấn mình, để đã cô đơn lại thêm thiếu thốn. Tôi muốn bụng đói mà không ăn. Tôi muốn ấm êm nhưng lại tự nhốt mình trong cái phòng tử bề gió lùa lạnh tái tê này. Tôi thèm đứa con gái mặc áo choàng trắng và tôi che chở nó không phải chỉ chống những người khác mà chống cả chính tôi nữa.

Chính lá thư với tuồng chữ kiêu kì đã làm tôi mất bình an. Lá thư đã trả tôi lại với gia đình, với bệnh hoạn. Đã buộc tôi ngó mình trong gương - bao nhiêu múa may của tôi để lẫn vào đám đông, để thành một kẻ mờ nhạt không gì phân biệt với những người khác, hoá ra hoàn toàn vô dụng. Sự điên dại ở ngay trong tôi, nét nhăn nhó hằn trên mặt tôi. Lá thư với tuồng chữ kiêu kì đến chế nhạo tham vọng làm người bình thường của tôi. Cái con bé viết thư ấy hẳn không ý thức việc nó làm. Nó yêu cầu tôi đảm nhận vai trò người điên của tôi. Nó rao giảng niềm kiêu hãnh của sự khác biệt. Nó biết gì về đám nhân loại bị cách li, về những cái bóng giọng nói khản đặc, về những con thú nhỏ bất hạnh đốt cháy thịt da, về những kẻ trốn lánh chạy tứ tán chẳng tìm ra lối thoát ?

Tôi thờ thần ngó hết kệ sách này đến kệ sách khác, nhưng phép màu không còn hiện ra nữa. Từ khi lá thư đến nơi này, sách vở đều im hơi lặng tiếng. Sự bình tâm mất hút đột ngột, thay vào đó tôi chỉ thấy một bãi đất hoang, ở giữa có tôi, một con chó, một con chó già mỗi mẹt. Tôi sửa, tôi mong người ta mở cửa cho tôi, nhưng khắp chung quanh tịnh không có nhà nào. Trong

chân không đã đến ngự trị ấy, tôi cố bám lấy sách vở; chúng từng cứu tôi, chúng sẽ cứu tôi một lần nữa. Từ khi lá thư đến nơi này, sách vở không còn sống động trên tay tôi. Tôi đã mất hướng. Bạn đồng hành của tôi đều đã bỏ rơi tôi. Tôi không nói những chàng công tử bụng tròn quay tọt ra tác phẩm con con của họ như loài bò ị ra một bãi, hay mấy nàng vịt rìa lông chuốt cánh trước gương soi. Tôi nói những bậc thầy đã giúp tôi tin tưởng tôi là một kẻ khổ hạnh đã diệt dục, một người cô độc ham mê sách vở. Bao nhiêu năm nay, tôi đã sống với sách vở, qua sách vở. Chúng đã tạo nên thành lũy quanh tôi. Lá thư đã đến, thành lũy đã sụp đổ và luồng gió diên đại lại nổi lên. Tôi một mình giữa bãi đất hoang. Tôi sửa. Không bao giờ một cánh cửa nào còn mở ra đón tôi nữa. Tôi lấy hai chân che mắt. Những tiếng rên làm tôi rất hòng.

Cô đơn vậy ra chỉ là dấu hiệu sự diên đại của tôi. Tôi không phải là bất khả tiếp xúc, tôi đã bị thanh toán. Tôi đã không lựa chọn xa lánh đời, tôi bị coi là chết rồi. Lá thư phá tan các ảo tưởng của tôi. Tôi vẫn sống nổi cô đơn của tôi như một chiến thắng, tôi đã chỉ đổi phòng giam này lấy phòng giam khác, bỏ những người diên vô dụng đến với các nhà thông thái - ở nhà thương diên hay trong thư viện, tôi vẫn sùi bọt mép của những kẻ hoang tưởng mà thôi. Tôi là người anh em mặt mũi đỏ gay, râu ria xồm xoàm của họ. Đầu tôi bưng bưng, nhưng máu tôi lạnh ngắt.

Vấn đề là đừng mắc cơn sốt, giữ mình cho khô. Từ khi tôi nhận được lá thư, đầu đầu cũng rỉ giọt. Tôi như cục đường chảy nước. Tôi dò xét tôi, sẫm soi mọi yếu lòng. Thầy Tu từng bảo tôi, Muốn đến được với chân lí thì hãy giữ yên lặng. Đừng than vãn, cũng đừng huênh hoang. Đừng lừa dối ai, kể cả chính mình. Chớ đi đến chỗ quý ti tật của mình, yêu hình bóng què quặt của mình, chớ bắt chước người hủi rao bán những thương tích của mình. Tôi đã đi đúng đường đấy chứ. Mọi chuyện bắt đầu sai lệch từ lúc tôi nhận được lá thư. Thay vì đến với chân lí, tôi đi kể lối dối trá của tôi. Tôi muốn đánh ngay tâm mục tiêu, viết một báo cáo cay chua sẽ đốt cháy hết mọi mặt nạ. Tôi đã chỉ lắc lục lặc, kéo chuông báo nguy biến. Tôi gọi hồn ma họp về, tôi mở cửa mồ mả, tôi đào lên xác chết. Nhưng dù ở ba thước dưới lòng đất, lừa dối vẫn đầy rẫy. Bây giờ tôi loay hoay giữa những hàng kệ sách chẳng khác chó dại đợi người ta đem giết. Tôi muốn nằm dài dưới đất, cảm thấy giữa hai mắt một nòng súng, mong chờ tiếng nổ sẽ trị dứt cho tôi cơn đau đầu đầu ướt át tình cảm này. Đầu đầu cũng rỉ giọt. Tôi để mình chăm bón lừa dối, nuôi dưỡng những con đỉ luyến tiếc. Nghĩ đến cánh bướm trắng và những đêm, nhờ tôi, nó được ngủ yên trong giường như mọi đứa con gái ngoan, tôi cảm thấy lòng ngực tôi hỏn hển mong chờ gió mát. Chỉ ý nghĩ đã cứu nó cũng đủ khiến dương vật tôi căng cứng. Thế mà, cái vật lủng lẳng giữa hai chân tôi bao lâu nay thỏa mãn với bàn tay ve vuốt máy móc của tôi - tôi giải quyết chẳng nghĩ đến gì, nghĩ đến những bóng ma lại càng không --, bây giờ, trước khi sống dậy, nó lại đòi phải có tình cảm, phải có hi sinh.

## XXVIII

Ricin đã đột nhập cửa hàng người thợ sửa giày. Lúc sáng sớm. Đèn còn chưa ai bật. Thoạt đầu anh không nhìn thấy một ai. Anh bước lại quày, bàn tay lướt trên những cốt giày xếp thành dãy dài. Một tiếng rên khiến anh giật nảy mình. Anh rút tay, quay lại. Sau lưng anh, trong một góc tối, bà mẹ ngồi trên một cái ghế bành. Miệng bà nhăn nhúm biểu lộ nỗi đau đớn cùng cực. Bà nhắm mắt lại, cứ như bà bị xúc phạm, cứ như Ricin bắt gặp bà khỏa thân. Người thợ sửa giày xuất hiện trong khung cửa. Một cái chân kẹp dưới nách. Con chó theo sau. Người thợ sửa giày nhảy bổ tới, đứng chắn giữa người khách và bà già. Con chó lại nằm bên ghế người mẹ. Ricin nhận ra một khoảng trống kì lạ. Anh mở lớn hai mắt, nhưng đằng sau hai chân người thợ sửa giày anh không thấy hai chân bà cụ. Người thợ sửa giày hỏi anh cần gì. Anh chỉ bừa một đôi cốt giày bằng gỗ. Người thợ sửa giày vẫn đứng yên tại chỗ; ngó Ricin một cách hằn thù, hai hàm nghiến chặt, hấn bảo anh cứ việc lấy hàng rồi để tiền trên quày. Phía sau, tiếng bà cụ rít lên. Ricin lấy đi đôi cốt giày. Ra đến cửa, anh quay lại. Anh trông thấy bà cụ giật áo con. Anh

trông thấy người thợ sửa giày cúi xuống với mẹ, giờ tám chân đắp lên khoảng trống chỗ phải là hai chân bà. Bà mẹ chỉ là một khúc thân đặt trên ghế. Ricin bảo, Thằng cha sửa giày chỉ có con chó và một nửa bà mẹ. Hắn chỉ muốn có em thay thế. Hắn muốn một người đàn bà nguyên vẹn, một người đàn bà có đủ hai chân và hắn đi đâu cũng đi theo như con chó.

Buổi tối, lúc ra khỏi nhà, tôi không thấy bóng dáng người dắt con chó. Hắn đã đóng cửa hàng sớm hơn thường lệ. Ricin bảo, Anh đã làm thằng cha sửa giày sợ. Bây giờ đến lượt anh quấy rối hắn.

Những ngày sau, người dắt con chó không còn châu chực trước cửa chung cư. Ricin đã mua một đôi giày đàn bà màu đen, anh gửi tôi giữ một chiếc, đập gãy gót chiếc kia và lúc nào cũng mang theo, gò lên trong túi áo khoác. Trong khi chờ dịp lại đẩy cửa vào hiệu sửa giày, anh rình mò. Anh không rời khu phố tôi nữa, cứ sáng sớm đến quán cà-phê đối diện hiệu sửa giày, tìm chỗ có thể ngồi quan sát mà không ai để ý; anh canh chừng mọi động tĩnh của người dắt con chó và nửa bà mẹ của hắn. Bà già không có ghế đẩy. Người thợ sửa giày ẵm bà. Mỗi sáng, hắn đậu xe trước cửa hiệu, tới kéo cửa và chưa bật đèn đã trở lại xe, ẵm mẹ vào. Không bao giờ hắn quên đảo mắt ngó chung quanh xem đường phố có vắng không. Bà già úp mặt vào vai con, bà sợ người qua đường nhìn thấy. Hắn đặt bà vào chiếc ghế bành, trở lại xe lấy cái chặn. Hôm Ricin vào trong hiệu, người thợ sửa giày dắt chó đi dạo ngoài phố trước cửa chung cư tôi ở mà quên đắp chặn cho mẹ. Suốt ngày, nửa bà mẹ ngự trị trong góc cửa hàng. Con chó nằm bên bà, người con làm việc sau quầy. Một cảnh đơn sơ, bình lặng, Ricin bảo. Thỉnh thoảng, khúc thân bà hoàng ra dẫu, người thợ sửa giày rời ghế đứng lên, ẵm bà vào phòng trong. Đến trưa, hắn lấy bộ chân xếp, lắp một cái bàn nhỏ, bày lên những món ăn hắn đã nấu ở nhà mang tới. Đôi khi Ricin thấy bà già lác đầu, không chịu ăn, và người con lấy thìa xúc cho mẹ. Chỉ có một món bà già ăn một cách thèm thuồng : bánh ngọt con bà đưa bà mỗi sáng. Hắn đặt mẹ vào ghế, và, trước khi dắt chó đi dạo, mua bánh ở góc phố. Bà già nôn nóng đợi con về. Bà xé giấy bọc và tức thì ăn nhồm nhoàm. Người thợ sửa giày dắt chó đi ra. Người thợ sửa giày, Ricin bảo, cho mẹ gặm đồ ngọt, rồi, lưỡng tâm yên ổn, tản bộ trước cửa chung cư nhà em. Anh thấy hắn tất tưởi chạy đến phố em ở, thấy bà già ăn bánh ngấu nghiến. Bà ăn một cách thèm thuồng, nhặt những vụn bánh rơi trên chặn, liếm mép. Đó là lúc duy nhất trong ngày, qua cửa kính, mặt bà lộ vẻ hài lòng. Con bà vừa về tới, tức thì bà trở lại với bộ điệu trịnh trọng của khúc thân nữ hoàng. Bà ngồi thật thẳng trên ghế. Thỉnh thoảng bà ngửa đầu ra sau. Bà nhắm mắt tin tưởng. Con bà có đấy, trông chừng cho bà. Ricin quan sát người thợ sửa giày và bà mẹ đã nhiều ngày, anh chờ một biến cố. Anh chờ một chuyện gì đó sẽ trục trặc. Sáng nay, một chuyện trục trặc đã xảy ra. Trên ghế, bà cụ ngủ thiếp một lúc, đầu ngửa ra sau. Rồi bà mở mắt, tin tưởng, như thường lệ. Bà mở mắt, nhưng lần này bà thấy người thợ sửa giày không trông chừng cho bà, không cặm cúi làm việc, nhưng nhìn ra ngoài phố. Bà biết rằng, trừ khi tiếp khách hàng hay ngó về phía bà để đón trước ý muốn của bà, con bà miệt mài làm việc chẳng bao giờ ngẩng đầu lên, con bà chẳng hề nhìn người qua đường. Bà nhắm mắt tin tưởng, bà mở mắt và bắt gặp con bà lừa dối bà. Bà ngoái nhìn ra phố, bà trông thấy em từ hiệu bánh bước ra, chính cái hiệu, Ricin bảo, người thợ sửa giày đến mua bánh ngọt cho bà. Bà thấy em đi qua trước cửa, tóc lộng gió và bước chân thoăn thoắt. Con bà đã ngừng tay nhìn em đi qua. Suốt buổi sáng, bà trừng trừng nhìn người thợ sửa giày, khiến hắn phải cúi mũi xuống mấy đôi giày. Đến trưa, như mọi ngày, người thợ sửa giày kê cái bàn nhỏ và ngồi trước mặt bà. Ricin bảo, Anh thấy bà già ăn ngấu ăn nghiến. Xong bữa, người thợ sửa giày dọn bàn, chuẩn bị dắt chó đi. Bà mẹ gọi giật lại. Hắn hấp tấp vào phòng sau đem ra một cái thau. Bà già cúi xuống, nôn thốc nôn tháo. Bà đã hiểu cả. Bà đã hiểu vì sao thời gian gần đây con bà lúc nào cũng vội vã, sáng, trưa, chiều, bỏ bà, dắt chó đi. Bà đã hiểu vì sao mỗi sáng hắn mua bánh ngọt cho bà. Bà đã hiểu bà không còn là bà hoàng nữa. Hắn không còn ẵm bà như người ta ẵm trẻ, nhưng như mang một gánh nặng; hắn không còn gượng nhẹ đặt bà xuống, nhưng chỉ

muốn cho xong. Hấn không còn ẵm bà nữa, hấn chịu đựng bà; hấn không đặt bà xuống ghế, hấn tổng khứ bà.

## XXIX

Nếu tôi muốn tìm lại thanh thân, tôi phải xua đuổi khỏi đầu óc tôi tác giả bức thư mực màu xanh đen kia, vất bỏ cuốn tập màu xám, gửi thư trả lời. *Con bé* đòi tôi nhớ lại, đòi tôi minh chứng cho nó kẻ nước ngoài ghé qua đích thực (chữ nó dùng) yêu mẹ nó và tình ấy tất trường tồn (vấn chữ của nó). Vậy thì tôi sẽ cho nó hay người cha ấy, người nó đặt hết hi vọng ấy, đã yêu với một tình yêu phù du. Vậy thì tôi sẽ cho nó hay *người sành điệu* chỉ tỏ tình buổi chiều mà thôi.

Trong căn phòng khách sạn trưng dụng ấy, có rượu sâm-banh với nho trên bàn, có máy hát và những đĩa hát thịnh hành bên cửa sổ, có những chiếc dép đỏ dưới chân giường. Khi chỉ một mình trong căn phòng khách sạn, người sành điệu xếp dép vào tủ, bỏ những đĩa hát thịnh hành vào bao, mở cửa sổ xua tan hơi hướm đàn bà, và ngồi vào ghế vừa đọc sách vừa nghe một bản xô-nát của Chopin. Người sành điệu đến đâu cũng mang theo đĩa nhạc Chopin và Schubert, nhưng chẳng bao giờ chàng có ý nghĩ giới thiệu với người tình những người bạn trong cô đơn của chàng. Khi đi khỏi Đất Nước, người sành điệu mang theo các đĩa nhạc Chopin và Schubert. Cho người tình, chàng để lại cái máy hát, những đĩa hát thịnh hành và đôi dép đỏ. Máy hát được đem về nhà, đặt bên cửa sổ phòng ngủ hai vợ chồng. Cái máy cũ mòn theo năm tháng, nó khục khặc những điệu hát một thời thịnh hành như một người tình về già, thờ khó khăn nhưng vẫn cố chu toàn nhiệm vụ.

Người sành điệu mất dấu rồi, người tình của chàng về nhà, đặt máy hát bên cửa sổ phòng ngủ hai vợ chồng, để đôi dép đỏ dưới chân giường. Nàng đi nằm. Nàng nằm lì hàng ngày liền, hàng tháng liền. Bên cửa sổ, cái máy phát ra những điệu hát thịnh hành, gọi ca cuộc tình ngắn ngủi. Nàng nằm lì, nàng ngắm đôi dép đỏ dưới chân giường. Bụng nàng ngày một tròn, đầu nàng ngày một rối. Nàng lầm nhảm hát những ca khúc cũ mềm để nhớ, nhưng nào nàng nhớ được gì : người ta đã trưng dụng tình cảm nàng, chiếm đóng đời nàng. Rồi bất chợt lãnh thổ bị bỏ rơi, chỉ còn lại cho nàng mấy bài hát thịnh hành, thánh ca ngu ngơ của tình trạng giới nghiêm đã kéo dài một năm.

Những tháng sau ngày người sành điệu ra đi, cái máy hát chạy suốt sáng đến chiều trong nhà hai vợ chồng. Nó khục khặc những điệu hát thịnh hành, *My heart belongs to daddy...* Người vợ nằm lì. *He's gone ! He's gone !* Người chồng có đó, sẵn sàng phô trương cương vị mọc sừng chính thức của mình, sẵn sàng điền giấy tờ làm cha không chính thức. Người vợ nằm lì. Bụng nàng ngày một căng. Nàng không ăn gì ngoài bánh kẹo. *My vanished lover !*<sup>28</sup> Chồng nàng đi tới đi lui trong ngôi nhà vang vang những ca khúc thịnh hành, trong ngôi nhà thành ra giả mạo không khí hội hè.

*Con bé* viết cho tôi để biết tìm nó phải thuộc về ai. Thuộc về người sành điệu hay thuộc về người chồng muôn thuở<sup>29</sup> ? Suốt thời thơ ấu của nó, mẹ nó đã rờn rã hót vào tai nó những ca khúc thịnh hành kia. Nó cũng đã hát *My heart belongs to daddy*. Người ta lập đi lập lại với nó, về người chồng muôn thuở, *Your daddy is a nobody*. Kể vô tích sự. Kể chẳng đáng cho ai nhắc tới. Bây giờ, nó lại được nghe, *Nobody is your daddy*. Mà chẳng phải con ai, mà là đứa bị một người tình đã trốn mất bỏ quên.

Đến bây giờ nó vẫn còn thắc mắc mẹ nó với người sành điệu đã ăn nằm với nhau vì tình hay chỉ vì sự hung cuồng dồn nén trong bao năm cuộc sống vợ chồng đã đẩy họ đến với nhau. Nó hợm hĩnh như một bào thai cứ muốn chưng diện huy chương tình yêu. Nó vẫn còn thắc mắc hai người ấy, cặp tình nhân trong căn phòng khách sạn trưng dụng ấy, có sống một *đam mê*

*chân thành* hay không (nó ngây thơ tưởng rằng đam mê có thể chân thành - đam mê dối trá, nhưng dối trá với hào quang chói lòa khiến ta cho là thực). Nó vẫn còn thắc mắc phải chăng mẹ nó, sáng sáng ít lâu sau khi người chồng muôn thuở đi khỏi, ra mở cửa chiếc Studebaker đen, ngồi vào trước tay lái và cho xe chạy về hướng tòa khách sạn lớn trong thành phố, phải chăng mẹ nó đến đây vì yêu kẻ nước ngoài xuất hiện trong đời bà, hay vì buồn chán và hi vọng, một ngày nào đó, thanh toán được kẻ vô tích sự ngày ngày đôi co với bà, bỏ được vào lòng người sành điệu và khiến chàng tiếp nối vai trò người chồng muôn thuở.

*Con bé* muốn viết thiên tình ca chiếc Studebaker đen, tưởng tượng chuyện một người đàn bà bơm nước hoa lên đôi găng trắng và, dù trời nóng bức, xỏ găng trước khi nắm lấy tay lái, vẽ nên chân dung một người sành điệu hẳn đã từng đọc cổ thi Nhật và chắc đã biết ngỏ với người tình,

*Em chớ làm*

*em nào biết anh là ai*

*nhưng đêm rồi đêm*

*người em gặp trong mộng*

*chính anh là người đó.*

Nó sẽ phải đành lòng kể một chuyện ngoại tình thời chiến. Nhớ rằng người sành điệu đến nơi hò hẹn với người tình có lính tráng kẻ kẻ súng ống hộ tống, rằng ít lâu sau khi người sành điệu vĩnh biệt Đất Nước, chiếc Studebaker đen, phủ bạt để trước cửa nhà hai vợ chồng, một sáng kia lỗ chỗ đầy vết đạn.

*Con bé* muốn tin vào mối đam mê của mẹ nó, một người đàn bà hôn nhân hẳn đã không tiêu hủy nghị lực tình cảm, đối với người khách lạ đã đến nơi này chỉ vì hi vọng tìm lại được vui sống. Nếu nó không cưỡng được cảm dỗ coi mình là đứa con của cuộc tình ấy, nó sẽ chỉ là đứa con của căn phòng khách sạn trưng dụng, đứa con của rượu sâm-banh cùng những ca khúc thịnh hành, đứa con của một ả lông bông và một tay sát nhân, cùng nhau tiêu khiển giữa những bãi xác người.

Bởi không thể tưởng tượng chuyện một mối *đam mê chân thành*, nó muốn chỉ giữ lấy hình ảnh người đàn bà đeo găng lái chiếc Studebaker đen, hình ảnh người nữ vai chính phim truyện truyền hình lái xe trong tiếng nhạc những ca khúc thịnh hành đến với một cuộc tình vô thường vô phạt. Nó muốn chỉ giữ hình ảnh ấy, xóa bỏ đoạn kết, không muốn biết rằng, ít lâu sau ngày người sành điệu ra đi, những người áo đen đã mở cuộc tấn công thành phố, đã xả súng bắn vào chiếc Studebaker đen phủ bạt để trước nhà hai vợ chồng. Người nữ vai chính trong phim đã tháo đôi găng trắng. Cái máy hát khục khục những ca khúc thịnh hành, *Are you lonesome tonight ?* Nàng nằm lì trên giường, bụng nặng nề, mắt hướng ra phía trước cửa nhà, nơi đậu chiếc Studebaker lỗ chỗ vết đạn. Vài năm sau, những người áo đen lên nắm chính quyền. Họ đã đuổi vĩnh viễn người sành điệu và những người kẻ vị. Chiếc Studebaker đã đem bán cho hàng sắt vụn. Những đĩa hát thịnh hành ném vào bếp lửa. *Shall I come back again... ?*<sup>30</sup> Người nữ vai chính thôi còn đeo găng trắng. Nàng cùng người chồng muôn thuở đi xem lính tráng, sĩ quan của đoàn quân nước ngoài trốn chạy bằng trực thăng. Những người đàn bà níu chặt cửa máy bay, đợi cuộc tình đời họ dẫn đi, nhưng cuộc tình đời họ lấy bóng súng phang vào những ngón tay búp măng ấy để họ phải buông ra. Những người đàn bà ấy ngã nhào xuống đất, nhưng vẫn giơ tay hướng về cuộc tình đời họ, họ giơ tay vì họ sợ hãi, sợ hãi những người áo



đen ở rừng về các thành phố nắm chính quyền, sợ hãi những người giọng nói khô khan, sợ hãi những người dáng đi nghiêm khắc, những người, họ tin chắc thế, sẽ trả thù bao nhiêu năm họ hưởng lạc bên cuộc tình đời họ. Những người đàn bà giờ tay, tiếc nuối thì ít nhưng sợ thì nhiều. Họ giờ tay, nhưng cuộc tình đời họ chỉ cuống quýt một mối lo : rời bỏ, cho mau, cái *bãi lầy* này.

Ít lâu sau ngày ra đi, người sành điệu gửi về Đất Nước tã lót hồng với một cái chăn, năm sau một bộ đồ trà, rồi lại gấm vóc, và luôn luôn là những đĩa hát thịnh hành. *Con bé* còn nhớ chẳng những món quà, mẹ nó bảo, của một người sành điệu, của một người phong nhã ? *Con bé* hỏi đó đâu biết rằng tên người phong nhã chỉ khác hai chữ, còn thì giống như cái tên quốc tế người ta đã chọn cho nó. Những quà cáp của người phong nhã về đến Đất Nước, được giao về nhà hai vợ chồng. Nó thấy mẹ nó hỏi hỏi mở các gói. Bữa sau những ngày lễ hội ấy, mẹ nó đặt lên máy hát một đĩa mới, *I want to be loved by you, just you !* rồi đi nằm. Bà nằm lì hàng tuần liền. Cuộc sống trong nhà hai vợ chồng dừng lại. Những tách trà quá mỏng manh, chăn nệm quá ấm và lụa gấm quá quý, chớ đem ra dùng. Chiếc Studebaker lỗ chỗ vết đạn vẫn nằm trước cửa nhà. Đứa trẻ mang cái tên quốc tế đi bộ đi học. Trời nóng nhưng nó vẫn mặc áo trắng kín cổ, đi tất trắng và đeo găng trắng, đôi găng làm nó ngứa ngáy gan bàn tay. Nó chẳng rời một bước người chồng muôn thuở, người cho nó mang họ của ông, *I want to be loved by you, just you !*, và làm lì lợng lẽ khi cái máy hát khục khặc phát ra những điệu hát vui tươi cũ mèm, *Nobody else but you*.<sup>31</sup>

Trong bảy năm sau ngày người sành điệu ra đi, quà cáp gửi về đều đặn. Ngôi nhà hai vợ chồng trở thành đài kỉ niệm Ái Tình. Người vợ nằm lì, bày khắp quanh giường bộ đồ trà với những đĩa hát thịnh hành, áo lụa với dép đỏ, máy hát với gấm vóc, những phong bì dày cộm đựng mấy xấp giấy bạc và những phong bì mỏng dính mang những lá thư ngày càng ngắn ngủi. Đến năm thứ tám, quà cáp đột ngột không còn gửi về nữa. Món quà cuối cùng là một chiếc xe có bàn đạp, một chiếc xe con mô hình của chiếc Studebaker đen, chỉ khác là sơn màu đỏ máu. Ở trường về, đứa trẻ mang cái tên quốc tế ngồi vào ghế bọc da trắng, hai bàn tay nhỏ đeo găng trắng nắm lấy tay lái và cho xe chạy vòng trong sân trước nhà, bên chiếc Studebaker lỗ chỗ vết đạn.

Nó không thích chiếc xe có bàn đạp, sơn màu đỏ máu. Nó chẳng thích chút nào những đồ chơi, những mô hình thu nhỏ. Nó vẫn ưa chiếc xe nát bấy kia. Nó ưa len vào ghế trước chiếc Studebaker. Hồi đó, người chồng muôn thuở hay dẫn nó đi xem những phim kẻ cướp. Nó không quên được hình ảnh một chiếc xe bị những người đeo mặt nạ bắn xối xả, hình ảnh một tên cướp chết không toàn thây bên tay lái chiếc xe bỏ mui của y lỗ chỗ vết đạn. Một lần ở rạp chiếu bóng ra, người chồng muôn thuở đã mua cho nó đôi kính đen, đôi kính nhỏ mô phỏng thứ kính bọn vô lại thường đeo. Nó mặc váy xếp nếp, áo và tất trắng, nhưng, khi mẹ nó vắng mặt, nó buộc túm mái tóc dài ra sau, đeo lên mắt đôi kính của bọn vô lại, rồi nó len vào ngồi ghế trước chiếc Studebaker, đặt hai bàn tay nhỏ đeo găng lên tay lái và nhái lại cái chết của tên cướp. Nó giãy giụa trên ghế như là bị một tràng liên thanh bắn gục. Rồi nó giả bộ chết, đầu lật ngượng ra sau.

Cho đến ngày, ở trường về, nó thấy cái sân trống rỗng. Trên sỏi chỉ còn một vệt dầu. Chiếc Studebaker đã đem đi khỏi chỗ trước nhà và bán cho hàng sắt vụn. Trong nhà, trong phòng ngủ, máy hát quay, *Shall I come back again...?* Từ bao tuần rồi, từ khi quà cáp không còn gửi về, nó chỉ bước qua phòng này. Mẹ nó nằm lì trên giường, mặt quay vào tường. Nó rón rén bước qua, nín thở để khỏi phải hít cái mùi nhiễm độc của đài kỉ niệm Ái Tình, một mùi hôi rình, mùi mồ hôi và miệng hôi, mùi nước tiểu và kinh nguyệt. Hôm ấy, nó đứng lại trước cửa gian phòng ngọt ngào và hỗn độn. Đài kỉ niệm Ái Tình đã bị phá tung. Áo lụa và gấm vóc rách tan, bộ đồ trà vỡ vụn, chỉ những đĩa hát thịnh hành có vẻ còn nguyên vẹn. Mẹ nó mặc cái áo xa-tanh

màu vàng cổ cáu ghét và tanh mùi mồ hôi. Bà ngồi xếp dưới đất, quay lưng ra cửa. Bên cạnh là cái bô và mấy que diêm. Bà đang dốc ra một cái hộp giấy - những lá thư bà xé, bỏ vào bô. Trong hộp chỉ còn một bức ảnh, bà bật một que diêm, giơ ảnh vào lửa và lúc ảnh cháy hết nửa, ném vào bô. Đứa trẻ lặng lẽ bước qua. Sau nhà, chiếc xe có bàn đạp chờ nó. Những ghế bọc da trắng đã bị những nhát kéo xẻ nát.

Người sành điệu biết thỏa mãn đàn bà bằng dép đồ với áo lụa, bằng nữ trang với những giỏ hoa, biết làm họ vui bằng rượu sâm-banh và những bài hát thịnh hành. Trong khi người với đồng lương nhỏ mọn chẳng có gì dâng hiến họ. Làm chồng, ông chẳng hề biết hòa theo những chuyện phù phiếm. Làm cha, ông lúc nào cũng lầm lì. Ông thích đi nhà thờ và vào rạp chiếu bóng. Tác giả bức thư với tuồng chữ kiêu kì có nhớ chẳng ?

Tôi nhớ lại họ, *con bé* với ông, buổi chiều, ngày cuối tuần, trong rạp chiếu bóng. Rạp hôi mùi nước đá, ghế gỗ chật chội, phim thì thường hài hước một cách sượng, lại mờ xấu, nhưng, ngồi trong bóng tối, ông quên mình là người với đồng lương nhỏ mọn, người bắt đắc chí, người chỉ có mỗi một điều để hãnh diện : cho con bé mang họ của ông, để nó ghép vào cái tên quốc tế của nó. *Con bé* theo ông tới các rạp chiếu bóng. Ấy là thú tiêu khiển vụng trộm của họ. Trước phim chính có chiếu những phim tài liệu. Một phim cảnh giác về bọn bắt trộm trẻ con, chiếu những đứa trẻ bị bắt cóc giữa chợ, trong rạp chiếu bóng. Đầu đảng là một gã đàn ông trông không rõ mặt, gã bắt trộm trẻ con, dạy chúng đi ăn xin, ăn cắp, bắt cóc trẻ con khác. Ấy là một đoàn quân những cô hồn nhỏ bé, đứa nào cũng được gọi bằng một con số hay tên một con vật. Những ngày ấy, *con bé* chưa chút nghi ngờ về lai lịch của nó. Ngồi trước màn bạc, nó tự nhủ nó có họ có tên, nó không phải là một đứa trẻ bị bắt trộm, nó không bị gọi bằng một con số, nó không phải là một con chim non trên tổ rơi xuống.

Tôi nhớ họ, *con bé* với ông, đi nhà thờ rạng sáng tinh mơ, để không phải gặp một ai. Tôi nhớ họ thấp nển, dù chẳng hề cầu kinh. Giờ đây đã lớn, đã xa rời người cha và Đất Nước, con bé tới các viện bảo tàng. Nó nhớ rằng người với đồng lương nhỏ mọn đến nhà thờ, thấp nển tưởng niệm giấc mơ thành họa sĩ của ông. Nó nhớ rằng người với đồng lương nhỏ mọn đã bỏ trốn chí hướng của mình, đã tự treo mình vào cái móc của tên đồ tể và để lũ chó xâu xé những phần tốt đẹp nhất của mình. Nó lang thang trong các viện bảo tàng, và, đứng trước các tác phẩm trọn vẹn ấy, nó nghiền ngẫm nỗi thất bại của cha nó. Khi nghe tiếng chính bước chân mình vang dội trong những gian phòng vắng vẻ các viện bảo tàng, nó lại nhớ những buổi sáng cùng đi với cha đến nhà thờ. Bước chân họ vang dội trên nền đá lát.

Đời người cha ấy chỉ là đồ nát. Vùi sâu dưới đồng gạch vụn là con người ông muốn trở thành, vùi sâu dưới đồng gạch vụn là người họa sĩ không đạt. Đời con bé cũng thế, chỉ là đồ nát. Hai người cha đã phá sập nền móng. Nó bới gạch vụn, dọn mảnh vỡ, nó chỉ tìm thấy những bóng ma người cha. Nó là con chuột chũi mãi miết đào, đào không thôi, trong thanh âm tiếc thương.

Hiểm nguy rình đón nó, ấy là ngộ độc trữ tình, ấy là đa cảm xói mòn khả năng khinh đời. Những cật vấn của nó thật lố bịch. Thay vì thắc mắc ai đã *cho* nó sự sống, lẽ ra nó phải cảm nhận rằng người đã cho nó mở mắt chào đời chẳng làm gì khác hơn là cho nó thấy cái chết. Lẽ ra nó không nên đi xa hơn ý niệm này : những người cha ấy đã không *cho* nó sự sống, họ đã *cho* nó một trận đòn. Họ đã hủy hoại nó. Người thứ nhất tròng vào nó một cái tên quốc tế, người thứ hai ghép vào tên ấy họ của mình. Hai người cha nó đã thông đồng với nhau *cho* nó tí chút độc đáo ấy, cùng lúc lại *cho* nó ham muốn mùa may để xứng đáng với cái tí chút độc đáo ấy, với họ ấy và tên ấy ghép lại với nhau. Hai người cha nó là những kẻ hủy hoại nó. Họ đã hủy hoại nó, nhưng đồng thời lại *cho* nó ham sống. Họ đã *cho* nó ham muốn, để càng hủy hoại nó nhiều hơn.

### XXX

Bà già chết rồi, Ricin kể. Người thợ sửa giày đặt bà nằm trên chiếc ghế dài phía sau quầy. Chiếc ghế dài nhỏ thường ngày để giày phải làm lại đế. Hấn đã gạt hết giày xuống đất và ngả nửa bà mẹ của hấn lên ghế ấy, phủ chăn đến tận cằm. Họ tới lúc sáng, người thợ sửa giày mua bánh ngọt cho bà, rồi dắt chó đi dạo. Trở về, hấn thấy bà đã chết, đầu gục xuống ngực.

Ricin bước vào cửa hàng, chiếc giày gãy gót nhét trong túi áo khoác. Anh trông thấy người thợ sửa giày ngồi trên ghế bành, hai tay buông thõng, và bà già nằm trên ghế dài. *Bà rất thích bánh sừng bò hạnh nhân*, người thợ sửa giày nói. Hấn không nhìn Ricin. Hai mắt chăm chăm ngó mặt đất. *Ngày nào tôi cũng mua một chiếc bánh sừng bò hạnh nhân cho bà*. Rồi người thợ sửa giày nín bật. Hấn ngồi bất động trên ghế. Đền vẫn chưa bật, Ricin kể. Bà già nằm trên ghế dài, bên bà là con chó đen đánh hơi mấy chiếc giày dưới đất. Người thợ sửa giày ngồi trên ghế, còn anh đứng, tay thọc trong túi áo khoác, mân mê chiếc giày gãy gót. Anh chẳng có việc gì, trong cửa hàng ấy, giữa người thợ sửa giày của em với nửa bà mẹ của hấn, nhưng anh vẫn đứng đấy. Một mùi khiến anh chú ý. Thế rồi người thợ sửa giày nói đại khái thế này, *Đáng lẽ thế là đủ rồi. Vậy mà bà lại đòi hai bánh sừng bò hạnh nhân. Bà ăn bằng hai người ăn*. Anh nhìn bà già, Ricin kể, một nửa mặt bà lộ vẻ thỏa mãn, trong khi nửa kia hấn lên đau đớn. Anh đã nghĩ, Một người đàn bà mang thai chết lúc sinh nở. Người thợ sửa giày lại nói đại khái thế này, *Hồi này bà kì lắm, lúc nào cũng sợ lạnh, mót tiêu tiểu bất thường, hay buồn nôn*. Ricin kể, giọng người thợ sửa giày khản đặc. Anh không nghe rõ hết. Trên quầy còn vương mảnh giấy. Giấy gói hai cái bánh sừng bò hạnh nhân. Người thợ sửa giày lẩm bẩm, *Bà tin nhất định nó sắp mọc lại*. Cạnh mảnh giấy có một cái lọ nhỏ màu đen đồ sập. Và cái mùi ấy phảng phất trong phòng, một mùi rất nhẹ, khác hẳn mùi da cũ, mùi hồ, mùi con chó. Người thợ sửa giày lại nói đại khái thế này, *Không thể cứ thế mãi được, bà gớm quá*. Có thật người thợ sửa giày đã nói *gớm quá* không? Mảnh giấy vẫn còn trên quầy. Vậy là người thợ sửa giày đã mở gói trước khi đưa hai cái bánh sừng bò hạnh nhân cho bà già, cho bà già gớm quá. Nhưng còn cái lọ nhỏ màu đen, nó đựng gì? Người thợ sửa giày lại nói, *Hai cái bánh sừng bò hạnh nhân, nhiều quá*. Ricin kể, Hấn đã quên anh đứng đó. Hấn ngồi trên cái ghế của người chết, hai tay buông thõng, đầu ngả sang một bên. Dưới chân ghế vẫn còn một mẫu bánh sừng bò hạnh nhân. Chắc bà già đánh rơi. Bà đang ăn thì chết. Bà chưa gặm xong bánh ngọt của bà. *Gớm quá*, người thợ sửa giày đã nói, và hấn lại tiếp, giọng khản đặc, đại khái thế này, *Có lần bà nằm mơ thấy hai chân bà mọc lại. Thế rồi, bà cứ chờ. Bà chờ nó mọc lại. Bà còn thấy ngứa ngáy ở hai mồm cụt nữa*. Người thợ sửa giày đặt tay lên hai đầu gối, nắn bóp, cứ như để xoa dịu cơn đau. Hấn lập lại, *Bà gớm quá đi, cứ ngồi lóng nghe hai chân mọc lại. Cứ ngồi rình chờ triệu chứng. Bà đòi hai bánh sừng bò hạnh nhân. Bà ăn bằng hai người ăn*. Con chó đứng lên, lại gí mõm vào mặt bà già, liếm má bà. Người thợ sửa giày không trông thấy. Tay vẫn xoa nắn đầu gối, hấn nhắc lại cái câu ấy, *Bà gớm quá đi*. Ricin kể, Anh bỏ chạy, nhưng cái mùi trong hiệu cứ cay cay trong mũi anh. Một mùi kì lạ, một mùi vừa dễ chịu vừa khủng khiếp. Một mùi hoa cam. Mùi khiến anh nghĩ đến một vườn cây ăn trái dưới nắng, trời thành linh sầm tối, côn trùng ủa tới kín cả vườn.

Tôi lặng lẽ nghe Ricin kể. Tôi nghĩ tôi biết cái mùi ấy, nhưng tôi không muốn nói với anh. Ấy là mùi một chất độc. Một chất độc ta tìm thấy trong xác một côn trùng sống trong sa mạc. Một chất độc có mùi thơm như hoa cam và khiến ta chết ngay tức khắc. Cách đây lâu lắm rồi, tôi đã đọc chuyện một ông già mù sống với đứa cháu gái trong toa một con tàu bỏ chông chơ ngoài chiến địa. Ông già mù từng là lính đánh thuê, trong một chuyến viễn chinh ông đã mang về một viên thuốc độc, thuốc độc có mùi hoa cam. Ông cất viên thuốc ấy trong chiếc va-li đựng quân phục của ông, một con dao, vài viên đạn han gỉ và mấy tấm ảnh. Ông cất viên thuốc trong một túi nhỏ chiếc va-li, định tâm sẽ nuốt viên thuốc ấy bao giờ chỉ còn một mình trên đời. Một buổi chiều, lúc ông thiếp ngủ, cháu gái ông mở va-li, tìm thấy viên thuốc, nó nuốt cái chất lỏng thơm mùi hoa cam ấy. Nó chết, co quắp trong một góc toa tàu. Ông già mù thức giấc, ông gọi, nhưng

không có ai trả lời. Ông cứ nằm trên giường, chờ một đêm, một ngày. Đêm sau, ông nghĩ ông đã bị bỏ rơi, đã đến lúc ông chết cho rồi. Ông đứng lên, sờ soạng tìm chiếc va-li đựng thuốc độc có mùi hoa cam.

### XXXI

Tôi đứng giữa gian phòng chìm trong bóng tối ấy, gian phòng tôi biết rõ từng xó xỉnh. Trước mặt tôi, hàng hàng dãy sách. Tôi nghe thấy chúng thì thào. Những lời rì rầm của chúng không đến tai tôi. Chúng đã bỏ tôi. Đã không còn cho tôi là đồng hội đồng thuyền. Chúng đóng sập khi tôi lại gần, như một ban đồng ca quay lưng lại với tôi, bỏ tôi chơi vơi ngõ ngàng. Sách vở không ích gì cho tôi nữa. Những gì chúng suy tư, tôi đã nghiền đi ngấm lại. Những gì chúng hàm chứa, tôi đều đã hấp thu. Ngàn ngàn chữ bò trong đầu tôi, trong bụng tôi. Ấy thế mà, những gì tôi cảm nhận vẫn mơ hồ. Tôi không thể tiếp tục chơi trò ú tim với bà quản thủ và đêm đêm tự nhốt ở đây, quán mình trong áo khoác, viết nguệch ngoạc vào tập vở xám này, tập vở định sẽ là phúc đáp cho bức thư với tuồng chữ kiêu kì kia, và chỉ còn là cái máng nước cho tôi vục vào cái đầu mỗi mết của tôi. Phía sau tôi, qua cửa sổ, những ánh đèn xa xa báo hiệu hai tòa nhà chung cư Vườn Táo. Tôi không thể trở lại đây, trở về chỗ tôi trong căn phòng cửa sơn màu xanh táo và ban đêm trở dậy nhìn cánh bướm trắng băng qua bồn cỏ. Tôi cố tưởng tượng nét mặt nó khuất sau cái mũ choàng, nhưng hoài công. Cánh bướm trắng không có mặt; bên trong cái áo choàng, nó giống như một bức tượng nhỏ bằng gỗ nâu. Thứ gỗ làm nên những kẻ chịu nhục. Nó băng qua bồn cỏ rộng, chân bước nhẹ nhàng. *Sầu tử là hương vị muôn vật*, hể nghĩ đến cánh bướm trắng câu ấy lại hiện về trong trí tôi, câu tôi đã chép lại trong cuốn vở xám, ngay trang đầu. Tôi cảm thấy vị sầu tử dưới lưỡi. Như là một viên mực bọc đường đổ ra mặt đắng - một chất lỏng đen làm ráp vòm miệng, len vào các kẽ răng, xuống tới phủ tạng. Đã lâu rồi tôi không còn cảm thấy vị ấy trong miệng, vị một chất độc nhen bùng máu tôi, hâm nóng gan ruột tôi. Tôi thấy mình trở lại hàng bao năm trước, hồi còn ở Đất Nước, những khi tôi đi nhà thương điên, tay xách chiếc va-li nhỏ. Ném bên chiếc xe đẩy ở cuối thư viện, cái túi đeo lưng đã thay thế chiếc va-li nhỏ. Tôi nơi đây, tới lui giữa các hàng kệ sách, hít thở làn hơi từ những cái đầu rạn nứt kia tỏa ra. Trong lớp khói ấy, tôi nhìn ra một tấm thân dài treo trên chấn song cửa sổ, tôi nhìn ra một con bướm trắng cánh kẹt trong khe cửa sơn màu xanh táo, tôi nhìn ra hai bàn tay bé nhỏ đeo găng cầm một lá thư. Tôi muốn đập vào tấm thân chết treo, tôi muốn lấy mấy ngón tay kẹp đôi cánh con bướm trắng, nhưng hai bàn tay bé nhỏ cầm lá thư chần ở giữa.

Tôi bỏ vào trong túi đeo lưng lá thư với cuốn vở bìa xám, mềm của tôi. Chữ tôi viết rất khó coi, nhỏ li ti, cắn vào giấy, cứ như là, thay vì dùng ngòi bút, tôi đã dùng một cái gai cứng, khô. Tôi đọc lại thư. Tôi mở tập vở. Lá thư và báo cáo viết bằng tiếng Pháp. *Con bé* không còn biết tiếng mẹ đẻ của nó. Từ mười lăm năm nay, tôi không còn nói tiếng ấy. Đất Nước, trong thư không hề nhắc tới. Trong báo cáo của tôi, chỉ có vài lời bóng gió. Chúng tôi Không Thuộc Nơi Nào, *con bé* với tôi. Tôi sẽ không trở về Đất Nước. Tôi sẽ là gã điên vô tổ quốc. Nơi đó, là đất nước của người con gái treo cổ. Nơi đó, có mộ người con gái treo cổ. Và mộ tôi. Nơi đây, có thân xác tôi đã tự bỏ rơi mình, và đầu tôi, chằm bằm những hoài niệm tựa những bông hoa độc. Nếu *con bé* có chút ít lương tri, nó cũng sẽ hiểu rằng nó không trở về được nữa. Chúng tôi Không Thuộc Nơi Nào, *con bé* với tôi. Nó phải ghi nhớ điều ấy. Phải thôi tin rằng một ngày nào đó nó sẽ tìm được một gia đình, một tổ quốc. Đất Nước chẳng còn gì cho nó, từ khi những người áo đen đã đuổi Người Nước Ngoài - họ là những người cha mới của Đất Nước. Những người cha ấy chẳng cần gì đến nó, kể có một cái tên quốc tế. Những người cha ấy chẳng cần gì đến tôi, kể đã tạo dựng chốn nương náu trong điên dại. Chúng tôi, *con bé* với tôi, là những cô hồn. Gốc rễ chúng tôi bập bênh mặt nước. Nó tìm cho mình một người cha. Tôi ôm ấp bóng ma người con gái treo cổ. Chúng tôi trôi giạt, hi vọng sóng nước sẽ cuốn chúng tôi về cội nguồn, nhưng chúng

tôi bị bõm trong một nhánh sông tù, chúng tôi mãi mãi lay động cùng những ám ảnh như nhau, chúng tôi mãi mãi cuốn theo cùng những xác chết như nhau.

Đã sáu đêm tôi ở trong thư viện này. Quán mình trong áo khoác, bụng trống rỗng, tôi giương mắt ngó sững bóng tối. Mỗi đêm, cứ đúng lúc tôi bắt đầu thiếp ngủ, một tiếng hét lại khiến tôi giật mình choàng thức. Trước cửa sắt lối vào phụ một siêu thị đối diện với thư viện có hai người vô gia cư. Người thứ nhất, còn trẻ, trắng kiện, mặt húp híp như Đấng Cứu Thế nuốt nước mắt. Cả ngày gã ngồi xếp bằng, một cái chăn đắp lên đầu gối, một cái khác trùm trên vai. Người thứ hai là một anh già nhỏ con bảnh bao, mặc áo kẻ ô vuông màu lục nhạt và đeo cà-vạt màu sẫm bên trong áo khoác dài màu xanh nước biển. Lão trải báo lên vỉa hè rồi mới đặt xuống cái túi, những vật dụng vụn vặt của mình. Mỗi sáng lão lại thay tấm bìa lót chỗ ngồi, mỗi tối lão rũ chăn trước khi trải ra đắp lên mình. Ban ngày, lão đi tới đi lui, không rời xa người bạn đồng cảnh, gã này ngồi lì tại chỗ - ngay mặt gã lúc nào cũng bất động -, kề bên mình là một chai rượu rẻ tiền. Lão già vừa đi vừa nhảy lò cò. Đi ba, bốn bước lão lại dừng lại, một chân còn lửng lơ trên không. Cứ đứng như thế lão moi móc thùng rác gần đây hoặc chìa tay xin người qua đường. Họ đi ngủ rất sớm, nằm trên lỗ thông gió. Nửa đêm, gã trẻ hét lên một tiếng. Ấy là một tiếng gọi thê thiết, một tiếng kêu vọng về từ xa thẳm, từ *nhà ga cuối cùng trước khi tới Địa Ngục*. Gã hét lên như người đang ngủ bị cắt cổ, bật lên tiếng nấc cuối cùng trước khi đứt họng. Gã hét lên như người hấp hối bám níu lấy cuộc sống. Rồi thỉnh linh, gã thôi chống chọi. Yên lặng lại phủ trùm đường phố. Và kinh sợ ủa đến vây kín tôi, hai hàm răng tôi run lập cập, tôi lại thấy mình trong nhà thương điên, những người nằm các giường bên gào thét, Thầy Tu đã chết, không còn ai cứu tôi.

Sáu đêm ân huệ. Tôi hồi tưởng lần duy nhất tôi vào một rạp chiếu bóng - chỉ là một phòng nhỏ kéo màn đen dày, ở tầng trên thư viện này. Một màn ảnh với một ít ghế nhựa. Phòng gần như không có ai. Tôi ngồi một ghế đầu dãy, gần cửa vào. Trên màn ảnh trái rộng khuôn mặt một người bị săn đuổi. Hắn còn sáu giờ ân huệ. Suốt đêm, hắn lang thang trong thành phố, gõ cửa nhà này đến nhà khác, nhưng không cửa nào mở. Sáng ra, hắn bị bắt. Tôi còn nhớ ánh đèn soi vào mặt hắn, trong khi hắn bước lùi lại hàng rào song sắt một tòa nhà. Cuốn phim tựa là *Odd man out. Thanh toán*<sup>32</sup>. Hai người vô gia cư khiến tôi liên tưởng đến cuốn phim ấy. Tôi quần quanh giữa các hàng kệ sách. Tôi ở trong một đấu trường. Tôi trơ trọi. Tôi tìm chốn ẩn thân. Sách vở đóng lại khi tôi đến gần. Tôi hoài công la hét trong tập vở màu xám, không một cửa nào còn mở ra đón tôi. Tôi chờ ngày rạng, chờ một phát súng nổ, chờ kết liễu. *Thanh toán*.

Sáu đêm ân huệ. Thời gian tôi tự cho mình để kết thúc báo cáo này. Và có lẽ để gửi nó cho tác giả lá thư với tuồng chữ kiêu kì kia. Thời gian tôi tự cho mình để quyết định tôi phải, như lời con bé, nói lại liên hệ, hay là cắt đứt hẳn và tổng khứ hết.

Tôi không có kết luận nào cho báo cáo này. *Con bé* nói tìm người sinh ra nó. Trong đời nó, người cha là một sai lầm lọt vào một văn bản và làm văn bản rối mù. Một lỗi ấn công làm giảm sức mạnh từ ngữ. Một lầm lộn tai họa. Nó đòi tôi truy lùng làm lẫn ấy, chỉ định tội nhân, tố giác kẻ phạm tội. Tội đã cho nó mở mắt chào đời này mà không cho nó sáng mắt.

Con bé muốn kiếm một người cha khác. Ấy là sáng kiến mới nhất của nó, trò phù phiếm mới nhất của nó. Với nó, trò phù phiếm nào cũng mang về bi đát. Nó bao giờ cũng nghiêm trọng như những kẻ cứ lo âu có *cái gì sai sót* nơi con người họ, sai sót khiến mọi hành vi của họ đều thành vô hiệu, tiêu hủy mọi tham vọng của họ, phá hỏng đường tiến thủ của họ. Nó sẽ phải lựa chọn giữa hai kiểu mẫu người cha. Giữa một cuốn sách của một tiểu thuyết gia thời thượng, một cuốn sách phô trương thông thái và quyến rũ, một cuốn sách viết dễ dãi, một cuốn sách làm độc giả thích thú, một cuốn sách chỉ toàn những câu văn hời hợt và kết thúc bằng một màn

xoay vòng - nó sẽ phải lựa chọn giữa cuốn sách hấp dẫn ấy và kiểu mẫu kia, một cuốn sách khác khổ không có gì ngoài một chút máu khô.

*Con bé* nói muốn dành hết tâm lực viết văn, cũng như tôi đã trọn đời điên dại - thư nó tràn ngập những lối diễn đạt như thế, cứ như một bà sơ lạc đường tu. Nó nói muốn lặn cho sâu. Trốn lánh cuộc đời. Chối bỏ mọi cảm giác. Khước từ mọi ham muốn. Chỉ khoái cảm với những ám ảnh của mình. Chỉ còn là một thân xác nhỏ nhoi khô héo phung sự cho văn chương tốt tươi. Nó ước ao không gì ngăn trở nó khổ hạnh như thế, nhưng nó vẫn chẳng nhắm mắt trước những cám dỗ. Một người đàn ông đi qua, và thế là nó sẵn sàng buông rơi công trình vĩ đại để đón nhận chút bạc lẻ tình yêu. Đôi khi, nó phải dưng sâu trời lên, sẵn tìm cứu nhân. Lựa chọn viết văn, nó đã được cứu rồi, nó đã tự cứu rồi. Nó nổi, nhưng lại nghĩ mình đang chìm. Nó ra dấu cho những người dạo bước trên bờ, cho những bóng hình hiện lên trên nền trời mờ mịt, cho những người đàn ông mang dáng người cha kia, nhại tiếng người cha kia. Đương nhiên, họ chẳng thể cứu nó. Nó lôi kéo họ xa bờ chỉ cốt có thể : cho họ thấy họ bất lực không cứu được nó. Cuối cùng họ hiểu ra nó chẳng hề cần đến phao hay người cứu, hiểu ra nó vẫn nổi trên một mặt biển chính nó đã gây sóng gió. Họ chỉ còn biết thu hết sức lực trở vào bờ, và nó được chứng kiến một cảnh thoái lui nhục nhã thay vì một cảnh chết chìm vô nghĩa.

Tôi mang nợ nó. Vì đã đặt mức quá cao, vì đã để nó nghĩ tình yêu tôi đã sống là tình yêu duy nhất đáng bước vào, tôi phải trả giá. Nó đòi tôi sửa tội. Tôi đã in vào đầu nó hình ảnh một tình yêu không thỏa hiệp với thế gian, một tình yêu sống bằng hung cuồng của chính mình. Nó đã vò lấy tình yêu ấy như vò lấy một khuôn mẫu, và khuôn mẫu ấy gạt nó ra khỏi cuộc đời. Nó buộc tội tôi đã khiến nó tưởng những liên hệ máu huyết kết hợp những người tình, và chỉ có máu mới chia rẽ được họ. Nó đã lớn lên cứ trông chờ mọi cuộc tình kết thúc bi thảm, tình lang thì vào nhà thương điên, tình nương thì treo cổ. Nó đã tin như thế. Rồi nó thấy những tình lang công thành danh toại chẳng hề điên dại, nó thấy những tình nương lột da sống một cuộc tình mới. Nó chỉ thấy những người thoát thân với những người sống còn. Nó buộc tội tôi đã khiến nó ngỡ tình yêu là một cái huyết tuyệt vời ngổn ngang xác chết.

Trong khi đó, nó để mãi cảm đi quá xa. Nó sống với hi vọng một ngày nào đó, một người đàn ông hiện đến, một người đàn ông có khuôn mặt người cha, bóng dáng người cha, giọng nói người cha, người ấy sẽ bước vào, đóng cửa lại sau lưng và chỉ sống vì nó, tới mức chịu hết nổi. Vừa nuôi dưỡng hi vọng ấy, nó lại vừa dồn nỗ lực không để cứu nhân đến với nó. Nó đẩy cứu nhân khỏi đường đời nó, gạt xa khách hàng, nó muốn hưởng hết tình yêu mà không phải cho lại gì. Nó câu những khách qua đường đại đột hiển dật nó hạnh phúc, nhưng cốt để họ lộ rõ sự vô nghĩa của họ. Họ chỉ dâng hiến nó một cuộc sống êm đềm. Trong khi nó dự trữ bao nhiêu toan tính phá phách, bao nhiêu toa thuốc giết người. Nó sẽ tàn đời trong cô độc và điên dại. Bây giờ, nó để mãi cảm đi quá xa, nó tắm độc đầu nó, nó nuốt thuốc tuyệt vọng.

Nó yêu cầu tôi cho nó những lí lẽ để thôi còn muốn *bỏ đi*. Biến đi, ấy là ám ảnh của nó. Bởi nó đã đến không ai thấy, nó sẽ đi sao để ai cũng phải thấy. Nó là thứ con gái muốn chết vì thương cảm chính mình. Nó đòi tôi, kẻ bị cấm cư trú, cho nó giấy phép hiện hữu. Đòi tôi, trôi giạt tự bao lâu nay, tìm cho nó cuộn dây buộc thuyền. Nó đòi tôi tiêm vào máu nó những kì vọng mới. Muốn chết, nhưng nó vẫn còn tin vào hạnh phúc. Giả bộ bỏ đi, nhưng nó hi vọng một phép màu sẽ cản nó lao xuống vực sâu. Tôi chẳng có vòng hoa cho nó, chẳng có lời an ủi nào cho nó. Tôi chỉ là thứ rác rưởi dùng lại vẫn còn nhớ vũng bùn.

Đêm thứ sáu. Một tuần ân huệ trong gian phòng giá buốt này, hút thuốc lá hết điếu này đến điếu khác, đọc đi đọc lại lá thư với tuồng chữ kiêu kì, ngủ gà ngủ gật lưng tựa các hàng kệ sách, tra hỏi sách rồi lại sách mà chẳng có một tiếng vọng hồi âm. Lá thư chờ đợi trả lời. Tôi đâu có nắm được chân lí. Những hình ảnh vụt hiện, tôi không còn biết do ngọn gió kí ức thổi

đến hay là chúng đã nở từ bùn nhơ của điên dại. Tôi sẽ gửi đi một báo cáo dở dang. Trừ phi tôi đem giấu cuốn tập màu xám đầu đó trong thư viện, kẹp giữa hai cuốn sách. Sẽ không có phát hiện nào. Miệng chân lí chẳng còn răng, thở ra hơi xú ối. Những bí mật nó mút giữa lưới với vòm bốc mùi thịt thiu.

Đêm mai, trước khi quần mình trong áo khoác, tôi sẽ lôi hết sách ra khỏi các kệ, tôi sẽ bày chúng khắp quanh tôi, thành nửa vòng tròn. Tôi sẽ đốt một điếu thuốc và tôi sẽ ngủ quên không dập tắt điếu thuốc. Sẽ không còn ai đến đòi nợ năm tro tàn của tôi. Sẽ không còn ai đòi mở xương cháy đen của tôi nói lên sự thực. Tôi với đồng sách sẽ là một.

## XXXII

Ricin gõ cửa. Tôi lấy áo khoác, cái gói trên bàn, đi theo anh. Cái gói đèn sáng nay, gửi từ Corrèze. To bằng một tập vở học trò khổ lớn. Bọc trong giấy dầu và buộc dây (Em viết cho ông cậu đi, Ricin đã bảo, ông sẽ cho em thuốc giải những thèm khát có một người cha của em. Mẹ em đã quẳng một đồng bí mật trước cửa nhà em. Em đã định đào một cái hố, giấu hết đi. Nhưng trong khi đào, em lại moi lên những bí mật khác. Không muốn vấp vào xác chết những bí mật ấy, em đành đào thêm một hố nữa. Thế là em lại có thêm một đồng mới. Dũng cảm thay chú lính tí hon đào hầm gây chiến với chính mình ! Em phải viết cho ông cậu, cho nhà lưu trữ điên kia, em phải chấp nhận sống với đồng bí mật bên cửa. Nếu không, suốt đời em, em sẽ cứ đào lên rồi lại chôn đi mọi bí mật. Em sẽ đào những cái hố, sẽ từ bí mật đi đến dối trá, em sẽ không còn thấy ánh sáng mặt trời và em sẽ tàn đời như mọi loài gặm nhấm trong tiểu thuyết gia đình : em sẽ hấp hối, bụng trương phình thuốc độc). Trên cái gói, tên và địa chỉ tôi viết chữ hoa bằng bút chì đen đậm. Không ghi người gửi. Tôi ôm chặt cái gói bên mình (*Chúng ta tìm kho tàng với hai bàn tay thèm khát và chúng ta sung sướng khi tìm được những con giun đất*). Tôi xuống cầu thang. Ricin đi trước. Trước cửa chung cư, không còn ai rình chờ chúng tôi xuất hiện. Tôi sắp rời bỏ căn hộ này, con đường này, khu phố này. Ricin không biết tôi có ý định biến đi. Đây là cuộc dạo chơi đêm khuya cuối cùng của chúng tôi. Anh đi bên tôi, điếu thuốc kẹp giữa hai ngón tay. Hai má hóp, tóc dài chấm gáy. Da cổ anh nhiều chỗ nhăn. Anh không thích lối tôi nhìn anh. Anh ngoảnh đầu, rít một hơi thuốc dài. Ricin đi bên trái tôi, tôi cảm thấy một sự hiện diện bên phải. Trên vỉa hè đối diện, tôi nhìn ra qua những xe cộ dừng đợi đèn xanh bóng một con chó to lông đen. Ricin không trông thấy. Con chó gầm đầu đi. Đến góc phố, Ricin rẽ trái, con chó rẽ phải, xa dần. Tôi quay lại. Con chó chỉ còn là một khối đen cuối đại lộ. Tôi trao Ricin cái gói tôi vẫn ôm chặt bên mình, *Em đi đây*. Tôi trở lui, theo dấu con chó. Nó đi nhanh, dọc đại lộ rợp bóng cây. Tôi rảo bước. Tôi cảm thấy gió lạnh vờn trên hai má. *Tôi đi đây*.



Chú thích của người dịch :

<sup>1</sup> *Ricin* còn là một danh từ chung, có nghĩa cây thầu dầu; hạt cây này dùng để chế một loại dầu làm thuốc xổ, thuốc nhuận tràng.

<sup>2</sup> *Phòng số 6*, tựa đề một truyện dài (*Palata nomer shest*) của văn hào Nga Anton Tchekov (1860-1904). Truyện một bác sĩ, giám đốc một nhà thương điên, bàn cãi triết lí với một bệnh nhân, mà không hề ý thức các bệnh nhân của mình bị ngược đãi tàn tệ như thế nào.

<sup>3</sup> Tiếng Anh trong nguyên tác, có nghĩa : "Chúng ta không trở về được nữa" và "Người không trở về được nữa".

<sup>4</sup> Điện Invalides lập ra năm 1604 để cư mang các chiến binh tàn phế (Invalides : người tàn phế), sau này là nơi để mộ hoàng đế Napoléon và nhiều danh tướng Pháp. Điện có những công trình kĩ thuật lớn lao, và hiện nay cũng là trụ sở hai viện bảo tàng. Ở đây nên chú ý ý niệm tàn phế.

<sup>5</sup> Thơ của văn hào Đức Johann Wolfgang von Goethe (1749-1832), trong kịch *Faust* : "*Zwei Seelen whonen, ach! in meiner Brust*".

<sup>6</sup> Tên một đường phố ở Paris. *Juges Consuls*, tiếng Pháp cổ, chỉ các quan tòa chọn trong số các thương gia. Tòa án các *Juges Consuls*, tiền thân của các tòa án thương mại về sau, tọa lạc tại phố này từ năm 1570 đến năm 1825. Ở đây nên chú ý ý niệm quan tòa.

<sup>7</sup> Tiếng Anh trong nguyên tác, có nghĩa : "Tự Do hay là Chết."

<sup>8</sup> Tiếng Anh trong nguyên tác, có nghĩa : "Một chiếc quan tài - là một Lãnh Địa nhỏ", thơ của nữ sĩ Hoa Kỳ Emily Dickinson (1830-1886)

<sup>9</sup> George Bernard Shaw, văn hào Ái-Nhĩ-Lan (1856-1950). Nguyên bản tập tiểu luận ông viết năm 1928 mang tựa đề "*The Intelligent Woman's Guide to Socialism and Capitalism*" (Sách hướng dẫn về chủ nghĩa Xã hội và chủ nghĩa Tư bản cho người phụ nữ thông minh).

<sup>10</sup> Tên *Bellemort* hợp bởi hai từ *mort*, cái chết, và *belle*, đẹp; tên *Weidman* hẳn do từ tiếng Đức *Weidmann*, người đi săn, thợ săn.

<sup>11</sup> Phim của nhà đạo diễn Mỹ gốc Áo Fritz Lang (1890-1976), thực hiện năm 1955.

<sup>12</sup> Tiếng La-tinh trong nguyên tác, chỉ những gì lập đi lập lại, được yêu cầu nhiều lần.

<sup>13</sup> *Pygmalion*, vua đảo Chypre trong thần thoại Hi Lạp; say mê bức tượng chính mình tạo ra, ông nài nữ thần Aphrodite (thần Sắc đẹp và Tình yêu) hoá bức tượng thành người, và lấy làm vợ. *Galatée*, nữ thần biển, cũng trong thần thoại Hi Lạp; yêu chàng chăn cừu Acis nên hoá chàng thành dòng sông để cứu chàng khỏi chết dưới bàn tay ghen tuông của người khổng lồ một mắt Polyphème.

<sup>14</sup> Tại London, thủ đô nước Anh, trong thời gian từ 31/8 đến 9/11 năm 1888, năm cô gái giang hồ bị ám sát một cách thảm khốc; hơn một thế kỉ sau vẫn không biết thủ phạm là ai, và sự việc đã trở thành huyền thoại. Thủ phạm được gọi là *Jack Tên mổ bụng người* (Jack là một cái tên thông thường nhất ở nước Anh.)



- <sup>15</sup> *Barbe-Bleue*, nhân vật truyện của nhà văn Pháp Charles Perrault (1628-1703), lần lượt giết sáu người vợ và giấu bí mật của mình trong một căn phòng khóa kín.
- <sup>16</sup> "Đôi uyên ương thành Vérone" (tiếng Ý, Verona) chính ra là Romeo và Juliet, nhân vật của văn hào Anh William Shakespeare (1564-1616).
- <sup>17</sup> Tiếng Anh trong nguyên tác, có nghĩa : một chuyện tình.
- <sup>18</sup> Tục ngữ A-Rập có câu "Chó sủa, đoàn lữ hành vẫn qua".
- <sup>19</sup> Tiếng Anh trong nguyên tác, có nghĩa : "Chính tôi cũng là người lạ ở đây."
- <sup>20</sup> Georg Philipp Harsdörfer, thi sĩ Đức (1607-1658), người sáng lập tại thành phố Nürnberg một hội thơ, là tác giả một tập sách lí thuyết về thơ, mang tựa đề châm biếm *Poetischer Trichter, die Teutsche Dicht und Reimkunst, ohne Behuf der Lateinischen Sprache, in sechs Stunden einzugiesen* (Một cái Phễu thơ để truyền nghệ thuật thơ và văn của Đức, không nhờ đến tiếng La-tinh, trong sáu giờ). Sau này hình ảnh đó trở thành ngạn ngữ trong tiếng Đức : kẻ ngu dốt thì lấy phễu rót khôn vào đầu nó.
- <sup>21</sup> *La Belle au bois dormant* (Người đẹp ngủ trong rừng), truyện của Charles Perrault (xem chú thích số 15) : một nàng công chúa bị một bà tiên làm phép ngủ 100 năm, chỉ được giải thoát khi hoàng tử tìm đến, đặt lên môi cái hôn.
- <sup>22</sup> Kinh Cựu Ước của đạo Do Thái nói rằng Thượng Đế tạo ra muôn loài trong sáu ngày, đến ngày thứ bảy thì nghỉ ngơi. Câu "...cho là được lắm" là dịch nguyên văn trong Cựu Ước.
- <sup>23</sup> François Đệ Nhất, vua nước Pháp, trị vì từ năm 1515 đến năm 1547, đã đưa tiếng Pháp thay thế tiếng La-tinh trong các văn bản hành chính, pháp lí.
- <sup>24</sup> Tên *Monnier* gần đồng âm với động từ *monnayer*, ra giá, đòi trả giá.
- <sup>25</sup> Truyền thuyết châu Âu kể rằng thời trung cổ, pháp sư Faust bán linh hồn cho quỷ Méphistophélès đổi lấy tri thức, quyền năng, của cải trần gian.
- <sup>26</sup> Nhà văn Pháp Antoine de Saint-Exupéry (1900-1944) viết trong cuốn *Terre des Hommes* (Cõi người ta) : "*Aimer, ce n'est pas se regarder l'un l'autre, c'est regarder ensemble dans la même direction*" (Yêu không phải là nhìn nhau, nhưng là cùng nhìn về một hướng).
- <sup>27</sup> Vésuve (Vesuvio), tên một ngọn núi lửa tại nước Ý.
- <sup>28</sup> Tiếng Anh trong nguyên tác, có nghĩa : "Tim em thuộc về cha", "Người đi rồi! Người đi rồi!" và "Người tình mất đầu của em!"
- <sup>29</sup> *Người chồng muôn thuở*, tựa đề một tiểu thuyết (*Vechny muzh*) của văn hào Nga Fyodor M. Dostoyevsky (1821-1881). Truyện giữa một người chồng bị cấm sùng và người tình cũ của vợ.
- <sup>30</sup> Tiếng Anh trong nguyên tác, có nghĩa : "Em có cô đơn đêm nay ?" và "Anh sẽ trở lại chẳng...?"
- <sup>31</sup> Tiếng Anh trong nguyên tác, có nghĩa : "Em muốn được anh yêu, chỉ anh thôi !" và "Không ai khác ngoài anh".

<sup>32</sup> Phim của đạo diễn người Anh Carol Reed (1906-1976), thực hiện năm 1947. Tựa đề của phim lấy từ trò chơi *Odd Man Out*, một trò chơi tìm và gạt bỏ người hay vật khác với những người hay vật khác.